N° 188 Avril 1933

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

# TÁN-DƯƠNG QUYỂN SÁCH (1)

Sự tiến-bộ của cả cái thế-giới hình-nhi-thượng ngày nay là tựa vào quyển sách, và cái cuộc đời êm-ái siêu-thoát ra ngoài cõi vật-chất mà ta gọi là cuộc đời văn-minh đó, nếu không có quyển sách thời cũng không thể thành được.

Chỉ thời-hồ một đôi khi ta mới nhận-chân mà biết cái sức mạnh của quyển sách nó mở rộng nhỡn-giới cho tâm-hồn ta và sắp-đặt cho cuộc đời riêng của ta ; mà những khi khám-phá như vậy thường cũng chỉ trong khoảnh-khắc mà thôi. Quyển sách đối với ta đã bao lâu nay thành một vật thường quá, khiến cho ta không còn biết cảm cái công của nó thiêng-liêng mầu-nhiệm là dường nào. Tức cũng như trong khi hô-hấp, ta không biết rằng mỗi cái thở là có hút dưỡng-khí vào trong thân-thể, hòa với máu một cách mầu-nhiệm mà làm cho máu được tươi-tốt thêm lên, nay ta đọc sách ta cũng không nhận biết rằng con mắt ta đọc đó là nuốt lấy một thứ đồ ăn tinh-thần để bồ-dưỡng cho tâm-hồn ta.

Nguồn gốc của sự trí-dục là xa thẳm tự mấy mươi đời, thành ra việc đọc sách ta đã hầu coi như một cái chức-vụ liền với bản-thân ta, một sự tác-dụng phản-động (*réflexe*) tự-nhiên vậy. Kể từ lớp sơ-học đồng-ấu, quyển sách vẫn ở liền trên tay, nên đã lâu nay vẫn coi như một cái yếu-phẩm cố-hữu của người ta, một cái đồ-vật mà tự lẽ thiên-nhiên an-bài ra đấy cho ta dùng vậy. Thường-thường ta cầm lấy quyển sách cũng điềm-nhiên như cầm cái áo mặc, đôi bao tay, điếu thuốc lá hay đồ-vật gì thường dùng vậy. Phàm vật dùng mà được có sẵn dễ-dàng thời không biết quí-trọng nữa, chỉ những lúc nào suy-nghĩ xã-xôi mới biết cái giá-trị đặc-biệt của nó. Những lúc ta trầm-tư mặc-tưởng, tự ngẫm-nghĩ một mình mới cảm biết cái sức mạnh thần-thông, cái thế-lực thâm-trầm của quyển sách nó thấm-thía cả cuộc đời ta, đến nỗi ta sinh-trưởng ở giữa thế-kỷ thứ 20 này mà ví không có quyển sách nó cảm-hóa một cách mầu-nhiệm thì hình như cái cuộc nội-tâm-sinh-hoạt của ta không còn nữa vậy.

Những lúc trầm-tư mặc-tưởng ấy thật là ít lắm, nhưng chính vì ít có cho nên thường in sâu vào trong trí nhớ ta. Có khi đến bao nhiêu năm không quên. Bởi thế nên hiện nay tôi còn nhớ đích rõ cái ngày, cái giờ, cái nơi mà tôi khoát-nhiên giác-ngộ, khám-phá được cái giây liên-lạc thâm-trần hoạt-bát nó nối cái thế-giới nội-tâm của ta với cái thế-giới hữu-hình mà vô-hình của quyển sách.

Tôi xin phép thuật lại cái khoảnh-khắc tinh-thần giác-ngộ đó, vì tuy là một sự nghiệm riêng của mình, nhưng cũng có ý-nghĩa siêu-việt ra ngoài bản-thân một người vậy.

(1) Dịch một bài luận-thuyết của văn-sĩ STEFAN ZWEIG.

.˙.

Bấy giờ tôi ước 26 tuổi. Tôi đã xuất-bản mấy quyển sách, cho nên cũng đã tự-nghiệm mà biết một cái tư-tưởng phảng-phất mơ-màng phải biến-hóa một cách mầu-nhiệm thế nào, qua bao nhiêu trình-độ chắt-lọc chung-đúc rồi cứu-cánh mới thành một khối giấy đóng bìa tử-tế, mệnh-danh là quyển sách, tức là một vật có thể mua được, có đề giá hẳn-hoi, một vật coi như không có tâm-ý gì cả, bày ra ngoài hàng, sau cái cửa kính, như các thứ hàng-hóa khác vậy. Tuy-nhiên vật đó quả có linh-hồn, có sinh-hoạt, đem ra bán rao mà vẫn có tính-cách độc-lập, bán vào tay ai, là của người ấy. Người ấy muốn tò-mò mà giở qua hay sốt-sắng mà đọc kỹ cũng được; nhưng có biết hưởng-thụ, biết khoái-trá thì mới thật là làm chủ-nhân quyển sách một cách quả-quyết hoàn-toàn vậy.

Vậy thời hồi bấy giờ tôi đã có quan-niệm về cái công-dụng lạ-lùng kia, có thể gọi là cái công-dụng « hóa-thể » (*transsubstantiation*) như trong đạo Gia-tô, nó khiến cho các phần-tử trong bản-thể, trong vận-mệnh, trong tình-cảm, trong thần-trí của ta như truyền-biến sang huyết-mạch, vận-mệnh, tình cảm cùng thần-trí của kẻ khác. Tuy-nhiên bấy giờ tôi cũng chưa nghiệm được hết cái sức mạnh lớn-lao mầu nhiệm của một tờ giấy in nó cảm-hóa đến tâm-hồn người ta thế nào, tôi chỉ mới phảng-phất tư-tưởng đến mà thôi, chưa từng suy-nghĩ sâu-xa vậy. Kịp đến cái ngày cái giờ tôi sẽ thuật sau đây, thời tôi mới hốt-nhiên giác-ngộ vậy.

.˙.

Khi ấy tôi đương lữ-hành trong Địa-trung-hải, trên một chiếc thuyền khách của Ý-đại-lợi, đi từ *Gênes* đến *Naples*, từ *Naples* đến *Tunis*, rồi từ đó ra *Alger*. Trong tầu hầu như không có khách nào cả. Tôi bèn gọi nói chuyện với một tên thiếu-niên Ý-đại-lợi làm phụ cho tên bồi phòng. Công-việc của hắn là phải quét dọn những nơi đường đi lối lại ở giữa các phòng, phải đánh chùi trên boong cho bóng loáng, cùng làm những việc lặt-vặt như vậy, tức là những việc mà trong cái trật-tự các công-việc của loài người gọi tên cho là những việc sai-phái ti-tiện. Tên thiếu-niên đó người thật khôi-ngô, sức vóc vạm-vỡ, sắc mặt ngăm-ngăm, con mắt đen nháy, hàm răng trắng toát, mỗi khi hả miệng cười lại càng trông rõ, đứng mà nhìn một trang thiếu-niên như vậy, thật cũng sướng mắt. Mà hắn ưa cười luôn, lại cũng hay nói luôn, giọng nói như tiếng hát mà nói mau, thường vừa nói lại vừa cử-động, có vẻ linh-hoạt lắm. Hắn có cái bộ thần-tình, bắt-chước được cả cách-điệu của mọi người mà xoay ra lối khôi-hài để bỡn-cợt cả: khi thời bắt chước cái lối nói của ông chủ tầu miệng đã rụng mất nhiều răng; khi thời bắt-chước cái bộ đi của ông lão Anh-cát-lợi nọ thường đi dạo trên boong, thân hình cứng-cỏi, mà cái vai bên tả cứ xô đi trước; lại khi thời bắt-chước cái dáng anh đầu-bếp sau khi khách ăn cơm tối xong hay ra diễu trước mặt khách, hình như ngắm cái bụng của họ mình mới cho ăn được no-nê, lấy làm khoái lắm. Nói chuyện dông-dài với tên thiếu-niên quê mùa cũng thú, cái đầu tóc nó bóng loáng, cánh tay nó đầy những nét vẽ văn-thân. Chính nó nói rằng quê nó ở quần-đảo *Lipari*, trong bao nhiêu năm nó chỉ chăn cừu ở đó, coi nó thật-thà hiền-lành như một con thú nhỏ ở cõi sơn-lâm vậy. Nó hiểu ngay rằng tôi có lòng yêu mến nó và ưa nói chuyện với nó hơn là với mọi người khác ở trên tầu. Nó có chuyện gì nó nói cả với tôi, nó thật-thà không giấu-diếm gì. Cách hai ngày đi bể thời hai người thành như một đôi bạn thân vậy.

∴

Chợt một đêm thấy hốt-nhiên như có một bức tường phân-biệt hai người với nhau. Bấy giờ tầu vừa đỗ ở *Naples*, ghé vào lấy than, lấy khách, lấy rau, lấy thơ, là những món đồ ăn thường của tầu, lấy xong rồi lại đi. Núi *Pausilipe* cao vòi-vọi coi đã thấp bé như cái đồi con, còn những mây quấn-quít ở chung quanh núi lửa *Vésuve*, thời trông xa như những sợi khói ở một điếu thuốc lá bay lên. Bỗng chốc thấy GIOVANNI (đó là tên của tên thiếu-niên Ý-đại-lợi) sực đến cạnh mình tôi, miệng tươi-cười hớn-hở. Tay cầm một cái thơ đã nát, đưa cho tôi một cách đắc-chí lắm, mà nhờ tôi đọc hộ cho.

Trước tôi còn chưa hiểu. Tôi tưởng là thơ bằng chữ ngoại-quốc, chữ Pháp hay chữ Đức, chắc là thơ của ả nào gửi cho hắn; vì hắn đẹp trai như vậy, tôi đoán tất là có nhiều gái ưa. Có lẽ hắn muốn nhờ tôi dịch cái thơ ấy ra tiếng Ý-đại-lợi chăng. Nhưng mà không, chính cái thơ, viết bằng chữ Ý-đại-lợi. Vậy thời hắn muốn nhờ chi tôi? Có phải muốn cho tôi đọc để nghe cho khoái trí chẳng? Không. Hắn nói ra ý nóng-nẩy, muốn cho tôi đọc mau lên để cho hắn nghe kia. Bấy giờ tôi mới thốt-nhiên mà hiểu rõ: tên thiếu-niên coi mặt khôi-ngô tuấn-tú đó, té ra không biết chữ, chính là thuộc vào hạng 6 phần hay 7 phần trăm người Ý, theo như số thống-kế đã kê ra, là hạng người không biết đọc vậy. Tên thiếu-niên này chính là một kẻ bất-thức-tự (*analphabète*). Bấy giờ tôi nghĩ đi nghĩ lại, từ xưa đến giờ chưa từng nói chuyện với một người nào là vào hạng bất-thức-tự như vậy. Giống này ở Âu-châu mỗi ngày một hết dần đi. GIOVANNI thật là người Âu-châu thứ nhất tôi được gặp mà không biết chữ vậy. Bấy giờ tôi nhìn hắn, con mắt tôi chắc là lấy làm lạ-lùng lắm, không phải như nhìn một người bè-bạn nào, thật như nhìn một cái vật kỳ vậy.

Cố-nhiên là tôi cầm lấy cái thơ đọc cho hắn nghe. Thơ là thơ của một ả Đào ả Lý nào nói những chuyện thường của con gái nói cho con trai nghe, dù nước nào tiếng nào cũng vậy. Trong khi tôi đọc thời hắn nhìn miệng tôi, lấp-bấp như theo từng tiếng một, tôi thấy như hắn gắng sức để nhớ lấy từng chữ. Hắn để ý chăm-chỉ cho khỏi quên một tý gì, lấy làm khó-nhọc lắm, cái da ở trên lông mày như trùng cả lại.

Tôi đọc rồi, tôi lại đọc lại một lượt nữa, thong-thả, rõ-ràng, hắn nghe như nuốt lấy từng chữ, càng nghe càng hớn-hở, con mắt lóng-lánh, cái môi lập-bập, như một cánh hồng nhung đương mùa hạ vậy. Giữa lúc ấy thời có một viên quan phần-việc vừa đi đến, GIOVANNI liền chạy biến mất.

Chỉ có thế thôi. Nhưng sau khi hắn đi rồi, tôi mới thấy trong lòng cảm-kích. Tôi nằm vào một cái ghế dài mà ngắm cái cảnh đêm đương dịu-dàng êm-ái. Cái sự lạ-lùng tôi vừa mới phát-minh ra đó, nó làm cho tôi bứt-rứt trong lòng. Té ra lần này là lần đầu tôi mới được biết một người Âu-châu không biết chữ, một người mà tôi biết là có trí thông-minh, tôi vẫn đãi như bè-bạn. Nay tôi lấy làm băn-khoăn bực-tức muốn biết một cái não bế-tắc không biết chữ như vậy thời hình-dung làm sao được cái thế-giới bên ngoài. Tôi cố tưởng-tượng một cái não không biết chữ thời nó thế nào, tôi cố dịch-địa thử làm tên thiếu-niên đó xem ra thế nào. Một con người như vậy thời cầm tờ nhật-trình mà không hiểu trong có những gì. Cầm một quyển sách là một vật nhẹ hơn gỗ, nhẹ hơn sắt, chỉ biết là một đống giấy chữ ngòng-ngoèo mà vô-dụng, cầm lên rồi lại đặt xuống, vì không

dùng được việc gì. Người đó đứng trước một hàng sách, thấy những đồ-vật xinh-xinh đẹp-đẹp, hình nó thì chữ nhật, sắc nó thì cái vàng, cái xanh, cái đỏ, cái trắng, gáy lại thếp vàng, coi cũng hay hay, nhưng khác nào như trái quả sơn, hay như bình nước hoa bịt kín, ngửi ở ngoài cái pha-lê thời sao cho biết được thơm-tho thế nào. Đứng trước kẻ đó mà đọc những tên thần-văn, thánh-thơ, như DANTE, như GŒTHE, như SHELLEY, hẳn cũng chẳng hiểu là chi-chi, dường như là những vần chết, những tiếng suông vậy. Đáng thương thay là con người đó, nó không biết cái thú đọc lên một câu văn thời trong lòng khoan-khoái biết dường nào, như vầng trăng bạc ở trong đám mây mờ nổi lên, lại cũng không biết cái cảm-động thâm-trầm khi nghe câu chuyện bi-hoan một cuộc đời thời trong lòng nó xôn-xao biết bao nhiêu. Kẻ bất-thức-tự thật là giam mình vào trong mình, vì không biết sách-vở là cái gì; nó sống một cái đời buồn-bã vô-vị như cái đời kẻ ăn lông ở lỗ ngày xưa, cách-biệt với cả thế-giới, không biết làm sao mà sống nổi, không đến nỗi bị ngạt bị tắc, hay là cắn-cọc héo-hắt đi vậy. Chỉ có con mắt cái tai ngẫu-nhiên mà cảm được sự-vật bên ngoài, vậy mà cứ nhẫn-nhục chịu được hay sao? Không được hô-hấp cái không-khí thanh-cao của cái thế-giới vô-hình, là thế-giới của sách-vở kia, mà sống được hay sao?

Tôi cố gắng hết sức để tưởng-tượng cái tình-cảnh một kẻ không biết chữ, hình như bị trục-xuất ra ngoài cái thế-giới tinh-thần, tôi cố tưởng-tượng xem cái cách ăn-ở của họ thế nào, như nhà bác-học dò-xét những di-tích các hình-tượng khắc vào đá mà tưởng-tượng cái cách ăn-ở của một người rợ PATAGON hay một người về đời dùng đá thế nào. Nhưng thực tôi không thể hiểu được cái óc cái não một người Âu-châu mà nhất-sinh không đọc một quyển sách bao giờ, tức cũng như không biểu được một người điếc làm sao mà lý-hội được âm-nhạc vậy.

⁂

Nhưng ý-thức tôi đã không thể lý-hội được một kẻ vô-thức-tự nó thế nào, tôi bèn thử tưởng-tượng xem chính đời tôi giả không có sách-vở thời nó ra thế nào. Tôi muốn trong khoảnh-khắc, thử đem hết cả những điều đã học được trong sách-vở từ đời xưa truyền lại mà gác bỏ ra ngoài, thời cái đời tôi nó ra thế nào. Nhưng mà tôi không thể được, vì hễ tôi gác bỏ ra ngoài những điều quan-niệm, kinh nghiệm, cảm-giác sở-đắc ở sách-vở cùng học-vấn bấy lâu nay, khiến cho ngoài sự kinh-lịch riêng của tôi lại biết rộng đến thế-giới bên ngoài và khiến cho ngay sự nhận-chân về bản-thân tôi cũng nhờ đó mà được rõ-rệt thêm lên, hễ tôi muốn trừ bỏ những cái đó ra ngoài thì hình như cái «bản-ngã» của tôi cũng tiêu-tán ngay đi vậy.

Dù tôi tư-tưởng về sự gì vật gì mặc lòng, cũng thấy lắm cái mối kỷ-niệm cảm-giác nó liên-lạc vào đó mà chính là sở-đắc ở sách-vở mà ra, và mỗi chữ nghe đọc lên thời hình như nó liên-hiệp với bao nhiêu những chữ đã đọc đã học từ trước đến giờ. Thí-dụ như nói đến đi *Alger* hay đi *Tunis* thời trăm nghìn những câu sách cũ tự-nhiên mà sực nhớ lại, kết-tinh vào cái tên *Alger*, tên *Tunis* đó: nào là thành *Carthage*, nào là đạo thần BAAL, nào là chuyện nàng SALAMMBÔ, nào là các cổ-tích trong sử *Tite-Live* thuật về chuyện chiến-tranh, người *Carthaginois* với người *Romains*, tướng SCIPION cùng tướng HANNIBAL giao-chiến ở *Zama*; lại nhớ cùng một cái kịch đó trong bản tuồng của GRINNPARZER, nhớ đến bức họa rực-rỡ của DELACROIX, nhớ đến thiên tả-cảnh của FLAUBERT, tích CER-

VANTÈS bị thương lại trận vây thành *Alger*, cùng biết bao chuyện khác nữa mà trong khi đọc đến hai tên *Alger* và *Tunis* tự-nhiên nó biểu-hiện ra trong trí-não, thật là gồm hai nghìn năm lịch sử chiến-tranh, gồm vô-số những hình ảnh nó trình-bày ra trong trí nhớ, hình như bao nhiêu những điều đã học được đọc được từ thủa nhỏ đến giờ ở đâu dồn lại mà họp-tập cả ở quanh một cái tên cái chữ đó vậy.

Bấy giờ tôi mới hiểu rằng cái tư-cách đặc-biệt, cái năng-lực tuyệt-luân biết tư-tưởng một cách to-tát, biết quan-niệm về nhiều các sự-vật, biết ngắm cái thế-giới ra nhiều tầng nhiều lớp, là cái đặc-quyền của những kẻ ngoài sự kinh-lịch riêng của mình, lại biết dung-hòa cả sự kinh-lịch ghi-truyền trong sử-sách, là sự kinh-lịch của các người hay đã từng sinh-trưởng về khắp các thời-đại và ở nhiều các xứ-sở khác vậy.

Tôi tưởng-tượng đến cái người không biết đọc sách thời cái quan-niệm của họ về thế-giới nó hẹp-hòi là dường nào, nghĩ đến mà rùng mình thay.

Chính như tôi sở-dĩ biết suy-nghĩ đến những điều đó, biết vui-vẻ phấn-phát mà cảm-giác được những điều đó, biết nghĩ đến cái số-phận thảng-lai của kẻ khác mà rùng mình cảm-động, tôi sở-dĩ được như thế mà tên GIOVANNI khốn-nạn kia không được như thế, há chẳng phải là nhờ ở cái sự-nghiệp văn-học của tôi dư? Vì rằng khi ta đọc sách, thời ta làm gì, há chẳng phải là khám-phá được tâm-tình của kẻ khác, dường như trông bằng mắt họ và nghĩ bằng não họ dư? Cái khoảnh-khắc khoái-lạc đó khiến cho tôi nghĩ lại mà cảm-ơn vô-cùng những cái thú tuyệt-luân nhờ của sách-vở đã ban cho; tôi nhớ đến điều này lại liền nhớ đến điều khác, lần lần lượt lượt, rồi mà những sự kỷ-niệm tốt đó xuất-hiện ra nhan-nhản như sao trên bầu trời. Tôi tưởng đến những điều nọ truyện kia đã làm cho tôi thoát khỏi cái cảnh tối-tăm dốt-nát, đã giúp cho tôi hết phân-biệt các giá-trị ở đời, đã khiến cho tôi từ khi còn là đứa trẻ đi học đã tiếp-thụ được những sự cảm-động rất mạnh nó lay-chuyển cả cái thân thiếu-niên của tôi. Tôi nghĩ trong bụng rằng chính bởi đó mà trong khi tuổi nhỏ tôi đọc sách PLUTARQUE hay những truyện phiêu-lưu nọ, thời cái hồn con trẻ của tôi, nó bồn-chồn mà nức-nỏm, tựa-hồ như tôi đương ngồi trong nhà yên-ổn mà có những kẻ trượng-phu kỳ-quặc đến lôi tôi kéo tôi ra ngoài, đem tôi vào một cõi thế-giới hoang-mang bát-ngát vậy.

Thế mới biết phần nhiều những cái thú thanh-tao ở đời, cái lòng hoài-vọng xa-xôi của người ta tức là cái phần tốt-đẹp nhất trong tâm-tính của ta, sự khao-khát cao-thượng đó là nhờ ở sách-vở mà nên cả, nó có cái khí-vị, mặn-mà khiến cho ta phải tìm cho tới cái suối trong mát kia là sự kinh-lịch của loài người để mà uống cho đỡ khát vậy. Tôi nhớ đến những khi tôi đọc sách xưa kia mà quả-quyết được những điều quan-trọng là dường nào, những khi tôi gặp-gỡ với các văn-sĩ đời xưa đã thác đi từ bao giờ mà đối với tôi lại còn quan-hệ hơn là gặp-gỡ người bạn thân hay người đàn-bà đẹp vậy. Tôi lại nhớ đến những đêm nọ nằm cùng quyển sách cũng thú-vị, cũng vui-sướng như những đêm tình-ái nồng-nàn vậy, khiến cho triền-miên mà quên cả giấc ngủ. Tôi càng nghĩ-ngợi đến những điều đó thời tôi càng lý-hội mà hiểu rằng cái thế-giới tinh-thần của ta là gồm hàng triệu những phần-tử nhỏ, tức là những sự cảm-giác rời-rạc của ta, tựu-trung chỉ có một phần là do ở sự kinh-lịch của ta do mắt ta thấy, tai ta nghe mà thôi, còn hết thảy chung-đúc lại thành chất, là ta sở-đắc ở sách-vở, ở những sự ta đã đọc được, ta đã

tiếp được của đời trước, ta đã học được của người ngoài.

Ngồi mà ngẫm-nghĩ lan-man như vậy, nó thú không biết chừng nào. Bao nhiêu những cái khoái-lạc trong khi đọc sách từ trước đến giờ mà lâu nay quên đi cả, nay lại sực nhớ đến, nhớ cái nọ, liền khơi-gợi đến cái kia. Cũng như ngắm cảnh đêm sao, càng nhìn càng thấy nhiều những ngôi sao mới mà mình chưa nhận ra, làm cho rối trí không đếm kịp nữa ; nay tôi khám-phá trong cõi thâm-tâm cũng thấy một cái cảnh trời sao như vậy, lấp-lánh không biết bao-nhiêu là ngôi sao, tưởng như cái thủ tinh-thần tạo ra trong tâm-hồn cả một cái vũ-trụ thứ nhì cũng sáng-sủa như thế-giới bên ngoài mà cùng ta luân-chuyển luôn, theo một điệu nhạc thần-tiên như khúc nhạc quân-thiên vậy. Lúc bấy giờ tôi không có quyển sách nào trên tay, chỉ tơ-tưởng đến sách-vở mà thôi, mà tưởng như sách-vở đầy quanh mình, không bao giờ chung-tình với quyển sách bằng bấy giờ, mà trong lòng thời khoan-khoái, cảm ơn quyển sách vô-cùng. Chỉ trông cái gương vô-vị của một con người không biết chữ, tức là một giống người khốn-nạn bất cụ-thể về thần-trí (*pauvre cunuque de l'esprit*), tuy mặt mũi cũng như ta mà chỉ vì một sự khuyết-điểm đó không thể phấn-phát mãnh-liệt lên, sấn bước vào cõi thế-giới cao-thượng được, chỉ trông cái gương đó mà tôi cảm biết được cái sức-mạnh thần-diệu của quyển sách hằng ngày bày tỏ cho kẻ biết đọc sách những điều u-ẩn của vũ-trụ.

⁂

Người nào đã từng một lần cảm biết cái giá-trị của sách-vở, của văn-học như vậy, dù là nhân đọc một quyển sách hay đọc nhiều sách mà cảm biết như vậy, thời nghĩ đến cái trí cạn-hẹp của nhiều người đời nay, có người biết điều phải chăng mà cũng cạn-suy nông xét, nghĩ mà tức cười buồn thay. Thường nghe có kẻ nói rằng đời nay không ai đọc sách nữa, bây giờ đã đến cái thời-kỳ máy-móc rồi, nào là máy truyền-thanh, nào là máy chớp-bóng, nào là vô-tuyến-điện, toàn là những lợi-khí để truyền-bá lời nói cùng tư-tưởng tiện-lợi hơn quyển sách biết dường nào, đã bắt đầu chiếm mất địa-vị của quyển sách rồi, chẳng bao lâu mà cái công-dụng khai-hóa của quyển sách sẽ là một câu chuyện đời xưa vậy.

Sao mà thiên-hạ suy-nghĩ hẹp-hòi như vậy, thật là mang cái tật cận-thị về tư-tưởng (*myopie d'esprit*) vậy ! Thử hỏi máy-móc nào có thể có công-dụng sâu-xa hơn hay được ngang bằng cái công-dụng mấy nghìn năm của quyển sách chưa ? Hóa-học chưa từng phát-minh được cái chất nổ nào mà phạm-vi rộng bằng, sức mạnh lớn hơn quyển sách được ; chưa hề chế ra được một cái lưỡi-thép nào sắc nhọn hơn hay một cái khối si-măng nào cũng bền hơn cái tập giấy in nhỏ-mọn kia mà ta gọi là quyển sách đó vậy. Chưa có cái điện-khí nào sáng bằng cái ánh-sáng vô-hình ở mấy quyển sách mỏng kia phác ra vậy, không có cái luồng-điện nào mạnh bằng cái luồng-điện của sách-vở kia, hễ tiếp-xúc đến thì nó làm cho lay chuyển cả tâm-hồn. Quyển sách là một vật thiên-cổ bất-dịch, qua đời nọ sang đời kia vẫn y-nguyên mà không đổi, hình-thức thời nhỏ-hẹp mà sức mạnh thời vô-cùng, quyển sách có sợ chi máy-móc ! Không nhờ có sách-vở, thời máy-móc phỏng có tiến-bộ được chăng ? Không những trong cuộc đời riêng của mỗi người, mà đâu đâu cũng vậy, sách là gồm cả sự tri-thức, là đầu cả mọi khoa-học. Người ta càng thân-cận với sách-vở, thời càng cảm sâu được cái toàn-thể của cuộc đời, vì nhờ có cái trợ-lực

vĩ-đại của sách-vở mà kẻ yêu-mến cuộc đời có thể như tự mình nhận mình ra trăm nghìn lần, không những dùng con mắt riêng của mình mà lại mượn được con mắt tinh-thần của mình biết bao nhiêu người khác nữa để mà dò-thăm, khám-phá cái vũ-trụ bao-la ở quanh mình vậy.

HỒNG-NHÂN *dịch*

---

# NGỰ-GIÁ NAM-TUẦN HÀNH-TRÌNH KÝ (1)

## II

*Ngày 26 (20 Février)*

6 giờ 25, khải Giá ngự vô Phan-rang. Ruộng dọc đàng tốt, gần chín, có chỗ đã gặt.

7 giờ 30, đến địa-đầu đạo Ninh-thuận, tại làng Hòa-diêm, có thiết phương-môn bái-hạ, quan Sứ LETREMBLE và quan Đạo Lê Thanh-Đàm đứng chờ cung nghinh. Ngự giá dừng lại.

8 giờ 10, đi ngang Hội-giao Hộ-diêm, thuộc về làng Công-thành, có thiết phương-môn bái-hạ, các cố đạo đem tín-đồ đứng cung-nghinh hai bên đàng. Ngự giá có ngừng một lát.

Gần đến đạo Ninh-thuận, có bọn giáo-sĩ Chàm cỡi ngựa chực hầu.

8 giờ rưỡi, Giá đến Ninh-thuận, Ngự vào Hành-cung, trần-thiết chỉnh-nhã. Có một cách đặc-sắc, là cột kết rồng leo toàn bằng ốc biển với đậu xanh.

9 giờ thiết triều, bái-khánh. Quan Đạo tuyên-biểu, rồi quan Sứ đọc chúc-từ, đại-ý nói : Đạo Ninh-thuận tuy nhỏ, nhưng cũng nên ghi vào lịch-sử, vì là những cái tháp thỉnh-thoảng thấy hai bên đàng, đều là dấu-vết của một dân-tộc văn-minh xưa còn lại, mà nay dân-tộc ấy lần đã hao-mòn, uổng-dõi còn lại đã hòa theo An-Nam. Dân-tộc ấy là dân-tộc Chiêm-thành, xưa cũng đã chăm về nghề nông, lo đàng dẫn-thủy. Bây giờ đàng mương nước còn để dấu chỗ này chỗ kia. Nhưng mà những đám ruộng chín như tấm nệm vàng, xanh như nền ngọc-túy, thấy ở hai bên đàng quan đó, không phải nhờ mương nước cũ đâu, đó đều là công-nghiệp của người Pháp lập hồi ở « *Tourcham* » mà lập thế đem nước về cho ruộng của người An-Nam, và nhờ có mấy cố đạo hết lòng giúm-giúp vậy. Đọc xong, Hoàng-thượng đáp từ ban khen, rồi ban huy-chương.

Khi ấy, có một người Hoa-kiều tên là Lâm Hà-Tân, người huyện Văn-xương, tỉnh Quảng-đông, quì trước sân rồng, hai tay bưng một bức thể-trục dâng lên Hoàng-thượng, ra ý chuân-thành khẩn-thiết lắm. Ngài thấy quì giữa nắng, sắc cho tùng-thần thâu lấy, và truyền cho đứng dậy, vẻ mặt mừng-rỡ lắm, liền lui ra ngoài cửa tiền kêu biểu người nhà đốt pháo. Ngài thấy tấm lòng nhiệt-thành của một người Hoa-kiều như vậy, Ngài ban khen và ban cho mọt đồng kim-tiền hạng ba. Bức thêu của người ấy dâng, chung quanh thêu mẫu đơn trĩ, song-phước, phía trên thêu mấy hàng chữ « *Cung chúc Thánh-hoàng vạn tuế* », phía dưới thêu một câu đối : « *Thánh-đức bảo thăng-bình, trạch cập bỉ đô nhân-sĩ ; Hoàng-nhân đại phu-bố, ân thi suất thổ kiều-thương*. Giữa thêu : *Quảng-đông Văn-xương kiều-dân Lâm Hà-Tân cẩn thượng* ».

---

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 182.

Khi thiết triều ban thưởng xong, Hoàng-thượng thấy thân-hào đứng chầu hai bên sân Hành-cung đông lắm. và có mười thầy tu đạo Phật người mình, đắp y-hậu, đội kỳ-lư, đứng chầu ở nơi cửa Tiền. Ngài ngự bộ với quan Khâm ra ban lời phủ-úy.

9 giờ 35, Ngự đến nhà thương.

9 giờ 40, Ngự đến Đạo, có thiết Ngự-tọa, dâng trà.

10 giờ, Ngự thăm trường học. Một trò gái đọc một bài chúc và học-trò trai diễn thể-thao. Xin lục bài chúc sau này :

« *Muôn tàu, ngàn thu một hội, thánh-chúa tuần-hành. Khai-hóa văn-minh, ân-cần học-hiệu ; Tây Nam đồng-điệu. Pháp Việt chương-trình. Đội ơn tác-thành, rà công luyện-tập. Cỗi cây vun đắp, bông lá tốt xanh, kết-quả văn-minh, Thái-bình hưởng-phúc ; sĩ lâm bái chúc : Thánh chúa ngàn năm, vạn tuế* ».

10 giờ 10, Ngự về tòa Sứ. Trước tòa có kết một cái Tháp Hồi làm phương-môn. Có mọi hai mán *Elam* và *Tà-dương* đánh nhạc múa rước. Còn người Hồi, thời có mấy giáo-sĩ chia ra hai phái đứng chầu. Một bên thời thầy « chang », thuộc về phái Bà-ni (*Mahomet hala*), tức phái Hồi-giáo, truyền từ *Arabie* mà qua. Giáo-sĩ tóc cắt, ngoài mặc áo rộng trắng, trong mặc xiêm, mũ trên bao vải trắng bằng ngang như cách mũ quan tầu thủy, choàng hầu bằng vân-kiên đỏ. Người theo đạo này, hễ khi chết thời để xây đầu về phía tây, nghĩa là xây về xứ *La Mecque*, là chỗ phát-nguyên Hồi-giáo.

Còn thầy « Châm », thuộc về phái Bà-xế (*Kâfir Brahma*). Phái này không đi cúng như là phái Bà-ni, chỉ là tu thôi, mà thờ phụng các vị thần cũng gần như phái Bà-ni, giáo-sĩ tóc bới không cúp, cũng mặc áo trắng rộng, duy mũ có khác. Mũ phía trước cắt năm miếng như mũ ngũ-hành của thầy phù-thủy. Choàng hầu thời dùng vải dỏ vắt tréo qua giữa ngực, chớ không trổ vân-kiên. Tín-đồ khi chết đem thiêu, còn thuộc về phái Bà-ni, thời chết lại chôn.

11 giờ, Ngự-thiện tại tòa Sứ.

Chiều 1 giờ, khởi Giá ngự đến sở muối Cà-ná. Có viên Quản-lý cung-đạo ngự lãm các khí-cụ và ruộng muối. Đến địa-đầu Phan-thiết có quan Sứ AUGER và quan Tuần Ngô Đình-Diệm chực nghinh-giá.

3 giờ, Ngự đến Long-hương (龍鄉社), thuộc huyện Tuy-phong, lạc-thành nhà thương mới làm. Có dân Hồi đến chầu. Quan huyện Tuy-phong đem 4 người đàn-bà Hồi múa. Cách múa theo nhịp trống đứng nhún tới nhún lui, bàn tay nắm vô ngả ra mà thôi. Phục-sức thời mặc áo dài cổ xẻ hay là cổ khoét như cổ uốm. Cổ đeo kiềng và tay đeo vòng chạm bằng vàng. Chân cũng có đeo kiềng chân. Tục Hồi, đàn-bà cưới chồng, chớ không phải đàu-ông cưới vợ, của-cải để dành cho con gái, chớ con trai chỉ cho ít nhiều chi thôi. Tức là tục mẫu-thống (*matriarcat*). Trừ những người nghèo khổ mới lấy chồng người An-Nam, vì lấy chồng người khác giống, trong làng xóm cười.

5 giờ 30, đến Phan-thiết. Khi đi dọc đàng đến địa-phận Bình-thuận, thấy cờ Long-tinh cắm luôn cả hai bên đàng cái. Đến tỉnh thân hào sĩ-nữ đứng chực cung-nghinh tỏ ý nhiệt-thành lắm. Khi đó ngài truyền hạ mui xe ngự xuống, để cho thiên-hạ cung-chiêm. Đến cửa Hành-cung, có phường nhạc người Nam-kỳ đánh bài Đăng-đàn và bài Quốc-ca chào. Ngài ngự và quan Khâm-sứ đứng trên xe đợi cho hết bản rồi mới vào Hành-cung.

6 giờ, thiết triều, bái-khánh. Thân-hào cũng được vào bái-khánh tại sân ngoài phẩm-sơn. Khi đó trời đã gần tối, đèn điện sáng choang. Trên nóc Hành-cung và mấy quyết, đều đặt đèn

điện, long-lanh rực rỡ như Ngọc-vũ, Diêu-phòng, như Kim-đài, Tử-quán, ở cung tiên vậy. Quan Tuần tuyên hạ-biểu xong, quan Sứ đọc chúc-từ. Đại-ý nói :

« *Tỉnh Bình-thuận kể về tài-chính, có phần khuếch-trương đặc-biệt, vì là nghề sinh-nhai của dân chuyên về ngư-nghệ ; lại thêm nhân-dân thời có một phần dân Chàm còn giữ phong-tục xưa, địa-thế thời cách xa đế-đô, và gần miền Nam-kỳ, ấy cho nên tình-thế khác hẳn với các tỉnh khác. Dân ở đây không có đoàn-thể cố-kết như miền Bắc, miền Trung, cũng ít có tinh-thần cựu-học nữa. Nhưng mà dân hiền-lành, biết vâng lời, biết nhân thời kiến-thiết. Từ khi họ nghe Hoàng-đế du-học về, họ vui mừng trong nước có vua. Trong lễ Vạn-thọ trước đây, họ bày cuộc chúc mừng, tỏ lòng chuân-thành, ái-đái lắm. Ngày nay, được cung-chiêm Thánh-giá ngự đến tỉnh này, họ lại vui mừng hơn nữa, vì từ triều Gia-long đến giờ, không hề có khi Ngự-giá đến đây. Họ mừng là mừng Hoàng-thượng lo cho cả thần-dân. Cho đến dân Mọi, dân Chàm, cũng tỏ lòng cảm-phục cái chánh-sách khoan hòa của Hoàng-đế rộng dung cho họ cứ giữ lấy tục xưa. Lại còn Hoa-kiều ở đây cũng nhiều, họ nghe tin Ngự giá Nam-tuần, họ cũng nô-nức lòng thành, xin dự vào cuộc nghinh-giá. Còn những Pháp-thương và Pháp-quan yên-mến tỉnh này, mà tôi thay mặt cho họ đây, cũng đều tung-hô cung-chúc Hoàng-đế trường-trị cửu-an.* »

Ngài đáp từ xong, thấy thân-hào đứng chầu đông lắm. Ngài ngự bộ ra sân, sắc cho cụ Quận Hộ-giá hiểu-dụ phủ-úy.

8 giờ, Ngự-thiện tại tòa Sứ. Xong rồi ngự ra xem đạo đèn. Học-trò An-Nam và học-trò Tàu cầm các thứ đèn đạo theo tiếng nhạc. Đèn lắm thức khéo. Trước hết một con rồng bằng vải, trong bụng có thắp đèn, dài chừng 20 thước tây, thủ-nghĩa là « long hiện vu điền », rồi đến hai con phụng nhảy múa, tức là « phụng-hoàng lai nghi », lại có « sư-tử hí-cầu » ngửa lên cúi xuống, nhảy qua nhảy lại, mà dỡn trái cầu xem ra hoạt-bát lắm. Lại có hai con lân, con lớn con nhỏ, múa nhảy, thủ nghĩa là « Kỳ-lân giáo tử ». Mỗi cái đèn có thủ nghĩa cả, không kể xiết. Xong rồi Ngự đạo xem các chiếc đò kết băng thắp đèn nhiều chiếc đẹp lắm. Ngài dùng xe ngự bộ đạo xem. Có một chiếc kết một rồng leo trong bụng thắp đèn lượn quanh một cái trụ, ngó cũng khéo. Rồi Ngài ngự về tỉnh trú-tất.

*Ngày 27 (21 Février)*

Buổi mai 8 giờ 50, khải Giá tự Hành-cung. Hai dãy phố phường, nhà nào cũng có bày bái-hạ. Lắm cái bái-hạ có kết phương-môn, hoành-ngạch cũng là một cách đặc-biệt, toàn là ốc biển gắn lại thành ra hình bông, hình chim, hình thú, thiệt lắm công-phu. Khi xe ngự đi qua, ở các lư-hương, trên bái-hạ, khói lên nghi-ngút, trầm thơm ngạt-ngào.

9 giờ, Ngự đến lạc-thành bia kỷ-niệm của hội Du-học. Giữa khi trời nắng đang nồng, mà thiên-hạ chen nhau đứng đợi cung-chiêm đông lắm. Khi ngài ngự thăng tọa thiết nơi nhà bia, có một hội-viên bước tới thềm khấu đầu tuyên đọc lời chúc, xin lục ra sau này :

« *Muôn tâu Hoàng-đế bệ-hạ,*
« *Kính bẩm quan Khâm-sứ đại-thần.*
« *Kính bẩm ông Phước-môn Quận-công*

« *Dân-tỉnh Bình-thuận chúng tôi ở về phía nam, gần miền lục-tỉnh, cây non cuốc biển, ngay thật giữ lòng ; kể từ khi đức Hiển-tôn Hoàng-đế vũ-trị Chiêm-thành, mở đất đến Phan-rang, đến khi đức Thế-tổ Cao-hoàng-đế, dẹp loạn Tây-sơn, đặt ra trấn Bình-thuận, dân chúng tôi người già kẻ trẻ, chung đội*

*một trời, tấc đất ngọn rau, cũng nhờ hạt móc, đã hơn một trăm năm nay, công-đức bình thành ai ai cũng đội.*

*« Nay nhân gặp hội văn-minh, mở-mang tri-thức, Nhà-nước lập ra hội du-học, trên có Hoàng-thượng làm chủ, lại giao cho ông Cơ-mật viện-trưởng Phước-môn Quận-công chủ-trương việc ấy, để vun trồng tài mới, cho được đông người thành tài, ngày sau vẽ lại cho dân. Quan địa-phương chúng tôi lấy lẽ phải khuyên dân giúp sức làm việc phải, chúng tôi tơ hào gọi chút, tỏ nghĩa làm dân, quan tỉnh quan tòa chúng tôi đã đem việc ấy trình thỉnh thượng-ty tâu lên Hoàng-thượng, muốn nhờ Hoàng-thượng ơn đức dồi-dào, đã ban thưởng cho chúng tôi phẩm trật, mưa móc thấm nhuần, cỏ cây hớn-hở.*

*« Nước ta Đế vương du-học mới từ Hoàng-thượng vượt trùng-dương, mười năm ở qui-quốc, muốn tỏ sự du-học là có ích cho nhân quần xã-hội, nhân đó mà khuyên bảo con dân trong nước, khiến cho hội du-học càng ngày càng lớn, người du-học càng ngày càng đông, nên Hoàng-thượng chuẩn cho lập bia làm kỷ.*

*« Nay Hoàng - thượng Nam - tuần, Ngự-giá đến Hành-cung tỉnh này, nhân dịp Hoàng-thượng ngự đến chỗ dựng bia này trước hết, mặt trời soi đến, rạng vẻ hào-quang, lại có quan Khâm-sứ đại-thần, ông Cơ-mật Viện-trưởng Phước-môn quận-công quang lâm, cùng các quan Bảo-hộ và Nam-triều, thật là rực-rỡ muôn phần, xưa nay tỉnh này chưa có. Dân chúng tôi như cỏ may gặp gió mùa xuân, xin bắt chước người đời xưa Phong-nhân chúc vua Nghiêu, đem câu tam-chúc mà dâng chúc Hoàng-thượng.*

*« Chúng tôi tên là Phan Quang-Hưởng, xin thay mặt cho các hội viên du-học tỉnh này và những người được dự thưởng đồng chúc.*

*« Đại-Nam Hoàng-đế vạn tuế,*

*« Nước Đại-Pháp,*

*« Nước Đại-Nam thái - bình thịnh-vượng muôn năm. »*

Đọc xong, quan Hộ-giá đại-thần, Phước-môn Quận-công phụng sắc đáp từ hiểu dụ và khen ngợi lòng nhiệt-thành hiếu-nghĩa của các hội-viên.

Trước bia có xây hai cái trụ biểu, có đề câu đối, xin lục sau này :

*« Bia ấy tôi con ghi dạ nhớ,*
*Hội này đất nước mở mày coi. »*

Xong rồi Hoàng-thượng ngự đến hội « Đồng-nghiệp nước mắm ». Hội này lập ra từ năm 1926, họp cả các nhà làm nước mắm, cả người Pháp và người Nam. Khi Giá đến, viên Hội-trưởng cung-nghinh và đọc tờ chúc, đại-ý bày tỏ tình-hình của hội, rồi cung-đạo Ngài ngự-lãm cách làm nước mắm, cho đến cách vô hũ gởi đi bán các nơi.

9 giờ rưỡi, Ngự-giá trường học. Hoàng-thượng muốn lãm học-trò học, nên có sắc cho cứ ở trong lớp. Có một trò ra tâu đọc một tờ chúc lục như sau này :

*« Muôn tâu Hoàng-đế,*

*« Hôm nay mông ân Thánh-giá giáng-lâm, thiệt là một điều hạnh-phúc rất lớn cho trường Phan-thiết và cho con dân thiếu-niên chúng tôi. Trong lịch-sử cái trường nhỏ-nhen này, sẽ có thêm được một trường rực-rỡ từ xưa đến nay chưa từng có.*

*« Vậy chúng tôi xin đại-diện cả thiếu-niên tỉnh Bình-thuận để kính chúc Hoàng - thượng « thọ tỷ Nam - sơn, phước như Đông-hải », và xin nguyện rằng đương lúc thanh-xuân này, cố công rèn tập để ngày sau trưởng-thành trở nên người dân trung-thành với Thánh-chúa.*

*« Muôn chúc Bảo-đại Hoàng-đế vạn-tuế !*

« *Nước Đại-Pháp và Đại-Nam thịnh trị muôn năm* ».

9 giờ 40, Ngự đến Nghĩa-từ của tứ-bang, các bang-trưởng mặc áo lễ-phục đài ra cung-nghinh. Ngài ngự thăng-tọa, một bọn nam nữ học-sinh Tàu hát bài chúc-tụng, có nhạc đánh theo. Bài hát xin lục ra đây :

« *Đại tai, hưu tai, Nam-triều đương kim Bảo-đại, hoàng.*
« *Ân trạch phổ cập ư Nam-bang.*
« *Đức bị Nghiêu, Thuấn, Võ Thang Văn Võ chi Thánh đạo,*
« *Chánh-giáo trọng luân-lý cương-thường.*
« *Bảo-đại hoàng, Bảo-đại hoàng*
« *Cụ chấn - hưng vi - đại chi tâm trường.*
« *Trị dân dĩ nhân-nghĩa, phóng hào-quang.*
«*Cung chúc Thánh-thọ chi vô-cương!*»

Và có dâng một tráp bạ-biểu nữa.

Rồi các bang-trưởng là đại-biểu Hoa-kiều ở Nam-kỳ ra, lần lượt kéo nhau ra sắp hàng một khi 4 người, đứng trước Ngự-tọa, làm lễ tam-khấu, mỗi khấu có người Tàu xướng : « dất, di, xám ». Khấu xong, lại xướng hai tiếng « thối hậu », lớp này đi ra, để cho lớp khác vô khấu, cũng xướng như trước. Rồi Ngài ngự qua xem trường học. Có bày ra giữa bàn, nào là đồ thêu, nào là đồ dệt, nào đồ vẽ, nào đồ chơi, đều là đồ thủ-công của nam, nữ học-sinh Tàu làm.

9 giờ 15, Ngài ngự đến nhà thương, vào xem các bệnh-viện, có bác-sĩ TERRISSE nghinh Giá cung-đạo ngự-lãm.

11 giờ, Ngự thiện tại dinh Tuần-vũ.

Chiều 1 giờ 40, khải-giá ngự lên Đồng-nai-thượng.

Lúa hai bên đàng đã chín nhiều, gần gặt được.

4 giờ 20, Giá đến *Djiring*. Có quan Quản-đạo Hồ Đắc-Ưng nghinh giá. Ngài Ngự ngừng lại vào tòa Đại-lý ngự giải khát một lát.

7 giờ 25, Giá đến *Dalat*, các quí-quan nghinh Giá. Ngài trú-tất tại lầu nghỉ mát của quan Khâm, còn quan Khâm-sứ lại nghỉ tại lầu nghỉ mát của phủ Toàn-quyền. Còn tùng-thần thời đã có sắp đặt các nhà khác sẵn.

8 giờ rưỡi, Ngự thiện tại tòa Đốc-lý.

*Ngày 28 (22 Février)*

8 giờ mai, thiết triều bái-khánh tại đạo Đồng-nai-thượng, vì chưa có Hoàng-cung. Quan Đạo tuyên bạ-biểu bằng quốc-ngữ, xin lục nguyên-văn sau đây :

« *Kính tâu Hoàng-đế.*

« *Chúng tôi là thần-dân tỉnh Đồng-nai-thượng, nay được cung-nghinh Thánh-giá ngự đến tỉnh chúng tôi, ngàn năm mới có một lần ; tỉnh chúng tôi là miền thượng-du, mà nay được thấy xe rồng ngự đến, vì như bóng dương-xuân dọi nơi hàn - cốc, thần-dân chúng tôi rất lấy làm hân-hạnh, được đội ơn Hoàng-đế muôn phần.*

« *Từ khi Hoàng-đế xuất-dương du-học, thần-dân chúng tôi trông mong Hoàng-đế thành-tài đạt-đức để đem chánh-sách văn minh mà khai-hóa cho quốc-dân.*

« *Từ ngày đức Hoàng-đế hồi-loan, thần-dân chúng tôi ao-ước cung-chiêm Thái-bình Thiên-tử. Nay Hoàng-đế giá hạnh đến tỉnh chúng tôi, thời thần-dân chúng tôi đều được thỏa lòng trông đợi.*

« *Tỉnh chúng tôi thiết-lập gần 40 năm nay, cả tỉnh được 13 làng An-Nam và 551 làng Mọi, dân An-Nam ước một vạn, dân Mọi ước 4 vạn. Dân An-Nam thời đủ cả dân Trung-kỳ, Nam-kỳ và Bắc-kỳ đến trú-ngụ, dân An-Nam quanh năm lo khẩn đất hoặc làm thuê các sở đồn-điền và các sở công-tác. Còn dân Mọi thời cũng đều lo cày cuốc trồng*

*trĩa chăm-chỉ làm ăn. Hai hạng dân này tuy phong-tục khác nhau, nhưng ăn ở đều hòa-thuận với nhau cả.*

*« Đất nước cũ, non sông cũ, mà tỉnh thời mới, dân cũng mới, gặp dịp đức Hoàng-đế mới hồi-loan thân-chánh là một vận-hội mới, rất rực-rỡ trong lịch-sử nước nhà. Nay tỉnh chúng tôi lại được đức Hoàng-đế Giá-hạnh mới lần này là lần trước nhất, thần dân chúng tôi rất đổi cảm-kích hoan-hô, cúi xin kính chúc đức Hoàng-đế vạn-thọ vô-cương, cửu-an trường-trị, tạo hạnh-phúc cho quốc-dân, ngõ-hầu thần-dân chúng tôi được nhờ.*

*« Nay kính tâu,*

*« Hồ Đắc-Ưng vạn bái. »*

Rồi quan Đốc-lý DARLES đọc tờ chúc, Hoàng-thượng đáp từ, rồi ban huy-chương.

8 giờ 15, Ngự đến trại lính khố-xanh.

9 giờ 15, Ngự đến nhà thương. Nhà thương ở đây tuy nhỏ, mà cách sắp đặt tử-tế.

9 giờ 40, Ngự đến trường *Petit Lycée*. Trường này dạy mấy lớp dưới chương-trình trung-học, chỉ cho con người quí-quốc học mà thôi, còn con người Nam mình không cho. Trong trường chỗ ăn chỗ ngủ đều hẳn-hoi cả.

10 giờ, Ngự đến Trường *Grand Lycée*. Trường này dạy mấy lớp trên chương-trình trung-học, cũng chỉ để cho con người Đại-Pháp thôi.

12 giờ, Ngự-thiện tại tòa Đốc-lý.

Chiều 3 giờ, Ngự quanh miền núi, rồi 3 giờ 45, đến sở khẩn của hội *Société Indochinoise des Cultures tropicales*, tại Cầu-Đất. Sở này trồng chè nhiều lắm, đứng trên núi ngó xuống, thấy chè trồng thẳng hàng với nhau, như là gạch thước, cây lên xanh um. Viên quản-lý DE LA MOUSSAYE nghinh Giá, cung-đạo Ngự lãm trong nhà máy chè, rồi ra vườn chè, lên chỗ bể chứa nước tưới làm trên chót một hòn núi, kể phần cao cách mặt biển đến hơn 1.650 thước tây. Lên trên đó ngó xuống, thấy núi nào cũng thấp nhỏ cả. Lãm xong, viên quản-lý có rước Ngự Giá đến nhà, dâng bánh và trà Ngự giải-khát.

Sở này diện-tích 946 mẫu tây, trồng chè đã được 416 mẫu tây : Trong năm 1927, trồng được 50 mẫu tây, đến ngày tháng 10 năm 1931, đã hái chè lần đầu được 4 tấn (*tonnes*) ; năm 1928, trồng được 150 mẫu tây, đến năm 1932, đã hái lần thứ hai được 10 tấn ; năm 1929, trồng được 140 mẫu tây, và năm 1930 trồng được 76 mẫu tây, dự trù số chè hái trong năm 1933, là 30 tấn.

Trong sở có nhà máy làm chè khô dựng từ ngày tháng 3 năm 1931 đến tháng 10 năm ấy xong máy chạy. Máy chè cách-thức cũng in như máy các sở chè đã nói trên này.

Nhân-công thường dùng 500 người, cả đàn-ông đàn bà.

*Dalat* cao hơn mặt biển đến 1.500 thước tây, khí-hậu mát-mẻ, gần như khí-hậu bên Tây, trời nắng mà đi đầu trần không biết nóng, vì trong da đầu cứ mát. Đêm khuya lạnh, hay có mù. Đêm có cuộc khiêu-vũ ở *Palace*, trời mù dầy lắm, cho đến nỗi cách 5 thước tây không thấy rõ người, cách 10 thước tây, không thấy rõ đèn điện. Họ nói rằng cái mù ấy hơi độc, ra đàng nhiễm lấy hay ho. Vì khí-hậu mát, nên đến mùa hè, người Pháp ưa lên hóng mát và dưỡng-bệnh. Phong-cảnh đẹp, núi toàn cây thông, không có cây gì khác. Núi thời từng đồi, từng gò, cho nên đàng đi cứ lên dốc xuống dốc luôn, không có đàng bằng, Trên mỗi gò cao, làm một sở nhà, của các công-sở, hay của tư-chủ, qui-chế khác nhau, xem cũng đẹp ; giữa chỗ khe, lại xây đập ngăn nước lại làm thành một cái hồ để làm chỗ tắm, có núi có nước, thành ra một bức vẽ thiên-nhiên. Cái đặc-sắc

**Dân Mọi ở Phú-yên**

(Đương thổi kèn và múa để đón Hoàng-đế ngự qua)

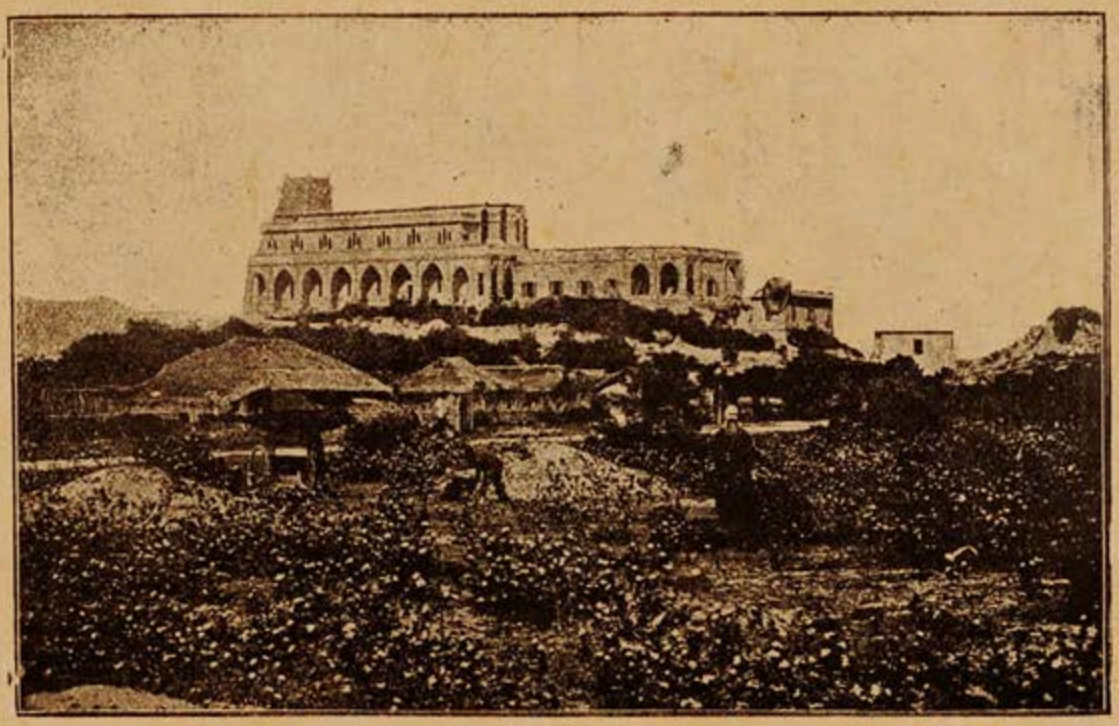

**Nhà thờ lớn ở Nha-trang**

(Đương xây chưa xong. Khi Hoàng-đế Nam-tuần có ngự đến xem)

của Lâm-viên (*Langbian*) là bông nhiều thứ đẹp, rau nhiều giống tốt. Bông thường to gần bằng cái đĩa bàn, bông cẩm-nhung to như cái đĩa tách nhỏ, sắc đẹp mùi thơm. Nhà nào cũng trồng bông xung quanh, thường leo lên vách, bông nở từng chùm, ở dưới thang bước lên, như vào tiên-động. Rau thời bắp cải to gần bằng cái nón.

Phong-cảnh đẹp, nhà cửa khéo, nhưng ngó quanh ngó quẩn chỉ thấy lâu-đài xây dựng toàn bằng kiểu tây, như tuồng đến một xứ nào lạ. Ước chi ở cảnh núi thông này, mà có một cái chùa như chùa cổ của mình, dưới mấy cây thông, trên hồ nước biếc, thời ra cũng « Sơn-thủy tùng-đình » đẹp biết chừng nào !

Xứ Lâm-viên này nguyên Bác-sĩ YERSIN tìm ra trước, sau nhà-nước mới mở-mang lần ra.

8 giờ tối, Ngự-thiện tại tòa Đốc-lý.

9 giờ rưỡi, Ngự đến *Palace*, dạ yến. Có các quí-quan và quí-phu-nhân nhảy đầm. *Palace* về cách kiến-trúc mới to lớn rộng-rãi. Trong phòng nhảy đầm, hai lớp đèn điện, một lớp trên trần, một lớp dưới trần, trên thời dận kính ngũ-sắc, lắm khi đang nhảy, vặn tắt lớp đèn dưới, chỉ để đèn trên, sáng sáng mờ mờ, lập lòe năm sắc, thấy cảnh-tượng khi ấy, như tuồng bán-ẩn bán-hiện, như gần như xa, đẹp lắm.

Đêm ấy Hoàng-đế sắc rằng :

« Trẫm mới về thân-chánh, thiết việc tỉnh-phương, nên ngày tháng 10 năm ngoái, ngự ra Thanh-hóa, nhơn tiện đi quan-phong mấy tỉnh miền bắc Trung-kỳ. Ngày tháng chạp lại tuần-hành mấy tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên. Nay ngự vào những tỉnh đạo Khánh-hòa, Ninh-thuận, Bình-thuận và các tỉnh đạo thượng-du, đã định chương-trình lục ra cho biết rồi. Ngày hôm qua ngự đến tỉnh Đồng-nai-thượng, ngày nay đã cử-hành các lễ, vậy là chương-trình xong rồi. Nay nhân khí-hậu ở *Dalat* này tạnh ráo, Trẫm muốn trú-tất ít bữa để tĩnh-dưỡng. Vậy sắc cho Phước-môn Quận-công sung Hộ-giá đại-thần và tùng-thần đến sáng mai cho về trước để làm việc quan, chỉ để Hoàng Tùng-đệ và Võ-hộ-giá với thị-vệ ở lại chầu hầu thôi. Còn Xuân-hòa-nam sung Lưu-kinh đại-thần, hễ ngày nào Đô-thống Nguyễn Hữu-Tiễn về đến nơi, thời đem kỳ-bài giao lại liền để tôn-trí như cũ, và cho vọng-bái phục mạng. Ngày nào hồi-loan, sẽ sắc điện về cho biết. Khâm thử.»

*Ngày 29 23 Février)*

7 giờ rưỡi sáng, quan Khâm-sứ với các quan tùng-thần. Cụ quận Phước-môn và các quan tùng-giá, đều từ-giã trở về Huế.

SONG-CỬ

# HỌC-THUYẾT THẦY MẠNH (1)

Thưa các ngài,

Hội Trí-tri ta từ khi sửa-sang lại nhà hội-quán, cuộc nói chuyện ít lâu đã thưa. Nay hội-quán đã xong, các ngài lại tổ-chức cuộc nói chuyện cho vui, mới rồi ông Tiễu nói về việc « Vũ-trụ kỳ-quan », bà Lê nói về « Nhân-cách phụ-nữ », đều là chuyện có hứng-thú vui tai cả. Tôi từ khi tiếp được thư quí-hội bảo tôi nói một vấn-đề gì để góp chuyện cho vui, tôi nghĩ vẩn-vơ chưa biết nói về vấn-đề gì. Nghĩ mình là một nhà nho cũ - rích, kỳ-quan đã không biết mà về mặt phụ-nữ cũng không hay, thì biết nói vấn-đề gì cho vui tai chư-tôn thính-giả được.

Chắc các ngài cũng đoán trước rằng nhà Nho thì chỉ quen giở những học-thuyết ra nói chuyện chứ gì, mà học-thuyết lại là những thuyết nhân-nghĩa, thuyết đạo-đức của thầy Mạnh, cũ-rích đã từ mấy đời triều, ai nghe cũng chán phè còn thú gì nữa mà nói.

Nhưng chúng tôi cũng thử đánh bạo mà nói cái câu chuyện trần-hủ này xem sao. Lâu nay chúng ta đã ngấy mùi bơ mùi sữa, hôm nay thử lại điểm bữa cơm rau muống nhà quê xem sao.

Đương cái buổi đời công-lợi đua chen nồng-nàn này, mà lại giở những cái thuyết nhân-nghĩa ra, thì ai chả bảo là anh đồ gàn. Đương cái buổi đời sắc-dục say-đắm mê-man này, mà lại nói những cái thuyết quả-dục thanh-tâm ra, thì ai chẳng cho là anh đồ hủ. Nhưng công-lợi đua chen nào bằng đời Chiến-quốc là đời thầy Mạnh, nào là đi du-thuyết tung-hoành để cầu phú-qui như gã Tô 蘇 Trương 張, nỡ lòng giết vợ để cầu lấy ngôi khanh-tướng (sát thê cầu tướng), như anh Ngô Khởi 吳起, công-lợi nồng-nàn biết chừng nào! Thế mà thầy Mạnh đáp Lương Huệ-vương nói rằng « *Hà tất viết lợi, diệc hữu nhân-nghĩa nhi dĩ hĩ* 何必曰利。亦有仁義而已矣 », nghĩa là không cần phải nói đến việc tư-lợi, chỉ có nhân-nghĩa mà thôi. Ý thầy cho nhân-nghĩa tức là lợi đó. Ở đời duy những kẻ bất-nhân nó mới quên cha quên mẹ, kẻ bất-nghĩa nó mới trễ nải việc nước việc vua, bất-nhân bất-nghĩa như thế thì mới là hại. Nếu người trong một nước mà hay giữ được lòng nhân-nghĩa, thì ai cũng có lương-tâm, biết nghĩa-vụ, đều là người hiếu-tử trung-thần cả, thì đều có lòng trung-quân ái-quốc, nước nào mà chẳng thịnh, ấy cái kết-quả của nhân-nghĩa như thế, lợi biết chừng nào! Nếu bỏ nhân-nghĩa đi, nhà vua chỉ mong làm thế nào cho lợi nhà vua, quan cũng chỉ mong lợi cho nhà quan, dân cũng chỉ mong lợi cho thân mình, kẻ trên người dưới đều tranh-giành nhau về mối tư-lợi ích-kỷ, cái lòng tham-lợi nồng-nàn quá như thế, không cướp được của nhau, không biết thế nào là đủ, tất sinh ra cái vạ tranh-đoạt lẫn nhau. Cầu lợi chưa thấy đâu mà đã thấy hại đến nơi. Bởi vậy thầy Mạnh muốn ra tay cứu thời-tệ mà đầu tiên gạt bỏ chữ « *lợi* 利 » đi.

Sắc-dục say đắm nào bằng đời Chiến-quốc, nào là lấy võ đập săng, gái như vợ thầy Trang, mây mưa đỉnh Giáp, trai như trai nước Sở, sắc-dục mê-man biết chừng nào! Thế mà thầy Mạnh xướng lên cái thuyết « *Dưỡng tâm mạc thiện ư quả dục* 養心莫善於寡慾 ». *Quả* nghĩa là ít, là hạn-chế cho bớt đi, *dục* là thị-dục, sắc-dục, vật-dục, tức là cái lòng tham muốn cái này cái

(1) Bài này sẽ diễn-thuyết ở Hội Trí-tri Hà-nội, ngày 4 Mai 1933.

nọ. *Quả-dục* không phải là đoạn-dục như nhà Phật, mà cũng không phải tuyệt-dục hẳn như các nhà tu-tiên. *Quả-dục* là hạn-chế cái vật-dục cho bớt đi, để dưỡng lấy cái tâm cho thanh, nếu đa-dục quá, nào là sắc đẹp mùi ngon, tham thanh chuộng lạ, cái gì cũng muốn một cách nồng-nàn, thì nó làm cho cái tâm rối beng không tĩnh-dưỡng được lúc nào, chẳng khổ lắm ru! Bởi vậy thầy Mạnh mới bảo rằng người ta phải tĩnh-dưỡng lấy cái tâm, muốn dưỡng tâm thì phải hạn-chế cái lòng ham muốn cho bớt đi mới được.

Chúng ta ở về cái buổi đời vật-chất này, so với cái đời Chiến-quốc thầy Mạnh, nào là công-lợi nồng-nàn, sắc-dục say-đắm, có phần kém hay hơn, cái đó không cần phải kể ra chi nữa. Duy đương lúc người đời lăn-lộn ở trên trường công-lợi, chán-chê mê-mỏi, mà lại nhắc đến câu chuyện nhân-nghĩa cao-thượng tưởng cũng hay yên-ủi được tâm-hồn cho thảnh-thơi một đôi chút. Người đời đương lúc say-đắm ở trong vòng vật-dục, hôn-mê trằn-trọc, mà lại chợt nghe đến câu chuyện quả-dục thanh-tâm, tưởng cũng hay khiến cho trí-não người ta tỉnh-tao được một đôi phần. Bởi vậy chúng tôi mới lấy « học-thuyết thầy Mạnh » làm câu chuyện mà nói, tưởng cũng không phải là câu chuyện canh-cần. Chứ không phải chúng tôi đã xuất-bản được hai quyển sách « *Mạnh-tử quốc-văn giải-thích* 孟子國文解釋 », (quyển thượng và quyển hạ) mà mượn câu chuyện này nói ra để phô-phang giới-thiệu làm mối hàng đâu.

Trước khi nói về học-thuyết thầy Mạnh, chúng tôi hãy xin lược nói qua về lịch-sử thầy Mạnh.

Thầy Mạnh là một vị Á-thánh ở trong Nho-tôn. Thầy tên húy là Kha 軻, tên tự là Tử-dư 子輿 người nước Châu 鄒, dòng-dõi quí-tộc nước Lỗ, họ Mạnh-Tôn 孟孫, sinh về đời Chiến-quốc trước kỷ-nguyên 372 năm. Sau đức Khổng-tử một trăm linh bảy năm; thụ-nghiệp thầy Tử-tư 子思 là đích-tôn đức Khổng-tử, nhất-thuyết bảo rằng học ở học trò thầy Tử-tư. Nay xét nước Châu gần với nước Lỗ (tỉnh Sơn-đông nước Tàu) là quê đức Khổng-tử, nên thầy Mạnh học theo đạo Khổng bằng một cách tư-thục gián-tiếp, thầy có nói rằng: « *Sở nguyện tắc học Khổng-tử* 所願則學孔子 ». Nghĩa là thầy chỉ muốn học theo đức Khổng-tử. Thầy thực là truyền được chính-tông đạo Khổng.

Khi thầy học đạo đã tinh-thông, có lòng nhiệt-thành muốn ra tay cứu-thế, mới đi du-lịch nước Tề, yết-kiến vua Tuyên-vương làm một vị tân-khách kiêm ngôi sư-phó ở nước Tề. Lúc mới vua Tuyên-vương cũng có chí hoan-nghênh, về sau không biết đại-dụng. Rồi thầy lại đi du-lịch nước Lương vào yết-kiến vua Huệ-vương. Huệ-vương cũng không tin những lời giảng đạo-đức, thuyết nhân-nghĩa của thầy là phải, cho là vu-khoát mà không thiết với sự tình. Thầy mới sang nước Đằng bảo vua Văn-công làm phép Tỉnh-địa, vua đương nghe theo thi-hành, thì vua mất, nên thầy không được thi-thố hết cái tài học ra đời.

Đời Chiến-quốc bấy giờ, nước Tần 秦 thì dùng một nhà chính-trị nghiêm-khốc là Thương-Ưởng 商鞅, nước Sở 楚 thì dùng một nhà quân-sự tàn-nhẫn là Ngô Khởi 吳起, nước Tề thì dùng một nhà mưu-lược quyền-quyệt là Tôn Tẫn 孫臏, mà Tô Tần 蘇秦 Trương Nghi 張儀 là những nhà chỉ đi du-thuyết các nước chư-hầu, để hi-vọng về đường ấm no, cũng phú-quí một thời. Thiên-hạ khi ấy đương ham chuộng những thuật tung-hoành, chỉ cốt tranh cướp quyền-lợi lẫn nhau, mà những sự kinh-lý về đường sản-nghiệp, giáo-dục về đường luân-lý cho dân, thì

không nước nào nghĩ đến cả. Thầy Mạnh khi đi diễn-thuyết với các vua chư-hầu, thì lại cứ thuật những đạo nhà Đường, nhà Ngu, tỏ công-quyền công-đức với thiên-hạ ; nói những chuyện vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Võ, bày công - đạo công - lý với muôn dân, cho nên đi đến đâu cũng không hợp. Thầy mới trở về nhà cùng với bọn học trò là Vạn-Chương 萬章 Công-Tôn Sửu 公孫丑 thuật lại những đạo học-vấn của thánh hiền để duy-trì lấy đạo-thống, mới làm ra sách *Mạnh-tử* bảy thiên: 1) Thiên *Lương-Huệ-vương* 梁惠王 thuật về những lời vấn-đáp bàn về chính-trị với vua Tuyên-vương nước Tề, Huệ-vương nước Lương, và vua Đằng Văn-công ; 2) *Công-Tôn Sửu* 公孫丑 bàn về cái cách dưỡng-khí hiệu-nhiên và cái tình trắc ẩn ; 3) *Đằng Văn-công* 滕文公 thuật về những chế-độ của thánh-nhân và đạo-đức của Khổng-tử, mà bài-xích họ Dương họ Mặc ; 4) *Ly-Lâu* 離婁 luận về đạo nhân-nghĩa, suy cho đến cùng-cực ; 5) *Vạn-Chương* 萬章 thuật về những việc của thánh-hiền như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Khổng-tử và cách giao-tế với đời ; 6) *Cáo-tử* 告子 bàn về tính thiện và chính-trị đạo-đức ; 7) *Tận-tâm* 盡心 rộng chép cả những lời nghị-luận của thầy Mạnh.

Hoặc bảo rằng sách *Mạnh-tử* là tự tay thầy Mạnh làm ra. Song tự mình biên chép lấy lời mình mà lại đề ba chữ: «*Mạnh-tử viết* 孟子曰» thì không có lẽ. Hoặc là tuy thầy Mạnh làm ra, mà cũng có phần bởi người đời sau sửa đổi phụ thêm vào.

Nay chúng ta đem sách *Mạnh-tử* ra đọc về phần Hán-văn, thì thấy văn-chương trong bảy thiên rõ thật như đúc, lời nói như chém đanh chặt sắt, lại càng biết cái học-vấn của thầy kiêm-thông cả sáu kinh, mà lý-luận rất rắn-giỏi. Nay đọc đi đọc lại câu văn lời nói của thầy lại càng tưởng thấy cái khí-tượng thầy có cái vẻ anh-nhuệ nghiêm-trang như thu-sương liệt-nhật, khí-cốt lăng-tầng, trông ra như ngọn núi Thái-sơn vách đá chơm-chởm cao ngất nghìn trượng ; khác với khí-tượng đức Khổng-tử ôn-hòa nhuần-nhã như chiều gió ấm, như hạt mưa xuân.

Người học-giả đọc sách thánh-hiền cũng nên nhận biết cái khí-tượng của thánh-hiền thì mới biết đường học-vấn được

Nay xin nói về thuyết triết-học của thầy Mạnh : Thầy Mạnh nói triết-học chỉ cốt về đường đạo-đức thực-tiễn, chứ không bàn xét về triết-học viển-vông. Thuyết triết-học của thầy tường nhất là luận về tính thiện 性善, thầy nói rằng: « Tính người ta vốn là bản-thiện, cũng như nước chảy xuống chỗ trũng, không người nào là tính chẳng thiện, cũng như không nước nào là chẳng chảy xô xuống chỗ thấp ». Cáo-tử cho tính người ta cũng như nước chảy quanh, khoi sang đông thì chảy qua về đàng đông, khoi sang tây thì chảy qua về đàng tây ; tính người muốn thiện cũng được, mà ác cũng được, cũng như nước muốn đông thì đông, muốn tây thì tây, không phân-biệt gì cả. Thầy Mạnh bác lại rằng : « Nước chảy đã đành là không phân đông tây, nhưng nó không phân-biệt chỗ cao chỗ thấp là gì, bao giờ nước nó cũng chảy chỗ thấp, tức như tính người bao giờ cũng bản-thiện vậy ».

Thầy Mạnh luận về tính thiện viện-dẫn ra có hai lẽ : Một là chứng lời kinh *Dịch* rằng : « Trong vũ-trụ một khí âm một khí dương hợp lại là đạo ; tiếp-thụ lấy cái đạo ấy là thiện, thành ra quen là tính 一陰一陽之謂道。繼之者善也。成之者性也。» Sách *Luận-ngữ* rằng : « Tính người ta gần giống nhau vốn là thiện cả ; duy bởi tập-nhiễm mới sinh ra xa khác nhau 性相近也。習相遠也。» *Trung-dung* rằng:

« Mệnh trời phú cho người ta cái lẽ nhân nghĩa lễ trí ấy là tính, cứ noi theo cái tính tự-nhiên ấy mà làm là đạo 天命之謂性率性之謂道。» Tuy rằng những lời chứng-dẫn trên ấy chưa nói rõ là tính thiện, nhưng cũng đã ám-nhận là tính thiện rồi. Hai là thầy Mạnh lại chứng về sự-thực, cho rằng : « Người ta ai cũng có lòng bất-nhẫn, như là khi trông thấy đứa trẻ con sắp ngã xuống giếng, ai cũng phải chột dạ thương xót đứa trẻ, không phải là muốn làm thân với cha mẹ nó mà thương, không phải là muốn cầu tiếng khen với làng xóm mà thương, mà cũng không phải là vì ghét cái tiếng bất-nhân mà phải giả-cách thương đâu, nguyên trong tâm người ta ai cũng có sẵn cái lòng tự-nhiên thương người, cái lòng thương đó tức là đầu mối điều nhân. Suy ra mà xét thì ai cũng sẵn có lòng hổ-thẹn điều xấu, tức là đầu mối điều nghĩa ; cái lòng nhún-nhường lễ-phép, tức là đầu mối điều lễ ; ai cũng sẵn có cái lòng biết phân-biệt điều phải điều trái, tức là đầu mối trí khôn ; xem thế thì trong tâm người ta ai cũng sẵn có bốn cái đức-tính : nhân, nghĩa, lễ, trí, ấy tức là tứ-đoan 四端, thì biết tính người ta ai cũng bản-thiện ».

Thầy Mạnh nói bản-tính người ta có đủ bốn đức, kiêm cả đức tín nữa là năm, mà trọng nhất là đức nhân nghĩa ; vì người ta có lòng thương xót bất-nhẫn ấy tức là lòng nhân ; là thuộc về mối cảm-tình ; cái lòng biết xấu hổ chẳng thèm làm điều xấu, tức là lòng nghĩa, là thuộc về mối lý-tính. Người ta hay khuếch-sung cái lòng nhân-nghĩa ấy ra cho rộng, thì không đến nỗi tàn-nhẫn làm càn. Thầy Mạnh mà nói tính thiện là cốt bảo người ta phải khuếch-sung cái thiện-tâm ấy ra, mới thành nhân-cách được. Khác với Tuân-tử lại bảo người tính ác, thì cốt ở khắc-trị cái tính ác ấy đi.

Thầy Mạnh lại nói rằng : « Người ta sinh ra, cái sự gì chẳng đợi học-tập mà tự mình làm được, tức là cái lương-năng 良能 ; cái lẽ gì chẳng đợi nghĩ-ngợi mà tự mình biết được, tức là cái lương-tri 良知. Cái lương-năng lương-tri đó tức là điều thiện bản-nhiên tự trời phú cho, mà tự mình hay, tự mình biết. Xem như đứa trẻ con kia không đứa nào chẳng biết yêu cha mẹ nó ; khi nó lớn lên, không đứa nào chẳng biết kính anh nó. Cái lòng biết yêu biết kính đó, tức là cái lương-tri lương-năng của loài người, lòng yêu cha đó tức là lòng nhân, lòng kính trưởng đó tức là điều nghĩa. Nhân nghĩa vốn là cái bản-tính trí-năng của người ta ai cũng có, thế thì tính ai là chẳng thiện ».

Người ta đã có cái lương-tri là trí biết sẵn, cái lương-năng là tài giỏi sẵn, thì còn cần gì phải học nữa. Nhưng hòn ngọc tốt kia còn phải rũa mãi mới thành được, cái kính trong kia còn phải lau luôn mới sáng được. Thế thì người ta tuy có cái lương-tri lương-năng cũng còn cần phải suy cho cùng cái biết cái hay của mình, thì còn cần phải học cho trí-tri, tức là « trí lương-tri 致良知 », trọng tại nghĩa chữ « *trí* 致 » là làm cho cái lương-tri nó thường sáng tỏ luôn, mà dụng-công cách-trí suy cho biết đến cùng. Hội Trí-tri ta tức là lấy về cái nghĩa ấy.

Thầy Mạnh đã dựng lên cái thuyết tính thiện như trên, thì tính người ta ai cũng thiện, trong cõi đời lẽ ra không có người ác nữa thì phải. Sao trong thế-gian vẫn thấy vô-số là người ác, nhất là đời Chiến-quốc, biết bao nhiêu là kẻ loạn-thần tặc-tử xuất-hiện, đạo-đức đồi-bại, phong-hóa tồi-tàn, nào là tranh cướp quyền-lợi mà giết nhau, say đắm sắc-dục mà tự giết mình, thì tính thiện ở đâu.

Thầy Mạnh phải gỡ cái cớ ấy mới nói đồ cho rằng người ta mà sinh ra

ác là tại bị phải cái vật-dục nó làm hôn-mê mất tính thiện đi, cũng ví như búa rìu nó làm trụi mất mầm cây đi vậy.

Thầy Mạnh có nói rằng: « Cây ở trái núi Ngưu-sơn kia, nó vốn xanh tốt; vì nó gần ở nơi thành-thị, nên bị nhiều người đem búa rìu ra chặt đốn luôn, thì cây mọc tốt sao được. Song còn cỗi rễ nó mọc lên, ngày đêm sinh-trưởng, mưa móc tưới nhuần, nó cũng vẫn còn chồi nhánh đâm ra. Nhưng lại bị phải trâu dê nó đến phá, nên cây núi mới trụi sạch như thế kia. Người ta thấy trái núi nó trụi sạch như vậy, cho rằng trái núi kia nó vốn không có cây gỗ nào, có phải là cái bản-tính của núi ấy như thế đâu.

« Cũng ví như người ta lúc mới sinh ra vốn có cái lương-tâm nhân-nghĩa, chỉ vì vật-dục nó làm phóng mất cái lương-tâm đi, cũng như rìu búa nó làm trụi mất cây đi, ngày nào cũng đẵn phá đi mãi, thì thế nào cho mọc lên được. Nhưng còn chút mầm thiện-tâm nó chưa mất hẳn, cũng ví như cái cây vẫn còn mầm, lúc tĩnh-mịch nó lại hồi-tâm tươi-tỉnh lên, như những lúc bình-minh buổi sớm, khi còn tĩnh, tâm còn thanh, cái mầm nhân-nghĩa lương-tâm nó cũng hồi-tỉnh được đôi chút, nhưng đến ban ngày lại bị biết bao nhiêu là vật-dục nó cùm trói cái lương-tâm ấy nó đem đi mãi, đem dắt đi mãi thì cái thần-khí trong-sạch lúc ban đêm lại mờ-tối đi, cái tâm lại sinh xằng, không khác gì loài cầm-thú. Người ta thấy con người kia nhân-diện mà thú-tâm, mới nghĩ rằng con người kia chửa từng có lương-tâm bản-thiện bao giờ, nào có phải cái bản-tính người ấy nó vẫn như thế đâu.

« Phải biết rằng cái tâm-tính người ta nó vốn bản-thiện, phải nên giữ-gìn ấy cái tâm mới được, cũng ví như cây núi kia, biết giữ-gìn nuôi nó thì nó mới sinh-trưởng được, nếu chẳng biết giữ-gìn nuôi nó thì nó tất phải tiêu mòn đi ».

Ông Khổng có nói rằng:

*Tâm ta xuất nhập vô-thường,*
*Khi đi khi ở quê hương chốn nào?*
*Dưỡng tâm cho khéo kẻo nao,*
*Bỏ đi thì mất, giữ vào cho yên.*

Đó là nói cái tâm người ta, biết giữ-gìn thì còn, bỏ đi thì mất, nó ra vào chẳng biết lúc nào, chẳng ai biết quê-hương nó nơi nao cả. Để khuyên người ta lúc nào cũng phải tĩnh-dưỡng lấy cái lương-tâm, khiến cho khí-định thần-thanh, đừng để cho cái thằng vật-dục nó lẻn vào, nó dẫn-dụ cái lương-tâm đi mất, thì là người xằng, người ác, mới không còn có tính thiện nữa,

Vậy nên thầy Mạnh bảo rằng: « Muốn nuôi cái tâm nghĩa-lý, không gì hơn là hạn-chế bớt lòng thị-dục, thì mới hay giữ được cái tâm; nếu nhiều thị-dục quá, thì ít khi giữ được cái tâm vậy. »

Đó là nói người ta mà nhiều lòng ham-muốn quá, thì con dê thị-dục, cái búa tham-lam, nó làm cho trụi mất cái mầm tính-thiện đi, cái tâm chỉ trì-trục về vật-dục, còn khi nào được nghỉ-ngơi để tĩnh-dưỡng lấy cái tâm cho thanh được nữa. Bởi vậy người ta phải có học-vấn để mà tu-trì.

Thầy Mạnh luận về cách học-vấn tu-vi, thì cốt tu làm sao cho đem lại được bản-tính. Nay xét thầy Mạnh kể ra cái công-phu học-hành phải cốt có sáu điều: 1) *Cầu-phóng-tâm* 求放心 là phải tìm cái phóng-tâm mà đem nó về, thì mới học được. Người ta khi khởi-niệm nghĩ xằng, muốn xằng, thì cái bản-tâm thiêng-liêng nó phóng đi mất, thầy Mạnh cho lúc đó là phóng-tâm, là cái tâm nó lồng chạy đi mất. Thầy Mạnh có nói: « Điều nhân, tức là cái tâm ta, để làm chủ-tể muôn việc. Điều nghĩa tức là cái đường chính của

ta. Thế mà người ta thường hay bỏ đường chính mà chẳng noi theo; phóng cái tâm mình đi mà chẳng biết tìm, thương thay! Nếu có con gà con chó là vật rất khinh, phóng đi, xổng đi mất thì biết tìm về, có cái tâm là rất trọng, phóng đi, xổng đi mất mà chẳng biết tìm về; thì còn học-hành sao được. Cái điều cần nhất trong sự học-vấn là trước phải tìm cái phóng-tâm về. »

Ấy thầy Mạnh bảo học-trò nên đem cái phóng-tâm về, thì tự-nhiên chí-khí thanh-minh, nghĩa-lý rõ rệt, tự-khắc là học tiến lên đường cao-minh.

2) *Quả-dục* 寡慾 là hạn-chế bụng thị-dục cho bớt đi như trên đã nói.

3) *Tồn-dạ-khí* 存夜氣 là phải giữ lấy cái khí lúc bình-minh buổi sáng, lương-tâm phát-hiện, chưa mờ ám về vật-dục, tinh-thần nó còn thuần-khiết, thì mới giữ được cái lương-tâm. Chớ đừng để cho vật-dục nó làm hãm-hại mất lương-tâm, như búa rìu trâu dê nó làm trụi mất cả mầm cây đi, như trên đã nói.

4) *Tri-ngôn* 知言 là xét biết bốn cái bệnh của lời nói mà bỏ đi. Bốn cái bệnh của lời nói: 1) *Bí từ* 詖辭 là lời thiên lệch; 2) *Dâm-từ* 淫辭 là lời dâm-đãng; 3) *Tà từ* 邪辭 là lời mếch lệch cong queo; 4) *Độn từ* 遁辭 là lời luẩn-quẩn lúng-túng. *Bí, dâm, tà, độn* là bốn cái bệnh của lời nói. Lời nói người ta là xuất tự trong tâm. Nếu lời nói mà thiên-lệch thì biết ngay trong tâm nó mờ tối, lời nói mà dâm-đãng thì biết ngay trong tâm nó chìm đắm; lời nói mà mếch-lệch cong-queo, thì biết ngay trong tâm nó lìa trái, lời nói mà luẩn-quẩn lúng-túng thì biết ngay trong tâm nó cùng-quẫn; đó là xét lời nói mà biết được bốn cái lỗi ở trong tâm. Nhưng tâm mình phải thấu hết mọi lẽ ngôn-luận, mà không nghi-hoặc gì, thì mới hay hiểu biết được mọi lẽ vạn-vật trong thiên-hạ. Học đến như thế mới là tri-ngôn.

5) *Dưỡng-khí* 養氣 là nuôi cái khí hiệu-nhiên. Thế nào là khí hiệu-nhiên? Theo như sách *Xuân-thu luận-lý tư-tưởng-sử* của Cương-Đảo-thị 綱島氏 người Nhật « cho cái khí hiệu-nhiên là cái chân-chính dũng-khí của mình, vốn hợp với đạo-nghĩa; khác với cái dũng huyết-khí, cái dũng trí-mưu của thế-tục. » Lại theo như sách *Trung-quốc triết-học-sử giảng-thoại* thì Vũ-dã 宇野 bác-sĩ (người Nhật) bảo rằng: « Khí là gì, tuy cái khí hiệu-nhiên ấy không phải là nhục-thể, nhưng vẫn có cái ý hình như là nhục-thể; có tu-dưỡng cái nhục-thể, rồi mới hay tu-dưỡng được tinh-thần, tức là dưỡng-khí đó ».

Nói tóm lại khí hiệu-nhiên, tức là cái ý-nghĩa công-minh chính-đại, xét mình không lỗi, cúi ngửa ở trong khoảng trời đất không có hổ thẹn điều gì. Thầy Mạnh cho cái khí hiệu-nhiên ấy nó vốn chí-đại không có hạn lượng, chí-cương không chịu tỏa-khuất, người ta hay thuận nuôi nó cho hợp với đạo-nghĩa, mà không nản lòng, thì tự-nhiên nó sung-mãn hăng-hái, hay phấn-phát hữu-vi, không còn điều gì nghi-cụ cả.

Thầy Mạnh sở-dĩ hay chẳng động-tâm cũng là vì hay tri ngôn và hay dưỡng được cái khí hiệu-nhiên vậy.

6) *Khuếch-sung* 擴充 là suy cho rộng, cho sung-mãn cái bản-tính lương-tri ra. Bản-tính người ta như thế nào, phải xét qua cái tình thì mới biết được cái tính. Người ta ai cũng có cái tình thương xót, tình hổ-ghét, tình từ-chối nhún-nhường, tình biết phải biết trái, bốn cái tình ấy tức là bốn cái đầu mối hiện ra ngoài (tức là tứ-đoan 四端), thì biết trong tâm ai cũng có bốn cái đức-tính: nhân, nghĩa, lễ, trí, là cái bản-tính cố-hữu. Bản tính vốn có bốn cái đức tốt, nếu hay nhân cái tính bản-nhiên chí-thiện ấy mà khuếch-sung ra, như

là ta đã có cái đức nhân ấy, thì ta tu sao cho thành nhân-cách, ta sẵn có cái đức nghĩa thì ta ở sao cho hợp đạo-nghĩa, ta đã sẵn có cái đức trí, thì ta học sao cho cách-trí đến cùng ; ta đã sẵn có cái đức lễ, thì ta xử sao cho lễ-nhượng ôn-hòa, như thế mới là khuếch-sung, mà làm nên đến bậc thánh hiền hào-kiệt; bằng không biết khuếch-sung những đức-tính tốt ấy ra, mà để cho nó mất đi, thì là hạng người tự-khi.

Vì người ta có cái đức-tính tốt ấy nên thầy Mạnh bảo rằng: « Người ta ai cũng có cái sang cái quí ở mình, cái quí của mình tức là những điều nhân, điều nghĩa, điều trung, điều tín đó, tức là thiên-tước 天爵 đó, là những cái phẩm-tước của trời phú cho, mới thật là đáng quí. Chứ còn như những chức quan Công, quan Khanh, quan Đại-phu, thì gọi là nhân-tước 人爵 là cái phẩm tước của người ban cho mà thôi.

Thầy Mạnh bảo rằng: « Người ta hay đem những cái vinh-quí kia ban cho mình, có phải là cái quí sẵn của mình đâu. Xưa kia có nhà họ Triệu-Mạnh 趙孟 là một nhà quí-tộc có quyền-thế ở nước Tấn 晉, họ có quyền hay đem cái vinh-quí ban cho người, thì họ lại hay giật lấy cái vinh-quí ấy mà làm cho mình hèn đi. Duy người nào chẳng ham cái sang của người, mà biết tự-trọng lấy mình, biết giữ lấy cái quí sẵn của mình, mà tu lấy những điều nhân-nghĩa đạo-đức cho nó no đủ ở trong tâm mình thì còn thèm-thuồng chi cái miếng cao-lương của người nữa. Người nào đã tu được nhân-cách hoàn-toàn, tiếng hay danh tốt đã vẻ-vang ở thân mình, thì còn thèm thuồng chi cái đồ áo gấm hoa hòe, dẻ cùi tốt mã kia nữa ».

Cái lòng ham cầu sang quí ai là chẳng muốn. Nhưng cổ-nhân ngày xưa chỉ tu lấy cái thiên-tước là phẩm-tước của trời phú cho, cốt làm sao cho tư-cách hoàn-toàn, phẩm-giá cao-thượng; rồi tự khắc cái nhân-tước là cái phẩm-tước của người ban cho nó cũng tự-nhiên theo đến. Người đời nay thời trái hẳn, có tu thiên-tước chăng nữa, chỉ là đạo-đức giả, nhân-nghĩa vờ, chủ-ý cốt là mong cầu lấy cái nhân-tước mà thôi, mong sao cho được cái tiếng: Ông nọ bà kia, có chút ơn vua giấy vàng, ơn làng giấy trắng, như thế thì vẻ-vang sang quí còn gì bằng! Nếu đã được cái nhân-tước rồi, mà vẫn hay tu được cái thiên-tước cho xứng-đáng, thì thực là qui. Nhưng tiếc cho có kẻ khi đã được cái nhân-tước rồi, thôi chẳng nghĩ chi đến cái thiên-tước nữa; sinh ra kiêu-xa, phóng-túng, chẳng kể chi nhân nghĩa trung tín gì cả, rồi đến nỗi cái nhân-tước kia nó cũng mất hết cả danh-giá còn quí gì nữa. Bởi vậy người ta phải tự-bảo tự-trọng lấy cái quí ở mình, cái quí ở mình là những điều đức-tính tốt, học-vấn giỏi, phẩm-cách thanh-cao, phải học làm sao cho tu-tâm dưỡng-tính, cho đáng giá là một nhân-phẩm có tư-cách.

Nên thầy Mạnh có luận về cái học tu-tâm, dưỡng-tính bảo rằng : « Tính là gì ? Tính là cái bản-thể của tâm. Trời là gì ? Trời là nguồn gốc của tính, vì là trời phú tính cho người ta. Duy bậc thánh sinh-tri an-hành mới hay hoàn-toàn được bản-tâm mà thấu biết được bản-tính, đã thấu biết được bản-tính, thì hay thấu biết được hết lẽ trời. Đó là nhân-phẩm bậc thánh cùng hợp với trời cũng như một vậy.

Thứ đến bậc hiền là bậc học-tri lợi-hành thì còn phải giữ gìn lấy cái tâm, mà nuôi lấy cái tính, kính-cẩn vâng theo trời mà không dám trái. Đó là nhân-phẩm bậc hiền.

Dưới nữa là bậc sơ-học còn phải khốn-tri miễn-hành, cố gắng chuyên tâm làm theo điều thiện, chớ lấy cái cớ cùng, thông, thọ, yểu, mà sinh ra

nghi-hoặc nản lòng, chỉ cốt sửa mình mà yên đợi số-mệnh, tức là tu-tỉnh làm sao cho hoàn-toàn lấy tâm-tính của mình, cho khỏi phụ mệnh trời phú cho vậy. (Đoạn này là theo nghĩa Vương Dương-Minh mà diễn lời thầy Mạnh ở đầu thiên *Tận-tâm*).

Chúng ta đây còn là bậc học giả, học theo đạo thánh hiền, thì còn phải tồn-tâm dưỡng-tính, tu sao cho thành một nhân-phẩm có tư-cách, có đạo-đức, thì mới gọi là học, chứ không phải chỉ học lấy mấy câu văn-chương hão-huyền mà thôi đâu.

Tuy rằng triết-học của thầy Mạnh luận về tâm-tính, trọng về đạo-đức, nhưng thầy vẫn chú-trọng về đường kinh-tế, vẫn cho rằng việc kinh-tế rất có quan-hệ với đạo-đức, chứ không phải chỉ ngồi uống nước lã suông mà tu được đạo-đức đâu. Thầy bảo rằng: « Người sống ở đời, phải có hằng-sản mới hay giữ được hằng-tâm. Duy có hạng sĩ là hạng người học-thức, giả mà không có sản-nghiệp cũng còn cố giữ được đôi chút hằng-tâm. Đến như hạng bình-dân giả mà không có sản-nghiệp thường-thường cho no đủ, thì nó không còn có hằng-tâm gì cả. Nếu đã mất hằng-tâm đi rồi, thôi thì dông-dài càn-dỡ, điều gì mà nó chẳng dám làm ». Xem như thầy Mạnh nói thế thì không phải thầy coi khinh-thường việc kinh-tế đâu; muốn cho mọi người ai ai cũng có hằng-tâm, tức là có cái lòng đạo-đức cao-thượng, tính-hạnh đoan-chính, thì phải làm sao cho có ít nhiều hằng-sản trước đã, tức là phải có đường mưu-sinh cho no đủ, phải có cơm ăn áo mặc, cho khỏi đến nỗi túng thiếu, thì mới ngồi mà bàn nhân-nghĩa đạo-đức được. Nếu gặp phải cảnh thầy đồ kiết, con gào đói, vợ kêu rét, tức như cái cảnh câu thơ ông Tú rằng: « *Gạo cứ lệ thường một bữa một, vợ quen dạ cũ đôi năm đôi.* » Gạo lo từng bữa một đã không đủ, mà vợ con thì nheo-nhóc một đàn, tình-cảnh ấy thì thầy đồ cũng cụt cả hứng ngâm thơ; còn nói gì đến đạo-đức nữa. Thế cho nên Hứa Hành 許衡 là một nhà Nho cũng bảo rằng: « Học-giả dĩ trị sinh vi tiên vụ 學者以治生爲先務 ». Nghĩa là làm thầy đồ mà muốn lên mặt đạo-đức, trước phải cho no bụng đã. « Có thực mới vực được đạo », câu ấy thực là câu úy-ngôn.

Thầy Mạnh tuy rằng lấy việc kinh-tế làm trọng, vẫn bảo người ta phải có hằng-sản đã mới hay giữ được hằng-tâm. Nhưng đối với hạng người trong mắt chỉ biết có chữ «*lợi*» ham cầu phú-quí quá chỉ cốt vơ-vét lấy của cho nhiều, thì thầy lại coi khinh kẻ vụ-lợi ấy không khác gì chú Chích 蹠, là anh bợm trộm. Thầy bảo rằng: « Muốn biết cái nhân-phẩm của người ta hay dở thế nào, thì chỉ xét: cái tâm người ấy hay ham về điều thiện mà làm, thì biết cái phẩm người ấy về bậc ông Thuấn là hạng người hiền; cái tâm kẻ kia chỉ ham về điều lợi mà làm, thì biết cái phẩm kẻ kia về hạng chú Chích là anh bợm trộm ». Thế thì kẻ trọng tài-lợi quá có phải là đáng quí trọng đâu. Thậm-chí có kẻ chỉ chuộng cái miếng khẩu-phúc là cái nhỏ, mà quên mất cái thể lớn là cái tâm mà không biết nuôi cho trong-sạch thì ai là chẳng khinh. Xem thế thì biết thầy Mạnh tuy lấy đường tài hóa sinh-nhai làm trọng, để mà duy-trì lấy đạo-đức, nhưng trong lợi vẫn phải có nghĩa mới được.

Nay xin xét đến cái tư-tưởng chính-trị của thầy Mạnh. Thầy bảo rằng làm chính-trị chỉ cốt suy cái tâm bất-nhẫn ra để mà làm cái chính bất-nhẫn, gọi là nhân-chính 仁政, hay gọi là vương đạo. Cái phương pháp hành-chính bất-ngoại bốn chữ: « Nông tang giáo dưỡng 農桑致養 ». Tức là bảo dân chăm việc nông tang cho no đủ, rồi dạy dân lấy đạo hiếu để trung tín. Trước nhất theo phép tỉnh-điền 井田

vạch đường thiên-mạch ra làm từng khu ruộng, khoi ngòi câu-cừ để chứa nước làm ruộng, bảo dân trồng lấy dăm mẫu dâu, cấy lấy trăm mẫu lúa, để cho dân có lúa mà ăn, có lụa mà mặc, đương mùa làm ruộng đừng bắt dân đi phu phen tạp-dịch để đến nỗi ngăn-trở việc làm ruộng của dân. Tức như cái chính-sách khuyến-khóa nông-tang đời bây giờ; lại bảo dân nuôi lấy giống kê, đồn, cầu, trệ, như là giống gà mái, lợn nái, để cho nó sinh-sản ra, tức là cái cách các đồn-điền mục-súc đời bây giờ; lưới mau cấm không cho được vào đánh cá ở các ao chuôm, mùa cá có trứng không được bắt, tức là cái chính-sách bảo-hộ ngư-nghiệp đời nay, giữ cho loài cá sinh nở được nhiều; búa rìu phải có mùa mới được vào rừng đốn củi, tức là cái chính-sách bảo-hộ sâm-lâm đời nay, không cho đốn cây không đúng thước, để cho được nhiều săng gỗ mà dùng; dân chỉ cần những việc ăn uống của nhà để nuôi người sống, việc tế-tự đồ quan-quách để chôn người chết, mà thầy Mạnh hay bày ra cái chính-sách làm lợi cho dân, giúp cho dân những việc dưỡng sinh tống-tử không còn ân-hận điều gì, đó là cái nhân-chính nuôi dân cho được no đủ. Dân đã no đủ giàu có rồi, nếu không dạy bảo cho dân thì không khác gì loài cầm thú. Thầy có nói rằng: «逸居而無教。則近於禽獸 *Dật cư nhi vô giáo, tắc cận ư cầm thú*». Nên lại phải cần đến việc giáo-dục là phải lập ra nhà Tường nhà Tự để dạy cho dân biết lễ nghĩa, đó tức là cái chính-sách văn-minh đời nay, nhà-nước mở ra các nhà trường tiểu-học, trung-học để khai-hóa dạy cách phổ-thông cho dân. Ở chốn quốc-đô thì lại đặt ra nhà Quốc-học nữa, tức như trường cao-đẳng đại-học ngày nay, việc giáo-dục như thế cũng đã là hoàn-toàn chỉnh-đốn. Còn đến như các việc kiều-lương đạo-lộ thì thầy Mạnh bảo rằng trong một năm, về tháng mười-một là lúc dân rảnh việc nông thì phải bắc xong những cái cầu đi bộ, về tháng chạp thì phải bắc xong những cái cầu đi xe qua được, thế có khác gì các việc công-chính đời nay, cần trông nom đến những việc cầu cống đường sá không?

Ấy cái thuyết chính-trị của thầy Mạnh đại-lược kể ra như trên, là chỉ cốt giữ lấy dân để làm gốc cho nước. Còn như cái thuyết dân-quyền bên Âu Mĩ còn là mới về sau này, chứ thầy Mạnh đã nói ba chữ: «*Dân vi quí* 民為貴» đã tự hơn nghìn năm trước kia rồi, không cần phải giải ra chi nữa.

Thầy Mạnh lại sở-trường về cách nói thí-dụ, như vua nước Lương kia cũng chẳng tận-tâm với dân, hơn gì vua nước láng-diềng, mà lại có ý chê vua nước láng-diềng; nên thầy nói ví cũng là một phường bại-trận mà thua chạy cả, thế mà lại lấy cái anh thua chạy năm-mươi bước mà cười cái anh chạy một trăm bước kia là hèn nhát; tổng chỉ chạy gần chạy xa cũng là anh thua chạy cả, có hơn gì nhau. Lại như vua Tề Tuyên-vương hỏi cái cách không chịu làm nó như thế nào? Thầy nói ví ngay như sai thằng bé con kia bẻ cành hoa, mà nó nói không thể bẻ được, thế là cái cách không chịu làm. Vua hỏi cái cách không làm nổi được nó như thế nào? Thì thầy nói thí-dụ ngay như cắp núi Thái-sơn mà nhảy qua bể thì chịu không thể làm được, đó là cái sức không thể làm nổi được. Ấy những câu nói thí-dụ tài-tình đại-khái như thế.

Thầy Mạnh lại sở-trường về cách ngụ-ngôn, như chuyện cái anh chàng kia, cứ một ngày ăn cắp một con gà, có người bảo cái việc ấy là phi-nghĩa, nên chừa ngay đi, thì nó nói xin chừa dần, từ nay cứ một tháng ăn cắp một con, để đợi đến sang năm hãy xin chừa hẳn. Đó là ngụ cái ý răn những người đã biết lỗi mà không chịu chừa ngay.

Lại chuyện anh chàng nước Tề kia có hai vợ cùng ở một nhà. Hằng ngày anh chồng ra đi, lúc trở về thì hôm nào anh chồng cũng ra dáng rượu-thịt say no. Vợ mới hỏi thầy nó hôm nay xơi tiệc với những ai ? thì ối chà ! hết thảy là những ngài phú-quí cả ! Chị vợ-cả nghe nói, lấy làm nghi-ngờ, mới bảo riêng với chị vợ lẽ rằng : « Chồng ta hôm nào đi về, cũng thấy ra dáng rượu thịt say no, mà ta hỏi ra thì thuần là chơi-bời tiệc tùng với những ngài nào sang-trọng cả. Thế mà nhà ta chưa từng thấy có quan nào sang-trọng qua chơi, để ta thử đi lẻn dò xem chồng ta chơi những đâu ». Sáng sớm mai, chị ta lẻn đi, theo hút xem ông-chồng đi những đâu, thì thấy khắp trong thành-phố không ai cùng đứng nói chuyện với, cuối cùng thấy ông-chồng đi ra mãi ngoài khỏi cửa ô, chỗ người ta đương cúng tạ mả, mới xin lấy những đồ cúng thừa mà ăn, chưa đủ, lại đi xin nơi khác. Bà vợ mới biết ra rằng cái cách say no của anh-chồng là như thế ; vội lẻn về trước bảo với chị vợ lẽ rằng : « Chồng ta, chúng ta còn trông nhờ vào suốt đời, mà nay như thế kia, còn ngưỡng-vọng nỗi gì !» Hai vợ cùng nói mỉa chồng, rồi cùng khóc thầm với nhau ở sân nhà trong. Anh chồng ta đi vừa về, vẫn chưa biết rằng sự mình đã bại-lộ, hai vợ nó đã biết tỏng cái phú-quí ăn mày của anh rồi, mà anh ấy vẫn ra bộ nghênh-ngang tự-đắc, tự cửa ngoài đi vào, lên mặt với hai vợ.

Thầy Mạnh phán-đoán câu chuyện ngụ-ngôn trên ấy bảo rằng : « Những người làm chồng đời ấy mà phải luồn-cúi đi cầu-cạnh lấy phú-quí, nếu mà gặp phải hai vợ nó biết tỏng cái cách đê-tiện ấy ra, thì lắm khi vợ nó phải đến xấu hổ mà tủi khóc. »

Song tự ý tôi phán-đoán : về các bà vợ khác, nếu thấy ông-chồng mà cầu được phú-quí, thì có phần lại hớn-hở tươi-cười hơn, chứ chẳng khi nào lại khóc.

Ấy cái học-thuyết thầy Mạnh kể ra như trên, về thuyết triết-học thì uyên-nguyên thâm-thúy như thế nọ mà về tư-tưởng chính-trị thì lại rõ-ràng thực-hành như thế kia, mà thầy lại sở-trường về cách nói thí-dụ, lối văn ngụ-ngôn như thế đó. Trong sách *Trung-quốc luân-lý học-sử* người Nhật là Tam-phố-đẳng-tác cũng khen thầy Mạnh là một bậc cao-tài trác-kiến, biện-luận hùng-hồn, thầy Mạnh nói rằng : « Thuế đại-nhân tắc diểu chi, vật thị kỳ nguy-nguy nhiên 說大人則藐之。勿視其巍巍然。» Nghĩa là lấy một nhà Nho mà tiếp chuyện với bậc đại-nhân quyền-quí, cũng coi thường như không, đừng thấy cái bộ nguy-nga hiển-hách của họ mà sợ-hãi rụt-rè không dám nói. Vì sao mà nhà Nho lại hay có cái khí-phách hào-hùng, tự tôn, tự-trọng được như thế, là bởi cái chí bão-phụ của nhà Nho rộng lớn, không có thèm những cái mồi phú-quí bả vinh-hoa, không coi cái thế-lợi sùng-cao vào đâu cả, nên thầy lại bảo rằng : « Kẻ quyền-quí kia chỉ lấy lầu cao, thềm rộng làm sang, nếu ta mà đắc-chí ra cũng chẳng thèm làm. » Giả mà thầy sinh về đời này thì dẫu nhà lầu mấy dẫy, tiệm phố mấy tầng, thầy cũng chẳng màng chi. Thầy lại nói : « Kẻ kia lấy chiếu rượu bày vuông trượng, gái hầu hàng trăm ả làm thú, nếu ta mà đắc-chí ra cũng chẳng thèm làm. » Giả mà thầy ở về đời này, thì dẫu tiệc-khách cơm tây, ca-nhi vũ-nữ, thầy cũng chẳng thèm đoái. Thầy lại nói : « Kẻ kia lấy sự say sưa rượu chè, ruổi giong săn bắn, xe hầu hàng nghìn cỗ làm vẻ vang, nếu ta mà đắc-chí ra cũng chẳng thèm làm. » Giả mà thầy tái-thế ra ở đời văn-minh vật-chất này, thì dẫu ô-tô xe rước, sâm-banh rượu mời, thầy cũng chẳng ngốt chi những cái cách phú quí ấy. Đó là thầy tự-tin ở cái cổ-học của mình, tự trọng lấy cái phẩm-giá của mình, nên không thiết

chỉ những cách phù-hoa vật-chất, mà phải chịu lụy với đời.

Bởi thế nên thầy chẳng chịu khuất-tất đi yết-kiến các vua chư-hầu, dẫu vua Tề tôn thầy lấy ngôi sư phó, đãi thầy lấy lộc vạn-chung, mà thầy cũng từ chối. Thầy thực là một vị Nho-tôn ở phương Á-đông ta, tuy rằng thầy tồ-thuật đạo Khổng, mà lại hay tập được đại-thành, Khổng-tử chưa nói rõ nghĩa tính-thiện, mà thầy hay phát-minh ra cho rõ nghĩa tính-thiện. Khổng-tử mới nói đạo quân thần phụ tử, mà thầy nói đủ cả đạo ngũ-luân; Khổng-tử mới nói đức nhân, mà thầy nói đủ cả bốn đức: nhân, nghĩa, lễ, trí. Thầy Mạnh có nhiều cái tư-tưởng khác với Khổng-tử. Khổng-tử thì căn-cứ về học-thuyết của tiên-vương để mà phát-minh đạo-thống; thầy Mạnh lại hay suy-diễn cái tư-tưởng của thầy Tử-tư mà phát-minh ra cái nghĩa lương-tri lương-năng; Khổng-tử thì chủ về danh-phận đại-nghĩa, mà thầy Mạnh thì chủ về phương-diện cải-cách; Khổng-tử ít nói đến việc kinh-tế, mà thầy Mạnh cho việc kinh-tế có quan-hệ với đạo-đức, thường bàn đến việc kinh-tế luôn. Thầy tuy là một nhà Nho quân-tử, mà lại có cái tư-cách là một bậc vĩ-nhân hoạt-động, có cái thiên-tài chính-trị, muốn hiến-thân ra để duy-trì lấy thế-đạo nhân-tâm, chứ không phải là một nhà Nho khô-khan nhạt-nhẽo buồn tẻ như thầy đồ đạo-đức suông.

Nhà nho ta khi xưa tuy vẫn tôn-sùng học-thuyết Khổng, Mạnh, nhưng cứ giữ khư-khư ở trong mấy bộ sách nát của cổ-nhân, nay chúng ta cần phải đem học-thuyết các ngài ra mà nghiên-cứu, mà phát-minh cho hòa-đồng với cái phong-trào tư-tưởng lớn trong thế-giới, phải phiên-dịch ra thế nào làm cho cái tinh-lý thắng được cái tử-văn, chứ đừng để cho cái tử-văn nó tiêu-ma mất cả tinh-lý, là phải đem thầy Mạnh ra mà tiếp chuyện với các nhà hiền-triết đông tây, chứ đừng để trong khám thờ u-âm tịch-mịch. Thầy Mạnh mà ra dự cuộc hội đàm triết-lý ở cái « hội nghị bàn-tròn » trên thế-giới, có ông Gia-Tô, ông Phật-tổ, đông đủ cả các nhà triết-học Thái-tây, thử xem cái tài hùng-biện của một nhà chân-nho Đông-Á có kém gì ai!

Đương cái buổi phong-trào tây-học thịnh-hành này, các nhà tây-học đã thâm, ai là chẳng biết đến những học-thuyết của các bậc tây-nho, nào là thuyết *Lý-tính* của Mạnh-đức-tư-cưu (*Montesquieu*); thuyết *Động-vật tiến-hóa* của Đạt-nhĩ-văn (*Darwin*); thuyết *Triết-học* của Tư-tân-tắc (*Edmund Spencer*); thì ai cũng biết, lẽ nào học-thuyết thầy Mạnh là một thuyết triết-lý của một vị Nho-tôn ở Đông-phương, lại chẳng đem ra cống-hiến các ngài để cùng thưởng-thức hay sao? Vậy nay tôi mới lược-thuật ra đây, cũng chưa chắc đã hết được những thuyết tinh-vi của thầy Mạnh, dâu dám bì với các nhà tây-học đã tường-tận thuyết-minh được hết cả cái học-thuyết của các bậc tây-nho.

Thưa các ngài,

Thói thường người đời, phần nhiều xem các bức vẽ, cứ hay ưa mắt những nét sặc-sỡ; nhưng hôm nay chúng tôi vẽ cái bức tranh học-thuyết bằng thủy-mạc này, chỉ cốt tả lấy cái tinh-thần chất-phác, không dám điểm những nét sặc-sỡ xanh đỏ vào làm chi. Công-chúng phần nhiều đi nghe hát, vẫn hay vỗ tay những câu khôi-hài, nhưng hôm nay chúng tôi hát cái khúc tuồng học-thuyết cổ lỗ quê-mùa này, chỉ cốt lựa lấy những câu nam câu bắc lối tuồng kinh cổ, chứ không muốn pha những giọng bông-lơn nhảm-nhí vào làm chi. Vậy cũng có điều tẻ mắt chán tai chư-tôn thính-giả, xin các ngài lượng-thứ.

NGUYỄN HỮU-TIẾN

---

# VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TÚY-NGÔN

# 越南祖國粹言

XI

## XI — Trí-thức

*495 — Người khôn chóng già,*
*Người dại lần-quất vào ra tối ngày* (1).

*496 — Người khôn nhọc lo, đứa dại ăn no lại nằm* (2).

*497 — Người trên cây chẳng lo, người dưới gốc lo* (3).

*498 — Người khôn nói mánh, người dại đánh chết* (4).

*499 — Nói thì đâm năm chém mười,*
*Đến bữa tối trời không dám ra sân* (5).

*500 — Nước chảy xuôi, bè kéo ngược* (6).

*501 — Nói như nước đổ lá khoai* (7).

*502 — Nói như nước đổ đầu vịt* (8).

*503 — Nước đến chân mới nhảy* (9).

*504 — Mù dắt mù, cả hai lăn vù xuống ao* (10).

1) Đây là lời thương người khôn thì không thọ, chán cho người dại thì cứ lần-quất hết ngày ấy sang ngày khác mà sống mãi. Ý lấy làm bất-mãn với người dại nhiều lắm.

2) *Nhọc lo* là vì lo mưu suy tính công-việc nhiều mà đến nhọc. — Người khôn tuy nhọc lòng vì lo việc, nhưng sẽ được hưởng cái công thành-lập của sự-nghiệp mình để bù lại. Trái lại đứa chỉ biết ăn no lại nằm, tựa-hồ như thân nhàn tâm nhàn. Song đã không hay lo xa trách trước, tất tai-vạ sẽ đến sau lưng mà không biết, thì dại là dường nào.

3) Đây là chê kẻ cục-ngoại hay đem những điều khó-khăn nguy-hiểm để lo ngại cho người đương-cục, thực là kẻ vô-trí-thức, lấy cái lòng dút-dát của mình mà lo như thế đó thôi. Phải biết người ta đã tự bước vào cuộc, tất không lo sợ gì mới dám làm. Nay kẻ ngoài cứ lấy sự thành-bại mà lo hộ, thì có khác gì đứa đứng dưới gốc cây mà cứ lo sẽ có sự ngã gẫy lây với người đang chèo trên cây không.

4) Nói về cách giáo-dục không nên dùng hình-phạt roi vọt nhiều. Nên biết người đã khôn thì ý tất sáng, chỉ dùng lời nói mánh để chạm vào ý-tứ mà khuyên răn thì người ấy tất hiểu ngay. Còn như người đã dại thì ý tất tối, dẫu đem đánh đến chết cũng không tự hiểu được. Vậy thì đối với người dại lại càng phải lấy lời-lẽ mà uyển-chuyển khải-phát ra cho, thì sẽ có công-hiệu tốt, chứ đừng đập đánh làm gì.

5) Đây là chê kẻ vô-trí-thức mà lại hay nói khoác. Lúc vô sự nói chuyện đi đánh giặc thì cả quyết đâm chém nhiều người, thế mà hôm nào tối trời thì sợ ma sợ trộm, không dám thò ra đến sân.

6) — *Bè* đã là cái vật khó trở trên mặt nước. Dẫu nước chảy xuôi bè trở xuôi cũng còn đi chậm. Thế mà nước xuôi bè lại kéo ngược, thì trái ngược và khó-khăn biết dường nào.

7) *Lá khoai sợ, khoái ngứa* có phấn trơn, nước vào trượt đi ngay không dính lại một tí vết nào. Kẻ vô-trí-thức nghe lời giáo-huấn cũng thoảng qua ngoài tai, không cảm-hóa được một chút gì. Cũng không khác như nước đổ lá khoai vậy.

8) *Lông vịt* có chất nhờn, nên không thấm nước. Vì thế vịt lặn hụp ở dưới nước suốt ngày mà không ướt. Ta thường thấy con vịt hụp đầu xuống nước một cái rồi ngóc lên thì đầu lại ráo ngay. Nên lấy việc ấy để ví với kẻ tắm gội vào giáo-hóa mà ngu vẫn hoàn ngu vậy.

9) Khi nước lớn kéo đến, của nhà cây cối đều bị cuốn bị ngập, tàn-hại vô-cùng. Người vật không chạy kịp cũng đều chết hết. Cho nên thấy nước lớn kéo đến, còn ở đàng xa thì người ta đã đều tìm đường tránh nạn cả rồi. Thế mà có kẻ để cho nước ồ vào đến tận chân mới nhảy lên mà chạy, thì sao cho kịp. Thế có ngu không?

10) *Kẻ mù* không biết đường đi, phải có kẻ sáng dắt thì mới khỏi nguy-hiểm mà đi tới chỗ ý muốn. Nay kẻ mù lại nhờ kẻ mù dắt, thì tài nào mà không cùng ngã cả xuống ao. Đó là răn những kẻ không đủ trí-thức thông-hiểu về việc gì, thì đừng có cả gan nhận lấy cái trách-nhiệm chỉ bảo, đưa dẫn cho kẻ khác về việc ấy. Nếu không biết mà dám đương lấy sự đưa người thì không những kẻ theo bị nguy mà kẻ đưa cũng cùng bị khốn vậy.

. . .

*505— Làm người ăn tối lo mai,*
*Việc mình hồ để để ai lo lường (1).*

*506— Làm người mà chẳng biết suy,*
*Đến khi nghĩ lại còn gì là thân (2).*

*507— Ở đời suy rộng nghĩ xa,*
*Cho tường gốc ngọn cho ra vắn dài (3).*

*508— Làm người phải đắn phải đo,*
*Phải cân nặng nhẹ phải dò nông sâu (4).*

*509— Khôn sống mống chết (5).*

*510— Hoài lời nói kẻ vô-tri,*
*Một trăm gánh chỉ đúc chẳng nên chuông (6).*

*511— Hay làm mà chẳng hay lo,*
*Làm chi cho lắm, làm cho nhọc mình (7).*

*512— Ếch ngồi đáy giếng, coi trời bằng vung (8).*

*513— Đi cho biết đó biết đây,*
*Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn (9).*

*514— Đàn đâu mà gẩy tai trâu,*
*Đạn đâu bắn sẻ, gươm đâu chém ruồi (10).*

1) Đây là nói làm người phải biết lo toan lấy cái việc sinh-hoạt cho mình. Việc thiết thân là sự dưỡng-sinh, trước khi ăn bữa tối thì đã phải lo cho có đủ bữa mai rồi. Nếu tối nay chỉ biết bữa tối nay, còn bữa sáng mai thì mai sẽ lo, như thế tất lo không kịp, sẽ bị bối-rối. Đó là kẻ vô-trí-thức không biết lo xa. Suy ra việc gì cũng vậy, nếu chỉ biết cái việc trước mắt mà không lo đến cái kế sau lưng, thật là kẻ ngu mà không làm nên được sự-nghiệp gì lớn-lao tràng-viễn vậy.

2) Làm người có thân, thân được hay hay là bị hèn, được vinh hay là bị nhục, đều tự mình chủ-trương lấy cả. Vậy làm việc gì cũng phải suy xét cho kỹ sẽ làm. Nếu gặp việc làm liều, không suy nghĩ gì, sau tuy có nghĩ mà hối lại, nhưng thân đã bị đọa-lạc rồi, gỡ lại không kịp nữa. Kẻ đó sao gọi là kẻ có trí-thức được.

3) Lẽ tuy mầu-nhiệm, nhưng có gốc mới có ngọn; việc tuy tương-tự, nhưng mỗi cái có vắn dài khác nhau. Thế cho nên trong sự học-vấn, trong sự hành-vi; đều phải suy-nghĩ cho rộng xa, thì mới tường được gốc ngọn của cái lẽ đó, hiểu được vắn dài của việc đó, mà xét lý không lầm, làm việc không sai.

4) Cũng giống nghĩa câu trên.

5) *Mống* là dại, tiếng Trung-kỳ. Đây là nói về cái nghĩa nhân-sinh ở đời. Người ta ở đời, một người như thế, một dân-quần cũng như thế, thịnh hay là suy, hay hay là hèn, sống hay là chết đều quan-hệ vào ở cái trí khôn

của mình mà thôi. Đời là một cuộc sinh-sống, mà sinh-sống được không phải dễ. Phải làm mới có ăn, phải tranh mới có chỗ, người với vật, người với người, đàn với đàn, đều như thế cả. Vậy có khôn thì mới sống được mà mống thì tất bị lấn mà chết. Thế thì thịnh suy, hay hèn, sống chết chỉ ở khôn với mống mà thôi, chẳng có vận - hội số - mệnh gì cả. Thuyết này cũng giống như thuyết : « Cạnh-tranh cho được sống còn, mà mạnh thì được yếu thì thua » của phái Thiên-diễn học Thái-tây gần đây. Chỉ vì ta không biết suy-diễn phát-minh ra để làm nghĩa-lý cho trong sự học-vấn, mà thủo nay cái câu tụy-ngôn thiết thực ấy không biểu-dương lên được.

6) *Vô-tri* 無知 là không hiểu biết lẽ gì. Đối với kẻ vô-tri thì dù có muốn đem nghĩa-lý gì hay mà cảm-hóa cũng phí công hoài lời mà thôi. Nếu cho rằng một kẻ vô-tri không đủ hiểu thì họp nhiều kẻ vô-tri lại tất hiểu được. Song nghĩ thế là sai. Đã vô-tri tức là vô-tri-thức thì trăm người cũng như một mà thôi, không có thêm gì ra được. Cũng như cái chuông kia, bằng đồng thì mới kêu, chứ bằng chì thì không có tiếng. Dẫu đem đến trăm gánh chì cũng không đúc được nên một quả chuông vậy.

7) Trí-thức là chủ của hành-vi, cho nên phàm việc có biết mưu lo châu-đáo thì khi làm mới có hiệu-quả, mà thu-hoạch mới không thất - thố. Nay chỉ hay làm thôi mà không biết lo mưu cho toàn-vẹn, thì làm lắm cũng chỉ nhọc mình mà thôi, chứ cũng không sở-đắc được gì vậy.

8) Đây là ví với kẻ không có trí-thức rộng xa mà tự-kiêu tự-đại, cho thiên-hạ không ai bằng mình vậy. *Giếng* xây gạch, nhỏ mà sâu. Con ếch ở dưới đáy giếng không bao giờ nhảy lên bờ miệng giếng được. Thế thì nó trông lên bao giờ cũng chỉ thấy trời vừa bằng cái miệng giếng ấy mà thôi, tức là một cái vung để đậy cho cái giếng ấy đó. Nên con ếch bèn tưởng bầu trời chỉ có thế tức là bằng một cái vung giếng mà thôi. Câu nay cũng là diễn lại câu ngụ-ngôn : « Tỉnh đề oa 井底蛙 » của Tầu ở sách Hán vậy.

9) Đây là nói có đi lịch-duyệt rộng xa thì trí-thức mới càng mở-mang.

10) Đây nói khinh-bỉ bọn vô-trí-thức.

.·.

*515 — Đàn ông năm bảy đàn ông,*
*Vợ dặn mua hồng đi mua cậy con* (1).

*516 — Đàn bà năm bảy đàn bà,*
*Chồng dặn mua gà mua phải cuốc con* (2).

*517 — Đánh cờ nước bí không toan,*
*Dù anh ham đánh trăm bàn cũng thua* (3).

*518 — Đi một quãng đàng học được một sàng khôn* (4).

*519 — Được chim bẻ ná, được cá quên nơm* (5).

*520 — Đi một buổi chợ học được một mớ khôn* (6).

*521 — Đường quang chẳng đi, đi đường rậm* (7).

*522 — Đâm đầu vào hang hổ* (8).

*523 — Đười-ươi giữ ống* (9).

*324 — Đông the hè đụp* (10).

1) *Hồng* với *cậy* là hai thứ quả tương-tự nhau, cùng có tai, cùng ăn được. Nhưng hồng thì lớn, cậy thì nhỏ, cách nhau xa. Đây là lời hoạt-kê chê người đàn ông không có trí-thức.

2) *Cuốc* là thứ chim ở bờ ao bờ ngòi, đến mùa hè thì kêu « cuốc-cuốc » nên gọi tên là chim « cuốc ». Hình con cuốc giống như thứ gà mái đen nhỏ mà mảnh-khảnh hơn. Nhất là cuốc con thì giống gà con hơn, nhưng bé nhỏ

nhiều. Đây là lời hoạt-kê chê người đàn-bà không có trí-thức.

3) Đánh cờ là việc đấu-trí với kẻ khác. Đã tương-đối thì không nên vội khinh-khi kẻ đấu-trí với mình đó là kém với trí-khôn của mình. Bởi thế người cao cờ là phải tính mà giữ lấy vững thế cờ của bên mình đã. Phải phòng-bị cho khỏi những « nước » bên kia đem «quân» sang chiếu bí mà không còn đường nào gỡ được. Nay nếu ham đánh cờ, tức là ham đấu-trí với người, mà hớ-hênh chỉ chực đánh cho người thua mà không tính nước sẽ bị chiếu bí của mình, thì dù đánh nhiều cũng không bao giờ được.

4) *Sàng* là cái mẹt thưa để lắc cho thóc đã xay rồi, gạo lọt xuống mà chấu thu động lại. Nhưng đây nói sàng là lấy cái nghĩa để đựng, tuy không nhiều bằng thúng cũng được một mẻ. Đi ra ngoài mới một quãng đường đã học được một sàng khôn. Vậy đi càng xa thì học được khôn càng nhiều, sự lịch-duyệt có ích cho trí-thức là dường nào.

5) *Nà* cũng là cái nỏ để bắn chim, *nơm* là cái đồ đan bằng nan để úp cá ở nơi nước chảy. Đây là chê kẻ vội quên cái bản-nghệ của mình. Nhờ nghề đó mà được thành-công bèn vội quên ngay cái nghề đó. Sau muốn dùng đến thì đã bị hủy bỏ rồi, không còn lấy đâu mà kế-tiếp được công-nghiệp cho đại-thành nữa.

6) *Mớ* là một mối một món có dây buộc lại, như mớ rau. Chỗ chợ búa bán buôn trao đổi vừa phiền-kịch vừa có nhiều sự không thực ở trong. Nếu ít trí khôn thì tất bị lừa luôn. Cho nên muốn chóng có trí khôn-ngoan thì nên ra giao-thiệp ở nơi thương-mại thị-trường.

7) Đây là chê kẻ không có trí-thức, việc ngay lẽ thẳng thì không làm, mà lại làm việc có can-liên rắc-rối với nhiều cớ không hay khác. Cũng như kẻ đi đường, đường quang-đãng thì không đi mà đi vào đường có chông gai rậm-rạp. Nghĩa này cũng thường dùng để răn cho việc tình-duyên hôn-phối: Đường quang tức là những chỗ trai tân, gái tân, đường rậm tức là những chỗ trai có vợ gái có chồng.

8) Chê kẻ làm việc mà hay táo-tợn vô-lý, tức là kẻ vô trí-thức. Tránh hổ mà bắt được hổ mới là người đa mưu. Nay tự dâm đầu vào hang hổ, thân chết mà vô-ích cho công-việc, thì sao gọi là khôn.

9) *Đười-ươi* là một thứ khỉ lớn, dáng hình và cử-động đã hầu gần như người, nên cũng gọi là người rừng. Ở những rừng già nước ta thường có giống đười-ươi ấy. Chúng nó cũng hay bắt người mà làm hại. Tục truyền khi bắt được người nào thì chúng nó nắm chặt lấy cổ tay mà ngửa mặt lên trời cười híp mắt lại. Vì thế những người sơn-tràng vào rừng mỗi tay họ phải xỏ vào một cái ống nứa. Bất-hạnh bị đười-ươi bắt được thì nó nắm chặt lấy ống nứa ở cổ tay. Hễ thấy nó ngửa mặt lên cười thì rút tay ra mà chạy. Con đười-ươi thì cứ nắm mãi cái ống nứa đến khi trông xuống thì chỉ có cái ống nứa không mà thôi. Đây lấy việc đười-ươi giữ ống mà ví với người cố-chấp bất-thông, cứ giữ khư-khư lấy cái lối cũ mà không biết thay đổi. Tức là phải thủ-cựu một cách hủ-bại vậy.

10) *Đụp* là áo may nhiều lần cho dầy để mặc cho khỏi rét. *The* là áo bằng tơ thưa và mỏng, mặc về mùa nóng cho khỏi bức. Đây là chê kẻ không biết biến-đổi cho hợp thời. Không phải là đến mùa hè thì giở áo đụp ra mặc, đến mùa đông thì giở áo the ra mặc, cố-ý làm ra trái ngược đâu. Mà chính là nhân mùa đông mặc áo đụp thì cứ để luôn thế mà mặc về mùa hè. Nhân mùa hè mặc áo the thì cứ để luôn thế mà mặc về mùa đông. Như thế là không biết biến đổi, mới là ngoan-cố

hủ-bại. Đời khoa-học, đời cạnh-tranh đến như ngày nay, mà còn nhiều kẻ giữ lấy hủ-tục, giữ lấy cổ-thuyết sai-lầm mà không chịu suy-xét phải trái để đổi thay, thì tức là những hạng « *đười-ươi giữ ống* » và « *đông the hẻ đụp* » đó.

. . .

525— *Đơm đó ngọn tre* (1).
526— *Chẳng cái dại nào giống cái dại nào* (2).
527 - *Chưa có vàng đã lo túi đựng* (3).
528 — *Chẳng lo trước ắt lụy sau* (4).
529— *Chuột cắn dây buộc mèo* (5).
530 - *Có con mắt mà không có con ngươi* (6).
531— *Biết sự trời, mười đời chẳng khó* (7).
532 - *Biết đâu mà hả miệng chờ ho* (8).

1) Đây là diễn cáu ngụ-ngôn ở sách Mạnh-tử nói : « *Duyên mộc cầu ngư* 緣木求魚 *Leo cây tìm cá* ». Chê cái cách làm việc không có tri-thức. Không cần ở chỗ chính gốc của nó, mà lại đi cầu ở chỗ trái lại, thì chỉ vất-vả mà không có công-cán gì.

2) Việc đời đa-đoan không giống nhau. Mỗi việc có một tính-cách riêng thì đối-phó có một phương-pháp khác, không nhất-định được. Cho nên hợp lẽ thì khôn mà trái lẽ thì dại. Không việc nào giống việc nào, thì cũng không cái khôn nào giống cái khôn nào, và cái dại nào giống cái dại nào. Cho nên việc trước làm thế là dại, nhưng việc sau vị-tất làm thế đã là dại. Vậy kẻ tri-giả phải tự suy-tính ở bụng mình mới được.

3) Chê kẻ vô-tri-thức hay lo xa nghĩ rộng một cách vô-lý. Vàng chưa có thì đã lo túi đựng làm gì. Cho nên xử sự không biết lo xa nghĩ rộng không được, mà lo xa nghĩ rộng ra ngoài cái giới-hạn của công-việc cũng là ngu.

4) Câu này dịch câu : « *Bất hữu viễn lự, tất hữu cận ưu* 不有遠慮, 必有近憂 » của Tàu. Nghĩa là việc gì cũng có cái nguy-cơ nó phục ở trong. Nếu không biết lo mà tìm cách phòng-bị trước đi, thì sau sao khỏi bị nó làm lụy cho mình.

5 — Chê kẻ bị hại mà lại đi làm việc thoát-nạn cho kẻ làm hại mình. Xem như mèo kia là kẻ làm hại chuột, nay mèo bị buộc tức là kẻ làm hại mình đang khốn-quẫn, chuột không có cách gì giả thù lúc ấy thì chớ, sao lại còn đến cắn cái dây buộc mèo ấy để cứu cho mèo được tự-do mà ra làm hại mình hay sao. Thật là vô-tri-thức.

Lại một nghĩa thì cho mèo bị buộc tức là không được rộng ra đi bắt chuột. Nay chuột đến cắn cái dây buộc mèo ấy là để trêu ghẹo và để cho mèo được tiện mà bắt mình. Cũng là chê kẻ dại.

6) — *Con ngươi* là chỗ đồng-tử-không. Mắt tuy là cơ-quan để trông, nhưng con ngươi mới chính là chỗ trông thấy hình vật. Cho nên bệnh thanh-manh tức là bệnh chỉ bị bế-tắc chỗ con ngươi mà thôi, còn ngoài quanh mắt không hề hư hỏng gì cả. — Đây là chê kẻ xét việc không tinh, cũng như kẻ bị bệnh thanh-manh kia, con mắt thì còn mà con ngươi thì hỏng rồi, tuy mắt mở trao-tráo mà không trông thấy gì.

7) Biết sự trời như những thuật chiêm-nghiệm xem bói, xem số, xem vận-hội. Việc trời xoay vần bất-thường bất-chỉ, người ta không có thể lấy cách gì mà đoán biết trước được. Nếu có thể đoán biết trước được thì bọn thuật-sĩ kia họ đã lo liệu cho con cháu họ về sau khỏi khốn khó rồi. Nhưng nào có được, đến chính thân họ cũng không khỏi cùng khốn, thì còn tin họ sao được.

8) Khi phổi ngứa thì tự xúc-động làm cho khí bật ra miệng mà thành ho. Thế thì ho hay là không là tự ở trong phổi phát ra, chứ miệng có can hệ gì.

Nay há miệng ra trước để chờ cho ho đến khỏi phải há, nhưng nếu khi ở trong phổi không phát-động nữa, tức là không ho nữa, thì không những mất công há miệng mà lại có cái dáng-cách khờ dại khó coi nữa.

## XII. — Đức-tính

533 — *Coi người bằng nửa con mắt* (1).
534 — *Hùng thái-quá chớ bất-cập* (2).
535 — *Điếc tai cày sáng tai họ* (3)
536 — *Đĩ có tông ai giống nên đĩ* (4).
537 — *Đánh bạc quen tay, ngủ ngày quen mắt, ăn vặt quen mồm* (5)
538 — *Đĩ dại đĩ dột, đĩ không có hột là đĩ vô nhân* (6).
539 — *Đàn bà yếu chân mềm tay, làm ăn chả được lại hay nỏ mồm* (7).
540 — *Vội giận mất khôn* (8).
541 — *Hiếu-thuận hoàn sinh hiếu-thuận tử.*
*Ngỗ-nghịch hoàn sinh ngỗ-nghịch nhi* (9).
542 — *Khôn cho người ta giái, dại cho người ta thương,*
*dở-cở ương-ương, tồ cho người ta ghét* (10).

1) — Chê cái tính khinh người là một tính xấu. Biết người là sự khó. Lấy cả hai con mắt mà quan-sát một người cho rất cẩn-thận còn chửa khỏi xét lầm người. Nay chỉ coi người bằng nửa con mắt, nghĩa là không dáng để ý đến người ấy, không coi người ấy ra gì. Thật là khinh người mà bị lầm to.

2) — Không thái quá không bất-cấp tức là cái đức tính trung-dung. Trung-dung nghĩa là đứng mực, phải lẽ, không sai lầm, là một đức tính rất quí. Trung-dung lại là một đạo, một chủ-nghĩa rất công-bằng trung-chính, bao giờ cũng cứ đường thẳng, lẽ phải mà làm, không vì bên nào mà mếch về bên nào. Cho nên Nho-học lấy trung-dung làm một đức tốt một đạo chính. Tử-Tư đã làm ra sách *Trung-dung* để phát-minh nghĩa ấy. Song học-giả đừng nhận lầm nghĩa trung-dung với nghĩa « *chiết-trung* ». *Chiết-trung* là cách luận-lý theo hai nghĩa trái nhau mà nhận lấy một nghĩa quãng giữa. Cách luận-lý ấy thường không đúng. Vì nếu khi những cái trái nhau ấy nó cùng sai cả, mà lấy quãng giữa thì chẳng thành ra cái nghĩa mập-mờ nước-đôi ư. Thế thì còn quí gì. Về nghĩa trung-dung này không hỏi đến hai bên thế nào, cứ theo đường thẳng mà đi, cứ lấy lẽ chính mà xét, thế mới là chân-lý. Thế-tục có kẻ phản-đối thuyết trung-dung là lầm nghĩa trung-dung với nghĩa « *chiết-trung* » vậy.

3) « *Họ* » là tiếng bảo trâu đang cày được đứng lại, hoặc được nghỉ. Nói về tính lười, vì như con trâu, khi giục cày thì giả-cách điếc mà không chịu đi. Khi nói « *họ* » thì dù tiếng người lực-điền nói nhỏ, con trâu cũng nghe thấy mà đứng lại.

4) *Tông* 宗 là dòng-dõi. Nói về nghĩa đức-tính di-truyền. Phàm những đức-tính tốt xấu của ông bà cha mẹ như tham liêm, trung nịnh, trinh khiết, dĩ-thõa đều có di-truyền cả. Vả lại có thể tiến-thoái lấy bỏ dần dần được. Vậy đức tính hay dở có phải chỉ quan-hệ một đời mà thôi.

5) Tập quen thì thành tính. Đánh bạc, ngủ ngày và ăn vặt, ba sự xấu ấy vốn không phải tính. Nhưng tập mãi không thôi thì quen đi mà thành tính xấu.

6) Vì nết hư hay là vì lỡ bước mà thành tính đĩ, song dù sao mặc lòng cũng phải giữ lấy cái bản-tính hay của loài người là sự có nhân. Người có nhân như quả có hột. Quả có hột mới mong còn nảy mầm, người có nhân mới mong còn xứng đạo làm người. Nếu chót đĩ mà dại dột đến vô-nhân như quả mất hột thì là đứa mất tính người mà là cầm-thú vậy.

7) Đây là chê những đàn-bà lắm điều, đã yếu đuối không làm gì được, lại hay rầy-rà chồng con.

8) Sự giận hay làm cho người ta mất tính công-bằng. Thế mà lại vội giận thì còn gì là phải trái mà là khôn nữa.

9) Hai câu này là hai câu cách-ngôn của Tàu : « *Hiếu thuận hoàn sinh hiếu thuận tử* 孝順還生孝順子, *Ngỗ nghịch hoàn sinh ngỗ nghịch nhi* 忤逆還生忤逆兒. Người hiếu-thuận thì lại sinh con hiếu-thuận, kẻ ngỗ-nghịch thì lại sinh con ngỗ-nghịch ». Đây cũng là cái nghĩa đức-tính di-truyền vậy. Coi đó thì đức-tính hay dở há không quan-hệ lắm dư ?

10) *Giái* là kính, *dở-dở ương-ương* là cái tính hay cãi cối, hay phá lửng. Đã vụng lại hay khoe khôn, làm trái lại cãi lý. – Đây là nói về kẻ đệ-tử hoặc kẻ bậc dưới trong gia-đình đối với tôn-trưởng. Nhất thì khôn hẳn thì ai cũng kính nể, bằng không thì nhận lấy sự vụng một cách thực-thà thì ai cũng thương mà giúp đỡ cho. Nếu dở-dở ương-ương tài không bằng ai mà không chịu ai thì ai cũng phải ghét.

(*Còn-nữa*)

ĐỖ-NAM

---

# LỊCH-SỬ PHẬT-GIÁO NƯỚC TÀU (1)

## III

Vua Huyền-tôn lên ngôi, năm Khai-nguyên thứ tư, có ông Thiện-vô-úy tam-tạng ở đất Trung Ấn-độ, noi theo đường bộ đi đến đất Tràng-an, vua cho đón đến ở chùa Tây-minh, kính thờ như thần, đãi đủ hậu-lễ, chửa được bao lâu, ông Thiện-vô-úy thông hiểu chữ Tàu, mới dịch ra hơn mười bộ kinh, để mở rộng nghĩa Mật-giáo, tựu-trung có *Đại-nhật-kinh*, *Tô-tất-địa-kinh* là trọng-yếu hơn cả, về hồi vãn-niên ông muốn xin về Tây-phương, vua cố lưu lại không cho về, đến năm Khai-nguyên 23, ông mới tịch, thọ 99 tuổi.

Lúc ấy có Nhất-hạnh A-đồ-lê là học-trò ông Thiện-vô-úy, tinh-thông về lẽ toán-pháp, làm ra sách *Đại-diễn-lịch* mười-hai quyển, sửa chính lại lịch-số, là một nhân-vật ít có ở trên học-thuật sử nước Tàu. Khi ông Thiện-vô-úy mới đến nước Tàu thì ông Nhất-hạnh theo học, học về nghĩa Mật-giáo, và có được dự vào việc dịch kinh, chăm việc bút nghiên nghe lời dạy bảo, lại được cùng với ông Kim-cương-trí làm việc phiên-dịch, được người bút-thụ nhuận sắc cho nhiều ; năm Khai-nguyên thứ 15 thì ông mất, thọ 45 tuổi ; vua vì nghỉ chầu ba ngày, cho ông hiệu là Đại-tuệ-thiền-sư, vua tự soạn bài minh để khắc vào bia. Ông làm ra sách đã kể như trên, nhưng lại còn quyển *Đại nhật-kinh-sớ* rất là có tiếng.

Sau khi ông Thiện-vô-úy mới sang Tàu được bốn năm, thì có ông Kim-cương-trí tam-tạng cùng với đệ-tử là Bất-không cũng từ đất Nam Ấn-độ vượt bể sang nước Tàu, vua sai đón rước rất lấy làm khen, cho ở chùa Đại-từ-ân, ông mới hết sức làm cho Mật-giáo mở rộng ra, đi đến đâu cũng lập đàn mở ra quán-đỉnh đạo-tràng ; ông Nhất hạnh cũng theo học.

---

(1) Theo bản Trung-quốc Phật-giáo tiểu-sử của Trần Bân-Hòa. Xem *Nam-Phong* từ số 178.

Ông Kim-cương-trí cùng với lũ học-trò là Bất-không phiên-dịch kinh-điển cũng nhiều, mà chủ-yếu nhất là quyển *Kim-cương-đỉnh-kinh* cùng với quyển *Đại-nhật-kinh*, *Tô-tất-địa-kinh* gọi là « Chân-ngôn mật-giáo tam-kinh ». Năm Khai-nguyên thứ 29, ông mới tịch, thọ 71 tuổi. Đời tôn ông là Tổ-đệ-nhất về tông Chân-ngôn nước Tàu.

Ông Bất-không tam-tạng vâng theo di-mệnh của thầy là Kim-cương-trí cùng với đệ-tử là lũ Hàm-quang, Tuệ-Biện đi về nước để tìm lấy kinh sách, rồi lại sang Đông-phương chuyên ý về việc dịch kinh để mở rộng giáo-nghĩa, những kinh và luận dịch ra tổng-cộng được một trăm mười bộ, một trăm bốn-mươi ba quyển ; tông Mật-giáo ở nước Tàu mà thịnh lên được cũng là nhờ sức của sư Bất-không.

Vua Đại-tôn y-qui sư Bất-không, năm Vĩnh-thái nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1308), (lịch tây 765), vua đặc-tiến cho nhà sư chức Hồng-lô-khanh, cho hiệu là « Đại-quảng-trí Bất-không tam-tạng », sau phong là Túc-quốc-công, được thực-ấp ba nghìn hộ. Năm Thái-lịch thứ chín, (sau khi Phật tịch 1317 lịch tây 774) ông mới tịch, thọ 70 tuổi, vua vì bãi chầu ba ngày, di-pháp của ông thì có học-trò là Tuệ-quả truyền được. Ông Thiện-vô-úy, ông Kim-cương-trí và ông Bất-không đời gọi là ba bậc đại-sĩ năm Khai-nguyên.

Trước kia năm Khai-nguyên thứ bảy có ông Huệ-Nhật tam-tạng tự bên Tây-trúc trở về ; ông tam-tạng ấy sinh ở đất Đông-lai, sau khi xuất-gia, mộ cái phong ông Nghĩa-tĩnh, quyết đi tây-du ; đời vua Trung-tôn năm Tự-khánh thứ 19 (sau khi Phật tịch 1245 lịch tây 702) ông theo đường bể đi sang Ấn-độ, quanh khắp và mươi nước, đi đến mười-tám năm ; mới lại theo đường bộ về đất Tràng-an, dâng pho tượng Phật và Phạm-kinh. Vua cả mừng, triệu vào nội-điện rồi cho hiệu là : « Tử-mẫn-tam-tạng ». Khi Tam-tạng về nước đi đường qua nước Kiện-đà-la, có thụ-giáo về tông Tĩnh-thổ, đến đây mới truyền-bá cho rộng thêm ra, đời sau gọi giáo ấy là về đông Tử-mẫn. Ông có làm ra sách *Vãng-sinh-tĩnh-thổ-tập*, nay không thấy truyền lại.

Triều vua Huyền-tôn có nhiều bậc cao-tăng đạo-đức đều họp lại để mở rộng Mật-giáo ; vua không những là hậu-đãi các nhà sư, mà lại còn hết sức làm cho Phật-giáo chấn-hưng lên. Năm Khai-nguyên thứ 26 vua có xuống chiếu cho các quận trong thiên-hạ dựng ra chùa Long-hưng và chùa Khai-nguyên, lại sắc cho chùa Khai-nguyên tạo ra tượng Hoàng-đế đẳng-thân phật-tượng, có độ cho chư-tăng được nhiều người, cái sự-nghiệp chấn-hưng Phật-giáo không sao kể xiết.

Đời vua Đại-tôn có nhà sư Trạm-nhiên ra đời, lại chấn-hưng tông Thiên-thai. Nhà sư sinh ở một nhà Nho đất Kinh-khê, rất là thông-đạt kinh-chỉ ; đến khi xuất-gia đi tu, theo học sư Huyền-lãng về tông Thiên-thai ; khi ấy tông Thiên-thai bị phải các tông-giáo khác thắng át đi mất, sư Trạm-nhiên sợ rằng cái thế tông Thiên-thai không chấn-hưng lên được, mới làm ra nhiều sách để truyền-ba ra cho rộng, tông Thiên-thai vì thế lại hưng-thịnh ; đời sau tôn-xưng ông là : « Diệu-lạc-đại-sư » cũng gọi là : « Kinh-khê đại-sư ».

Đời vua Đức-tôn năm Kiến-trung thứ ba (sau khi Phật tịch 1325, lịch tây 782), sư Trạm-nhiên 82 tuổi mới tịch. Những sách chủ-yếu còn lại là những bài tiêm-thích sớ-ký ở trong ba bộ chú-thích lớn. Học-trò là Đạo-Thúy và Hạnh-Mãn truyền được phép thầy, Nhật-bản thì có người Tối-Trừng cũng lại học.

Khi ấy lại có Thanh-lương-đại-sư mới ra, chấn-hưng tông Hoa-nghiêm. Sư Thanh-lương tên là Trừng-quan,

người đất Cối-kê, khi 11 tuổi xuất-gia đi tu, theo học các bậc tiền-bối về Luật-tông và Thiền-tông, Tam-luận-tông và tông Thiên-thai, rất là thấu-hiểu áo-nghĩa, sau lại học tông Hoa-nghiêm ở thầy Pháp-thuyết chùa Thiên-trúc đất Tiền-đường, chuyên ý giảng-giải cho chấn-hưng lại được bản-tông, đời gọi là vị tổ đệ-tứ tông Hoa-nghiêm.

Trước kia năm Trinh-nguyên thứ 11, (sau khi Phật tịch 1338 lịch tây 795) có ông Bát-nhã tam tạng phụng sắc dịch kinh *Tứ-thập-hoa-nghiêm*, ông Trừng-quan cũng được tham-dự vào việc tịch ấy. Đời vua Văn-tôn năm Khai-thành thứ ba, (sau khi Phật-tịch 1381, lịch tây 838) thì ông tịch, thọ 102 tuổi, ông trải chín đời vua, bảy lần làm đế-sư ; đời gọi là Thanh-lương quốc-sư. Khi ông mất vua vì bãi triều ba ngày, sai quần-thần theo lễ công mà táng.

Học-trò sư Thanh-Lương thì có Tôn-mật-thiền-sư trước đã học theo Thiền-tông, sau lại theo sư Thanh-Lương học về tông Hoa-nghiêm, chủ cái thuyết Thiền-giáo là một, đời gọi ông là tổ thứ năm tông Hoa-nghiêm. Năm Khai-thành thứ tư, ông tịch, thọ 62 tuổi ; vua Tuyên-tôn cho hiệu là Định-tuệ-thiền-sư. Sách ông để lại có cái bài *Trung-nguyên-nhân-luận* rất là có tiếng, nay còn thịnh-hành.

Đời bấy giờ các vị đế-vương sùng-phụng Phật-giáo cũng nhiều, nên Phật-giáo mới thịnh-hành ; đến đời vua Võ-tôn lên ngôi, gặp phải cái nạn năm Hội-xương khởi lên, Phật-giáo bị phải kích-thích cũng bại.

Vua Võ-tôn từ khi nhỏ đã không ưa đạo Phật, đến khi lên ngôi theo học người đạo-sĩ là Triệu Qui-Chân, tôn tín Đạo-giáo ; Qui-Chân đắc-thế mới xui vua trừ hết các tôn-giáo ở ngoài Đạo-giáo ; khi ấy có người đạo-sĩ ở La-phù-sơn là Đặng Nguyên-Siêu và người đạo-sĩ ở Hành-sơn là Lưu Nguyên-Tĩnh cũng tâu xin vua bỏ Phật-giáo quan Tể-tướng khi ấy cũng tán-thành ; vua mới xuống tờ sắc phá-hủy bốn vạn bốn nghìn sáu trăm cái chùa, bắt hơn hai mươi sáu vạn năm nghìn tăng-ni phải hoàn-tục, bao nhiêu chuông đồng, tượng đồng, đồng-bản đều hủy đi để đúc tiền, tượng sắt thì đúc làm đồ nông-khí, những tượng vàng bạc của các nhà tư đều hạn trong một tháng phải nộp vào quan, khi ấy là năm Hội-xương thứ năm, (sau khi Phật tịch 1388 lịch tây 845) đời gọi là « Hội-xương pháp-nạn », cũng gọi là « Võ-ách thứ ba ». Khi ấy lại có Cảnh-giáo, Yêu-giáo, Ma-ni giáo, Hồi-giáo cũng đều tiềm-phục khởi lên.

Về sau hai năm, vua Tuyên-tôn lên ngôi, lại xuống tờ sắc sửa lại những chùa-chiền bị phá và lại cho các vị cao-tăng nguyên như cũ, hết sức chấn-hưng Phật-giáo lên ; khi ấy thế nước nhà Đường đã suy dần, tuy rằng có chấn-hưng Phật-giáo, nhưng không được thịnh như trước.

Khi ấy duy có Thiền-tông cũng hơi thịnh, có nhiều vị cao-tăng ra đời ; kể từ đời Tiên-đế cho đến đời Hậu-Châu phá-hủy Phật-giáo trong khoảng hơn trăm năm, lại có các vị cao-tăng là : Nghĩa-Huyền, Linh-Hựu, Lương-Giá, Văn-Yển, Văn-Ích, kế-tiếp ra đời, mới khai ra năm tông là tông Lâm-tế, Vĩ-ngưỡng, Tào-đồng, Vân-môn, Pháp-lãng, đời gọi là năm nhà Thiền-tông.

Sau đời vua Tuyên-tôn qua đời Ý-tôn, Hi-tôn, đến đời vua Chiêu-tôn, các quan Tiết-độ sứ chuyên-quyền càng tệ, kẻ hoạn-quan cũng hoạnh-ngược lắm, triều-chính rối loạn rất là hủ-bại, vua muốn bắt giết quan Tiết-độ-sứ ở Biện-châu là Chu Toàn-Trung, Toàn-Trung mới thừa-thế giết vua cướp lấy ngôi, gọi là vua Thái-tổ nhà Lương.

1) *Tĩnh-thổ-tông* 淨土宗.

*Tông-danh.* — Tông này là theo về vãng-sinh Tĩnh-thổ-phát-môn, nên gọi là Tĩnh-thổ-tông.

*Truyền-thống.* — Tông này truyền nối theo về dòng Lư-Sơn, dòng Thiện-Đạo, dòng Từ-Mẫn ; Tựu-trung dòng Thiện-Đạo có ông Mã-Minh, Long-Thụ, Thế-Thân, Thiện-đề-lưu-chi, Đàm-Loan, Đạo-Sước, Thiện-Đạo, Hoài-Cảm, Pháp-Chiếu, Thiện-Khang, đều là bậc thông-hiểu giáo-nghĩa.

*Giáo-nghĩa.* — Tông này y theo kinh luận là ba kinh với một luận chỉ cốt chuyên-nhiệm Vô-lượng-thọ-phật để cầu siêu-sinh tĩnh-thổ.

2) *Pháp-tướng-tông* 法相宗.

*Tông-danh.* — Tông này phán-đoán về chư-pháp tính-tướng, nên gọi là Pháp-tướng-tông, cũng gọi là Duy-thức-tông. Ứng-lý-viên-thực-tông. Phổ-hoa thừa-giáo-tông.

*Truyền-thống.* — Tông này do ông Di-Lặc, Vô-Trước, Thế-Thân, Hộ-Pháp, Giới-Hiền, Huyền-Trang, Khuy-Cơ, Huệ-Duyên, Trí-Châu cùng truyền-thống với nhau.

*Phán-giáo.* — Tông này lấy tam-thời-giáo để mà phán-thích về nhất-đại Phật-giáo ; tam-thời-giáo là : Hữu-giáo, Không-giáo, Trung-đạo-giáo.

*Giáo-nghĩa.* — Tông này kể ra có trăm pháp mà ước lại có năm vị : 1) Tâm-vương tám ; 2) Tâm-sở-hữu-pháp năm-mươi mốt ; 3) Sắc-pháp mười-một ; 4) Tâm-bất-tương-ưng hành-pháp hai-mươi-bốn ; 5 Vô-vi-pháp sáu ; đó là năm vị trăm pháp. Những chư-pháp ấy đều là duy-thức, mà đều thuộc về một pháp cả.

Cái phương-pháp để mà thể-nhận có năm điều gọi là « Ngũ-trọng-duy-thức », chính là cái tinh-túy về giáo-nghĩa tông này. Ngũ-trọng-duy-thức : Một là khiển-hư tồn-thực-thức ; hai là sả-lạm-lưu-thuần-thức ; ba là nhiếp-mạt-qui-bản-thức ; bốn là ẩn-liệt hiển-thắng thức ; năm là khiển-tướng chứng-tính-thức.

3) *Câu-xá-tông* 俱舍宗.

*Tông-danh.* — Tông này lấy bài *Câu-xá-luận* làm tôn chỉ, nên gọi là Câu-xá-tông.

*Truyền-thống.* — Tông này thủy-tổ là ông Thế-Thân, đến đời Đường lại có ông Huyền-Trang dịch ra *Tam-tạng-bản-luận*, học trò là Phổ-Quang, Pháp-Bảo, Thần-Thái đều làm bài sớ để thích-nghĩa thêm ra, bởi thế mới thịnh-hành.

*Giáo-nghĩa.* — Tông này kể ra có bảy-mươi-nhăm pháp : sắc-pháp mười-một, tâm-vương một ; tâm-sở-hữu pháp bốn-mươi-sáu ; bất-tương-ưng-hành-pháp mười-bốn ; vô-vi-pháp ba. Bản-thể của chư-pháp thì gọi là Tam-thế thực-hữu, Pháp-thể thì thường vĩnh-viễn không dầy. Nhưng theo về thanh-văn-quan có tứ-đế, duyên-giác-quan có thập-nhị-nhân-duyên, bồ-tát-tu có sáu độ, tu mãi cho đến cõi Nát-bàn thì mới là cực-trí.

4) *Luật-tông* 律宗.

*Tông-danh.* — Tông này theo tôn-chỉ *tứ-phân-luật*, nên cũng gọi là tứ-phân Luật-tông.

*Truyền-thống.* — Tông này sơ-tổ là ông Đàm Vô-Đức, sau lại có những ông : Đàm-ma-già-la, Pháp-Thông, Đạo-Phúc, Quang-Thống, Đạo-Vân, Đạo-Hồng, Trí-Thủ, Đạo-Tuyên cùng thừa-kế mãi. Đời ông Đạo-Tuyên cũng có sinh ra nghĩa khác. Ông Pháp-Lệ với ông Hoài-Tố đều phát-minh tông này ; nên gọi là Lệ, Tuyên, Tố ba tông. Nhưng vẫn lấy dòng Đạo-Tuyên làm chính-thống ; về sau có những ông : Châu-Tú, Đạo-Hằng, Tỉnh-Cung, Huệ-Chính, Huyền-Sướng, Nguyên-Biểu, Thủ-Ngôn, Nguyên-Giải, Pháp-Vinh, Sử-Hằng, Trạch-Ngộ, Doãn-Kham, Trạch-Kỳ, Nguyên-Chiếu, cùng thừa-kế mãi.

*Phán-giáo.* — Tông này lấy hai giáo là : Hóa-giáo, Chế-giáo để nhiếp-phán

cả một đời. Hóa-giáo là cái pháp-môn bởi kinh-luận-thuyết ra. Chế-giáo là cái pháp-môn do luật-tạng phát-minh ra.

*Giáo-nghĩa.* — Giáo-nghĩa tông này cốt là ở minh-giới, phân ra có chỉ-trì-giới, tác-trì-giới. Chỉ-trì-giới là răn người đừng làm một điều ác ; Tác-trì-giới là bảo người phụng-hành mọi điều thiện.

5) *Hoa-nghiêm-tông* 華嚴宗.

*Tông-danh.* — Tông này y-cứ về kinh *Hoa-nghiêm*, nên gọi là Hoa-nghiêm-tông.

*Truyền-thống.* — Tông này do từ ông Mã-Minh, Long-Thụ, Đỗ-Thuận, Trí-nghiễm, Hiền-Thủ, Lương-Tĩnh, Tông-Mật cùng truyền nối mãi.

*Phán-giáo.* — Tông này lấy năm giáo mười tông để nhiếp-phán cả pháp-môn một đời. Năm giáo là : Tiểu thừa-giáo, Đại thừa-thủy-giáo, đại-thừa-chung-giáo, đốn-giáo, viên-giáo. Mười tông : một là ngã-pháp-câu-hữu-tông ; hai là pháp-hữu-ngã-vô-tông ; ba là pháp-vô-khứ-lai-tông, bốn là hiện-thông-giả-thực-tông ; năm là tục-vọng-chân-thực-tông ; sáu là chư-pháp dãn-danh-tông ; bảy là nhất-thiết-giai-không-tông ; tám là chân-đức-bất-không-tông ; chín là tướng-tưởng-câu-tuyệt-tông ; mười là viên-minh-cụ-đức-tông.

*Giáo-nghĩa.* — Tông này thuyết-minh về nghĩa thập-huyền, lục-tướng, tỏ ra cái ý mọi sự đều vô-ngại mà cùng dung-hòa cả. Sự gì cũng vô-ngại mà cùng dung-hòa, thì vạn-pháp đều là chân-như tùy-duyên cả, mà vạn-pháp cũng là chân-như. Dung-hòa thì mọi sự mọi vật không còn trở-ngại gì, để chứng rõ ra cái chân-diện-mục của chư-pháp là lẽ cực-trí của tông này.

6) *Chân-ngôn-tông* 眞言宗.

*Tông-danh.* — Tông này y-cứ về bí-mật chân-ngôn của *Đại-nhật-kinh*, *Tô-tất-địa-kinh*, *Kim-cương-đỉnh-kinh*, nên gọi là chân-ngôn tông.

*Truyền thống.* — Tông này do ông Long Thụ, Long-Trí, Kim-Cương-Trí, Bất-Không, Tuệ-Quả cùng thừa kế mãi.

*Phán-giáo.* — Tông này lấy thập-trụ-tâm để mà nhiếp-phán nhất-thiết-giáo. Thập-chụ-tâm một là dị-sinh-đề-dương-tâm ; hai là ngu-đồng trì-trai tâm ; ba là anh-đồng vô-uý-tâm, bốn là duyuần-thủy-ngã tâm ; năm là bạt-nghiệp nhân-chủng tâm ; sáu là tha-duyên đại-thừa tâm ; bảy là giác-tâm bất-sinh tâm ; tám là nhất-đạo vô-vi-tâm ; chín là cực-lạc tự-tính tâm ; mười là bí-mật trang-nghiêm tâm.

*Giáo-nghĩa.* — Tông này cốt về tam-mật-tương-ứng, thì thân tức thành Phật. Tam-mật là : Thân-mật, ngữ-mật, ý-mật. Tay kết ấn-khế, miệng tụng đà-la-ni, ý trụ tam-ma-địa, gọi là tam-mật tương-ứng.

## IV — Thời-đại Phật-giáo bảo-thủ

*Ngũ-đại — Tống — Nguyên — Minh*

### TIẾT THỨ I

*Phật-giáo đời Ngũ-đại (907-960)*

Sau khi Chu Toàn-Trung cướp ngôi nhà Đường trong khoảng hơn năm-mươi năm, thay đổi mấy Triều, như là nhà Hậu-Lương Hậu-Đường, Hậu-Tấn, Hậu-Hán, Hậu-Châu, gọi là đời Ngũ-đại. Khi ấy trong nước Tàu chiến-tranh luôn mãi, Phật-giáo vì thế cũng không phát-triển ra được, lại ít kẻ cao-tăng ra đời, kinh sách bỏ mất, suy-đồi dần đi ; nhưng còn nhờ được các triều vua vẫn ra sức bảo-hộ Phật-giáo, nên mới duy-trì được mệnh-mạch. Trong lúc đời loạn ấy mà hay hết sức đề-xướng Phật-giáo thời có Ngô-việt-vương, hay bảo-hộ cho tông Thiên-thai.

Đời Hậu-Châu, vua Thế-tôn tính không chuộng Phật, sau khi lên ngôi, năm Hiển-đức thứ hai (sau khi Phật tịch 1498, lịch tây 955) vua có xuống

chiếu sắc cho thiên-hạ bỏ hết những chùa chiền nào không có sắc-mệnh cho phép, tổng-số ba vạn ba trăm ba mươi sáu chùa mà bỏ đi chỉ còn có hai nghìn bảy trăm chùa, lại hủy bỏ các tượng đồng để đúc tiền ; đời gọi khi ấy là « cái ách nhất-tôn ». Bởi thế những sách-vở của các vị cao-tăng trong các tông, đều tan mất cả, Phật-giáo có khi đến gần tuyệt-tích.

Qua đời Ngũ-đại rồi sang đời Triệu-Tống khởi lên ; vận-hội Phật-pháp lại thịnh, bao nhiêu những chùa-chiền trước phế đi lại khởi lên cả.

TIẾT THỨ II

*Phật-giáo về đời Tống (960-1379)*

Vua Thái-tổ nhà Tống thay nhà Hậu-Châu lên ngôi, dần dần bình-định hết các nơi cát-cứ, cái tệ các quan Tiết-độ-sứ chuyên-hoạnh khi xưa đều trừ đi hết, mà qui về thống-nhất.

Năm Kiến-long nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1503, lịch tây 960) vua Thái-tổ có sắc cho những chùa-chiền và tượng Phật nào bị phá-hủy khi trước đều được làm lại như cũ, lại độ cho chư tăng được tám nghìn người.

Ngô-việt-vương tên là Tiền-Thục rất là sùng-tín Phật-giáo, thường mộ cái sự tích A-dục-vương, dựng ra tám vạn bốn nghìn bảo-tháp ở trong nước, mười năm mới thành công. Lại muốn tìm những kinh-điển về tông Thiên-thai từ đời Ngũ-đại biến-loạn mà bỏ thiếu-thốn đi mất, sai sứ sang nước Cao-ly, vua nước ấy sai ông Đế-quan đưa đi, Đế-quan mới đưa đến ông Nghĩa-Tịch về dòng Thiên-thai, bởi thế mới lại tìm được kinh điển một tông đưa về nước Tàu. Khi ấy muốn hỗn-đồng cái nghĩa quan-tâm của tông Thiên-thai cùng hợp với cái nghĩa quan-đạo của tông Hoa-nghiêm, nên mới phân ra phái Sơn-ngoại, mà ông Nghĩa-Tịch biệt ra một phái gọi là phái Sơn-gia ; tông Thiên-thai đến đây lại hưng thịnh.

Khi ấy có một người là Pháp-nhãn-tông học-giả tên là Duyên-Thọ đến y-qui với Tiền-Thục, trụ-trì ở chùa Vĩnh-minh châu Hàng, nên gọi là Duyên-Thọ ở chùa Vĩnh-minh, học-hạnh cao-xa, vua Cao-ly cũng kính mến, sai ba-mươi-sáu kẻ tăng-đồ đến học phép ; năm Khai-bảo thứ tám, (sau khi Phật tịch 1518, lịch tây 975) Duyên-Thọ mới tịch, thọ 75 tuổi. Sách của ông làm ra rất có tiếng là một trăm quyển *Tông-kinh-lục*.

Đời vua Thái-tổ năm Khai-bảo thứ tư, vua xuống chiếu viết kinh bằng chữ vàng chữ bạc ; năm thứ 5 lại sai khắc kinh *Đại-tạng* ; đó là khi mới khắc kinh *Đại-tạng* lần đầu. Còn các đời vua khác đối với những việc chấn-hưng Phật-giáo, như là tụng kinh, viết kinh, làm chùa, thì cũng nhiều không kể xiết được, các nhà sư bên Ấn-độ như là Mạn-Thù-thất-lợi, Khả-trí, Pháp-Kiến, Chân-Lý, Di-La nghe thấy Phật-giáo bên Tàu đã thịnh, đều kéo nhau sang Tàu, để cầu Phật-pháp ở đời nhà Tống, kể đến hàng trăm người.

Vua Thái-tôn lên ngôi cũng y-qui Phật-giáo sắc độ cho mười-bảy vạn tăng-nhân, lại ở đất Lạc-dương đặt ra viện dịch-kinh, sai những ông Thiên-tức-tai, Thi-hộ-pháp-thiên là người ở bên Ấn-độ lại cùng phiên dịch kinh-điển, vua thân làm bài tựa để đầu sách. Vua lại nghe theo Thiên-tức-tai tuyển lấy mươi đứa đồng-sinh cho học chữ phạm, để cho việc dịch kinh không bao giờ tuyệt hẳn đi được.

Triều vua Chân-tôn có một nhà sư là Tỉnh-thường ở chùa Chiêu-khánh châu Hàng, mộ cái phong Lư-sơn khi trước, lập ra Bạch-liên-xã ở trên Tây-hồ, sau đổi tên là Tỉnh-hạnh-xã, chuyên tâm niệm Phật ; khi bấy giờ nhiều người nghe tiếng mà theo đến, trên từ quan Tể-tướng, dưới đến các hạng tăng-tục có hàng hơn trăm nghìn người.

Vua Chân-tôn lại theo cái nếp cũ vua Thái-tôn sai người dịch kinh, dịch ra được 413 quyển, đều biên cho vào Đại-tạng.

Vua lại hậu-đãi các tăng-đồ, những kẻ nào phạm tội cho được chuộc tội, kẻ nào vô-cố mà hủy-báng tăng-ni, làm quan thì phải bãi chức, thứ-dân thì phải đi đầy. Năm Thiên-ky thứ ba (sau khi Phật tịch 1562, lịch tây 1019) vua có sắc độ cho chư-tăng đến hơn 23 vạn người, chư-ni đến hơn một vạn năm nghìn người, đạo-sĩ đến hơn bảy-mươi người, nữ-quan đến hơn tám-mươi người. Ngoài việc sùng Phật ra vua cũng có bảo-hộ cho Đạo-giáo nữa.

Khi ấy có sư Tri-Lễ về phái Sơn-gia tông Thiên-thai và sư Tri-Viên, Khánh-Chiêu về phái Sơn-ngoại, hai đảng cùng tranh biện về tông-nghĩa. Tri-Lễ sinh ở Minh-châu về đời vua Thái-tổ năm Kiến-long nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1503 lịch tây 960) Tri-lễ mới mười-lăm tuổi đã xuất-gia đi tu, hai mươi tuổi theo học sư Bảo-Vân, truyền được Pháp-giáo tông Thiên-thai; vua Chân-tôn rất là kính mến, cho hiệu là «Pháp-trí Đại-sư». Ông tịch về năm Thiên-thánh thứ sáu đời vua Nhân-tôn (sau khi Phật tịch 1571, lịch tây 106) thọ 69 tuổi. Ông có làm ra sách tên là *Thập-bất-nhị-môn-chỉ-yếu-sao*. Ông hết sức tranh biện phá bỏ cái dị-nghĩa về phái Cô-sơn; đời cho hồi ấy là tông Thiên-thai lại trung-hưng.

Ông Tri-Viên ở Cô-sơn, nguyên sinh ở Tiền-đường về năm Thái-bình hưng-quốc nguyên-niên đời vua Thái-tôn (sau khi phật tịch 1519 lịch tây 976). Ông lên tám tuổi đã xuất-gia đi tu, hai mươi-mốt tuổi theo học ông Nguyên-Thanh, truyền được giáo-nghĩa tông Thiên-thai. Sau ông trụ-trì ở núi Cô-sơn trên Tây-hồ, kẻ học-giả theo đông như chợ; ông tịch về đời vua Chân-tôn năm Kiền-hưng nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1565, lịch tây 1022), thọ 47 tuổi. Ông Tri-Viên bình-sinh chỉ lấy việc trứ-thuật ngâm-vịnh làm thú, làm ra được đến một trăm và mươi quyển sách.

Đời vua Nhân-tôn có ông Từ-minh về dòng Lâm-tế dạy được học trò là: Dương-kỳ, Phương-hội, Hoàng-long, Tuệ-nam, sau Dương-kỳ với Hoàng-long hai phái thêm vào với phái năm nhà trước gọi là bảy tông về dòng Thiền-tông. Sau này tông Lâm-tế rất thịnh.

Khi ấy nhà vua cũng chú-ý đến dòng Thiền-tông. Từ đời Hậu-châu vua Thế-tôn phá bỏ đạo Phật trở về sau, dòng Thiền-tông tuy rằng vẫn truyền ở Hồ-bắc, nhưng chưa truyền đến Kinh-kỳ, khi ấy có kẻ nội-thị là Lý Doãn-Ninh tâu xin lấy nhà ở Biện-kinh để làm chùa, vua cho để biển-ngạch gọi là «Thập-phương tĩnh-nhân tự». Vua lại nghe tiếng vị cao-tăng là Viên-thông-cư-nột về tông Vân-môn, sai sứ vời đến, nhưng ông cáo bệnh chối từ, cử ông Đại-giác Hoài-Liễn đi thay, khi ấy là năm Hoàng-Hựu thứ hai (sau khi Phật tịch 1592, lịch tây 1049) tông Vân-môn từ đó lại thịnh.

Khi ấy tông Hoa-nghiêm có ông Tử-Tuấn ra thuyết-pháp ở đất Trường-thủy, học trò đến hàng nghìn người, có ông Tấn-Thủy, ông Tĩnh-Nguyên ở Toàn-châu là chủ-yếu hơn cả. Sau đến đời vua Thần-tôn, ông Tấn-Thủy ở chùa Huệ-nhân đất Tiền-đường lại chấn-hưng tông Hoa nghiêm. Khi ấy có người Nghĩa Thiên ở Cao-ly lại học, và có đem cả chương sớ về kinh Hoa-nghiêm lại, xin ông Tấn-Thủy giảng cho; bởi thế những sớ sách về tông Hoa-nghiêm đã tán mất đi nay lại truyền đến nước Tàu. Về sau Nghĩa-Thiên về Cao-ly có đem kinh *Hoa-nghiêm tam-dịch* chữ vàng sang tặng cho ông Tấn-thủy; ông Tĩnh-Nguyên,

ông Tĩnh-Nguyên mới dựng lên một cái gác ở cạnh chùa Huệ-nhân để chứa kinh, tục gọi là chùa Cao-ly ; ông Tĩnh-Nguyên tịch về đời vua Triết-tôn năm Nguyên-hựu thứ ba (sau khi Phật tịch 1631, lịch tây 1088) thọ 78 tuổi; đời cho hồi ấy là tông Hoa-nghiêm lại trung-hưng.

Khoảng đời vua Triết-tôn, Huy-tôn có ông Nguyên-Chiếu luật-sư mới ra, lại chấn-hưng Luật-tông. Ông Nguyên-Chiếu sinh ở đất Dư-hàng, khi nhỏ đi tu, nghiên cứu về Luật-tông và tông Thiên-thai, lại giảng về giáo-nghĩa tông Tĩnh-thổ nhưng vẫn lấy Luật-tông làm gốc ; trong khoảng ba-mươi năm về sau, ông trụ-trì ở chùa Linh-chi châu Hàng, có làm ra sách *Tư-trì-ký*.

Trước kia về đời vua Nhân-tôn có ông Doãn-Khâm luật-sư đã làm ra sách *Hội-chính-ký* để phát-minh nghĩa Luật-tông, đời gọi là « Hội chính tông » Ông Nguyên-Chiếu thì lấy giáo-nghĩa tông Thiên-thai mà thuyết-minh Luật-tông, đời gọi là « Tư-trì-tông » có phần đặc-sắc hơn trước.

Nguyên-Chiếu tịch về đời vua Huy-tôn năm Chính-hòa thứ sáu, (sau khi Phật tịch 1659, lịch tây 1116), thọ 69 tuổi, hiệu là Đại-trí luật-sư, Ông có làm ra sách *Sự-sao tư-trì ký*, *giới-sớ Hành-tông ký*, *Nghiệp-sớ tế-duyên ký*, *A-di-đà-kinh sớ*, đều là sách có danh tiếng cả.

Vua Huy-tôn lại chuộng Đạo-giáo muốn bài-bác Phật-giáo, năm Tuyên-hòa nguyên-niên, (sau khi Phật tịch 1662 lịch tây 1119), vua có sắc cho thiên-hạ tôn hiệu Phật là Đại-giác Kim-tiên ; Bồ-tát là Tiên-nhân đại-sĩ, tăng là Đức-sĩ, ni là Nữ-đức-sĩ ; lại đổi các chùa chiền làm nơi cung-quán, bắt các tăng-lữ mặc áo đạo-y, đội mũ đạo-quan, cầm hốt. Phật-giáo khi ấy đã hóa ra cái trạng-thái Đạo-giáo ; bấy giờ có ông Vĩnh-Đạo dâng thư can vua, vua cả giận biếm Vĩnh-Đạo ra ở Vĩnh-Châu. Đến năm sau vua mới hối lại cái lỗi trước, bỏ cái tờ sắc cũ đi. Năm Tuyên-hòa thứ bảy, lại triệu Vĩnh-Đạo về Kinh, cho mặc áo nhà sư, tứ-danh là Pháp-đạo, để tỏ cái ý là bảo-hộ cho Phật-pháp.

Người nước Kim biết cái thế nước Tống bấy giờ đã suy, mới đem binh vào đánh nhà Tống ; vua Huy-tôn mới nhường ngôi cho con là Khâm-tôn. Được vài năm, binh nước Kim lại kéo vào vây hãm Biện-kinh, bắt vua Huy-tôn vua Khâm-tôn đem về bắc phương, từ đó đất Hà-bắc thuộc về nước Kim. Em vua Khâm-tôn là Cao-tôn lên nối ngôi, lại bị quân nước Kim sang xâm lấn, mới thiên-đô đến đất Lâm-an, gọi là nhà Nam-Tống.

Khi ấy thiên-hạ rối loạn, Phật-giáo cũng không thể chấn-hưng lên được, mà trong nước Tàu thì chia làm hai, phía Bắc là nước Kim, phía Nam là nhà Tống ; các đời vua nước Kim cũng sùng-phụng Phật-giáo, cũng có độ-tăng, dựng chùa ; đồng-thời ấy Phật-giáo bên Nam-Tống cũng thịnh, không kém gì nước Kim, cũng độ-tăng, viết kinh, lại sai người đi cầu Phật-pháp. Phật-giáo nam bắc khi bấy giờ thịnh nhất là Thiền-tông.

Về sau họ Mông-cổ khởi lên, nước Kim mất, ông Hốt-Tất-Liệt ra đời, lại diệt cả nhà Nam-Tống, thống-nhất cả thiên-hạ, hiệu là nhà Nguyên.

### TIẾT THỨ III

*Phật-giáo đời Nguyên* (1279-1367)

Nhà Nguyên mở cõi nước rất rộng, phía Đông đến nước Triều-tiên, phía tây đến giáp bộ đông-nam châu Âu, phía bắc đến đất Nội Mông-cổ, phía nam đến nước Diến-diện Qua-oa. Các đời đế-vương đều sùng-phụng Phật-giáo, làm cho diện-mục Phật-giáo lại nhất-tân. Đời ấy thì thịnh-hành nhất là Thiền-tông, mà tông Lâm-tế thì

chấn-hưng lên hơn cả, có ông Hải-Vân được các vị vương hầu sĩ thứ theo về y-qui. Vua Thái-tổ và hai bà hậu tặng cho ông hiệu là « Quang-thiên-chấn-quốc-đại-sĩ ». Vua Định-tôn, Hiến-tôn lại sai ông tổng-giám cả việc chư tăng trong thiên-hạ, vua Thế-tổ muốn xin thụ Phật-giáo, sau cũng thụ-giới ở sư Hải-Vân ; khi sư Hải-Vân mất, thụy là : Phật-nhật viên-minh đại-sư.

Học trò ông Hải-Vân là Khả-Am-Lãng, học trò Khả-Am-Lãng là Lưu Bình-Trung đắc-dụng với vua Thế-tổ, giúp vua thành được đế-nghiệp ; nên vua cũng trọng đãi, đến khi tịch, tứ hiệu là Văn-trinh ; tông Lâm-tế bởi thế càng thịnh.

Trước kia vua Thế-tổ phụng-mệnh vua Hiến-tôn đi đánh nước Tây-tàng bắt được thầy tăng Lạt-ma tên là Phát-ti-ba đem về ; từ đấy giáo Lạt-ma lại truyền đến Mông-cổ, Mãn-châu. Khi vua lên ngôi bèn nhận giáo Lạt-ma làm quốc-giáo, cho Phát-ti-ba làm đế-sư, tổng-giám cả Phật-giáo trong thiên-hạ, Phát-ti-ba lại phụng-mệnh sáng-chế ra chữ Mông-cổ, để phiên-dịch ra kinh điển rất nhiều, thanh-danh truyền khắp xa gần, trong triều ngoài dã, ai cũng qui-ngưỡng, thậm-chí đến tôn hiệu là : « Hoàng-thiên chi hạ, nhất nhân chi thượng, tuyên văn, phụ trị, đại thánh chi đức, phổ giác, chân trí, hựu quốc như ý, đại bảo pháp vương, tây thiên Phật tử, Đại-Nguyên đế sư ». Sau Phát-ti-ba về nước, bốn mươi hai tuổi thì mất, khi ấy là đời vua Thế-tổ năm Chí-nguyên thứ 17 (sau khi Phật tịch 1823, lịch tây 1280) vua nghe tin Phát-ti-ba mất, nhớ mến người cựu-đức, mới sai dựng một cái tháp lớn ở kinh-đô để tàng tinh xá-lỵ.

Từ đó về sau các đời triều Nguyên vẫn đặt chức đế-sư, đều là người Tây-tàng. Cuối cùng một vị đế-sư tên là Già-lân-chân ở về đời vua Thuận-đế. Người này thì chỉ khuyên vua vui chơi hoang-dâm. Phật-giáo đến đây đã hư hỏng nhiều, lại thêm giáo Lạt-ma nữa thì lại càng tệ-hại lắm ; cái thế-lực nó lan ra, nhà nước cũng vì thế mà suy kém.

Giáo Lạt-ma cùng với dòng Thiền-tông ở đời nhà Nguyên thực là rất thịnh. Vì là Phật-giáo cũng có trợ-lực nhiều cho nhà Nguyên, thống-nhất được thiên-hạ ; đến khi nhà Nguyên mà phải duyệt-vong, một nguyên-nhân cũng là bởi Phật-giáo.

### 1) *Giáo Lạt-ma ở Tây-tàng*

Phật-giáo truyền đến Tây-tàng là từ đời vua Song-tán-tư-cam phổ-vương, khoảng tây-lịch 600 năm. Vua Tây-tàng đồng-thời với vua Thái-tôn nhà Đường. Vua có hai nàng phi : một gọi là Văn-thành công-chúa là con gái vua Thái-tôn ; hai tên là Bố-ni-khố-cát, con gái vua Ni-ba-la ; hai nàng phi đều là tín-đồ trong Phật-giáo, đem lại tượng Phật kinh Phật rất nhiều, khuyên vua học theo đạo Phật. Bởi thế nhà vua cũng sùng-phụng Phật giáo, sau lại sai hơn mười người lưu-học-sinh sang nước Ấn-độ theo học Phật-giáo ; khi về nước theo lối chữ Phạm mà đặt ra lối chữ Tây-tàng, dịch ra kinh điển rất nhiều.

Truyền được vài đời, đến đời vua Khất-lật-song-đề-tán, lại chấn-hưng Phật-giáo. Năm kỷ-nguyên 747 (sau khi Phật tịch 1290) có đón một vị Liên-hoa-sinh-thượng-sư ở Ấn-độ sang, ông này tức là vị khai-tổ ra giáo Lạt-ma. Giáo ấy chỉ cốt về cái cách bí-mật trú-lực thì thân tức thành Phật.

Về sau những các sư ở Ấn-độ sang dịch kinh rất nhiều, phiên-dịch ra kinh-luận giải-nghĩa, làm cho Phật-giáo ở

Tây-tàng cũng thịnh lên nhiều. Đến đời vua Lăng-đạt-nhĩ-mã lên ngôi lại muốn phế diệt Phật-giáo, phá bỏ chùa chiền, đốt bỏ Phật-tượng và kinh sách, bắt các tăng-lữ phải hoàn-tục. Chửa được mấy năm thì vua Ba-lặc-khoa-nhĩ-tán lên nối ngôi, lại sùng đạo Phật, cho khôi-phục lại như cũ ; từ đấy phiên-dịch ra kinh điển rất nhiều. Đến thế-kỷ thứ 13, cơ-sở giáo Lạt-ma mới hơi vững-bền. Từ khi Hốt-tất-liệt lấn sang, giáo ấy mới lưu-hành ra ngoài Tây-tàng.

Thế-kỷ thứ 15, có thầy tăng Tôn-lạc-ba là một nhà trì-luật có tiếng, muốn cứu-chính lại cái thói chư-tăng đọa-lạc lúc bấy giờ, mới biệt khai ra một phái gọi là phái Hoàng-giáo, còn giáo cũ trước kia gọi là phái Hồng-giáo ; đó là theo cái sắc áo cà-sa mà mệnh danh tên giáo vậy.

Tôn-lạc-ba dựng ra chùa Cam-đan để ở, từ đấy cái thế Hoàng-giáo thắng được cái thế Hồng-giáo. Sau thành ra hai chúa Lạt-ma là : Đạt-lại với Ban-thiền. Đạt-lại ở về đất Lạp-tát thuộc về Tiền-Tàng, Ban-thiền ở về đất Trát-thập-luân-bố thuộc về Hậu-Tàng, đều thống-trị cả chính giáo trong nước Tây-tàng.

## TIẾT THỨ IV

### *Phật-giáo đời Minh* (1368-1663)

Triều nhà Nguyên vì việc chiến-tranh luôn mãi, và bọn Tăng Lạt-ma tham-lam ; tài-chính khốn quẫn ; sau lại bị phải kẻ quyền-thần chuyên hoạnh, triều-chính tồi-tàn. Đời vua Thuận-đế, kẻ quần-hùng nổi lên ; trung có ông Chu Nguyên-Chương hay dụng được người hiền, đắc nhân-tâm, thứ-đệ đi chinh-phục cả các nơi, bèn thống-nhất cả thiên-hạ, là vua Minh Thái-tổ.

Khi Thái-tổ còn nhỏ, thường làm một vị sư ở chùa Hoàng-giác, sau khi đã thống-nhất cả thiên-hạ, hết sức bảo-hộ cho Phật-giáo ; lại bảo-hộ cho cả Đạo-giáo Nho-giáo nữa, nhưng đối với Phật-giáo dựng chùa độ tăng rất nhiều, mà đối với bọn tăng-lữ thì lại xem xét những cách động-tác rất nghiêm. Lại bảo-hộ cho các thầy tăng về Thích-giáo và Đạo-giáo, có đặt ra Tăng-lục-ti, Đạo-lục-ti để làm tổng-giám, đặt ra tăng-cương-ti ở các phủ, tăng-chính-ti ở các châu, tăng-hội-ti ở các huyện, để làm chưởng-lý coi các thầy tăng, bảo-hộ cho bọn tăng-lữ đã qui-định ở trong pháp-luật như thế, lại hết sức hộ-trì Phật-giáo, xưa nay chưa có thế bao giờ.

Nhà vua lại bảo-hộ cho giáo Lạt-ma ở Tây-tàng, phong cho vị quốc-sư từ đời Nguyên tên là Nam-giả-ba-tàng-bốc hiệu là « Sí-thịnh-phật-bảo-quốc-sư » ; sau lại phong cho làm Pháp-vương, để thống-hạt tất cả các tăng-đồ về Phật-giáo trong bản-bộ mình

Đời vua Thành-tổ nhà Minh, năm Vĩnh-lạc thứ tư (sau khi Phật tịch 1919, lịch-tây 1406) có triệu ông Ngâm-lập-ma cho hiệu là : « Vạn-hạnh-cụ-túc-thập-phần-tối-thắng viên-giác-diệu-trí-tuệ-thiện-phổ-ứng hựu-quốc-diễn-giáo như-lai-đại-bảo pháp-vương tây-thiên-đại-thiện tự-tại phật » để tổng-giám cả các giáo-đồ về đạo Phật ; ở trong nước lại phong cho những đồ-đệ làm đại-quốc-sư, lại phong cho Ngâm-lập-ma làm Pháp-vương, rất là hậu-lễ trọng-đãi ; bởi thế các thầy tăng về giáo Lạt-ma theo nhau sang triều-cống luôn mãi

Khi ấy Thiền-tông rất thịnh vì là vua Thái-Tổ trước xuất-thân là một nhà sư, lại nhờ về cái sức của thầy thiền-tăng Đạo--Diễn mới lên được ngôi vua ; bởi thế phái Thiền-tông mới thịnh lên ở đời nhà Minh.

Triều nhà Minh, giáo Lạt-ma với phái Thiền-tông hai giáo đều thịnh cả, đến về sau giáo Tĩnh-thổ cũng thịnh. Đời vua Thần-tôn có ông Vân-thê-đại-

sư ra đời muốn dung-hợp cả hai tông-giáo là Thiền-tông với phái không niệm Phật làm một, hết sức chấn-hưng, bởi thế trong triều ngoài đã mới thịnh-hành cả hai giáo Vân-Thê tên là Thủ-Hoằng, hiệu là Liên-trì, ba-mươi tuổi mới xuất-gia đi tu, hành-cước đi các nơi để cầu pháp cũng trải nhiều năm, sau tu ở chùa Vân-thê châu Hàng, cho nên người đời gọi là ông Vân-thê ; đến đời vua Thần-tôn năm Vạn-lịch thứ 43 (sau khi Phật tịch 2158, lịch tây 1615) ông Vân-thê mới tịch, thọ 81 tuổi, những sách ông làm ra có tiếng là quyển *Trúc-song tùy-bút*, *Thiền-quan-sách-tiến*.

Về sau lại có ông Ngẫu-Ích đại-sư tên là Trí-Úc về phái Thiên-thai mới ra đời, lại xướng-minh về giáo Tĩnh-thổ ; ông không có nệ theo một tông-phái nào, chỉ chuyên làm cho dung-hợp cả Phật-giáo đời bấy giờ, đời vua Vĩnh-minh năm Vĩnh-lịch thứ chín (sau khi Phật tịch 2198, lịch tây 1655) ông mới tịch, thọ 51 tuổi. Sách ông làm ra như quyển *Duyệt-tạng-tri-tân* rất là có tiếng.

Ông Vân-thê với ông Ngẫu-Ích xướng lên cái thuyết dung-hòa chư tông Phật-giáo, để làm kết-thúc cho Phật-giáo, lịch-sử Phật-giáo nước Tàu hồi đó thực là một hồi vĩ-quan sau cùng vậy.

## V — Thời-đại Phật-giáo suy kém

*Thanh*

### TIẾT THỨ I

*Phật-giáo đời Thanh (1663-1911)*

Triều nhà Minh gặp khi nội-ưu ngoại-hoạn, đến đời vua Thần-tôn nước Mãn-Thanh mới quật-khởi ở phương bắc, lấn dần vào chiếm lấy đất nhà Minh, đổi quốc-hiệu gọi là nhà Thanh, diệt hẳn nhà Minh đi mà thống-nhất cả nước Tàu.

Đời nhà Thanh có Thánh-tổ Cao-tôn hai vua chú-ý chấn-hưng Nho-giáo, đối với Phật-giáo cũng có bảo-hộ nhưng không hết sức như trước. Giáo Lạt-ma thì vẫn cứ theo như chính-sách đời nhà Nguyên mà duy-trì. Đến đời vua Thánh-tổ Thế-tôn bình-định nước Tây-tàng, mới đều bảo-hộ cho cả giáo Lạt-ma, có đặt ra chức quan Trụ-Tàng đại-thần ở đất Lạp-tát và phái binh sang đóng ở đó để bảo-hộ cho chúa Lạt-ma.

Về sau giáo Lạt-ma mấy đời vẫn chịu triều Thanh bảo-hộ cho, nên mới lưu-hành khắp ra các nơi. Về phái Hoàng-y thì triều-đình tôn-sùng, phái Thanh-y thì dân-chúng vẫn tín-ngưỡng ; phái Thanh-y tức là Phật-giáo đã có từ trước, tuy có phân ra Hoa-tông, Thiên-tông, Mật-tông, Thiền-tông, Pháp-tướng-tông, Tĩnh-thổ-tông, mà kỳ-thực thì các tăng-tục đều không hiểu ý-nghĩa ra sao cả ; đó là Phật-giáo đã đến lúc suy kém vậy.

Cuối đời nhà Thanh các nước vào sâm-lấn, thế nước nguy ngập không lúc nào yên ; trong triều ngoài đã đều khiếp về cái học-thuật Thái-Tây nó mãnh-tiến, muốn đem cái học vật-chất hình-nhi-hạ để cứu-vãn lấy đồi-phong, mà phá-trừ hết cả những sự mê-tín đi. Những chùa chiền trong nước đều đổi ra làm trường học để dùng về sự công-ích, không biết bao nhiêu mà kể, không ai dám nói đến chuyện bảo-hộ cho Phật-pháp nữa.

Song những nhà văn-sĩ đời bấy giờ lại ra công nghiên-cứu Phật-học mà y-qui về Phật-giáo cũng nhiều, lưu-phong tràn ra, tư-tưởng người trong nước vì thế lại nhất-biến; những người trứ danh là : Dương Nhân-Sơn, Âu-Dương-Cảnh-Vô, Phạm-Cổ-Nông, Lý-Thúc-Đồng, xem lại đại-thế trong hoàn-vũ, Phật-giáo sau này lại thịnh lên chăng?

(Hết)

ĐÔNG-CHÂU *biên thuật*

# QUẢNG-NGÃI TỈNH CHÍ (1)

# 廣 義 省 誌

III

### III. — Sơn-phòng

Trên là nói về lịch-sử duyên-cách miền Trung-châu, còn lịch-sử duyên-cách miền Thượng-du cũng quan-hệ lắm, vì Liệt-triều đều phải tốn binh hao lực mới sắp đặt yên-ổn như ngày nay.

Miền Thượng-du Quảng-ngãi và các tỉnh Trung-kỳ có mọi ở, kể đã mấy mươi thế-kỷ nay. Chúng nó gốc người Mã-lai (*Indonésien*) ở phía nam Đông-Pháp. Người Mọi này đã lại nhiều đời, nên tính-chất hơi thay đổi một ít, nhưng thế nào mặc dầu cái tính cướp bóc và hãn-mạn hãy còn giữ làm cái bước đầu của dân ta trong xứ mới này phải nhiều lần khó-khăn.

Trước khi vua Thánh-tôn (1470) thu-phục thì là người Chàm ở, bản-tịch về Chiêm-thành, thành thử không rõ được.

Từ giữa thế-kỷ thứ 16 về sau mới thấy sách vở nói đến sự đánh Mọi và dụ Mọi.

Lịch-sử của các ông có công dẹp Mọi bắt đầu từ ông Bùi Tá-Hán.

Ông là người Bắc-kỳ làm quan đời Lê đến Bắc-quân Đề-đốc, sau lãnh chức Thiếu-bảo Trấn-quận-công, vào trấn Quảng-nam, ông khai-thác cho nước nhà. Đến năm 1558 đức Gia-dụ-hoàng-đế vào trấn Thuận-hóa, ông đem quân tiếp ứng.

Lúc bấy giờ Mọi còn hung-dữ, hay đánh phá cướp-bóc các miền Trung-châu, bắt trâu bò, dâm giết người, chẳng khác gì người Chàm khi trước. Chúng nó lại năng phá hơn người Chàm nữa, thường năm xuống cướp rồi chạy lên núi lên rừng ẩn núp, dân ta lấy làm sợ-hãi.

Ông Bùi Tá-Hán đem quân đánh dẹp yên rồi, ông lại lo ngự về ngày sau, nên ông mới bắt quân lính và dân-gian đắp ở Quảng-nam một cái thành dài, đầu này đến đầu kia để ngăn Mọi, rồi tiếp đắp Quảng-ngãi, đặt tên là đoạn Trường-lũy, vì đắp từng bảo riêng không phải liên-tiếp nhau, nay lên miền Mọi còn thấy di-tích lại, Mọi kêu là « Bảo ông Trấn », đôi nơi còn chuối mít cam quýt xanh tốt. Bây giờ trên Mọi có cúng tế thời tục cứ vái rằng « Thần-nông Hậu-tắc, Trấn-Bắc xứ-xang », Trấn-bắc là ông, nghiệm đó biết khi ông dẹp Mọi, chúng nó cảm cái ơn-đức oai-nghi của ông là dường nào. Đã gần bốn thế-kỷ mà dân dã-man ấy hãy còn truyền-tụng khấn vái như một vị thần để xin phù-hộ, vẻ-vang thay ! Khi ông mất rồi, phong-tặng chức Thái-bảo, tiền-triều khen ông rằng : « Sinh tiền trung-nghĩa, tử hậu ảnh-linh », nay có lập chùa thờ tại làng Thu-phổ phủ Tư-nghĩa, mộ ông cũng ở đó.

Đến năm Minh-mệnh thứ 13 gia-phong cho chức « Không-quốc thanh-biên thọ đức thượng-đẳng thần ».

Con ông là Bùi Tá-Thế, làm quan đến chức Tả-ương quận-công, cũng kế-thế cha mà dẹp Mọi, ông lập xã-hiệu làng Thu-phổ nay ở làng ấy còn con cháu đều xưng ông là thủy-tổ. Sau ông có đi vào Phú-yên, một ông Hòa-thượng gặp ông rồi mến ông mới khắc tượng gỗ chân-dung để lại chùa. Sau đến đời Lê Cảnh-hưng (1740-1786) người làng Hòa-vang (Quảng-ngãi) tên là Nguyễn Diên-Đô vào làm

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 181

quan ở Phú-yên thấy tượng ông mới tư sức làng Thu-phổ đem về thờ-phượng. Thế là trong một nhà hai cha con đều có công lớn đối với nước nhà.

Kế đến ông Nguyễn Bá-Huỳnh đến trấn Quảng-nam, Quảng-ngãi cũng dẹp Mọi được yên.

Đến năm canh-ngọ (1750 đức Thế-tôn Hiến-vũ hoàng-đế đặt sáu đạo đồn binh Quảng-ngãi để phòng Mọi. Mọi Đá-vách xuống phá. ông Nguyễn Cư-Trinh khi ấy làm Tuần-vũ Quảng-ngãi viết thơ dụ nó nhưng nó không chịu đầu, sau ông mới đem binh lên đánh, thời nó trốn hết. Ông nghĩ nếu đem binh về e nó phá lại, nên ông mới cứ làm trại sách chỗ sào-huyệt của nó, lập đồn-điền thiết Xích-hậu ở lâu, quân Mọi sợ ra đầu cả, ông kéo binh về, từ ấy về sau mười năm Mọi không dám loạn nữa. Ông Nguyễn Cư-Trinh người tỉnh Nghệ-an, sau ông làm Thượng-thư bộ Lại, hiện nay ở Thái-miếu có bài-vị thờ ông.

Năm tân-tị 23 (1761) chúng nó khởi lại, bị ông Đặng Đại-Lược đánh đuổi. Qua năm canh-dần (1770) niên-hiệu Duệ-tôn Hiếu-định hoàng-đế, Mọi tràn xuống đến tận thành « Đoạn-trường-lũy », ông Trần Phước đánh dẹp yên. Kế đến giặc Tây-sơn (1773-1802), trong 30 năm chỉ lo đánh nam đánh bắc, nên sáu đồn đạo Mọi lập năm 1750, đều bỏ phế cả, dân các làng diên-sơn phải tự lựa các người giỏi trong bạn thổ-hào thổ-mục bảo-trì lên làm, để tự giữ lấy nhau.

Qua năm giáp-tí (1804) là khi đức Thế-tổ đã thống-nhất rồi, quân Mọi khởi làm giặc, kéo xuống cướp phá dân ta, vua khiến Quận-công Lê Văn-Duyệt người làng Bồ-đề Quảng-ngãi đến trấn để đánh dẹp. Ông sai ông Nguyễn Công-Toản dẹp yên rồi tâu xin đặt sáu cơ chia ra làm từng trấn để ngừa giữ, có quân lính đội quản.

Đến năm mậu-dần 1818, tên Đội Trì vì thù các đội quân, lên Mọi khuyên chúng nó làm giặc xuống đánh phá các đồn. Khi ấy ông Lê Văn-Duyệt ở Sài-gòn, đức Gia-long vời ông về để dẹp. Ông về đến trấn, tên Đội Trì nghe tin ông, xuống thú, ông tha tội, rồi bảo trở lên dụ Mọi xuống, các đồn đánh cướp. Mọi xuống ông phục binh đánh bắt vô-số, rồi sai ông Nguyễn Công-Toản kéo quân lên đánh luôn trong hai năm, phá hết sách Mọi. Mọi ra đầu-thú, ông tha. Từ trận ấy, Mọi sợ ông như thần, gọi bằng « ông Bộ », không dám gọi tên.

Qua năm kỷ-mão thứ 10 (1819), ông tâu xin đắp theo cái « đoạn-trường-lũy » của ông Bùi Tá-Hán một cái thành đất dài, nam giáp phủ Bồng-sơn, tỉnh Bình-định, bắc giáp phủ Tam-kỳ, tỉnh Quảng-nam. Dọc theo lũy có đào hồ trồng tre, phía trước lũy là cõi Mọi, phía sau lũy có đặt 115 sở bảo, rồi lựa dân thượng-hạng các huyện đặt làm 27 lân, có chánh phó lân để hiệp với sáu cơ canh giữ và vỡ ruộng công trại cày cấy lấy lúa cho quân lính ăn. Thành ấy gọi là « Tĩnh-man trường-lũy » nghĩa là cái lũy để yên Mọi, nay ở miền Thượng-du hãy còn di-tích, tục thường gọi là « Thành mọi ».

Đây xin nói qua lịch-sử ông Lê Văn-Duyệt. Ông quán làng Bồ-đề, phủ Mộ-đức, tỉnh Quảng-ngãi, phò đức Thế-tổ đánh nam dẹp bắc trong 20 năm, thật có đại-công với bổn-triều. Ông làm quan đến chức Quận-công, sau vua sai đi trấn Gia-định, vì có người nhà lỗi phép, nên bị triều-đình nghĩ phạt.

Năm nhâm-thìn Minh-mệnh thứ ba (1832) đổi chánh phó tổng lân làm chánh-cửu-phẩm bá-hộ gọi sáu cơ là « tĩnh-man lục cơ ». Qua năm sau chuẩn quan Lãnh-binh ở tỉnh chuyên về việc giữ Mọi, (ông Lãnh-Hộ trước hết), và đặt sở Lãnh-binh ở làng Bồ-đề phủ Mộ-đức.

Năm bính-thân (1836) rút cơ-sáu đổi làm vệ nhất tỉnh Quảng-ngãi, còn năm cơ thì chia từng trấn mà giữ, từ ấy về sau ruộng

cung-cấp cho lính bỏ hết, hoặc cho các làng sở-tại lãnh-trưng, hoặc sung-công.

Năm 1837 chuẩn mộ dân 33 trại để làm hương-binh thuộc về cơ nhất.

Năm 1844 các quan quân-thứ Tôn - thất Bật và Ngụy Khắc-Tuần, tâu xin bãi hương-binh và phá tre trước lũy. Trước kia có 116 bảo, xin bớt hết 71 bảo, chỉ còn 45 bảo ở địa-đầu các chỗ xung-yếu.

Đến năm 1855, Mọi khởi làm giặc, mệnh ông Trần Tri đánh dẹp, lựa lân-dân đinh-tráng 800 người thúc làm đội Nghĩa-dõng, phát theo lương lính, giặc yên thì bãi. Cũng trong năm ấy sức đắp lũy lại và đặt 80 bảo. Năm sau lựa thêm dân để đánh giặc Mọi.

Từ năm 1857 chuẩn-giao quan Bố-chính ở tỉnh thương-đồng với quan lãnh-binh mà là việc.

Năm 1858 đến năm 1861 nhân nước ta ngoài thì giặc bắc, trong Nam thì khai-chiến với Bảo-hộ, quân Mọi làm loạn bắt người, giết lính, cướp trâu bò, phá đồn-bảo, tràn gần đến Cổ-lũy, dân Quảng-ngãi rung động. Khi ấy ông Nguyễn Tấn người làng Thạch-trụ phủ Mộ-đức làm Án-sát tỉnh Thái-nguyên (Bắc-kỳ) nghe tin, dâng sớ điều-trần phương-lược, xin về dẹp Mọi.

Tháng chạp năm quí-hợi (1863) ông đến nơi, lãnh chức Tán-tương, sau đức Dực-tôn liền cải cho làm Tiễu-phủ-sứ (Sơn-phòng đặt Tiễu-phủ từ ấy) Ông đi hỏi thăm các ông lão về cách dẹp giặc đời xưa thế nào, rồi ông đi xem hình-thế núi sông ; trong năm giáp-tí ất-sửu (1864-1865) ông lựa lính tập trận xong rồi ông mới kéo quân lên đánh, núi nào cũng lên, sách (làng mọi) nào cũng phá, quân Mọi kinh-khiếp, qua năm bính-dần đinh-mão (1866-1867) quân Mọi ra đầu-thú. Ông lần phủ-úy nó, rồi cho nó đồ ăn đồ mặc, không bao lâu thì mấy tên cử-mục các sách ra nộp thuế, chỉ còn Mọi « nước-đỏ nước-xanh » ở trên núi cao không đến được mà thôi. Từ ấy dân-tình đều yên. Ông còn nghĩ đến ngày sau, sửa lập các cơ-đội, khai đồn-điền để lấy lương nuôi lính, đặt đội dịch-man để thông tiếng Mọi, mở trường buôn bán để Mọi đem sản-vật của nó xuống đổi với hàng-hóa của mình, còn tên « Tĩnh-man trường-lũy lại đổi làm « Tĩnh-man quân-thứ » từ năm 1865.

Ông lại nhân đó mà đi lịch-duyệt miền Thượng-du suy xét tính-tình Mọi, sau ông đem sự lịch-lãm của ông mà ghi chép trong sách « *Phủ nam tạp lục* ». Nay ta cũng nhờ sách ấy mà khảo-cứu lịch-sử duyên-cách miền Mọi khi ông trấn đó, Mọi gọi ông là « ông Trời ». Khi ông mất rồi, tướng-sĩ có lập miếu dựng bia để ghi công-đức ông ; còn Mọi thì lớn nhỏ già trẻ rủ nhau xuống khóc đưa đám tang ông.

Từ xưa đến nay dẹp Mọi chỉ có ông là công-đức nhiều lắm.

Kế đến ông Đỗ Đăng-Đệ nối làm. Sau ông về Tham-tri bộ Lễ, cử ông Huỳnh Quang người làng Lộ-bôi, huyện Đức-phổ Quảng-ngãi thay.

Đời ông Huỳnh Quang thì chỉ làm Tán-tương. Sau ông Huỳnh Quang thì tới quan Tiễu-phủ Nguyễn Thân.

Ông Nguyễn Thân con ông Nguyễn Tấn, đầu làm Bang-tá đồn Lỗ-tục Bình-định, rồi về làm Tiễu-phủ Sơn-phòng, sau ông đi Tổng-đốc Bình-định, thì ông Trịnh Thể thay làm Tiễn-phủ.

Trước đời ông Đỗ Đăng-Đệ thì Sơn-phòng chỉ trị riêng Mọi Quảng-ngãi, từ đời ông về sau mới kiêm cả Mọi Bình-định gọi là Nghĩa-Định quân-thứ (1876), đến năm 1881 mới cải làm Nghĩa-Định Sơn-phòng, có chia ra làm Nghĩa-phòng và Định-phòng, và thiết ba châu, mỗi châu có một Tri-châu một Bang-tá.

Về các quan võ Nghĩa-Định Sơn phòng thì trên có chức Đề-đốc, dưới có ba

[illegible] rồi dưới chia ra làm quản-cơ [illegible] phó suất-đội. Đời quan Nguyễn [illegible] làm Tiểu-phủ, thì quan Tiểu-phủ [illegible] phần đất Quảng-ngãi, có hai Lãnh-binh, còn quan Đề-đốc thì đóng ở Bình-định, có một Lãnh-binh. Dinh chánh Nghĩa-phòng ở tại cơ nhất, tức là đồn Đức-phổ bây giờ. Dinh chánh Địch-phòng ở tại Lỗ-thục Bình-định.

Khi ban đầu quan Tiểu-phủ cầm quyền, nhưng có phiến tấu thì phải đứng dưới quan Đề-đốc, vì quan Đề-đốc hàm chánh [illegible] mà quan Tiểu-phủ hàm chánh-tam, nên phải chiếu theo hàm mà đứng trên dưới. Về sau ở triều giao quyền lại quan Tiểu-phủ đứng đầu.

*Các đồn chánh của sáu cơ về Nghĩa-phòng* : 1. — Cơ nhất đóng ở đồn Đức-phổ tức là đồn bây giờ ở tại làng Vạn-lý. Khi ấy có thành đất thật rộng, trong có dinh-thự ; còn cái nền xây cao bên đồn bây giờ tức là cái kỳ-đài khi trước. Cơ nhất chính là chỗ đồn của quan Tiểu-phủ đóng.

[illegible] — Cơ nhì đóng ở huyện cũ Nghĩa-hành tức là đối-diện bên kia sông với huyện bây giờ.

[illegible] — Cơ ba đóng ở làng An-tây, huyện Đức-phổ trong phần đất của cơ nhất.

[illegible] — Cơ tư đóng ở chợ Tam-bảo, tổng [illegible]-trung, huyện Nghĩa-hành.

[illegible] — Cơ năm đóng ở xứ đồng-dài, huyện Đức-phổ, giáp-giới với đồn Lỗ-[illegible] Bình-định.

[illegible] — Cơ sáu đóng ở đồn An-hòa Kim-[illegible] tức là đồng Ké, phủ Sơn-tịnh bây [illegible].

*Như vậy phần đất của sáu cơ ấy coi* : 1.— [illegible] nhất giữ về Mọi Khánh-giang, Trường-[illegible] đồn Ba-tơ.

[illegible] nhì giữ về Mọi Minh-long.

[illegible] ba giữ về Mọi Thường-an Vúc-[illegible]

[illegible] tư giữ về Mọi của đồn trấn-[illegible].

5. — Cơ năm giữ về Mọi Đá-vách Đức-phổ.

6. — Cơ sáu giữ về Mọi Sơn-hà, Trà bồng.

*Binh-bị của sáu cơ.* — Đời quan Tiểu-phủ Nguyễn Thân là đời toàn-thịnh của Sơn-phòng. Tất cả số lính của Nghĩa-Định Sơn-phòng là 6.000 người, có chia ra thượng hạ ban, thuộc về Bình-định 2.000 về Quảng-ngãi 4.000. Lính ấy tuyển dân các làng duyên-sơn, trước đời ông Nguyễn Thân thì quan Tiểu-phủ phải tư về tỉnh để tỉnh sức các làng đem dân lên Sơn-phòng mà tuyển ; đến đời ông Nguyễn Thân thì ông sai thuộc về đến các làng diên-sơn tuyển lấy. Mỗi cơ lính đông ước trên 500, còn có hạng lính chiến-binh thì thuộc riêng về quan Tiểu-phủ, khi đầu 500 người, sau thêm 100 nữa là 600. Lính chiến-binh thì dùng nhung-y sắc đỏ, còn lính cơ thời dùng áo xanh kẹp nẹp đỏ.

Trước kia lính ra đánh, dùng giáo mác cờ và súng xưa, nên Mọi ít sợ ; đến đời quan Nguyễn Thân có dùng được 20 khẩu súng khai-phúc và 20 khẩu súng hoa-kỳ nên Mọi khiếp sợ.

Ngoài ra lính lại các làng diên-sơn còn lựa lân-dân làm lân-binh. Vì như tuyển được 20 lính thì làng ấy phải có [illegible] lân-dân cũng có cơ-ngũ như lính, trên có đặt quản-lân và đội-lân như cách sắp đặt đoàn-kết bây giờ. Kể cả sáu cơ Quảng-ngãi được 4.000 lân-dân.

Phần việc lân-dân lại khổ hơn lính. Ngày thường thì Lân-dân phải tuân [illegible] trong địa-diện mình và chuyên chở và hạng cho các cơ. Khi đi đánh giặc [illegible] lân-dân vận-tải lương-thực và cũng [illegible] phải xuất trận nữa. Lân-dân thì không có cờ có súng, chỉ có mỗi người một cây giáo, trên có lưỡi sắt, Quảng-ngãi bây giờ mấy làng gần núi có nhiều ông già sức còn mạnh mà tuổi cao lắm, là vì khi [illegible] muốn trục cho cao tuổi, mau ra nhiều khỏi làm lân-dân.

Ở Sơn-phòng rất náo-nhiệt là kỳ thao-diễn. Mỗi năm thao-diễn một lần, nhằm kỳ tháng ba. Khi thao-diễn thì có làm phố-xá, lều-chợ để cho khách đem hàng-hóa đến bán và người Tam-kỳ ở Quảng-nam, người Tân-quan ở Bình-định ra mua bán. Tiếng nói là thao-diễn mà khác nào một đám hội lớn. Khi thao-diễn thì lính thượng-hạ ban và lân-dân đều đòi tới bản-dinh ở cơ-nhất cả. Thao-diễn có tế cờ, lễ tế cờ rất nghiêm. Quan Tiểu-phủ sức hạ lệnh ngày nào tế cờ, thì khi ấy ba bốn ngày các cơ các đội phải đem lính ra tập, chia làm tiền-quân trung-quân và hậu-quân ; ba hạng cùng dân ra đi, có võng lọng và cờ xí đao mác rất là nghi-vệ. Đến ngày tế cờ thì khi ba giờ khuya quan Tiểu-phủ ra đi tế, lính áp bầu kéo đi như khi thao-diễn, từ chỗ dồn đến chỗ tế cờ ước ba cây số, mà đi từ ba giờ khuya cho đến mười giờ sáng mới về.

Thao-diễn xong rồi cho lính nghỉ-ngơi ăn uống, khi ấy thì vật trâu bò heo của Mọi đem xuống cung-đốn mà khao lính. Cách đó 50 ngày, rồi quan Tiểu-phủ mới định ngày đi « vãn » nghĩa là đi hành-hạt, đi giáp cả Mọi Quảng-ngãi, đi hướng nào tùy quan Tiểu-phủ định, phần nhiều là từ Cơ-nhất đi lên Ba-tơ, qua Minh-long lên Sơn-hà rồi về.

Một lần đi « vãn » ước một tháng, quân lính kéo đi đầy non đầy núi, tới đâu Mọi phải đem bò heo ra khao quân, nghĩa là điệu-võ cho Mọi khiếp-phục không dám làm giặc nữa. Nhân thế bọn Mọi phần thì thấy quân-dũng của Sơn-phòng rất nghiêm, phần thì khổ về sự cung-đốn, nên không dám nổi loạn.

Năm Thành-thái thứ 11 (1899) bãi các đồn, bảo, triệt bỏ Sơn-phòng, lại chia ra làm sáu cơ lập thành ba châu :

1) Châu Sơn-tịnh về cơ Sáu gồm có hai nguồn Thành Cù, Thanh-bồng và chia làm 7 tổng : Sơn-thượng Sơn-trung Sơn-hạ Sơn-thạch Sơn-bồng Sơn-thuận và Sơn-thọ ; lỵ-sở ở địa-phận làng An-hòa Kim-thành.

2) Châu Nghĩa-hành gồm cả cơ Nhất hai tổng (Thuận-hành và Hòa-hành), cơ Nhì hai tổng Lạc-hành và Lợi-hành), và cơ Tư một tổng (thuộc về Lạc-hành), cộng tất cả năm tổng ; lỵ-sở ở tại địa-phận hai làng Vạn-xuân và Bản-thạch.

3) Châu Đức-phổ gồm cơ Ba, ba tổng (Phổ-an Phổ-thuận và Phổ-thành), cơ Năm một tổng (Phổ-triềm), cộng cả bốn tổng : lỵ-sở ở tại địa-phận ấp Vạn-lý. Nhưng mỗi châu cũng có một hai tổng An-Nam.

Mỗi châu có đặt một Tri-châu, một Bang-châu, một Lại-mục, hai Thông-lại và một Lệ-mục để coi mười tên lính

Mỗi tổng có đặt Chánh-tổng và Phó-tổng, nhưng thuộc về tổng Mọi thì chánh-tổng đặt người dịch-man, còn phó-tổng thì đặt người Mọi giàu. Các món thuế đều thâu nộp tại châu.

Đến năm Thành-thái thứ 13 (1901), trích mấy tổng An-Nam nguyên trước thuộc về ba châu ấy nhập về Trung-châu để hiệp với các tổng Thượng-bạn Bình-sơn Tư-nghĩa và Mộ-đức để làm ba huyện như đã nói rõ trong chương lịch-sử trung-châu, còn bao nhiêu tổng Mọi của ba châu ấy đổi làm ba đồn.

1° Đồn Đại-lý ở Làng Ri (nguyên trước là châu Sơn-tịnh).

2° Đồn Ba-tơ (nguyên trước là châu Đức-phổ .

3° Đồn Minh long (nguyên trước là châu Nghĩa-hành).

Tại đồn Đại-lý Làng Ri có đặt một quan-ba kiêm chức quan-một đồn ấy và kiêm cả hai đồn nữa, còn hai đồn Minh-long Ba-tơ thì đều đặt một chức quan-một để coi lính.

Trong ba tổng ấy đều có đặt một quản-đốc An-Nam để cai-trị các tổng sách, và đốc-suất các chánh - tổng sách - trưởng khuyên dụ Mọi khai sổ đinh điền. Quản đốc lương mỗi tháng 18 $ 00, chánh-tổng 12 $ 00. Thuế chia làm hai hạng : Mọi

Minh-long Ba-tơ, vừa thuế đất thuế người thuế bếp chỉ nộp chung là 1$00. Còn Mọi bảy tổng thuộc về Làng-Rí phải chịu thuế ruộng thuế người như thuế dưới Trung-châu. Các hạng thuế đều cho Mọi dùng sản-vật như lúa cau trầu, chè mà khấu-nạp; chánh-tổng phải nhận vật-hạng ấy phát-mại lấy tiền đến nộp tại đồn. Mỗi đứa Mọi phải đi 15 ngày công-ích chia ra làm ba: 5 ngày làm đường quan, 5 ngày làm đường làng, 5 ngày làm tại đồn; còn không đi xâu (sưu thì phải nộp 1$00.

Năm Duy-tân thứ hai (1908) vì dân các hạt Trung-châu náo-động xin xâu, ba đồn ấy mới dời về Trung-châu, để tiện cầm-phòng người An-Nam và Mọi.

1) Đồn Làng-Rí giảm Đại-lý, dời xuống địa-phận làng An-hòa Kim-thành huyện Sơn-tịnh, cải làm đồn Sơn-tịnh.

2) Đồn Ba-tơ dời về ấp Vạn-lý huyện Đức-phổ cải làm đồn Đức-phổ.

3) Đồn Minh-long dời về địa-phận làng Phú-lâm-tây huyện Nghĩa-hành, cải làm đồn Nghĩa-hành.

Mỗi đồn đều có một quan-một (thiếu-úy) để coi lính và một quản-đốc để coi các sách Mọi y như trước.

Cũng trong năm ấy nhân-dân trung-châu náo-động xin xâu, Mọi hạt Ba-tơ khởi loạn đánh phá các làng và kéo đến đồn Đức-phổ, nhưng còn cách hai cây số thì nhờ có một viên đội lính-tập phục đánh giết được 85 đứa, còn phần thì các làng An-nam tiếp cứu giết luôn được 11 đứa nữa; Mọi phải xin đầu và trả tù lại. Chúng nó ra đầu-hàng tại đồn Liệt-sơn, có một con Mọi gái thay mặt mà giao-tiếp, tỏ trong lúc ấy có một cái thông-minh và nghị-lực hiếm có.

Đến năm Duy-tân thứ 10 (1916), miền Mọi thuộc về đồn Sơn-tịnh được ninh-thiếp, nên giảm chức quan-một, còn đồn thì đổi làm thổ huyện Sơn-hà gồm có hai làng An-nam Hà-tân Hà-thành nữa, huyện-lỵ tại làng Lê-lang, tổng Sơn-hạ, tức là lỵ-sở đồn Kiểm-lý bây-giờ, do một viên tri-huyện coi-trị; tất cả cộng là bảy tổng: Sơn-hạ Sơn-trung Sơn-thượng Sơn-thạch Sơn-bồng Sơn-thuận và Sơn-thọ; còn hai đồn kia để y, qua năm sau Khải-định thứ 2 (1917) mới cải đổi như sau:

1) Đồn Nghĩa-hành, dời trở về Minh-long hạt Mọi, có một quan-một để coi lính và một quản-đốc để coi-trị năm tổng: Thuận-hành Hóa-hành An-hành Lợi-hành và Lạc-hành.

2) Đồn Đức-phổ dời về Ba-tơ hạt Mọi, cũng có một quan-một để coi lính và một quản-đốc để cai-trị ba tổng: Phổ-an Phổ-thuận và Phổ-thành.

Đến năm Khải-định thứ tám (1923), nhân có án của viên quản-đốc Hồ Kỳ-Trân tấu lên Tiên-đế thấy hai chữ « quản-đốc », bên châu-cước hai chữ « Kiểm-lý » một bên; từ ấy đến nay quản-đốc cải làm Kiểm-lý.

Nhưng từ năm Khải-định thứ sáu (1921), bọn Mọi Đinh-Tôm sách Na-ba, tổng Sơn-trung, huyện Sơn-hà khởi làm giặc không chịu thuế, đốt phá làng Hà-thành dân phải chạy trốn hiểu-trấp mà không chịu đầu; qua năm Khải-định thứ mười, ngày tháng tám rút mười tên lính tập ở đồn tỉnh lên nã được bọn Đinh-Tôm giải-nạp, nhưng lúc nã bắt Đinh-Tôm có bắn lầm nhằm ba đứa Mọi chịu thuế làng Na-ba, thành-thử bọn thân-thuộc chúng nó rủ bỏ sạch đi trốn, rồi cứ lên xuống đốt phá hai hạt Tư-nghĩa và Sơn-tịnh, giết hết 12 người An-nam, quan tỉnh mới xin chia huyện Sơn-hà làm hai đồn: Sơn-hà và Trà-bồng để tiện cầm-phòng, nhưng chưa mông y. Còn bọn Mọi giặc cứ phá mãi, sau cũng lần-lần tiệm bình.

Ngày tháng 5 năm Bảo-đại thứ hai mới có giấy y cho phân bảy tổng huyện chia làm hai đồn:

1. — Đồ Trà-bồng gồm ba tổng: Sơn-bồng Sơn-thuận và Sơn-thọ.

2. — Đồn Sơn-hà gồm bốn tổng : Sơn-hạ Sơn-trung Sơn-thượng và Sơn-thạch.

Mỗi đồn đều đặt chức Kiểm-lý coi-trị, việc quan đều thuộc về tỉnh tòa như các phủ huyện khác.

## IV — Lịch-sử bảo-hộ

Bây giờ ta hãy thử xem cái phương-diện khác của lịch-sử Quảng-ngãi, nghĩa là từ khi tỉnh này khởi đầu thụ Bảo-hộ của Đại-Pháp đến nay.

Ở đây cũng như ở các nơi khác, cái bước đầu Bảo-hộ có trải qua nhiều kỳ khó-khăn, hoặc vì có cảm-tình dân-tộc hoặc vì phong-trào kích-thích. Năm 1885 đều sau khi vua Hàm-nghi bôn-bá, mấy tỉnh nổi lên, ta thường gọi là giặc « Nghĩa-hội ».

Ở Quảng-ngãi Cử-nhân Lê Trung-Đình và Tú-tài Nguyễn Tân làm đầu đảng, tương thông với Quảng-nam và Bình-định để hiệp sức cùng nhau. Quảng-ngãi khởi đầu ra lệnh.

Đình và Tân mộ hương-binh đánh lấy tỉnh-thành, bắt ông Bố-chánh Lê Đoan giam tại đình chánh-lộ rồi tôn ngài Truy-lý lên làm vua (Khi ấy ngài Truy-lý nhân có việc an-trí tại Quảng-ngãi, nên bọn Đình Tân khởi loạn hiếp ngài). Chiếm-cứ được hai ngày, qua hôm sau quan Tiểu-phủ-sứ Nguyễn Thân đem quân Sơn-phòng xuống, đến làng Chánh-lộ đóng lại, rồi sai người vào tỉnh thương-thuyết với Cử Đình Tú Tân ; mở cửa thành ra tiếp ; tức-thì quan Sơn-phòng kéo ùa vào giết Tú Tân và bắt Cử Đình; ông Nguyễn Thân thấy Cử Đình có tài muốn dùng, nhưng vì ông Đề-đốc Sơn-phòng Đinh Văn-Hội hạ lệnh giết, nên ông phải vâng.

Sau khi giẹp yên Cử Đình Tú Tân rồi, quan Nguyễn Thân kéo vào Sơn-phòng, còn ở tỉnh thì trả lại cho quan tỉnh. Khi ấy ông Hường-Hiệu làm đầu Nghĩa-hội ở Quảng-nam, sai quân vào đánh Quảng-ngãi, đánh đã nhiều trận, hại được quan Lãnh-binh ở tỉnh là ông Trần Giã. Khi ấy hình như cái thế Nghĩa-hội Quảng-nam thịnh, Bình-định nghe tin muốn hiệp với Quảng-nam để hai đảng giao đánh ông Nguyễn Thân.

Bùi Điền và Mai Xuân-Thưởng làm đầu Nghĩa-hội ở Bình-định, Bùi Điền coi từ hạt Phù-mĩ ra Bồng-sơn, còn mấy hạt trong thì giao cho Mai Xuân-Thưởng, Bùi Điền cùng với Trần Cang kéo quân ra Quảng-ngãi. Ban đầu định ra Sơn-phòng, ra đến Mộ-đức bắt được một tên lính Sơn-phòng đi chợ, đem tra hỏi thì nó khai rằng ông Nguyễn-Thân về ở Thu-xà, không ở Sơn-phòng. Bùi Điền mới chia quân ra làm hai đạo, giao cho Trần Cang đem quân lên vây Sơn-phòng, còn Bùi Điền thì kéo thẳng ra tỉnh. Các quan tỉnh đóng cửa thành, hình như quan Bố-chính bấy giờ đem bò heo ra khao cho quân Bùi Điền. Có người chạy xuống Thu-xà phi-báo cho ông Nguyễn Thân hay, lúc ấy ông về ở Thu-xà không có binh lính, chỉ có mấy tên lính hầu mà thôi, ông lập tức lên ngựa đi với mấy người tùy-tương và mấy tên lính hầu, tất cả là 18 con ngựa đi luôn đêm, tuốt lên trên cơ tư ở về chợ Tam-bảo Nghĩa-hành để lấy quân-cơ đi về Sơn-phòng. Nhưng ở cơ-tư thì quan Lãnh đang sai quân đi tuần trong Mọi chỉ còn có 80 tên lính, ông bắt thúc cả lân-dân cơ ấy kéo quân về đóng cả ở làng Phường-an, rồi cho người xuống Sơn-phòng dò-thám, thì tiếp được quân về tin rằng Trần Cang đến Sơn-phòng không có ông Tiểu-phủ-sứ ở đó thì anh ta cho lính đi săn-bắn chơi bời, ngày hôm ấy có săn được một con nai về làm rượu, anh ta và lính-tráng hiện đương đánh chén. Ông Nguyễn Thân bèn lập-tức kéo quân xuống phòng, thì quả-nhiên Trần Cang say rượu đang nằm ngủ. Ông áp quân vào đánh, và lính trong phòng cũng đánh ra, nửa đêm Trần Cang hoảng-hốt, vừa tướng vừa quân chạy tán-lạc cả. Quân ông Nguyễn Thân cướp được một cái siềng của Trần Cang, đem theo, trong siềng có một cái ấn Tán-tương

của Trần Cang, ông Nguyễn Thân lấy ấn ấy bảo viết tờ tư cho Bùi Điền ở tại tỉnh-thành nói rằng : Quân Bình-định đã bắt được ông Nguyễn Thân giam ở Sơn-phòng, mời Bùi Điền lên. Bùi Điền tiếp được thư ấy, thấy có ấn Tán-tương thật, bèn tin, lập-tức kéo quân đi. Khi thơ đến tỉnh đã chiều rồi, Bùi Điền kéo quân suốt đêm lên Sơn-phòng. Đàng kia thì ông Nguyễn Thân đem quân phục ở Tú-sơn là con đường Bùi Điền phải đi ; quan-quân nằm dưới cống (tục gọi là cống thợ rèn) và hai bên mé đường, Bùi Điền kéo quân đến, quân phòng phát lệnh và ó lên đánh. Quân Bùi Điền đều kinh-hoảng chạy tản cả, bị chém giết vô-số. Bùi Điền chạy xuống làng Quí-lâm rồi thu quân đi đường bể về Bình-định.

Sau trận ông Nguyễn Thân đánh với Nghĩa-hội Bình-định, rồi tiếp tới Nghĩa-hội Quảng-nam kéo vào một lần nữa. Hường-Hiệu thì đóng quân ở Bến-váng, chỉ sai mấy ông hộ-tướng vào đánh. Đem quân vào đến làng Yên-trì (Cầu-cháy), ông Nguyễn Thân được tin báo kéo quân về đóng tại đình làng Chính-lộ, ủy cho quan Án-sát tỉnh kéo quân ông đi, quan Án thì ngồi trên một con voi có che lọng, rất nghiêm-chỉnh, cứ đàng cái quan kéo ra mà cự đánh. Còn ông Nguyễn Thân thì dẫn một đạo quân khác đi vòng ngõ Châu-nhai qua làng Trà-bường để bọc bậu. Quân hai bên nổi đánh, quân Quảng-nam thừa ngọn gió thổi dùng trái mù đánh vào quân Quảng-ngãi (tức là quân của quan Án kéo ra ông Nguyễn Thân còn ở đồng ruộng Trà-bường xem thấy quân Quảng-ngãi đã loạn hết, ông đã sai tên tỳ-tướng cùng ông chạy về Châu-nhai. Không ngờ ngọn gió đóng thổi mù khói quật lại quân Quảng-nam, quân Quảng-ngãi thừa-thế đánh lại, ông thấy thế quân mình mạnh, bèn đốc-suất giáp chiến ; quân Quảng-nam thua chạy về, còn Hường Hiệu ở Bến-váng nghe tin quân thua kéo về Quảng-nam.

Xét hai trận ấy, vì Quảng-nam và Bình-định đều thù ông Nguyễn Thân mà cố đánh, nếu như người khác thì đã khiếp sợ mà thoái lui, nhưng ông Nguyễn Thân đối-phó hai bên đều được thắng-lợi cả, thế mới biết ông là người có can-đảm và có thao-lược.

Năm 1893 để khởi lại, nhưng lần này mau dẹp yên.

Kế đến năm sau 1894, là lúc sở thương-chính Cồ-lũy mới lập, dân nổi lên đánh phá trong đêm mồng 7 rạng ngày mồng 8 tháng chạp, quan Thương-chính REGNARD chỉ có một cây gậy kháng-cự không nổi, phải chạy trốn trên cửa gác. Dân phóng-hỏa nên phải vọt xuống, bị dân giết. Sau tìm được tử-thi đem an-táng tại nghĩa-địa Quảng-ngãi ở núi Bút.

Cũng trong lúc ấy thành tỉnh bị hãm đánh, sau nhờ có thằng bồi báo ông chủ giây thép JEANDRAT và quan Lãnh-binh ra bắn, dân phải giải-tán chạy hết.

Xét ra là cử Vịnh làm đầu, do có tiếp giấy của Phan Đình-Phùng bảo để-khởi, nã bắt rồi ít ngày xử-tử.

Năm 1896 tên tuần Đức người làng thi-phồ Mộ-đức có vào đảng cách-mệnh ở phía bắc Trung-kỳ làm đầu đảng xui dân khởi loạn, may mà biết trước bắt được tên ấy nên khỏi khởi ra.

Từ ấy về sau dân-gian an-cư lạc-nghiệp được 12 năm.

Năm 1908 các nhà cách-mệnh xuất-dương ở ngoại-quốc gửi thơ về khuyến-khích trong ba tỉnh Quảng-nam Quảng-nghĩa Bình-định đều có phong-trào Duy-tân. Ở Quảng-ngãi Ấm-Loan và Bố-Khiết làm đầu, các văn-thân lập Hội-thương diễn-thuyết cải-lương phong-tục và khuyến nhân-dân hớt tóc, bận áo cụt như các nước văn-minh bên Thái-tây. Văn-sĩ phần nhiều hớt tóc để làm gương cho bọn bình-dân, còn các đình chùa miếu vũ nhiều nơi bị đốt phá. Chẳng bao lâu mà phong-trào ấy xoay qua có chiều cách-mệnh, nhiều người bị bắt. Ở

Quảng-ngãi bắt Lê Đình-Cẩn đem tra hỏi, không chịu khai, sau mới đầy lên Làng-Rí ở Thượng-du.

Đến buổi mai ngày 10 tháng 4 năm 1908, nghe tin dân Quảng-nam đã kéo đến tỉnh thành, dân Quảng-ngãi ăn mặc rách rưới rủ nhau kéo đến tỉnh thành xin thuế: khi đầu 400 người, sau đến hơn 1500 người, ngồi chật thành-phố. Các quan và các ông cử tú (không theo đảng ấy, ra hiểu khuyến bảo về lo làm ăn, mà càng hiểu thì lại càng đến. Các phủ huyện đều chạy về tỉnh cả.

Quan sứ Dodey sức đóng cửa thành, khi ấy quan Tuần-vũ và quan Án-sát bị đồi.

Chiều lại quan sứ phái quan Lãnh-binh ra bắn, bị chết và bị thương hết năm ba người, khi ấy dân mới chịu tản ra khỏi cửa thành, tránh đường cho xe ngựa vận-tải vào tỉnh,

Dân-cư ở mãi qua ngày thứ ba, quan Sứ mới sức truyền rằng: nếu không giải-tán thì sẽ sức bắn, dân mới chịu đi. Bố-Khiết Ấm-Loan và nhiều người khác nữa bị bắt, Loan Khiết tống ra Huế.

Nhưng chỉ được yên chỗ tỉnh-thành, còn ở thôn-quê lại càng náo-nhiệt lắm. Một tóp dân hơn 4.000 người đi bắt bà con Lãnh-binh và vợ con lính tập đem nhận nước.

Lần này cả tỉnh đều nổi lên, dân-chúng tự-do nhóm họp ở các đình chùa, đánh mõ, đánh trống luôn ngày luôn đêm, giấy thông-tin với nhau thì viết trát đề « lục phủ huyện dân ». Một toán lính-tập bị dân áp đánh trên con đường Thu-xà, lính bắn lại một đôi người bị thương và chết, còn bao nhiêu thì chạy hết. Ba ngày sau dân kéo vây thành lại, một toán lính 100 người ra vi bắn dân bị thương và chết hết 150. Sau có lính khố đỏ Bắc-kỳ và có binh tây kéo đến Quảng-ngãi đóng trú lại tỉnh-thành phòng giữ, còn lính tập thì đưa các phủ huyện về làng hiểu-trấp và phát bài-chỉ thu thuế, các làng có thanh-tích thì lính đến soát và hạ tre; lao tỉnh đầy cả tù, ước tám chín ngàn người; tòa án Tây Nam kết năm ba cái án tử. Đến ngày 24 tháng 4, đem Ấm Loan và Bố Khiết ra xử tử trước mặt các phạm khác, bêu đầu ba ngày, còn phần nhiều thì đầy Lao-bảo. Vì thi-hành nghiêm-pháp ấy nên trong 24 ngày yên được. Loạn ấy tục gọi là « Loạn cúp tóc ».

Các mầm phiến-loạn ấy chưa phải dứt tuyệt đâu, chỉ chờ một cơ-hội tốt thì nẩy ra. Cơ-hội ấy ở Quảng-ngãi xảy ra năm 1916, trong lúc Âu-chiến đương kịch-liệt

Lần này không may thì nổ ra to lắm, sẽ lan khắp tất cả các tỉnh Trung-kỳ, vì họ lợi-dụng khi Âu-chiến và cổ-động binh-lính phần nhiều nghe theo, nhưng vì sao mà khỏi nổ ra?

Định tối mồng 3 tháng 5 là một đêm không trăng thời khởi lệnh khắp lất cả trong nước. Nhưng ban chiều ngày mồng 3 ấy, nhân vì đồi gác, nên một tên lính tập ở tỉnh phải đồi lên đồn Ba-tơ.

Tên lính này có một người anh tên là Võ Huệ lính dõng ở ti « niết », nó mới chạy tin với anh nó rằng tối nay có giặc, để cho anh nó biết trước mà tìm đường lánh thân. Không ngờ anh nó chạy báo với quan án-sát Phạm Liệu. Khi ấy quan Sứ và quan Tuần-vũ đi hành-hạt chưa về, quan Án ra đón báo tại cửa tây, xe điện gần tới nơi về đến tỉnh. Tức-thì quan Sứ De Taste điện tòa Khâm biết và xin một toán lính tây. Chiều ấy phòng-vệ mười phần nghiêm-mật, bắt trước được mấy tên đầu đảng và mấy tên lính tập sắp sửa ra khẩu-hiệu. Tiếp đến toán lính thuộc-địa thứ chín kéo đến giúp sức để cầm-phòng. Ở hạt Sơn-tịnh có một tóp dân đã kéo đến huyện-lỵ, bị lính vi chạy tản hết, bắt được ít tên có dao, áo. Ngày mồng 10, đem đầu đảng Nguyễn Súy hai tên lính

tập, do một tên làm loong-toong tòa Sứ và hai tên phạm khác xử-tử tại Quảng-ngãi. Còn tên lính Võ Huệ vài năm sau được bổ chức Lãnh-binh.

*Thanh-niên.* — Năm Bảo-đại thứ hai 1928 lại xảy ra cuộc thanh-niên Trương Quang-Trọng và Hồ Độ làm đầu. Trước năm ấy Trương Quang-Trọng cùng Nguyễn Thiệu ra học ở Hà-nội, nghe lời anh em khuyên rủ và khích-thích những phong-trào của ngoại-quốc, bèn rủ nhau vào hội Thanh-niên ở Bắc. Hai người ấy về Quảng-ngãi tìm được một người đồng-chí là Hồ Độ hiệp nhau tổ-chức ra đảng Thanh-niên ở Quảng-ngãi, rủ thêm đồng-chí liên-lạc với các tỉnh phía Bắc và ủy cho Hồ Độ đi sang Tầu để tìm đảng-viên Thanh-niên đã xuất-dương mà lưu-học ở trường Hoàng-phố Quảng-đông mà dự cuộc đại-hội của đảng. Khi Hồ Độ về rồi, công-việc các tỉnh ngoài bại-lộ ra.

Chánh-phủ tìm được sổ sách tư về tỉnh bắt đảng-viên Thanh-niên của Quảng-ngãi. Hồ Độ và Trương Quang-Trọng và 19 người nữa bị bắt, còn Nguyễn Thiệu trốn đi nơi khác.

*Cộng-sản.* — Năm 1930, tỉnh Quảng-ngãi lại khởi ra cái họa Cộng-sản. Nguyên tên Nguyễn Nghiêm ở Đức-phổ là một đảng-viên của Thanh-niên, khi trước chưa bị bắt, thấy đảng Thanh-niên bị thất-bại rồi, tên ấy bèn đi dạo chơi các tỉnh Trung-kỳ và ra Hà-nội để tìm mối mà khôi-phục lại đảng cũ. Không ngờ đảng Thanh-niên và Tân-Việt cũng đều bị thất-bại cả, chỉ còn một đảng Cộng-sản là một đảng trước kia vẫn không hợp chủ-nghĩa với hai đảng ấy, nhưng cách hành-động của đảng Cộng-sản chuyên trọng về bọn bình-dân vô-tri-thức, thành ra người nhập đảng được đại-đa-số của xã-hội và lại nhân lúc hai đảng kia đã suy thì đảng Cộng-sản tất thịnh.

Nguyễn Nghiêm thấy thế Cộng-sản đương bành-trướng, mới khuynh-hướng về Cộng. Nguyễn Nghiêm trước tìm mối đảng Cộng-sản ở Nghệ, rồi về Quảng-ngãi lo tổ-chức. Trong tuần tháng hai An-Nam Kỳ-bộ ở Nghệ phái một đảng-viên vào Quảng-ngãi để tiếp hợp với Nguyễn Nghiêm. Kế đến tháng sáu tháng bảy mới chính-thức phái một đảng-viên nữa là Phan Thái-Ất để vào Quảng-ngãi giúp Nguyễn Nghiêm làm việc. Các tay chủ-động ấy hết sức tổ-chức mấy làng ở tổng Phổ-cam, Đức-phổ được mấy chi-bộ, rồi rải-rắc tổ-chức thêm tới mấy phủ huyện khác.

Tháng tám ta năm ấy, bắt đầu biểu-tình ở huyện Đức-phổ, mục-đích cuộc biểu-tình ấy cốt hành-động cho có thận-trọng để tuyên-truyền được mau chóng. Nhưng sau khi biểu-tình, một phần đảng-viên bị bắt, mấy tay chủ-động bèn hết sức cổ-động các nơi khác để hưởng-ứng. Vừa tên Trần Tư ở Tư-nghĩa từ Sài-gòn về, mang một cái tư-tưởng Cộng-sản đã tiêm-nhiễm ở miền nam về hợp với Nguyễn Nghiêm mà làm việc. Khi ấy Nguyễn Nghiêm và Phan Thái-Ất chia nhau tấn-hành. Nguyễn Nghiêm coi về lưu-vực sông Vệ trở về nam, Phan Thái-Ất coi về lưu-vực sông Trà-khúc trở về bắc. Phan Thái-Ất vì người ngoại-tỉnh hành-động không tiện, phải nhờ có Trần Tư giúp sức.

Từ tháng chín năm 1930 cho đến tháng hai năm 1931 Mộ-đức, Tư-nghĩa, Nghĩa-hành, Sơn-tịnh và Bình-sơn các nơi đều khởi biểu-tình, còn sự làm *meiting* đi diễn-thuyết và luyện-tập hồng-quân thì đêm nào cũng có. Cứ như lời Phan Thái-Ất khai thì số người vào đảng ước được 40.000 người, tuy vậy phần nhiều là đảng hiếp-tùng, kỳ thực trong một phủ huyện chẳng qua năm ba người đầu-đảng hành-động kịch-liệt mà thôi, Chánh-phủ thấy sự hành-động chúng nó có rất hại cho cuộc trị-an mới phái lính thuộc-địa và lính Lê-dương đem phòng giữ. Về Nam-triều

thì có phái một đội 50 lính tuần sát ở Huế để giúp quan tỉnh mà làm việc. Từ khi có binh-lực kiềm-chế, thì đảng Cộng-sản không dám tự-do nữa. Nhưng cách hành-động bí-mật của nó lại càng ngày lan khắp ra mãi. Tỉnh tòa nhờ sự trấn áp của binh lực mới lần lần phân ra mối để bắt bọn đầu đảng cho tuyệt nọc. Trước hết bắt các tay giao-thông của đảng, kế đến các tay chấp-hành, rồi sau mới bắt được hai tay đầu đảng là Nguyễn-Nghiêm và Trần Tư-Từ hai tên ấy bị bắt rồi đảng Cộng-sản ở Nghệ lại phái tên Trần Hương để giúp việc cùng Phan thái-Ất. Vả lại ở Mộ-đức có tên Trần Cư nổi lên là một tay chủ-động rất kịch-liệt. Chúng nó hợp sức nhau khởi lên một lần nữa trong tuần tháng tư năm 1931,

Tuy vậy tài-lực của bọn sau này không thể bằng Nguyễn-Nghiêm khi trước được; vả lại sự bạo-động của nó đã làm cho nhân-dân thất-vọng, sinh-linh đồ-khổ, phần nhiều trong đảng cũng đã ngã lòng, huống chi phương-diện Chính-phủ Bảo-hộ thì đã phái trọng-binh đàn-áp, phương-diện Nam-triều thì đặt Bang-tá để cầm-phòng trong hương thôn và lập ra đoàn-thể luân-lý và đại-hảo-mục-hội để giữ gìn trật-tự, luân-lý trong xã-hội, hiện hai phương-diện ấy khiến cho dân ta vừa yên dầu vừa tỉnh-ngộ, mà cái thế Cộng-sản càng ngày càng lui. May dầu Phan Thái-Ất Trần Hưng và Trần Tư cũng lần-lượt đều bị bắt mà không bao lân trong hương thôn đều được yên lặng.

Sự biến-động tỉnh Quảng-ngãi lần này so với các lần trước có kịch-liệt hơn và kỳ-hạn dẹp yên lâu đến hai năm. Kể số người bị giam hơn 6.000 người, số người bị án hơn 1.000 người và số người bị vì Cộng-sản mà hại mình hơn 100 người, cũng là một sự không may cho tỉnh Quảng-ngãi. Tên Nguyễn-Nghiêm thì bị xử tử, tên Phan Thái-Ất Trần-Hưng, Trần-Tư và Trần-Cừ đều bị khổ-sai chung-thân. Còn mấy tên bị tội nhẹ cũng đã lần-lượt nhờ ơn của hai Chánh-phủ phần nhiều thì đã được tha về giao cho hương-thôn kiềm-cố.

(*Còn nữa*)

---

# SƯU-TẬP THƠ-VĂN CỔ

X

**Vịnh trăng ba-mươi đêm**

(Ông Bạch Đông-Ôn diễn âm)

詠月三十夜
(白冬溫演音)

初一

貞元一氣轉洪蒙
想像冰輪到太空
昨夜緩過人佇望
不知何處廣寒宮

Mồng một

*Nhiễm-mầu thay bấy hóa-công,*
*Mơ-màng bóng thỏ trên không tuyệt vời.*
*Đêm qua người những chờ coi,*
*Hỏi ai đâu đó là nơi Quảng-hàn.*

初二

朝夕初過又晚鐘
廣寒人尚欲秋容
魄生始得疎眉好
月姊多情隱碧峯

Mồng hai

*Trời hôm lại dậy tiếng đồng,*
*Tưởng người cung Quảng thẹn thùng [với ai.*
*Xa trông mới ló mày ngài,*
*Non xanh lần bóng như người lẳng-lơ.*

初三

月過三夕始含江
遣得驚人酒滿缸
爲愛深閨逢此夜
迴文纖罷獨窺窗

Mồng ba

*Vẻ thiềm lấp-ló bên giang,*
*Hơi men dễ khiến xênh-xang câu thần.*
*Ấy ai dệt gấm hồi-văn,*
*Song the liếc mắt tần-ngần trông ai.*

初四

光經三夕尚遠離
平望欄杆影漸移
月姊曾偷京兆筆
今宵畫出好蛾眉

Mồng bốn

*Gương nga vừa hé thỉ-thi,*
*Câu-lơn trông đã ly-ti bóng vàng.*
*Cợt thay nét bút chàng Trương,*
*Rù-rì chị nguyệt điểm-trang mày ngài.*

初五

蒙地飛升照翠微
圓光一朶尚依依
莫愁五夜猶寥寂
喜得黃昏伴夕陽

Mồng năm

*Đất mù tỏ sáng non kia,*
*Vẻ tròn một đóa khác gì ngày xưa.*
*Chờ sầu đêm trước hằng-hờ,*
*Trời hôm cũng có bạn như như mình.*

初六

過晚鐘猶照屋餘
如鉤高掛又驚魚
來宵恰值烏橋會
送出蟾粧有半梳

Mồng sáu

*Bóng thềm vẳng tiếng chuông đưa,*
*Vòng câu thấp-thoáng cá lờ-đờ kinh.*
*Đêm sau vừa gặp hội lành,*
*Hộp gương đưa đó nửa vành lược thưa.*

初七

人間今夜盼黃姑
鵲架銀橋渡得無
弓影剛兒山上掛
鏡飛三匝晚憐烏

Mồng bảy

*Đêm nay ướm hỏi Hoàng cô,*
*Cầu Ngân phỏng bắc qua đò được không.*
*Cuộc lui đầu núi treo cung,*
*Ác bay đã mệt mấy vòng cây cao.*

初八

上弦佳夕玉繩低
雲漢迢迢月色迷
莫道半規光尚淺
此番已透廣寒梯

Mồng tám

*Trên cung chuôi Đẩu thấp-the,*
*Doành Ngân lai láng bốn bề mênh-mông.*
*Chớ e rằng mới nửa vòng,*
*Thang mây đã bắc vào cung Quảng-hàn.*

初九

冰輪半影煥天街
直上弦宵色漸佳
客有舉杯邀共飲
團圓雖緩細先諧

Mồng chín

*Nhởn-nhơ chiếc bóng canh dài,*
*Nửa vòng cũng đã một trời sáng soi.*
*Kia ai mượn chén khuyên mời,*
*Đoàn-viên dẫu chửa vẹn mười những mong.*

初十

碧雲初合晚鐘催
玉鏡光輝色半開
細點階莫舒葉十
桂花剛望月中栽

Mồng mười

*Chuông hôm mấy tiếng lưng trời,*
*Bóng gương coi đã diễn khơi nửa vành.*
*Đếm xem mười lá thiềm-minh,*
*Cung tiên mơn-mởn mấy cành quế hoa.*

十一

月輪半闕又如銀
遠得秋樓望遠人
寄語閨中須細認
團圓屈指又三晨

Mười một

*Xe trăng nửa mở dần dần,*
*Lầu thu xui kẻ tần-ngần trông xa.*
*Khuyên ai nhận tỏ mới ra,*
*Tròn gương tính đốt chừng và đêm sau.*

十二

玉鏡今宵掛碧雲
金釵十二醉紅裙
客中莫解鄉關思
坐倚欄杆過夜分

Mười hai

*Một mầu gương ngọc vẻ ngần,*
*Thoa vàng đôi sáu hồng quần như say.*
*Nhớ quê như dại như ngây,*
*Khiến người mỏi tựa gần đầy ba canh.*

十 三

冰 輪 未 滿 一 微 痕
烏 鵲 爾 飛 遶 樹 喧
屈 指 圍 圓 纔 兩 夜
金 錢 思 婦 卜 黃 昏

Mười ba

*Vầng ngân chênh-chếch chưa tròn,*
*Quanh cây chim thước véo-von canh*
*Vành tròn tính đã đêm hai, [dài.*
*Lòng quê thương kẻ hôm mai gieo tiền.*

十 四

姮 娥 今 夜 欲 圓 圓
色 相 分 明 最 可 觀
雖 未 十 分 圓 滿 處
佳 人 先 得 倚 欄 杆

Mười bốn

*Bóng Nga hai bảy rắp tròn,*
*Rõ ràng mặt ngọc trông mòn con ngươi.*
*Mười phần tuy chửa vẹn mười,*
*Giai-nhân trước đã tựa ngoài câu-lơn.*

十 五

圍 圓 冰 鏡 又 如 環
遺 得 騷 人 破 酒 顏
倘 使 姮 娥 能 托 愛
月 中 丹 桂 願 高 攀

Mười lăm

*Gương băng vành-vạnh một làn,*
*Làng thơ mặt rượu bàn-hoàn xa trông.*
*Hỏi trăng trăng có nể lòng,*
*Xin vin cành quế bạn cùng mới nao.*

十 六

溶 溶 玉 色 最 嬋 娟
恰 似 深 閨 二 八 年
疑 是 姮 娥 珍 重 意
三 更 斜 影 到 窗 前

Mười sáu

*Ngọc-ngà ai đúc cho nên,*
*Dáng người đôi tám ở miền thâm-khuê.*
*Nét hoa chừng cũng say mê,*
*Canh thâu ngả bóng song the ngỡ là...*

十 七

芬 菲 雲 外 桂 香 飄
十 七 梳 粧 覺 尚 嬌
可 愛 冰 輪 桐 上 照
慰 他 閨 秀 拜 良 宵

Mười bảy

*Bên mây hương quế ngạt ngào,*
*Gương Nga mười bảy mĩ-miều còn xinh.*
*Sân Ngô đãng-đãng bóng cành,*
*Vì ai năn-nỉ khuê tình với ai.*

十 八

肯 將 秋 色 等 閒 拋
雲 合 饒 他 暮 鼓 敲
昨 夜 霓 裳 因 倦 睡
風 姨 十 八 莫 相 嘲

Mười tám

*Sắc thu còn lóng-lánh chiều,*
*Màn mây êm gối trống lầu điểm canh.*
*Xiêm nghê còn mỏi đêm lành,*
*Ai hay dì gió ra tình mỉa mai.*

十 九

纔 過 二 九 影 蕭 騷
運 暮 多 因 待 伯 勞
識 得 陰 陽 消 長 理
隨 時 收 斂 更 爲 高

Mười chín

*Bóng qua đôi chín hao-hao,*
*Nghe chim tu-hú đợi chào canh thâu.*
*Mới hay tiêu-trưởng lẽ mầu,*
*Tùy cơ hãy ngảnh mặt vào làm thinh.*

二 十

纔 離 四 夕 夢 非 賒
半 減 嬌 姿 更 奈 何
寄 語 閨 中 須 領 會
月 圓 時 少 缺 時 多

Hai mươi

*Mơ màng đêm nọ không xa,*
*Bóng Kiều trông đã tà-tà khác sao.*
*Nhắn lời hỏi khách phòng đào,*
*Khi tròn khi khuyết khi nào nhiều hơn.*

二 十 一

羞 花 故 態 笑 嫦 娥
來 復 三 番 色 漸 斜
不 識 吳 剛 何 處 去
空 教 張 子 泛 仙 槎

Hai mươi mốt

*Ghiền thu còn thẹn nét hoa,*
*Trông theo bóng sắc độ và phân lui.*
*Cuội kia đã lần đâu rồi,*
*Lênh-đênh sông Hán kia người họ Trương.*

二十二

金釵兩剖一分光
半夜還孤美素郎
已過及笄猶待字
好將端的問吳剛

Hai mươi hai

*Một vành nửa sáng như gương,*
*Để chàng Hoan-bá đêm sương bồi-hồi.*
*Cái trâm rồi biết chờ ai,*
*Nguồn cơn xin để hỏi người gốc đa.*

二十三

扶桑一望下弦平
留得閨中無限情
太白三杯猶滿酌
更勞秦嶺待鷄鳴

Hai-mươi ba

*Tỏ-mờ một dải Bông-minh.*
*Lòng khuê như dệt mối tình chi đây.*
*Bầu tiên chuốc rượu còn đầy,*
*Nhọc người cầm đuốc canh chầy đợi ai.*

二十四

幾番花信歷虛盈
仍是冰心一片貞
天道玄微難測量
廣寒桂殿掛弓形

Hai-mươi bốn

*Trải phen hoa nở trên cành,*
*Khăng khăng giữ một tiết lành giá trong.*
*Doanh hư chẳng khác lần vòng,*
*Rầy xem cũng độ treo cung Quảng-hàn.*

二十五

深夜銀鉤海底騰
參楊州畔幾漁燈
閨中莫道秋容淡
五夜仍然一片冰

Hai-mươi nhăm

*Bóng cân rốn bể mấy tầng,*
*Đèn ngư thấp-thoáng trông chừng bãi dương.*
*Chớ rằng nhạt phấn phai hương,*
*Năm canh lòng vẫn như gương sờ-sờ.*

二十六

驪龍海底尚含珠
鷄館聲聲繁客愁
却笑嫦娥過廿六
夜深猶掛此殘鉤

Hai-mươi sáu

*Rồng còn dấy bể ngậm châu,*
*Tiếng gà eo-óc gọi sầu khách xa.*
*Nực cười thay chị Hằng-nga,*
*Vòng câu còn mắc trướng hoa đêm tàn.*

二十七

棋子頻敲到夜深
嫦娥猶強伴孤衾
上天月僅餘三夕
恨望那堪閨秀心

Hai-mươi bảy

*Cuộc cờ canh đã điểm năm,*
*Hằng-nga còn gượng khuyên cầm chén say.*
*Cung thiềm còn khép cánh mây,*
*Buồng hương nhọc kẻ canh chầy ngóng trông.*

二十八

光芒星斗照寒潭
坐待更闌酒半酣
客樂夜深人未起
嫦娥天水兩相含

Hai-mươi tám

*Lập-lòe tinh đẩu bóng đầm,*
*Ấy ai say tỉnh chờ ngâm canh tàn.*
*Thuốc mê êm giấc Quảng-hàn,*
*Da trời mặt nước một làn xanh xanh.*

二十九

五更想像半輪嫦
熒熒階前屈指占
眉樣誤投京兆畫
吳剛無計笑窺奩

Hai-mươi chín

*Canh khuya tơ-tưởng vòng thiềm,*
*Lá minh trỏ đếm trải xem từng ngày.*
*Đố ai phỏng dạng vẽ mày,*
*Cuội kia khôn nép gốc cây nom dòm.*

三十

函三待岩
嘯浪少西
憑跨須出
夜鉤閨相
今鷲深色
娥不與宵
嫦魚說來

Ba-mươi

*Cung nga biếng mở cánh rèm*
*Cá nào còn sợ ngắn thiềm dáng câu.*

*Dặn người chớ đó ít lâu,*
*Đêm mai lại hé bóng tầu non tây.*

Tổng-vịnh

*Gương trời vằng-vặc trên không,*
*Vầng ngân lấp-lánh vẻ lồng bóng nga.*
*Trải bao sương tuyết không già,*
*Từng quen mặt với sơn-hà xưa nay.*
*Tính trong một tháng mấy ngày,*
*Cớ sao trăng lại khi đầy khi vơi.*
*Hỏi trăng trăng chẳng nói cười,*
*Trông trăng trăng lại trông người lẳng-lơ.*

*Có chăng chỉ một ông thơ,*
*Đài bằng mấy vận châu-cơ dãi cùng.*

# CÂU CHUYỆN TÌNH TRONG GIẤC MỘNG

« *Trăm năm trong cõi người ta,*
« *Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm-bao* ».

Đó là lời kể về cảnh mộng.

« *Tưởng bây giờ là bao giờ,*
« *Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao* ».

Đó là lời kể về cảnh chân.

Nhưng có biết đâu hễ vô-duyên thì cảnh chân cũng thành ra cảnh mộng, mà có duyên thì cảnh mộng cũng thành ra cảnh chân, tức như câu chuyện tình trong giấc mộng, ngày xưa đã có, nay xin thuật ra như sau :

Rằng năm Chí-thuận triều Nguyên, bốn phương phẳng-lặng hai phiên vững-vàng. Khi đó có một chàng là Vương-sinh, vốn con nhà học-trò ở đất Kim-lăng, tinh-thần dung-mạo, đẹp như ngọc chuốt, sáng như nước ngưng, ai nấy đều khen là một chàng kỳ-tuấn của nhà họ Vương. Chàng 20 tuổi chửa lấy vợ. Nguyên chàng có ruộng ở nẻo Tùng-giang cho người ở đấy thuê rẻ, mùa thu thóc chín, chàng đi ra đấy thu thóc. Khi trở về qua nẻo Vị-đường, thấy một ngôi tửu-quán mới mở, vẻ thanh-kỳ hiện ra ở bên phố trên bờ sông, cột đỏ câu lơn xanh phiếu-diêu như tranh vẽ. Cây liễu cao, cây hòe cổ, lá vàng đã chen với lá xanh, có hoa sen vài ba mươi đóa, hoa hồng nước lục, trên dưới chiếu với nhau, ở trong có đàn uyên-ương trắng đang vùng-vẫy chơi đùa. Chàng Vương đậu thuyền ở bên bờ sông, lên tửu-quán ấy mua rượu uống. Cua thì xé cua Cự-ngao, gỏi thì thái cá Tùng-giang, quả thì muỗm chín trên cành, rau thì ngó sen dưới ao, chén thì dùng chén lục-ngọc túy-hồng, rượu thì rót rượu châu-châu mĩ-tửu.

Người quán-chủ cũng vốn là nhà giàu, có người con gái tuổi vừa 18, biết đàn biết chữ, dung-quang thái-độ khác với kẻ phàm-thường. Người con gái ấy thấy chàng Vương ngồi uống rượu ở bên ngoài, liền liền đứng ở trong bức màn che cửa dòm ra, có khi lộ ra nửa mặt, cũng có khi hiện cả toàn-thân, đi rồi lại lại, tự trước đến sau dường như có ý không bỏ dứt được.

Chàng Vương cũng vốn là người có học-thức phẩm-hạnh, kỳ-thủy cũng để mắt qua, song lại cho rằng ở đây không phải là chốn khuê-các, há lại có con gái đại-gia, chẳng qua là thói phong-tình của những hạng tiểu-gia đấy mà

thôi, uống rượu xong thì trở ra về, thản-nhiên về thuyền không để ý gì cả.

Hay đâu duyên nợ ba sinh, đố ai gỡ mối tơ mành cho xong, chàng Vương tự lúc trở về thuyền, nỗi-niềm người con gái ấy vẫn canh-cánh ở bên lòng. Ngay hôm ấy liền chiêm-bao thấy lại đến nơi tửu-quán ấy, vào qua mấy lần gác, thẳng đến nhà trong rồi đến chỗ người con gái ở, thì là một cái hiên đặc-biệt vậy.

Trước hiên có một cái giàn cao, dây bồ-đào leo xanh tốt, dưới giàn có một ao vuông nho-nhỏ, xung-quanh xây bằng đá, trong thả cá vàng. Hai bên tả hữu ao có hai cây cổ-thụ sắc xanh biếc, ngoài mé tường có bức bình-phong kết-tạo bằng dặng cây bách, có vẻ thiên-nhiên. Dưới bức bình-phong xếp ba ngọn giả-sơn có cách cao-siêu thanh-tú. Cỏ thì toàn là thứ cỏ ngọc-sa kim-tuyến, xanh mướt, bốn mùa, phảng-phất như cảnh tiên. Dưới cửa sổ treo một cái lồng chạm hoa, trong lồng nuôi một con lục anh-vũ, dưới hiên đặt hai con hạc uốn bằng cây, trên án bày ba cái lọ cổ bằng đồng, trong cắm những lông đuôi khổng-tước, ven cái lọ thì những đồ bút-nghiên rất là tề-chỉnh. Ở giữa có một cái giá, đặt ngang một cái ống ngọc-tiêu, đó tức là cái sáo của người con gái vẫn thường thổi. Trên vách dán bốn bức giấy kim-hoa-tiên đề bốn bài thơ. Thể thơ thì bắt-chước lối «Tứ-thời-thi» của ông Tô Đông-Pha, thể chữ thì giống như lối chữ ông Triệu Tùng-Tuyết, mà chẳng biết ai làm ra.

Bài thứ nhất kể về cảnh xuân :

*Gió xuân thổi rụng nét hồng-tuyết,*
*Khóm liễu kêu ran chim bách-thiệt;*
*Bươm-bướm nhà đông nhà tây bay,*
*Hoa đào năm ngoái năm nay kết.*

*Cuộc du vừa nghỉ bóng xuân tà,*
*Hương thấm bồ-hôi dải lục-sa ;*
*Hầu gái biết ta dạ khao-khát,*
*Bình vàng đi nấu nước tân-trà.*

Bài thứ hai kể về cảnh hạ :

*Xanh nhuộm đuôi loan tầu chuối mở,*
*Vàng chen mỏ phượng hoa huyên nở;*
*Đầu lương ngó trắng yến vài con,*
*Mặt nước nầy hồng sen quá nửa.*

*Khi trời nóng-nực lại ngày dài,*
*Chỉ xếp kim cài những vị ai ;*
*Đứng nương bóng mát bên cây lựu,*
*Bỡn ném chim oanh cầm quả mai.*

Bài thứ ba kể về cảnh thu :

*Tiếng thu ào-ào sức gió mạnh,*
*Sau giấc uyên-ương bên gối lạnh ;*
*Lò vàng đốt sạ nghi-ngút hương,*
*Quạt lượt đập huỳnh man-mác ảnh.*

*Kèn ai một khúc lẳng tai ta,*
*Ngắm vẻ sông Ngân bóng nguyệt tà ;*
*Toan nhuộm móng tay cho đỏ đẹp,*
*Cối vàng đêm giã phượng-tiên hoa.*

Bài thứ tư kể về cảnh đông :

*Mai mới nẩy hoa trà mới nụ,*
*Gió động rèm thưa bông tuyết múa;*
*Mạo rét thêu nên nét hồ-phủ,*
*Váy xuân giữ lấy màu anh-vũ.*

*Mượn người cầm bút vẽ đôi mày,*
*Má phấn ngưng-hương chậm đỏ gay;*
*Điểm tô dung-mạo lên soi kính,*
*Thoa phượng cành vàng bóng động lay.*

Người con gái thấy chàng Vương đến, rất là hoan-nghênh, tự-tình tương-tri tương-thức, chuyện-trò vui vẻ. Kịp khi nghe tiếng gà gáy, chàng Vương mới chợt tỉnh thức dậy, thấy sông thấy nước, thì ra mình vẫn nằm co ở chỗ cửa trổ dưới mui thuyền, mà bốn bài thơ trong giấc chiêm-bao, nhất-nhất ghi nhớ cả, chẳng sót một chữ nào. Chàng Vương tuy cũng tự lấy làm lạ, nhưng cũng cho là sự mộng-ảo chẳng bằng-cứ vào đâu, chỉ hằng ngày ở trong thuyền rót rượu uống để tiêu-khiển trong buổi tịch-liêu mà

thôi, vẫn không để ý gì cả. Duy bốn bài thơ trong giấc chiêm-bao thì tự lúc ăn cho đến lúc nằm, lúc nào cũng thường-thức đến luôn-luôn, không lúc nào có thể quên được. Kịp đến khi về nhà, không tối nào là chàng chẳng chiêm-bao thấy mình đi đến chỗ người con gái ấy ở.

Một tối chàng chiêm-bao thấy chàng cầm cái ống ngọc-tiêu đặt ở trên giá, đưa cho người con gái thổi cho nghe. Người con gái bèn thổi một khúc Lạc-mai-phong, âm-điệu véo-von réo-rắt, dường như vang-động cả trên mây.

Lại một tối chiêm-bao thấy người thiếu-nữ đương ngồi ở trước đèn thêu chiếc giầy hồng-la chàng thì vì người con gái cắt cái hoa đèn, và khêu lên cho sáng tỏ, lỡ đánh rơi cái hoa đèn xuống chiếc giầy, chiếc giầy liền thành ra một vết cái hoa mai in bằng dầu, coi cũng có vẻ thiên-thú.

Lại một tối chiêm-bao thấy người con gái lấy cái nhẫn đeo tay bằng bích-ngọc mà miễn chỉ vàng tặng cho chàng, chàng thì lấy cái quạt dáng hoa quì mà vẽ đôi con cá để tặng lại. Kịp lúc chàng thức dậy thì cái nhẫn bích-ngọc rõ-ràng ở trên tay mà cái quạt song-ngư thì không thấy nữa. Chàng mới cả lấy làm lạ, liền bắt-chước lối thơ Hội-chân của Nguyên Chẩn nhà Đường đặt ra ba mươi vần, để ghi lấy sự kỳ-ngộ.

Thơ rằng :

*Xinh đẹp người khuê-các,*
*Tiên đâu hiện xuống đời ;*
*Phong-lưu đành có giống,*
*Thông-tuệ lại gồm tài ;*
*Cốt tiên khôn kém ngọc,*
*Cách diễm lại thua ai ;*
*Lưng mềm như lá liễu,*
*Sắc đẹp tựa chùm mai ;*
*Thiên-kim xây tới nóc,*
*Thất-bảo đắp lên đài ;*
*Ngắm lại đẹp càng đẹp,*
*So ra mười gấp mười !*
*Yểu-điệu xe du-bích,*
*La-đà chén thái-bôi ;*
*Đường đi về Lạc-phố,*
*Lối chẳng cách Thiên-thai ;*
*Đuổi yến rèm cao cuốn,*
*Nghênh xuân cửa bán khai ;*
*Xương-bồ còn rễ đó,*
*Đậu-khấu đã hoa rồi ;*
*Tiên hoa tay ngọc chuốt,*
*Bình gấm nét vàng soi ;*
*Trộm hương như họ Giả,*
*Chờ nguyệt tựa nàng Thôi ;*
*Ả Trác đàn thêm ngón,*
*Cung Tần sáo lọt tai ;*
*Lời oanh nghe phiếu-diều,*
*Bóng trúc ngắm bồi-hồi ;*
*Áo vàng ngư lần bóng,*
*Lò bạc xạ bay mùi ;*
*Mây biếc lồng trâm phượng,*
*Non xanh đượm vẻ ngài ;*
*Lược ngọc trâm hoa giắt,*
*Quần là sắc huyết phơi ;*
*Uyên bay từ mặt đất,*
*Phượng múa trước nhà trời ;*
*Xuân-phong đình giải hận,*
*Hồ-phách chén mua vui ;*
*Chàng Ngưu mừng mặt họp,*
*Chị Nguyệt hé mây cười ;*
*Bướm hóa mượn thông-mộng,*
*Ong về nhờ tác-mối ;*
*Lơn hoa chiều nối tựa,*
*Nệm gấm sớm cùng ngồi ;*
*Nhẫn liễu đành ghi chốn,*
*Ôm cầm dám đợi ai ;*
*Gươm báu chôn nào một,*
*Chim xuân đậu có đôi ;*
*Đêm thanh sao nỡ vắng,*
*Lòng ái biết bao vơi ;*
*Trăng tàn phai lại thắm,*
*Lệ biệt ngắn thêm dài ;*
*Canh dế bao nhiêu khúc,*
*Chuông khuya đã mấy hồi ;*
*Non Giáp mưa vừa tạnh,*
*Thành Hà biếc chửa phai ;*
*Tài-tử đành muôn kiếp,*

*Giai-nhân dễ mấy đời;*
*Chàng Lưu dầy quả phúc,*
*Mới được đến Thiên-thai.*

Chàng Vương làm thơ xong đem phô ra với bè bạn, những kẻ hiếu-sự phần nhiều người đem ra truyền-tụng. Lại có khi chàng chiêm-bao thấy đem 30 vần thơ ấy gửi đi tặng cho người con gái.

Đến năm sau, chàng Vương lại chiều lệ thường đi ra Tùng-giang thu thóc, lại đi qua Vị-đường nhân tiện lại đến chỗ tửu-quán ngày trước thì người quán-chủ cả mừng, mới đón chàng Vương vào nhà trong. Chàng Vương chửa hiểu ra ý thế nào, rụt-rè từ-chối. Yên vị đâu đấy người quán-chủ mới đem tình thực ra nói rằng:

— Lão-phu này sinh ra chỉ có một tiểu-nữ chửa từng dã gả cho ai. Năm ngoái quân-tử đến uống rượu ở đây, đứa tiểu-nữ nhà tôi chợt được trông thấy bóng dáng, trộm có đem lòng kính-mến, từ đấy tâm-thần hoảng-hốt mới nhiễm-thành bệnh, thường nằm ngủ liên-miên và nói một mình, như kẻ si-ngốc, như người say-sưa, uống thuốc gì cũng không có công-hiệu. Đêm hôm qua nó chợt nói ra rằng ngày mai thì lang-quân đến đây, nhà ta nên ra đón tiếp. Ký-thủy tôi cũng cho là lời nói mê-sảng, cho nên chửa lấy làm tin. Nay quân-tử quả-nhiên lại đến nhà tôi, thế là lòng trời khôn-thiêng mà mở cho đường phương-tiện vậy.

Người quán-chủ nhân hỏi chàng Vương đã từng hôn-thú gì chưa, và hỏi họ-hàng dòng-dõi, thì chàng Vương chưa từng lấy vợ và là dòng-dõi thế-gia.

Người quán-chủ cả mừng, tức-khắc cầm lấy tay chàng Vương dẫn vào nhà trong đến chỗ hiên-phòng riêng của người con gái ở, thì nhà cửa cầu-lơn đều là nơi trong giấc chiêm-bao đã từng đi đến. Cây cỏ núi ao cho đến khí-dụng thập-vật đều là cái cảnh trong giấc chiêm-bao đã từng nom thấy.

Kịp khi người con gái nghe chàng Vương đến, trang-sức chỉnh-đốn đi ra, thì xiêm-áo lượt là, trâm-hoa sán-lạn, đều là cái vẻ trong giấc chiêm-bao đã từng tiếp-kiến. Người con gái nói rằng:

— Tự sau khi quân-tử trở ra về, thiếp tôi tư-tưởng thiết lắm, đêm nào cũng chiêm-bao thấy cùng quân-tử tương-hội, chẳng biết vì cớ gì.

Chàng Vương nói rằng:

— Tôi cũng hằng đêm chiêm-bao thấy như thế.

Người con gái thong-dong thuật ra những sự thổi ống tiêu, thêu chiếc giầy trong giấc mộng, thì hai người hợp nhau như một. Chàng Vương nhận lên bốn bức thơ để trên vách, thì quả-nhiên là lời thơ trong giấc mộng, không sai chữ nào. Chàng lại hỏi đến 30 vần thơ của mình đưa tặng trong giấc mộng thì người con gái đọc lên được cả, không sai chữ nào. Cuối cùng người con gái lại đem chiếc quạt song-ngư ra phô với chàng. Chàng cũng lấy chiếc nhẫn bích-ngọc ra, hai người cùng so-sánh để chứng-thực. Chàng Vương và người con gái hết thảy đều cả kinh, cho là một sự tinh-thần khế-hợp, xưa nay không có bao giờ, còn tưởng tượng như là cảnh tiên mộng ảo, hay là như trong giấc chiêm-bao. Thật là:

*Tưởng bây giờ là bao giờ,*
*Rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao.*
*Ran tay mở khóa động-đào,*
*Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên-thai.*

Mới cùng nhau kết làm vợ chồng, thề-nguyền giai-lão. Đời sau kẻ hiếu-sự cũng ghi thuật mà thành ra sách để lưu-truyền ở đời, gọi là sách Vị-đường ký-ngộ.

TÙNG-VÂN *biên dịch*

# HÁT TUỒNG

## VĂN-PHÒNG TỨ BẢO (1)

II

HỒI THỨ HAI

**Du Linh-sơn gian-dâm hội diện**
遊靈山姦淫會面
**Tra tử-thi huyện lại minh-hình**
查死尸縣吏明刑

*Sĩ-Quất nói :*

Sông kềnh đà bặt dấu Thương-sơn ; khói lang lại biệt tăm Bích-hải. Tiều cấp búa non thông qua lại ; ngư dõi dòng sông Vị ca xoang. Canh Hữu-sẵn hóng hẻo một phương ; mục lộng-địch nghêu-ngao mấy khúc. Tôi con nhà hữu-học ; chính-quán tại Tân-khai. Vận bất-tề nên chạy xuống môi-mai ; mới đặt hiệu mĩ-danh là Sĩ-Quất. Như tôi : vẳn chẳng nhiều chẳng ít ; vũ biết vác biết đâm. Những lăm tìm bạn tri-âm ; đặng xuống kinh-kỳ ứng-cử. Hễ đi thi khấn tôn-công tổ-đức rồi mới đi thi mới phải là con : Khấn nội-tổ cùng là ngoại-tổ ; cho thi đỗ ông cống hay là ông nghè. Về vinh-qui bốn ngựa năm xe ; dùng tế lễ ba bò tám nghé. Phải vào thưa với mẹ ; cho con trẻ xuống thi.

*Lại nói :*

A anh : Sắm thác-nang giống dạng khoa-kỳ ; xem tướng mạo in người cử tử vậy anh.

*Hàn-Tùng nói :* Ta đi thi.

*Sĩ-Quất nói :*

Đường xuống kinh-kỳ là xa, sao không kết bạn mà đi ?

*Hàn-Tùng nói :*

Ta cũng muốn nhưng mà chưa có người.

*Sĩ-Quất nói :*

Kết bạn là khó, vinh tắc đồng lạc, bần tắc cộng-ưu, hoạn-nạn tương cứu, sinh-tử bất ly ; kết bạn cùng tôi không ?

*Hàn-Tùng nói :* Ta cũng muốn.

*Sĩ-Quất nói :*

Vậy thôi thì : Đó đây lực quyết đôi so ; cao thấp phân làm huynh-đệ : Nhưng mà khoan đã, nghe tôi giao đả thi đả nhé, chớ khá đả đau, người ta thù oán chi nhau đánh quá đỗi ắt thàng nhân-mệnh, chớ chẳng chơi mô. (*đánh nhau*)

*Sĩ-Quất nói :*

Lạc phách lạc phách ; vong thân vong thân. Bị một ngọn nghịch-lân ; đà hết tài điếu-thủy. Thôi thôi : Đó có tài kinh đó làm thầy ; đây bất-lực đây xin làm tớ. Quyền cặp giao đây vác đỡ ; nhọc nhằn chẳng ngại đường xa. Tớ thầy tới.

*Hàn-Tùng nam xướng :*

Dặm nghìn mấy khúc trải qua,
Tớ thầy gắng chí cùng ra kinh-kỳ.

*Sĩ-Quất nam xướng :*

Thầy dù hội gặp hữu-vi,
Trên có người vì dưới có tôi thân.

*Hàn-Tùng nam xướng :*

Mấy thu đèn sách ân-cần,
Phen này quyết trả nợ-nần bút nghiên.
(*Hạ*)

*Sáu Súc nói :*

Như tôi : Tựa Cầu-kinh cũng bợm có tiền ; tên Sáu Súc người đều biết đủ. Sức cũng biết so cây xoay chỗ ; nghề cũng hay đâm mũi lăn dây. Bạc đất lưng theo đám hằng ngày ; người có

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 182.

trúng thời tôi lại buộc. Nói thì nói mấy chú cờ bạc đám thực : Vào điếm cái cứ tôi hô tôi rút ; dẫu người thua thì mượn thì thuê. Có đòi thì nó lại chỉ thề ; bằng mắng nhiếc họ toan nói ngược. Bởi vậy tôi trao cho họ bạc mười đồng, trúng thứ nhất tôi rút đi năm đồng, trúng thứ hai rút ba đồng, trúng thứ ba rút đủ lời đủ vốn, đạo cờ bạc có người dại người khôn : Kẻ thua thì như đứa mất hồn ; người ăn lại kém điều đánh phách.

*Lý Xu, lý Bá nói :*

Coi hội chơi chú : Chốn phật-tự thú vui nhiều cách ; nơi Linh-sơn lập hội rất vui. Trẻ già lớn bé đề u coi, me lú bạc cờ chẳng thiếu.

*Sáu Súc nói :*

Vốn tao đà tiên-liệu ; lọ bay phải hậu-ngôn. Hội Linh-sơn người có tiếng đồn ; nhiều cờ bạc nên tao phải tới. Vậy thì khứ khứ hẹ.

*(Hạ)*

*Cả Ngọ nói :*

Như tôi : Quán Mĩ-hội sở sinh ; Mụ Cả-Ngọ là chữ. Mua phấn bán son hằng giữ ; chơi hoa ghẹo nguyệt ấy nghề. Đạo buôn ta chẳng phải thú quê ; nghề đâu khác cũng là bợm lịch. Như tôi : Muốn làm cho trong sạch ; nên chịu đựng mây mưa. Nhưng dù bướm nọ thờ ơ ; vì bởi hoa kia rực-rỡ. Nói thì nói, tôi sâm-sửa trẻ tôi cũng xuê mà : Phần mỗi đứa áo đôi ba mớ ; vòng mỗi con ước bốn năm đôi. Sắc dù xuê ai chẳng muốn coi ; tiền dù tốn nào ai có tiếc. Ngày hàn-thực kẻ Hồ người Việt ; ngày nguyên-tiêu sớm rước tối đưa. Hồng-mao Ma-lý chẳng trừ : tiền súc bạc đồng chẳng thiếu. Nào con Bảy Liễu ; lại với Tám-Tiền. Mẹ nói, thiên-hạ đồn nghề-nghiệp thì xấu, chớ như mẹ : Gồm đưa tạo-hóa một thuyền ; đủ chở anh-hùng mấy mặt. Các con : Nghe Linh-sơn đã chắc ; rằng lập hội rất vui. Có đi với mẹ dặn : Cứ theo Phúc-kiến Quảng-đông ; chớ động ma-tà lính tập. Nó giận nó không trả tiền, mẹ đánh chết đi chẳng chơi.

*Lý-Xu nói :*

Ở con Tiền con Liễu, đây đây mà !

*Thị Tiền nói :*

Chị em tao đi coi hội.

*Lý-Xu nói :*

Để tao ve con Tiền cho : Ở Tám-Tiền ơi ; Bậu chơi với chú kia có tiền, cũng khác thể như bậu : bán một miếng ruộng cho trân cây. Chứ bậu chơi với anh em qua cũng vì như ; Liều một thếp dầu cho chó liếm mà.

*Thị-Tiền nói :*

A Xu ! Mày dù phi hơi điếm, tao chẳng phải người quê : Như nị : Đã có chứng máu dê, lại đủ tài ve vắt.

*Lý-Bá nói :*

Xu ơi ! Mày ve xác để nên con Tiền không chịu, để tao ve con Liễu. A con Liễu ơi : Chớ khoe khoang nhan-sắc ; mà phụ đấng tài-lương. Dù bậu ở nhà thương ; có qua nơi chợ quán.

*Thị Liễu nói :*

A Bá ơi : Mày đừng nói dỡn ; tao chẳng có nghe. Khá theo đám lú sông me ; mà kiếm kẻ nhiều người ít.

*Lý Xu nói :*

Đoàn kia sộc-lệch ; nói chẳng kiêng vì. Như mày : Đủ bảy ngày thì mắc lục-xì ; chớ như anh em qua nhờ âm-hồn ; trong một chớp diện khăn tứ-cú, đây mày à.

*Thị-Tiền nói :*

Như mày ; Theo dọc điếm người đều biết đủ ; khác người ăn ai chẳng hay danh. Bảo đừng chào yến rủ oanh ; và chớ chơi hoa ghẹo nguyệt.

*Lý Xu nói :*

Như chị em bay là : Thiếu nợ đòi miền đã chắc ; mất tiền năm của chẳng sai. Chạy đã xược dò nai ; theo đã mòn chân chó.

*Sáu-Súc nói :*

A mụ Ngọ ơi ! Sao chẳng can lũ nhỏ ;

để cho nó ngây ngơ. Có nói thì ông mụ xua đua ; bằng để vậy gái trai lỗ-mỗ.

*Mụ Ngọ nói :*

Chú hãy dạy thằng Xu thằng Bá ; mụ mới can con Liễu con Tiền. Thôi thôi : Không nói thì nếp cũng như xôi ; bằng có nói thì khoai liều mình củ.

*Sán Súc nói :*

Vậy thì : Tiền Liễu khá bắt lời cò-cú ; Bá Xu đừng cả tiếng ngầy ngà. Cứ một lẽ giải hòa ; có đem theo coi hội.

*Cùng bắc-xướng :*

Huề thủ đồng hành đáo tự-trung 攜手同行到寺中. Mãn khan hồng tử khoái vô cùng 滿看紅紫快無窮. Viễn vọng tự tiền, xa mã trì khu thanh triệt địa 遠望寺前。車馬馳驅聲徹地. Cận quan lộ thượng, long xà phi tẩu lạc huyên thiên 近觀路上。龍蛇飛走樂喧天。

*Lý Xu nói :*

Vui thiệt : Tới quán thì chè rượu rót liền ; vào chùa thấy hương đèn đốt đỏ. Ngã-tư lại bày đồ thất-bảo ; Mĩ-nam thêm vẫy cuộc bát-tiên. Khắp trong chùa cười nói liên-miên ; ở ngoài rạp ăn chơi phu-phỉ.

*Sáu Súc nói :*

A Xu Bá ơi : Hầu-bao rỗng sao không biết nghĩ ; thắt lưng không sao chẳng biết lo. Có phải : Tới sòng mê mình mới có no ; qua đám cỗ thời ta khá bạn, khứ khứ a.

*Cả Ngọ nói :*

Như mụ : Cảnh hoa bán lại còn lần-lữa ; chọn người mua định lẽ thấp cao. Các con : Lời đón-đưa kẻ nặng hầu-bao ; chớ trò-chuyện với người lưng rỗng. Con Liễu xuống cầu Kênh cầu Cùng; con Tiền đi xóm Chỉ xóm Thang. Đặng kiếm lấy ít quan ; mà trở về một chỗ. *(Hạ)*

*Hoài-Xuân gặp Minh-Châu nói :*

Thấy hiền-lương một gã ; dường đã toại ba-sinh. Vậy thì : Ngươi xin tỏ tính danh ; đặng ta tường hương-quán. Đây thấy đó muốn làm bầu-bạn ; lạ chưa quen xin tỏ ngọn ngành. Họa may là kết đặng bạn lành : kẻo mơ-ước chưa từng người ngó.

*Minh-Châu nói :*

Đó muốn tường tên họ ; ta mĩ-tự Minh-Châu. Thượng-lại quan cha lĩnh công-hầu ; Kinh-sư địa tôi ra úng-cử, đây.

*Hoài-Xuân nói :*

Như ta : Trủng-tể-quan thân-tử ; ngã tự hiệu Hoài-Xuân. Nghĩa tất-giao ghi dạ ái ân; tình bằng-hữu luyện lòng đinh thiết. Xin rước về lầu hạc ; cho thỏa thủa bạn mai, a.

*Minh-Châu nói :*

Thưa anh : Xin anh trước trở hài ; mai em qua họp mặt.

*(Hạ)*

*Hề nói :*

Thưa cậu, cậu làm bạn người lấy xứng thiệt : trâm-anh cũng trâm-anh, phiệt-duyệt cũng phiệt-duyệt. Cậu có lên lầu, cầm kỳ thi tửu, tuyết-nguyệt phong hoa. Xin cậu hãy dần dần ; thì người toan được mão. Thầy tớ ta ăn-uống cho vui rồi sẽ đi thôi mà.

*Minh-Châu nói :*

Vậy thì : Phóng bộ vật trù trừ 放步勿躊躇 ; đồng-tâm lai lâu-thượng 同心來樓上. Con ạ.

*Lại nói :*

Thiên-nhiên cảnh vô cùng ngoạn thưởng 天然景無窮玩賞 ; địa bộ khoan bất tận ưu-du 地步寬不盡優游. Bây giờ đã nắng nóng rồi, vậy thì đi không đặng tiện. Nhiệt-viêm chi khí thượng phù 熱炎之氣上浮, thử khốc chi thiên trở lộ 暑酷之天阻路.

*Hề nói :*

Trời nóng như vậy mà may : Cận kiến nhất đường môn-hộ ; 近見一堂門戶;

viễn khan bản lý lâu đài 遠看半里樓臺. Vậy thôi thì : Cậu cháu ta đồng-đáo trang-nhai ; đặng nghỉ gót kẻo phiền tâm-lực, cậu ạ. (*Hạ*)

*Hai Dần ra nói :*

Quê ngụ miền Thủ-đức ; tôi hiệu tự Hai Dần, Nghề lò heo từ thuở thanh-xuân ; nay đầu bạc cũng dà nhàn-hạ. Mụ có một đứa con trai : Truyền nghề nghiệp nó làm cũng khá ; việc bán buôn nhỏ tính cũng thông. Pha xương pha thịt cũng sòng ; dây lạng dây cân cũng sỏi. Bây giờ nó bắt heo chửa về.

*Hề nói :*

Ở ai ở trong nhà ?

*Hai Dần nói .* Xuất môn.

*Minh-Châu nói :*

Thưa lão-bà : Xin vào nghỉ đỗ một hồi; kẻo nắng khôn dời nghìn đặm.

*Hai Dần nói .*

Mụ tuy lẫn-cẩn ; già biết phải chăng. Hay thương kẻ nho-văn ; xin rước vào thảo-xá.

*Hề nói :*

Thưa cậu : Nhà ni tuy lạ ; lầu ấy thật quen. Phải chi lên đặng một phen ; thì dã vui vầy hai họ. Ông trời nắng quá lên không đặng mới tức cho.

*Minh-Châu nói :*

Thưa lão-bà : Tôi tri-kỷ với Hoài-Xuân thuở nọ ; kết sơ-giao nơi Linh-tự ngày kia. Người thỉnh tôi về lầu mà chơi : Hồng-lâu đó dã trở về, bạch-diện dây liền nối gót. Nhưng vậy mà : Khoa-kỳ nhật xúc, kinh-địa bôn-hành. Phải có ta tin thấu bạn lành ; cam thất ước chịu cùng người ngọc.

*Hai Dần ra ngoài nói nhỏ :*

Hoài-Xuân là gái, bợm ấy là trai. Sao gọi bạn trúc-mai ; sao gọi rằng oanh yến. A lạ, này hay là : Lả-lơi bởi gái kia sinh chuyện ; hư-hỏng này trai nọ không hay. Thôi thôi : Xin chàng hãy ngồi dây ; để mụ thông với đó cho. (*Hạ*)

*Hoài-Xuân nói :*

Trằn - trọc năm canh chẳng ngủ ; thở than sáu khắc khôn dời. Chào anh nhủ én không lời ; dạ gió lòng mây chẳng có. Ai đi ngày coi hội mất nhìn tỏ rõ ; nhớ lương-nhân dạ luống ai hoài. Các con, có thỉnh về người chịu tới đài ; mà : nghiêm-thân tỏ ắt là sự khổ, đi các con.

*A-hoàn nói :*

Trên cô hãy sánh dây tơ đỏ ; dưới tớ nguyền khấn lạy trời xanh. Dạ lăm bưng-bít miệng bình, lòng dốc ngăn-ngừ lưỡi mối.

*Lại nói :*

Vậy thì : Coi ai dã tới, có tiếng dưới lầu, vậy mi ?

*Hoài-Xuân nói :*

Mụ Dần lên có việc chi mụ ?

*Mụ Dần nói :*

Thưa cô : Có một sĩ phương-phi ; dạy tôi lên tin báo. Người lại xưng đồng-đạo; người lại gọi tri-âm. Người lại nói rằng : Vả khoa-kỳ nhật thiền phi thâm ; khất tương-kiến trùng-phùng bậu-sự,

*Hoài-Xuân nói :*

Số là : Khi coi hội, tôi giả hình nam-tử ; nguyện cùng chàng kết nghĩa tri-giao. Ta lại : Thỉnh về lầu tỏ nỗi âm-hao, chàng chịu tới thư-phòng đối diện. Mụ đem người ấy lên dây cho kịp.

*Mụ Dần nói :*

Nay mụ mà tính kịp ; vì cô muốn việc bôn. Như rước đặng người khôn, thời của kia phải tốn.

*Hoài-Xuân nói :*

Vàng bạc ta thưởng cho : Vốn không kể tốn ; miễn gã tới dây thời thôi.

*Mụ Dần nói :*

Như tôi : Tuy chưa phải mặt thầy ; song dã quen tay thợ. Như tôi : Làm môi dã nhiều người có vợ ; làm mối cũng lắm chỗ có chồng. Cô dạy chẳng dám không ; tôi dụng mưu mới có. Vậy thì cô đưa một chiếc hài cho tôi.

*Hoài-Xuân nói :*

Mời người lên đây lấy hài làm chi mụ ?

*Hai Dần nói :*

Có hài tôi tính mới đặng thưa cô : Cô giao hài một chiếc ; chàng làm tín cầm tay. Mưu nọ đã hay ; kế kia rất tốt. Chuông lầu tiếng một ; trống điểm sang ba. Ròng thang xuống cho va ; coi thật hài rước gã.

*Hoài-Xuân nói :*

Úy a ! Mưu kia cũng lạ ; kế ấy cũng hay. Vậy thì : Giao hài cho gã cầm tay, y kế khuyên chàng chớ chạy.

*(Hạ)*

*Năm Hợi nói :*

Như ta: Trong vòng nghề sở cậy ; Năm Hợi thật tên ta. Bán thịt quen từ trẻ đến già ; mua heo khắp làng trên xóm dưới. Bởi chịu heo đám cưới ; phải đi bắt đường xa. Nói thì nói : Họ dầu những kêu la ; tôi cũng hay bắt nhặt. Âu là : Kíp lui về cửa bắc ; mau trở lại nhà đông. Kẻo lâu ngày từ-mẫu đợi trông ; khiêng heo tới môn đình đặng nghỉ.

*Nam-xướng :*

Môn đình đặng nghỉ,
Nhục nhằn này há dễ lang-thang.
Khắp nghìn trời nắng chang chang,
Bơ-vơ lạc-thổ dặm đàng còn xa.

*Lại nói :*

Ơ mẹ ! Đoái trông mẹ già ; mừng thay con trẻ. Đi đâu vậy mẹ.

*Hai Dần nói :*

Mẹ nhớ con mà mẹ mới đi đây : Cổ-nhân ỷ môn ỷ lư nhi vọng. Chớ như mẹ là : Nhớ con trẻ tấm lòng chuyển-động ; vượt ngàn trùng tấc dạ ngổn-ngang. Gặp con đây thì phải dạ an ; kẻo trông trẻ thêm phiền lòng mẹ.

*Năm Hợi nói :*

Vậy chứ : Giống chi khé-nẹ ; dường có ấp yêu. Lộ liễu ra thì việc nhiều điều ; tang tích đó thật còn trước mặt.

*Hai Dần nói :*

Không có.

*Năm Hợi nói :*

Ấy đó : Hài ở đâu một chiếc ; mẹ còn hãy lắm lời. Khá tỏ nỗi khúc nhôi ; cho trẻ tường hư thật.

*Hai Dần nói :*

Thôi thôi, Con đã hỏi quyết ; mẹ phải bày ngay. Cô Hoài-Xuân người đã trao hài ; cô lại biểu giao cho : Chàng cất-sĩ ngụ nơi nhà mẹ.

*Năm Hợi nói :*

Sao hử a mẹ ?

*Hai Dần nói :*

Ấy : Cô đà chỉ vẽ ; mẹ chịu lễ rồi. Từ trống điểm ba hồi ; nghe chuông lầu vài tiếng. Ròng thang kia xuống viện ; trao hài nọ lên coi. Mắt nhìn thật hài minh ; rước gã lên đàm-đạo.

*Năm Hợi nói :*

Con giữ điều ngay thảo ; mẹ làm việc trá trênh. Mẹ con mình ở trong đất ông Trủng-Tề. Ông hay đặng có phải là : Con trẻ chịu chết treo ; mẹ già thì mang cống chăng ? Trao hài đi cho chóng ; đuổi tên ngụ chớ chầy.

*Lại nói :*

Ở thư-sinh ơi : Khó tiện nỗi ở đây ; khá tìm nơi xóm khác. Làng ni họ hay tra hay soát ; bắt những người lạ mặt lạ mày. Họ dù bắt cong bắt ngay ; tôi lại khó ăn khó ở.

*Hề nói :*

Ngươi đã cậy có nhà có cửa ; ta đi đâu khi tối khi tăm. Tưởng nhà mình giá đến bạc trăm ; mà xua đuổi những người vàng đúc, mới cam cho.

*Minh-Châu nói :*

Hề : Chớ buông lời cục-xúc ; mà mang tiếng si-nga. Vậy thì : Thầy trò chỉ dặm đường ba ; tăm tối lần theo dấu thỏ, con ạ.

*(Hạ)*

*Năm Hợi nói :*

Khi không mà tôi sướng nâng đi. Bây giờ thầy trò nó đã đi xa rồi, mà trống đã điểm ba

rồi, chi nữa, âu là: Tòng thử kế, dạ lai lâu thượng a.

*Hoài-Xuân nói:*

Thốn tâm nan lượng, nan lượng; vạn lại sầu tình, sầu tình. Có đâu ra sự bất-bình; mà lại lăm mưu gian trá. Ngày coi hội thực là sử-mã; đêm vào phòng giống gã thất-phu. Hay đã lỗi căn-tu; mới lăm loài quỉ-quắc. A này: Hài nhìn hài đã thật; bạn xem bạn lại sai. Các con, Thằng như tỉnh dạ tái lai; thời cô: minh cứu đắc tường tự sự, thôi.

*Năm Hợi nói:*

Thôi nàng Hoài-Xuân lịch-sự thật, mấy khi tôi được lên lầu tôi giặt áo xiêm trắng sạch, lại ướp dầu thơm, ai biết là bợm bán heo: Mới hay sen lộn cùng bầu; phỉ bấy gà chung với phượng. Giờ trống đã điểm ba rồi: Tay xách hài chóng chóng; lên lầu ngọc mau mau a.

*Hoài-Xuân nói:*

Khoan đã: Khá ngồi đây tỏ nỗi khúc nhôi; xin đối diện luận đàm sách vở đã.

*Năm Hợi nói:*

Cô chẳng thương thì thôi, cho tôi bước xuống lầu, thư Phạm-công tôi nhớ khúc đầu, thư chàng Nhái tôi thông khúc giữa, còn đời ni học vận, nói sao thứ chữ a, b, học chẳng được đâu.

*Hoài-Xuân nói:*

A-hoàn: Truyền thắp đèn tỏ nỗi trước sau; bằng thấy mặt thì tường bản mạt. A này! thằng Hợi đây mà! Rõ loài khuyển mã; nương dấu phượng hoàng. Tưởng là oanh yến chững-chàng; mới biết cầu chư quấy quả. Kíp đầu vu lâu hạ; cho tử tại mục-tiền.

*(Hợi chết...)*

*Lại nói:*

A thôi! Rất uổng đấng thuyền-quyên; ngẫm nhơ danh thục-nữ. Vàng đã tốt người ngoan chưa đặng thử; hoa thật thơm nhưng đứa dại dã mở hàng. Cớ sao gặp số đoạn-tràng; nên nỗi lắm nơi bạc-mệnh. Giờ tôi chết mới đành cho.

*Than oán:*

*Tích thử thân hề oán thử thân,*
惜此身兮怨此身
*Nhi kim hà cố thụ gian truân;*
而今何故受艱屯
*Hồng nhan tự cổ vi thân lụy,*
紅顏自古爲身累
*Tam xích tung thằng tuyệt hận sân.*
三尺縱繩絕恨嗔
*(Nói rồi chết)*

*A-hoàn nói:*

Dạ, Trưởng hạ xin thân; mục-tiền đặng tỏ. Cô trên lầu thắt cổ; chàng dưới đất thi-thân. Chúng tôi đứng lại gần; quả thật thằng năm Hợi.

*(Hạ)*

*Quan Trủng-tể nói:*

Nghe A-hoàn thưa lại; lòng lão nghĩ rất kinh. Tức tủi thì thác lấy một mình; oan-ức mới chết ra hai mạng. A mụ! con Hoài-Xuân chết rồi, tôi cùng mụ qua lầu coi nó thử a.

*Lại nói:*

Ai đi có: Sinh chút gái nhằm chưa vừa mắt; có đứa con mừng chửa kịp no, đi mụ.

*Mụ nói:*

Thưa ông: Tôi cũng đà sớm dặn tối dò; trẻ dâu có lòng trăng dạ gió. Lầu thưởng nguyệt lầu kia còn đó; con theo mây con có thấy đâu. Lẽ nào trên Bộc trong dâu; mà có lìa cành nhắc cỗi, vậy con.

*Trủng-tể nói:*

Ớ Hoài-Xuân ơi! Con chết sao không nói trối? cha thương luống những lời than. Còn thằng Hợi là thằng lò heo, bỏ mẹ có ai nuôi! Trong đời việc chết là vui, cho nên nó mới gieo mình tới chết. Quân, bút giấy đây. Thỉnh huyện-đường lập tức đến đây; tra án mạng thì tường sự đó.

*(Hạ)*

*Quan huyện nói:*

Tay bưng ấn hổ; chân tới nam-long. Chức lệnh nãi sắc phong; mĩ-hiệu

xưng Dương Trấn. Một phen ra trọng-trấn; trăm dặm khắp oai-linh. Xa gần khen-ngợi phong thanh; lớn bé thấm nhuần đức-hóa. Dưới đã đẹp lòng dân-xã; trên thêm ngợi chữ thanh-liêm. Quan thư tận độc cổ nhân; trắc mục dĩ tường Kinh Vị 觀書盡讀古人。側目已詳涇渭. Thầy đề: Rày có quan Trủng-tể; thỉnh khám nghiệm án hình. Phải tới xét phân-minh; ngõ ra đi cho chóng, thầy đề ».

*Quan huyện nam-xướng:*

Ra đi cho chóng,
Tra án này khinh trọng đường bao.

*Thầy đề nam xướng:*

Chí lăm sánh bậc Tiêu Tào,
Sâu dân mọt nước dạ nào dám đâu.

*Quan huyện nam-xướng:*

Bồ tiên thị nhục làm đầu,
Tiếng đàn Tử-Tiện trí mầu còn noi.

*Thầy đề nam xướng:*

Thong-dong nhác ngựa chuông voi,
Kìa tòa họ Lý vào coi luật hình.

*Quan huyện nói:*

Thầy đề: Vật khả tuẫn tình, chỉ y điều lệ 勿可徇情。只依條例. Thầy đề có biết cớ chi mà con quan Trủng-tể chết hay không thầy đề hẹ?

*Thầy Đề nói:*

Bẩm không biết.

*Quan huyện nói:*

Con ông chết là tại ông có chữ rằng: Nữ cư bất khả giá cao đài 女居不可架高臺. Mà thằng Hợi ở trong đất ông mà làm chi có phải a: Dưỡng hồ tất-nhiên thành đại họa 養虎必然成大禍 chăng? Điều lệ phó cho một gã; vấn tra vốn có hai hình. Công-bình đôi chữ phân-minh; khai bảo một tờ cẩn-thận.

*Thầy Đề nói:*

Vâng lời ông dặn; cứ phép tôi tra. Rất đỗi là thuở cựu triều án con Thoa là khó, quan phủ Tân-bình tra còn ra, huống-chi án này: Chỉ cho nhọc đến thầy; đề sức tra về tỏ.

*Quan huyện nói:*

Phó cho.

(*Hạ*)

*Thầy Đề nói:*

Hai mạng đã nằm co; một hình âu phải nghiệm. Lệ, bảo con A-hoàn đỡ sốc cô nó lên: Miệng phun dấm từ dưới dẫn lên; đắp giấy bạch từ sau tới trước. Vòng trong cổ đo dư ba tấc; lưỡi lè dài ước đặng bốn phân. Xét cho hết chu-thân; kiếm không còn một chút. Hoài-Xuân án đã tra rồi; Năm-Hợi hình kia chưa xét. Phun dấm đắp giấy cho thằng Hợi đi. Dấu trước mặt là dấu khua dấu gãi; dấu sau lưng là dấu té dấu nằm. Theo tầy oan cứ phép mà làm; việc án mạng có đâu tới rủi. Lệ, đòi A-hoàn mụ Dần đến đây. A-hoàn dầu có tội; mụ Dần cũng mắc hình. Lệ, Dần hai người đem tới huyện đình; trong một lẽ án-từ nghị xử.

(*Hạ*).

*Thầy Đề nói:*

Mấy lời chiêu tình-tự; cung nạp tại án đường.

*Quan huyện nói:*

Xem án tự và hàng; thật có tài bút trát. Ta khá khen thầy Đề đó. Thị-nữ: Thị-nữ nên thú thực; mụ Dần phải khai ngay. Nếu tới phép ra tay; ắt có khi rập mật.

*A-hoàn nói:*

Da dạ: Tôi xin cung thật; ông tỏ lời ngay. Khi coi hội những ngày; cô tôi với Minh-Châu kết bạn. Khi ấy cô tôi giả hình nam-tử, cô tôi lại thỉnh người về lâu-thượng; chàng chịu miệng tới chơi. Ai ngờ là chàng không đến. Bảo mụ Dần báo đạo tiền-lai; cô tôi mới giao hài một chiếc. Ký ngôn sự thực; giao dữ Minh-Châu. Đến canh ba gõ tiếng dưới lầu; giòng thang xuống trao hài liền rước. Mụ Dần đà lấy được; bèn giao lại cho con. Nó dâm-ô làm trào

chẳng tròn; cô tôi mới ra tay đánh chết. Như tôi nói rằng: Sống đục lại mang tiếng dữ; thác trong ắt có kẻ dồn. Lời thực bẩm tường; lệnh ông xin tỏ.

*Mụ Dần nói:*

Dạ dạ: Hoài-Xuân với Minh-Châu thuở nọ; tri-giao nơi Sơn-tự ngày kia. Khi ấy như Hoài-Xuân giả dạng là trai. Cô mời chàng lên chốn lầu trang; chàng tới mụ chưa lên thư-viện. Chàng cậy mụ lên thông sự chuyện; mụ tới đó cô lại trao hài. Dặn dò trống điểm sang hai; tăm tối gõ lầu tiếng một. Ròng thang kia xuống rước; cầm hài nọ lên lầu. Mụ vâng lời đi một hồi lâu; ai ngờ gặp con tôi là thằng Hợi: Trẻ vừa tới hỏi thăm tin-tức. Mụ giấu hài dưới đất; trẻ vội lấy cầm tay. Mụ căn-nguyên vậy phải bày ngay: trẻ dâm-thái toan bề gian-ác. Cô tử-tiết hồn nương mây bạc; trẻ ô-danh phách ruổi trời xanh. Dám đâu tính quần tính quanh; nhờ lượng trên phân trên đoán.

*Quan huyện nói:*

Nghe mụ phân tiếng cạn: vốn đây tỏ tình sâu. Chữ chủ-mưu Dần-thị làm đầu; chung-thân án phát-lưu đại-hải. Còn A-hoàn: Tuẫn tri-gian hình kia buộc lại; tam niên ưng phát-phối Côn-lôn. Hình đã tỏ căn-nguyên; ngục không than oan-ức. Nhị hồi đã dứt; xin tới hồi ba.

(*Còn nữa*)

---

# VĂN-UYỂN

## Ba bài chúc mừng Ngự-giá Bắc-tuần khi tới Thanh-hóa

(Ngày 15 tháng 11 năm 1932)

I

*Thang-mộc sơn-hà tiêu địa-trục,*
湯沐山河標地軸
*Thái-bình nghi-vệ bái thiên-nhan;*
太平儀衛拜天顏
*Trùng thành trượng-túc sơ đông-hậu,*
重城仗肅初冬候
*Vạn tuế thanh đằng triệu tinh hoan;*
萬歲聲騰兆姓歡

*Chân-nhân khí-tượng muôn vàn,*
*Ba sao rạng đuốc mở màn năm mây.*
*Thần dân trông ngó những ngày,*
*Khắp xa gần vẫn đợi rày tung-hô.*

*Thần tán đô du, dân ca hi du,*
臣讚都俞民歌嬉遊
*Đế đức Đường Ngu, đế trị Đường Ngu.*
帝德唐虞帝治唐虞

II

*Uất thông giai-khí chừ thiên địa,*
鬱葱佳氣儲天地
*Kha hộ linh-thanh hấp quỉ thần;*
訶護靈聲翕鬼神
*Nhật lệ Tôn-thành chiêm bái hậu,*
日麗尊城瞻拜後
*Phong hành hiếu trị thỉnh văn tân.*
風行孝治聽聞新

*Tôn-sơn một đỉnh non thần,*
*Bồng-lai đất phúc tử-phần quê xưa.*
*Thái-bình đức gió ơn mưa,*
*Núi sông cây cỏ muôn mùa tràng-xuân.*

*Đạo lộ thanh trần, sơn xuyên xuất vân,*
道路清塵山川出雲
*Đế đức nhật tân, đế trị nhật tân.*
帝德日新帝治日新

III

*Tam kỳ phong-vật du quan thủy,*
三圻風物遊觀始
*Lưỡng lục văn-minh lịch lãm dư;*
兩陸文明歷覽餘

*Tự cổ hùng-đồ tràng đái-lệ,*
自古雄圖長帶礪
*Tức kim gia-hội thống xa thư ;*
卽今嘉會統車書
*Trị-bình gia-pháp từ xưa,*
*Văn-minh thánh-học lại thừa mười niên.*
*Tuổi lên đức-nghiệp càng lên,*
*Xây nền hạnh-phúc khắp miền âu-ca.*
*Nam-sơn ta-nga, nam-hải vô-ba,*
南山嵯峨南海無波
*Đế đức trùng hoa, đế trị trùng hoa.*
帝德重華帝治重華

. . .

### Hừng sáng

*Tiếng gà eo-óc gáy bên tai,*
*Trăm họ giật mình tỉnh giấc say ;*
*Sĩ thắp đèn khuya ôn vở tối,*
*Nông lo cơm sớm thả cày mai ;*
*Công vầy ít chủ ngoài rừng vắng,*
*Thương nhóm mươi cô giữa chợ dài ;*
*Trời rạch mây ngàn toan ló mặt,*
*Xem người làm việc dưới trần-ai.*

### Chiều hôm

*Khen ai khéo vẽ bức tranh chiều,*
*Cho khách nhàn-du lắm cảnh yêu !*
*Ngư ngó thuyền đầy nên vắt lưới ;*
*Tiều trông gánh nặng mới buông riu,*
*Canh toan gác ách ngưng cày Thuấn ;*
*Mục sắp tu cỏi giã ruộng Nghiêu,*
*Xao-xác chim về thêm tiếng nhạc,*
*Rõ-ràng là một cảnh tiêu-diêu.*

### Đêm tối

*Thi-thùng tiếng trống điểm sang canh,*
*Cảnh vật tư bề những vắng tanh ;*
*Ngọc cần da trời hình nhấp-nhánh,*
*Vàng gieo mặt nước bóng long-lanh ;*
*Phòng loan leo-lét đèn sương-phụ,*
*Dặm thỏ bơ-vơ bước lữ-hành ;*
*Danh-lợi người đang êm giấc mộng,*
*Gà đâu vội thúc buổi bình-minh.*

### Khuyên học quốc-ngữ

(Mỗi câu có chữ hoặc dấu quốc-ngữ)

*Anh em ! Quốc-ngữ rán dùi mài,*
*Mựa chớ bỏ-bê lúc tuổi trai ;*
*Đạo-đức đừng e xem mỏi mắt,*
*Văn-minh chớ sợ gánh ê vai ;*
*Pháp-Nam y một giây huyền sắt,*
*Âu-Á thông hai ngả tri tài ;*
*Tiếng nước chữ nhà tình đã nặng,*
*Làm sao bổ ích buổi tương-lai ?*

### Bút lông

*Văn-vật trời Đông thiệt hẳn-hòi,*
*Chép ghi sử-sách để truyền nơi ;*
*Cành tre rừng phật làm nên cán,*
*Lông thỏ cung tiên kết lấy ngòi ;*
*Trên áng thi-ông thường múa-mầy,*
*Trong tay tài-tử vẫn săm-soi ;*
*Vương-Đi, Lý-Bạch duyên vì cậy,*
*Nét vẽ câu thơ mới đủ môi.*

### Bút sắt

*Tiếng tăm lừng-lẫy một phương Âu,*
*Đem chữ văn-minh dãi địa-cầu ;*
*Ngòi sắt cong lưng eo-thắt mũi,*
*Cán cây tròn vóc thẳng-băng đầu ;*
*Nghênh-ngang mặt giấy hàng hàng nét,*
*Sầu-sảo dàn bài chấm chấm câu ;*
*Sớm tối lân-la cùng sĩ-tử,*
*Đương thời đắc-dụng khắp năm châu.*

*Gò-công*, NGUYỄN HUỲNH-MAI

### Ngày xuân gửi thăm bạn sông Hương

*Từ ngày Hà-nội chia tay,*
*Nỗi riêng canh-cánh ngày ngày nhớ mong.*
*Thần-kinh xa cách bao trùng,*
*Để người sông Nhĩ, núi Nùng ngẩn-ngơ.*
*Từ phen họp mặt đến giờ,*
*Đông qua xuân lại đã vừa ba trăng.*
*Trời xuân hoa cỏ tưng-bừng,*
*Ngày xuân vắng bạn vui mừng với ai.*
*Rượu xuân ai đấy mà mời,*
*Thơ xuân ngâm-vịnh ai người nghe cho.*
*Cảnh xuân trời điểm, trời tô,*
*Chim xuân đua hót líu-lo ngoài tường.*

*Khách xuân nô-nức đầy đường,*
*Trời xuân phong-cảnh như nhường*
*Vui xuân vui khắp đôi nơi, [trêu ai.*
*Sầu xuân ta những đứng ngồi không yên.*
*Tưởng khi dưới xóm Khâm-thiên,*
*Giọng ca dìu-dặt, cung huyền thấp cao.*
*Tưởng khi thấy mặt mời chào,*
*Khi thăm chùa Láng, khi vào đống Đa.*
*Tưởng khi dưới nguyệt la-đà,*
*Tâm đầu ý hiệp là ta với mình.*
*Mình nay non-nước Thần-kinh,*
*Ta nay hoa cỏ Long-thành kém vui.*
*Chung quanh cảnh-vật đua cười,*
*Trời xuân chi để riêng ai thẫn-thờ.*

### Cùng đi chuyến ô-tô gặp người cũ

Mưỡu

*Bánh xe quay tít bụi hồng,*
*Khiến người ngồi đó mà lòng đã ưa;*
*Lạ thay hẹn những bao giờ,*
*Người quen ngày trước tình cờ hôm nay.*

Hát nói

*Đường xa bỡ ngỡ,*
*Duyên chi mà gặp-gỡ khách tri-âm;*
*Mới ngày nào chốc đã chín mười năm,*
*Nhường dịp phách cung cầm còn vẳng tiếng.*
*Nhìn mặt dễ thêm tình quyến-luyến,*
*Cầm tay khôn tỏ nỗi đầy vơi;*
*Bấy lâu nay cá nước chim trời,*
*Mà con Tạo vần xoay thời cũng lạ!*
*Ngoài hai chục xuân đương nồng-nã,*
*Nguyện ghi vàng tạc đá nên chăng?*
*Lời xưa hồng-điệp xích-thằng.*

DƯƠNG THIỆU-CƯƠNG

. . .

### Bội-Hoàn Thi-tập

Bản-chí tiếp được «*Bội-hoàn thi tập*» này là của một nhà nữ-sĩ ở Châu-giang làm ra, tuy lời lẽ chưa được luyện cho lắm. Nhưng súc-cảnh sinh-sầu, phát ra câu thơ cũng lưu-loát. Vậy Bản-chí cứ nguyên-văn lục ra đây để giới-thiệu áng văn-chương của nữ-lưu cùng chư-tôn độc-giả.

### Ngắm cảnh Châu-giang (Phủ-lý)

*Hương-sơn một dải dựa lưng trời,*
*Mặt sóng Châu-giang lớp lớp vời;*
*Bóng mát cây xanh chen ngói đỏ,*
*Trên cầu tầu chạy dưới thuyền bơi;*
*Nam-nhân thiếu-tuấn coi huỳnh mạo,*
*Phụ-nữ tân-dung mốt hợp thời;*
*Phong-cảnh hữu tình người chẳng hữu,*
*Ngoảnh nhìn cuộc thế vẫn buồn rơi!*

### Trên cầu Thê-húc viếng cô Hoàng Thị-Cần

*Cái án hồ Gươm khéo bất-bình!*
*Vì sao thân trọng hóa thân khinh;*
*Trăng soi dáng liễu long-lanh bóng,*
*Gió thổi hồn hoa khí-phách linh;*
*Sóng bạc theo làn tiêu chướng-tục,*
*Bụi hồng chi vướng nợ ba-sinh;*
*Nhìn theo dòng nước lòng ta cũng,*
*Cũng muốn cùng ai giội lửa tình!*

### Lạc vào vườn hoa say hoa mến cảnh

*Khen ai uốn cảnh khéo ra tay,*
*Cảnh có người xem cảnh tốt thay;*
*Người được cảnh yêu người mến cảnh,*
*Cảnh tàn người nhớ cảnh nên say;*
*Người qua sông bể người không dợn,*
*Cảnh vượt mù sương cảnh chở lay;*
*Cảnh đấy người đây người với cảnh,*
*Còn về còn nhớ cảnh hôm nay.*

### Đêm thu sầu

*Đèn xanh mờ-mịt suốt đêm thu,*
*Thu hỡi thù nhau nỡ thế ru!*
*Xào xạc thềm rêu hoa lá rụng,*
*Ru con nghe vẳng giọng hoài-phu;*
*Thương đời thao thức thân chim nổi,*
*Nhớ nước quyên kêu nỗi mịt-mù;*
*Lần cửa đón xem cơn gió thổi,*
*Diều ai sườn núi sáo vu vu.*

### Tựa gốc đào

*Thảm sầu mà vẫn đứng thung-dung,*
*Người vẫn thung-dung cảnh vẫn cùng*

*Rắp hỏi đào hoa sao héo-hắt?*
*Đào rằng phải buổi vắng đông-phong.*

**Dưới bóng phù-dung**

*Gió mát trăng thanh cảnh lạnh lùng,*
*Một mình thơ-thần bóng phù-dung;*
*Tang-thương hoa ấy còn thay đổi,*
*Bạc phận này xem có giống không?*

**Hái giầu không**

*Lá vàng vòi-vọi mãi trên cao,*
*Cao lắm nào ai hộ với nao;*
*Xanh nọ tốt tươi duyên sắc thắm,*
*Thương cho nắng nọ cái hoa đào!*

NĂM CANH

**Canh một**

*Bóng trời gác núi bóng trăng sang,*
*Xay đập nghề nông giữ việc thường;*
*Trong trướng so dây lên khúc đạo,*
*Ngoài thềm con dế nó kêu sương!*

**Canh hai**

(Ngồi gốc liễu trông quạ
bay qua bóng trăng mờ)

*Canh hai phẳng lặng bốn bề yên,*
*Kia quạ ăn sương đối cảnh phiền;*
*Mảnh liễu thướt-tha sương lá rủ,*
*Cô-đăng dòi-dọi xót trường duyên.*

**Canh ba**

*Một mình trằn-trọc trống canh ba,*
*Khóc mãi mà sao mắt chửa lòa;*
*Tựa cánh rèm đông chờ ai đó,*
*Tương-phùng còn đợi giấc Nam-kha.*

**Canh tư**

*Sang trống canh tư tưởng những là,*
*Nào ai âu-yếm chuyện cùng ta;*
*Cầm tay gạn hỏi đường tơ tóc,*
*Tỉnh giấc chiêm bao lệ chửa nhòa.*

**Canh năm**

(Nghe trẻ học chữ nho)

*Bên chùa văng-vẳng mấy hồi chuông,*
*Đời có ta không có tấn tuồng;*
*Oe-óe tiếng nho lòng vọng-cổ,*
*Tay này bao tuổi nữa thì buông.*

BỐN MÙA

**Mùa đông**

*Mùa đông sương tuyết lạnh lùng thay,*
*Thân-thế sao chung cảnh-tượng này;*
*Sớm giội cành mai sương lạnh lẽo,*
*Chiều mưa đông bắc gió hơi may:*
*Rừng thông xào-xạc chim về tổ,*
*Sau núi chân trời tỏa khói mây;*
*Muốn gửi cho người đồ mặc rét,*
*Còn tìm lối gửi lối nào đây?*

**Mùa xuân**

*Đông lại xuân qua một nỗi niềm,*
*Nỗi niềm u-uất biết bao quên;*
*Ngày xuân nô-nức người hoan-lạc,*
*Đêm vắng riêng ta một mối phiền!*
*Khêu ngọn đèn tàn rơi thánh-thót,*
*Nhắp đi hồn điệp luống liên-miên;*
*Hỡi ai có nhớ chăng còn nhớ?*
*Có nhớ cùng ai một chuyến thuyền?*

**Mùa hạ**

*Mùa hè lửa lựu đã đâm bông,*
*Chiếc quạt tay cầm mở lại phong;*
*Cây cỏ đeo sầu hiu-hắt gió,*
*Dế giun rền-rĩ gọi vầng đông;*
*Sông ngân thả lá về đâu nhỉ,*
*Bể ái đầy vơi dễ lạnh lùng;*
*Chua xót thương thân chim bể hoạn,*
*Trời cao cao tít mãi trên không.*

**Mùa thu**

*Hạ lại sang thu đắp lại sầu,*
*Trông vời nào thấy ở đâu đâu;*
*Bốn phương bát-ngát hồn thanh-khí,*
*Một kiếp bâng-khuâng khách hiệp-đầu;*
*Lặn-lội tình trường say lắm vị,*
*Thờ-ơ bãi bể hóa nương dâu;*
*Ai ơi sẽ nhích xa thì thấy,*
*Chỉ thấy xanh rì đám cỏ khâu!*

*Trần-thị* BỘI-HOÀN

## Viếng ông Hữu-mai

(Lối sa-mạc)

Hữu-mai tiên-sinh là tay túc-nho ở Quảu-phương, giỏi nghề quốc-văn, tinh nghề y-học, thông-thạo cả cầm, ca, độn, số, lúc thiếu-tráng giang-hồ lãng-mãn, có chí khẳng-khái cao-thượng, kịp về văn-cảnh, vui với điền-viên, trên thờ cha, dưới mong con vinh-quang, cái gia-đình lạc-thú, đồng-thời hiếm có. Nào ngờ đầu tháng mạnh-thu năm nhâm-thân, (3-8-1932) tiên-sinh vội về lạc-quốc, hưởng niên được 53 tuổi. Tôi với tiên-sinh là người đồng-hương, lại vướng chút tình qua-cát, nhân buổi ly-biệt, cảm-điệu và lời!

*Hữu-mai ông ơi! cái cửa trời là cái chi-chi,*
*Một lầm hai lỡ mà ta vớ phải cái lốt nam-nhi xuống cõi bụi hồng.*
*Đem bút-nghiên đèn-sách mà lần-lữa với non sông.*
*Phương-châm đặt vững mà xem ông tạo hóa công xoay-vần.*

*Hữu-mai ông ơi! buổi phong-trào kia trình-độ quốc-dân,*
*Quốc-hồn cầu cho phục-tỉnh, thì quốc-văn ta phải bảo-tồn.*
*Chiếc trường-chiến làm-lý khi vịnh nước khi đề non,*
*Hồn chim tinh-vệ lẫn với tiếng con đỗ-quyên nó gào.*

*Hữu-mai ông ơi! kiếp phù-sinh là kiếp thế nào?*
*Người nội-thương, kẻ ngoại-cảm, cái giấc chiêm-bao lạ đời.*
*Giở tay kiều làm cho sấm động mưa rơi,*
*Sâm, nhung, quế, truật xoay bài linh-đan.*

*Hữu-mai ông ơi! vần-vơ thay kia lưu-thủy với cao-san,*
*Vui bề tình-tình mà chạnh một tiếng đàn ông Bá-nha.*
*Tựa ngọn nam-phong tay lựa đến khúc nhà,*
*Cây ngô cành bích con phượng già nó đậu trên cao.*

*Hữu-mai ông ơi! cuộc rủi-may tiền-định ở cái ông Thiên-tào,*
*Bày ra thế ấy lại buộc vào thế kia.*
*Túi kinh-luân giở trước ngọn đèn khuya,*
*Nhâm, cầm, độn, số, ngẫm-suy cơ-hội này.*

*Hữu-mai ông ơi! kể từ thiếu-tráng những ngày,*
*Lênh-đênh góc bể chân mây đôi gót bọt bèo,*
*Bốn phương trời khói-bụi mảng trông theo,*
*Hồng-hồng tuyết-tuyết treo-leo với mước giang-hồ.*

*Hữu-mai ông ơi! gót qui-lai tính lại với cơ-đồ,*
*Điền-viên vui-thú nhà nho trong cái tuổi già.*
*Cảnh phong-lưu đời còn nắm sẵn dành ta,*
*Con bài điểm-nguyệt, cái chén xuân-trà pha lúc rạng-đông.*

*Hữu-mai ông ơi! lần trời tây còn một chút nhà thông,*
*Bức gương ti-tuyết soi lồng với vẻ Nam-tinh,*
*Nếp thư-hương ngào-ngạt chốn môn-đình.*
*Dẫu không đỉnh-chung thăng-đầu mà chén khiết-hình song cũng cam đời.*

*Hữu-mai ông ơi! áng xuân-viên đan-quế một vài chồi*
*Cành cao tán thấp cái vị hương-trời man-mát nền hoa.*
*Sóng văn-minh bành-trướng nước non nhà,*
*Con thuyền tân-tiến mái chèo ca đầy lại sau này.*

*Hữu-mai ông ơi! giang-sơn còn đó, phong-cảnh hãy còn đây,*
*Còn trăng còn gió cũng tưởng còn ngày chén rượu say-sưa.*
*Ông trời xanh trách ông sao khéo hẳng-hờ,*

*Sao dời vật đổi nào ngờ đương buổi sơ-thu!*

*Hữu-mai ông ơi! cảnh Bồng-lai hay còn thiếu khách cầm-thư?*
*Lọc tay lỗi-lạc nên mới đưa ông về.*
*Lớp yên-ba quanh-quẽ bốn bề,*
*Thần-tiên phẳng-phất giấc hòe bên trái cô-phong.*

*Hữu-mai ông ơi! cảnh kỳ-viên hay sẵn dịp kỳ-phùng,*
*Nối chèo tế-độ mà vẫy-vùng trong bể từ-bi.*
*Ván cờ đời thôi tính nữa mà chi,*
*Ba nghìn thế-giới bóng xuân-huy soi càng dài.*

*Hữu-mai ông ơi! trước chân-dung xin áy-náy một và lời,*
*Họa ra chín suối có trời thấu tỏ cho chăng.*
*Mấy quyển di-văn lần giở dưới bóng cô Hằng,*
*Gieo châu nhả ngọc cái chi lăng-tăng trăm vẻ vẫn như in.*
*Thương ai xa cách dặm nghìn!*

NHÂN VÂN-ĐÌNH

---

# THỜI-ĐÀM

## Việc thế-giới

### THẾ-GIỚI MUỐN SỐNG HAY CHẾT?

**Nạn kinh-tế khủng-hoảng trong thế-giới do vấn-đề tiền-tệ mà ra; nếu vấn-đề này không giải-quyết, thì nạn kinh-tế không hết được.**

Lúc này trong nước nhà thì chính-phủ thuộc-địa đặt ra ban ủy-viên lúa gạo (*Commission du riz*); bên Pháp thì Nội-các DALADIER sửa-soạn mở ra Quốc-gia kinh-tế hội-nghị (*Conférence économique nationale*); còn cả thế-giới thì hiện nay ở *Genève* người ta đang bàn-tính và dự-bị mở lại thế-giới kinh-tế hội-nghị (*Conférence économique mondial*); ấy là lúc khắp trong hoàn-cầu, đâu đó đều muốn lo phương định kế đặng gỡ cho khỏi cái nạn kinh-tế khủng-hoảng đi, kẻo nó dây dưa lâu ngày rồi, nguy khổ cho người ta lắm. Thế-giới muốn sống hay muốn chết, hình như quan-hệ ở lúc này, tính sao thì tính đi, chớ để chần chờ hoài không đặng.

Thứ nhất là cuộc Thế-giới kinh-tế hội-nghị ở *Genève* người ta đang sửa soạn bây giờ quan-hệ lắm, nên muốn viết bài này thuật chuyện n để độc-giả rõ.

* *

*Cuộc mua bán của nước nào cũng nguy*

Theo như sổ thống-kê (*statistique*) của Hội Vạn-quốc, thì ra mấy năm nay cuộc mua bán trao đổi ở giữa các nước trong hoàn-cầu sút kém nhiều lắm: năm 1929 tổng-cộng lại được 35 ngàn 6 triệu đô-la, thế mà đến năm 1931, sụt xuống còn có 20 ngàn 9 triệu mà thôi. Nghĩa là sụt hết 42%.

Bốn nước có thế-lực kinh-tế phát-đạt hơn nhất là Mĩ, Anh, Đức, Pháp hồi năm 1929, số xuất-cảng của họ còn được 13 ngàn 88 triệu, rồi qua năm 1931, chỉ được 7 ngàn 62 triệu thôi, thế là cũng sút đi hết 45%. So-sánh bốn nước với nhau thì Hoa-kỳ sút kém bậc nhất, thứ đến Pháp đến Đức rồi mới đến Anh.

*Tiền-tệ nước nào cũng giảm giá-trị đi nữa*

Cũng theo sổ thống-kê của Hội Vạn-quốc, thì tiền-tệ của các nước đều mất giá-trị (*monnaie dépréciée*) đi nữa. Tôi muốn kể ra ít nhiều nước làm ví-dụ sau này:

Tiền-tệ Hồng-mao giảm giá 32%; Úc-châu 43%; Brésil 36%; Y-pha-nho 58%; Hi-lạp 53%; Thổ-nhĩ-kỳ 89%; Trung-quốc 54%; Nhật-bản 50%; Mexique 43%; Ai-cập 27%; v. v..

Hoặc ít hoặc nhiều, giá tiền của nước nào cũng bị giảm đi hết, không có một nước nào khỏi.

Công-nghệ nội hoàn-cầu ngày nay, người ta cho quan-hệ hơn nhất là những đồ chế-tạo bằng các loài kim-khoáng như sắt, gang, đồng, kẽm, v.v., gọi chung là đồ «kim-loại xuất-sản» (*production métallurgique*); nó làm cơ-sở cho tất cả các món công-nghệ khác, nước nào cũng coi nó trọng-yếu hơn hết, vì sự thịnh-suy của nó liên-can tới cuộc giàu nghèo một nước lớn. Vậy mà xem tờ báo cơ-quan của phòng Quốc-tế Lao-động (*Bureau international du Travail*) thì mấy năm nay số xuất-sản ấy của các nước đều kém sút hết thảy. Tệ nhất là Hoa-kỳ, trước kia chế-tạo ra mười phần thì bây giờ không còn được sáu.

Thấy sự kém sụt này mới càng rõ cái kinh-tế trong thế-giới thật là đại-nguy.

*Nạn chung thì phải cùng lo gỡ chung*

Cuộc mua bán trao đổi ở giữa Vạn-quốc càng ngày thấy kém sút đi, và tiền-tệ của các nước lộn-sộn, làm cho tình-hình kinh-tế hoàn-cầu đều khó-khăn xiêu đổ chung hết. Đã là cái nạn chung thì cả nước ắt phải chung lòng hiệp sức với nhau mới có thể cứu vớt cho cuộc kinh-tế lại chấn-hưng phát-đạt như trước.

Mà nạn kinh-tế khủng hoảng này chính là do vấn-đề tiền-tệ của nước này nước kia rắc-rối lộn-sộn mà ra. Nếu không lo giải-quyết vấn-đề này cho nhất-trí, cho điều-hòa thì không trông gì cho nạn kinh-tế hết đặng.

Bởi vậy tình-thế càng cần sao hết thảy các nước liên-hiệp lại với nhau mà bàn định lấy một phương giải-quyết, chớ cái nạn chung đều, thì không nước nào gỡ riêng cho mình được. Nếu nước nào cũng vì những mối lợi riêng tư, vì lòng ích-kỷ, rồi tự bày ra kế-hoạch này, phương-sách kia, tưởng là để gỡ mình, bênh-vực cho mình, nhưng kỳ-thực là làm cho nạn kinh-tế của thế-giới thêm nguy thêm khó ra đó thôi.

Vì suy xét như vậy và bởi muốn cứu cái nạn chung, nên ngày nay các nước mới tính nhóm. Thế-giới kinh-tế hội-nghị vậy.

∴

*Chưa nhóm đã thấy nhiều điều khó khăn*

Nói rằng Vạn-quốc tính nhóm hội-nghị kinh-tế, nhưng sự thật hiện nay ở *Genève*, người ta mới cử ra một ban ủy-viên gọi là «dự-bị» (*Comité préparatoire*) để bàn định sửa-soạn về cuộc nhóm này, chớ không biết rồi có được không, hay là nhóm mà có làm xong việc gì hay không? Là bởi có nhiều nỗi khó-khăn lắm.

Mùa hạ năm rồi, lúc các nước nhóm hội ở *Lausanne* để thương-thuyết khoản nợ chiến-tranh, người ta tưởng đâu lúc bấy giờ thế-giới đã làm xong được việc lớn-lao là việc cải-tạo tình-hình kinh-tế của Vạn-quốc ngay. Ai cũng nghĩ rằng hội-nghị này xong rồi thì cái nạn kinh-tế phải hết. Nhưng vì có hai vấn-đề rất khó-khăn, làm cho cuộc hội *Lausanne* đã chẳng xong gì mà tình-hình kinh-tế vẫn chưa có cơ khôi-phục: Một là vấn-đề định giá tiền *Livre* của Hồng-mao; hai là vấn-đề công nợ chiến-tranh. (Đức nợ các

nước Đồng-minh thắng trận, các nước này nợ lại Hoa-kỳ).

Hai vấn-đề này mới thấy ngỡ là nó rời nhau, nhưng kỳ-thực có liên - can với nhau lắm. Muốn nói cho kỹ thì dông-dài quá, tôi tưởng nói sơ một chút này cũng đủ. Các nước nợ Hoa-kỳ, thứ nhất là Hồng-mao nợ nhiều, bấy lâu thường yêu-cầu nhắc nhở Hoa-kỳ xóa nợ đi mà Hoa-kỳ nằng-nặc không chịu. Đồng *livre* là tiền-tệ Hồng-mao, vốn là thứ tiền có thế-lực và thông-dụng trong cuộc mua bán khắp hoàn-cầu; trước đây tiền ấy cũng lấy vàng làm gốc (kim bản-vị) như các nước phú-cường khác, nay nhân tình-hình kinh-tế khủng-hoảng, Hồng-mao bỏ kim-bản-vị đi cho giá đồng *livre* sụt xuống, vừa là để tự cứu lấy họ, mà hình như cũng là cách báo thù Hoa-kỳ về sự không xóa nợ chiến tranh. Hồng-mao làm vậy rồi nhiều nước khác đổi theo, làm cho cuộc mua bán của Hoa-kỳ thiệt hại dữ. Hoa-kỳ năn-nỉ Hồng-mao trở về kim-bản-vị hoài và nhất định giá đồng *livre* lại (*stabilisation*). Nhưng Hồng-mao không chịu.

Điều khó khăn của hội-nghị kinh-tế nay mai là ở chỗ đó.

Ví dụ nay mai hội nghị có nhóm, mà các nước có yêu-cầu Hồng-mao về vấn-đề định giá đồng *livre*, thì các nhà lý-tài chuyên-môn của họ sao cũng lập lại câu trả lời đã quen thốt ra như vầy:

« Chúng tôi vẫn biết rõ rằng đồng tiền định giá, thật là một điều-kiện rất cần dùng để cho cuộc Vạn-quốc giao-dịch lại được khôi-phục như xưa. Chúng tôi đây cũng chẳng có điều hy-vọng nào khác hơn và cũng sẵn lòng giúp vào cuộc khôi-phục đó, song trước hết người ta phải lo tính về thế nào chắc-chắn cho nước chúng tôi mới được: phải làm sao cho số vàng trong thế-giới được lưu-thông dễ-dàng, phải bỏ nợ chiến-tranh đi, v.v. »

Thế là các nước thì bảo cuộc giao-dịch Thế-giới kém sút là tại đồng *livre* không định giá, còn Hồng-mao nói muốn họ định giá đồng *livre* của họ lại, thì Hoa-kỳ phải bỏ nợ chiến-tranh và để cho vàng lưu-thông với, chớ bao nhiêu vàng Hoa-kỳ quơ hết sao đặng. Té ra nước này đổ tại nước kia, cho nên tuy rằng hiện nay ở *Genève* người ta đương rán sức sửa-soạn cho hội-nghị kinh-tế sẽ nhóm được mặc lòng, nhưng chẳng biết nhóm mà có bàn định xong việc gì không?

. . .

*Mấy nước bỏ kim-bản-vị đều khá*

Ta nên xét qua cho biết những nước như Hồng-mao bỏ kim-bản-vị, là có lợi gì?

Hồi năm 1920 và 1922, có cuộc hội-nghị quốc-tế ở *Brukelles* và ở *Gênes*, các nước kinh-tế đàn anh đã giao-ước với nhau đều dùng vàng làm gốc cho tiền-tệ, nghĩa là dùng kim-bản-vị, dầu sao cũng đừng bỏ và đừng làm cái ngón tự sụt giá tiền bạc của mình xuống đặng thủ lợi riêng. Hai nước Hoa-kỳ và Hồng-mao chủ-trương cái chế-độ này sốt-sắng gắt-gao hơn hết.

Thế mà bây giờ Hồng-mao bỏ kim-bản-vị là tại sao?

Tại họ thấy nạn kinh-tế sở-dĩ dây-dưa hoài không dứt, là bởi đồ vật-sản chế-tạo khó bán, người ta ít mua; mà sở-dĩ như vậy là tiền-tệ theo kim-bản-vị cao giá quá đi, thành ra bán mắc. Bởi vậy cho nên một năm rưỡi nay, họ bỏ kim-bản-vị, tự làm cho giá đồng *livre* của họ sụt xuống, sánh với tiền Lang-sa lối 86 hay 87 quan mà thôi.

Thật hay quá, nhờ đồng *livre* sụt giá, mà giữa hồi thiên-hạ nguy-nan này, nước Hồng-mao mua bán khá và số công-nhu của họ được quân-bình thâu xuất, chứ không thiếu hụt như các xứ còn ôm cứng lấy kim-bản-vị.

Nhật-bản thấy lợi thì làm theo: hồi tháng chạp năm 1931 trở đi, họ cũng bỏ kim-bản-vị.

Trước kia đồng viên (*Yen*) của Nhật cao giá lắm, 100 đồng bạc Đông-dương mình chỉ đổi được có 70 viên thôi. Bây giờ đổi được tới 177 viên. Vậy là Nhật tự làm cho tiền-tệ của họ hạ giá đi tới 60%.

Sự hạ giá đồng *viên* đó, khiến cho cuộc công-thương nước Nhật đương kém sút vì nạn kinh-tế mà trở nên thịnh-vượng to. Đến nỗi Hoa-kỳ phải giật mình, sợ Nhật chiếm cái địa-vị chủ-nhân trên thị-trường Đông-phương, nên chi Hoa-kỳ muốn làm cách mua bán đổi-chác đồng *viên*, cốt làm cho nó lại cao giá lên, nhưng Nhật-bản cũng khôn-ngoan như Hồng-mao, họ có cách làm cho tiền-tệ của họ cứ ở giá thấp hoài cho được lợi.

Còn nhiều nước theo Hồng-mao Nhật-bản mà bỏ kim-bản-vị, cũng đều chống chỏi với nạn kinh-tế được cả. Vì sự lợi lớn như vậy, nên bây giờ khó ai làm sao cho Hồng-mao hay Nhật-bản chịu trở lại kim-bản-vị và định giá tiền-tệ của họ trong lúc này đặng.

. . .

*Có giải-quyết được vấn-đề tiền-tệ mới hết nạn kinh-tế*

Cứ xem những điều bày tỏ ở trên, độc-giả đã thấy rõ vấn-đề tiền-tệ đối với nạn kinh tế hiện thời, có quan-hệ sâu xa ra thế nào?

Thế mà bây giờ ở giữa các nước có chỗ xung-đột nhau, là nước này giữ kim-bản-vị, nước kia bỏ đi, nước khác tự hạ giá tiền mình xuống, mỗi nước ôm một kiến-giải riêng, làm một chế-độ riêng, không được nhất-luật đồng-tâm, thành ra đối với cuộc trừ nạn kinh-tế, xem ra rất khó.

Người ta còn lo một mai sẽ có một cuộc chia rẽ như vậy nữa: các nước bỏ kim-bản-vị lập thành một cái liên-đoàn «tiền-tệ đảo-điên» (*monnaies déréglées*), để chống với những nước ôm chặt lấy kim-bản-vị chưa buông: rồi những nước này cũng tìm cách chống lại với các nước kia. Như vậy thì quanh quẩn đôi co vấn-đề tiền-tệ làm sao giải-quyết xong, mà giải-quyết nó không xong thì trông gì hết nạn kinh-tế được đâu.

Người ta trông mong cuộc kinh-tế hội-nghị sẽ nhóm nay mai, các nước cùng hiệp nhau chung một mục-đích mà bàn, tìm một cách lợi mà cùng giải-quyết; nếu cách bỏ kim-bản-vị và hạ giá tiền-tệ là có lợi, thì cùng làm đều đi.

T. N.
(*Đuốc-nhà-nam*)

---

**Thời-cục nước Tàu.** — *Tình hình Chính phủ Trung-ương.* — Uông Tinh-Vệ là chủ-tịch viện hành-chính có tuyên bố rằng:

1) Hiện nay Tàu và Nhật không thể nào thương-thuyết trực-tiếp với nhau được, vì Nhật không chịu nhả Mãn-châu và không chịu bỏ chính-sách xâm-lược của họ;

2) Bây giờ cần phải chống với Nhật và kéo các nước văn-minh vào phe với Tàu;

3) Tàu không tuyên-bố đánh nhau với Nhật, vì làm như vậy là phải thua và mất luôn cả đất cát.

Uông Tinh-Vệ lại tuyên-ngôn tại lễ kỷ-niệm Tôn Văn rằng kết-cục ra thế nào mặc lòng, nước Trung-hoa cũng phải chống lại Nhật-bản. Uông lại nói nhân-dân chớ nên nghe những tin đồn nhảm về cái thái-độ của mấy toán lính kia trước mặt địch-quân. Uông lại nói các tỉnh tây-nam đã ưng cho quân đi Giang-tây để tảo-trừ quân cộng-sản.

Uông nói việc chống với Nhật cũng quan-hệ như việc tảo-trừ cộng-sản.

Uông Tinh-Vệ đã hội-nghị với Tống Tử-Văn về việc trù tiền chi vào việc chiến-tranh ở miền Bắc. Uông lại khuyên Tống đi dự cuộc hội-nghị ở *Washington*.

Hội-đồng chính-trị trung-ương có điện cho Phùng Ngọc-Tường phải nên đến Nam-kinh mà gánh vác một phần trách-nhiệm về chính-trị.

Uông Tinh-Vệ phàn-nàn về việc mâu-thuẫn của Quảng-châu với Nam-kinh. Tại một buổi hội-đồng chính-trị trung-ương, ông có ta-thán về việc các quan binh Tứ-xuyên và các quan binh Quảng-châu không hiệp-tác với quân Nam-kinh trong việc tiễu Cộng. Vì cái tình-thế như vậy, nên Tưởng Giới-Thạch cần lên mặt Bắc, mà phải lưu lại Giang-tây. Uông lại nói Chính-phủ đương kê cứu việc tổ-chức lại binh quyền ở miền bắc và lại nói chắc rằng quân Nhật định tràn vào Bắc-kinh và Thiên-tân.

Hội-đồng trung-ương hành-chính có gởi một bức điện chu-tri, bày tỏ mọi lẽ cần chiêu-tập cuộc hội-nghị quốc-dân, các đại-biểu quốc-dân-đảng đến ngày 1er *Juillet* này sẽ họp, để phản-đối mọi lời cổ-động của các lĩnh-tụ chính-đảng ở Quảng-châu, có ý ngăn-cản không ưng chiêu-tập hội-đồng ấy.

Các tướng của Quảng-tây là Lý Tôn-Nhân và Bạch Sùng-Hi đáp lại lời hô-hào của các hội-đồng quốc-dân-đảng ở miền bắc, và miền trung-ương, có nói các tướng ấy biểu-đồng-tình về việc nay cần phải hiệp-lực đồng-tâm, để chống với quân Nhật và quân Cộng-sản. Trần Tế-Đường là tỉnh-trưởng Quảng-đông thì chưa trả lời.

Ở Nam-kinh có tin rằng hội-đồng cai-trị miền bắc, thuộc quyền viện hành-chính do võ-tướng Hoàng Phụ, là phó trưởng tham-mưu của Tưởng Giới-Thạch chủ-trương, sẽ có quyền kiểm-đốc các tỉnh Hồ-bắc, Sơn-đông, Tuy-viễn và Sát-cáp-nhĩ cùng các thành phố Thiên-tân và Thanh-đảo.

Người ta nói hội-đồng mới ấy sẽ bãi hội-đồng chính-trị ở Bắc-bình, lập ra vào lúc cái quyền-lực của Trương-Học-Lương giảm đi.

Phùng Ngọc-Tường có gửi một bức thư cho Tưởng Giới-Thạch đại-ý bày tỏ 12 điều và ý-kiến kháng Nhật, xin Tưởng thực-hành và mong đem ngay 80 phần trăm quân-đội do Tưởng hoặc Lý Tế-Thâm thống-suất, còn Thái Đình-Khải, Tưởng Quang-Nại, Đái Kích, Tống Triết-Nguyên, Tôn Điện-Anh, Trương Phát-Khuê mỗi người giao chỉ-huy một đạo quân để đánh Nhật, tất là đắc-lực, và xin trích 80 phần trăm quân-phí để dùng về việc kháng Nhật.

Toàn bức thư như sau này :

« Tưởng Giới-Thạch nhân-đệ :

« Hôm trước, Trần Hi-Văn ở Bảo-định-phủ về có thuật rõ cuộc hội-kiến cùng nhân-đệ. Hôm nay đến Hoàng Thiệu-Hùng và Hạng-Bình đem thư của nhân-đệ đến cho tôi hỏi thiển-kiến tôi về cái họa Nhật. Tôi được dịp này xin ngợi khen nhân-đệ chẳng quản khó nhọc, luôn luôn nghĩ đến việc nước nhà. Theo ý-kiến tôi thì chúng ta phải kháng-cự cho đến chết, và phải mau mau lấy lại cho kỳ được những đất-cát mất về tay quân Nhật.

Hiện tôi nghĩ chỉ có cách ấy mới cứu-vãn được quyền-lợi của nước nhà mà thôi.

Tuy vậy, « kháng cự » của tôi đây chẳng phải là cứ ngồi yên giữ thế thủ hay là trông vào quân địch đứng yên không tiến. Tôi ngỏ ý-kiến nên :

1) 80 phần trăm quân đội trong nước tức khắc phải động binh, cất cử lên mặt trận, đóng các nơi hiểm-yếu.

2) Trích 80 phần trăm ngân-sách quân-vụ vào việc bài Nhật.

3) Việc chỉ-huy quân-đội muốn giữ được thống-nhất, nhân-đệ nên thân đứng cầm quân. Nếu vì lẽ gì, nhân-đệ không cầm quân được thì quân đội Trung-quốc nên giao cho Lý Tế-Thâm, Lý là một người yêu nước can-đảm, lương-tâm sáng tỏ như gương, người rất chân thật, lại đã lâu năm đứng đầu bộ Tham-mưu của nhân-đệ.

4.) Thái Đình-Khải, Tưởng Quang-Nại và Đái Kích là ba viên tướng đã từng đánh Nhật, có thể để dưới quyền Trần Minh-Khu hay Lý Tế-Thâm được. Mà Thái và Tưởng có thể mỗi người chỉ-huy được 5 vạn quân, còn Đái có thể lĩnh được 3 vạn quân.

5.) Tống Triết-Nguyên sẵn lòng chết cho nước, mà Tôn Điện-Anh chẳng sợ gì chết, vậy có thể giao cho mỗi tướng 5 vạn quân.

6.) Trương Phát-Khuê là một người nhiệt-tâm ái-quốc đã lập biết bao công-trạng với cách-mệnh. Nay là lúc lo việc cứu nước, tưởng nên quên những việc cũ mà giao cho Trương 4 vạn quân.

7.) Hà Trụ-Quốc là một vị anh-hùng đất Mãn. Nay giao cho Hà 4 vạn quân, tất Hà sẽ được việc lắm.

8.) Tưởng Bách-Lý và Hoàng Tồ rất thạo chiến-lược, nay hợp lực đánh Nhật, hai người ấy tất có mưu kế hay.

9.) Những tướng Ma Hsiang-peh, Chu Ching-Lan, Sah Cheng-Ping, Wang Hu, Huan-yên-pel và Chang-chang-Jen toàn là những người nhiệt-tâm ái-quốc cả. Nếu nhân-đệ với họ đến, họ sẽ hiến nhiều mưu-kế diệt Nhật.

10.) Tất cả các chính-trị-phạm nên tha ngay ra. Chính-phủ phải để ngay dân được tự-do ngôn-luận, tự-do hội-họp, để dân tự-do hội-họp để dân được tỏ lòng căm tức. Nhân-đệ nên cử một người mỗi ngày phải gửi cho nhân-đệ 10 tờ báo về phái phản-đối. Nhân-đệ đọc báo ấy sẽ có ích lắm vậy.

11) Hồ Hán-Dân, Uông Tinh-Vệ, Tôn Khoa, Vu Hữu-Nhiệm, Chu Cheng, Li Lieh-Chun đều là bạn đồng-chí, học-vấn uyên-bác, rất yêu nước, được lòng dân. Nhân-đệ cần phải hỏi ý-kiến từng người, như thế sẽ có sự hay trong việc trị dân.

12) Vì công việc nước mà chúng ta nhiều khi lầm-lỗi, ngày nay ai nấy nên thực tình nhận lỗi ấy đi, để ở cho quốc-dân ta có cái can-đảm làm người.

Mười hai khoảng trên này tôi do theo lương-tâm mà thảo ra. Từ trước đến nay thấy đã biết bao lời tuyên-cáo, nhưng ta vẫn thiếu một thứ: hành-động. Nghĩ rằng giống Tàu ta có lẽ sẽ bị tiêu-diệt mà tôi rùng mình, vậy đối với việc cứu quốc nghĩ sao cứ nói thẳng thế, Nhân-đệ nên thể lòng cho ».

Phùng Ngọc-Tường

Vì thấy quân bộ Tống Triết-Nguyên vừa rồi chống-cự quân Nhật được một cách hăng-hái đều là nhờ sức lợi-hại của đội đại-đao, nên bây giờ nhà đương-cuộc quân-sự Tàu chú-ý về thứ quân này lắm, và cũng vì vậy nên Phùng vừa tỏ ý xin chịu trách-nhiệm việc huấn-luyện quân đại-đao thì Tưởng đã biểu-đồng-tình.

Tưởng lại xin với chánh-phủ Nam-kinh, mỗi tháng phát ra cho Phùng 10 vạn đồng, để dùng vào việc huấn-luyện đội quân này. Về cách huấn-luyện thì Phùng tính tháng đầu huấn-luyện cho 6 ban, mỗi ban 1500 người. Cuối tháng thì thành-thục, thì liền đem phân phát cho các quân-đội kháng Nhật thân dùng. Qua kỳ thứ nhì mỗi tháng huấn-luyện cho được 9000 người. Cứ vậy tiếp-tục luyện hoài cho đến khi nào đầy đủ thứ quân này để đánh đuổi quân Nhật cho được mới thôi. Lại nói có lẽ số 10 vạn ấy không đủ kinh-phí, cho nên nghe đâu Diêm Tích-Sơn sẽ cấp thêm 2 vạn.

*Tình-hình miền Hoa-bắc.* — Sau khi Thừa-đức thất-hãm, cuộc-diện Bắc-bình, Thiên-tân nguy-ngập, các tướng Tôn Điện-Anh. Tống Triết-Nguyên hết sức đề-kháng quân Nhật đã nhiều trận kinh hồn, tình-hình Bình, Tân mới tạm đổi nguy làm an. Thế mà Tưởng Giới-Thạch chỉ ngồi nhìn thời-cuộc, chẳng nói chi đến chuyện kháng Nhật; chỉ là mượn cớ đi tiễu Cộng, để tránh cái câu chuyện bài Nhật mà thôi.

Tưởng Giới-Thạch lên mặt bắc chuyến mới rồi, chỉ cốt là bức-bách ngầm Trương Học-Lương phải từ-chức, để cướp lại quân-quyền mặt Hoa-bắc. Tưởng làm đã thành-công, Trương đã phải từ-chức, song từ đấy tuyệt-nhiên không hề thấy Tưởng bày mưu định kế lấy lại Thừa-đức, chỉ núp ở Bảo-định để lo toan sao cướp lại được hết quân-quyền và hòa-hoãn được thời-cuộc

Nước Tàu mà mất miền bắc, cái tội Trương Học-Lương đã cố-nhiên, mà cái tội Tưởng Giới-Thạch cũng không thể chối được.

Các yếu-nhân miền tây-nam cho rằng Tưởng định làm theo việc ký hiệp-ước với Nhật ở Thượng-hải năm trước, bí mật giảng-hòa với Nhật, định cắt đứt từ Vạn-lý-trường-thành trở ra ngoài cho Nhật. Bởi vậy mới có cái tin « Tưởng Nhật thỏa-hiệp » nghe đồn đã lâu, chưa biết có quả thật không, nay Hoa-liên-xã có đăng cái tin rằng Tưởng Nhật thỏa-hiệp đã cụ-thể hóa, nội-dung có bốn điều :

1) Trung-quốc đình-chỉ sự làm nhiễu loạn nước Mãn-châu và thừa-nhận độc-lập, biểu-thị Trung Nhật Mãn không cừu-thị nhau ; vạch giới-hạn phương bắc sông Hoàng-hà làm khu-vực Trung-lập ;

2) Chính-phủ Tàu phải bảo-chứng từ sau không bài Nhật và tẩy-chay hàng Nhật.

3) Nhật chính-phủ đối với Trung-quốc bao nhiêu điều-ước bất-bình-đẳng như trị-ngoại pháp-quyền, hội-hà-hàng hành-quyền đều thủ-tiêu cả, mà cùng đính điều ước mới, lấy tự-do bình-đẳng làm nguyên-tắc ; và tới một bước nữa, lấy chủ-nghĩa Môn-la ở Á-châu làm mục-đích ngoại-giao ;

4) Nhật đối với Tưởng về chính-sách đối nội chịu viện-trợ về mặt kinh-tế tài-chính và quân-sự. Điều này lại có nói Nhật không nhiễu miền Hoa-bắc mà nhiễu miền Nam để khiên-chế thế-lực phái phản Tưởng.

Trên mấy điều đó, nghe Tưởng đã cùng lục-quân Nhật thương-thỏa. Có lẽ cuộc Trung Nhật rồi ra thế chăng ?

Lại có tin nói sau khi Tưởng lên mặt bắc rồi, một mặt giao hết trách-nhiệm tiễu Cộng cho các yếu-nhân mặt tây-nam, một mặt ngầm phái đảng « Áo lam » là thủ-túc của Tưởng ra Quảng-đông, định phá-hoại thời-cuộc, khiến cho dân-chúng miền tây-nam phải quay về với Tưởng.

Biết rõ cách hành-động của Tưởng, các yếu-nhân mặt tây-nam phải lập tức hội-nghị bất-thường để bàn phương-pháp đối-phó, nhất định nghiêm-phòng không cho quân « áo lam » của Tưởng lên đến Quảng-đông khuấy rối.

Còn việc Tưởng định giảng-hòa với Nhật, sau khi ủy cho các yếu-nhân ở Bắc-bình mật-tra, quả đúng sự thật thì sẽ dùng ba cách chống lại là :

*a)* Gởi thông-điện đi khắp nước kể tội Tưởng ra mà trừng-giới.

*b)* Không nhận việc Tưởng điều-đình với Nhật và bày tỏ cho các nước biết rằng việc Tưởng làm không phải là ý chung của dân-chúng.

*c)* Đánh điện cho các tướng-lĩnh khắp nước và các cơ-quan quân-sự truy-nã Tưởng để nghiêm-trị.

Vậy Tưởng Giới-Thạch có âm-mưu điều-đình với Nhật chăng? Cứ lời một vị yếu-nhân nọ trong chính-giới nói thì Tưởng lên mặt bắc chuyến này chính đã bị tiếng tư-thông với Nhật, nên các tướng-lĩnh mặt Hoa-bắc đều lấy làm căm-giận họ Tưởng lắm.

Nếu vậy thì cuộc-diện Hoa-bắc rồi đây không biết sẽ biến đổi ra thế nào?

Hiện nay miền Hoa-Bắc thì quân Nhật càng ngày càng xâm lấn.

Tin Đường-sơn nói: Toàn-quyền đại-sứ Nhật là Võ-đăng vâng mệnh-lệnh của chính-phủ Đông-kinh, mở rộng việc chiến-tranh ở miền Hoa-bắc, do quân Nhật đánh các cửa ải Trường-thành. Phía đông Loan-hà cũng đổi thế thủ làm thế công, do quân Mãn-châu chịu trách-nhiệm.

Người Nhật chỉ quen cái kế: « Dùng người Tàu giết người Tàu » đó là cái diệu-kế hành quân của người Nhật. Bất cứ là đánh chỗ nào, người Nhật cũng cho người Tàu đi tiên phong. Như trong lúc này Nhật tiến binh đánh Đa-luân, thì dùng bọn Trương Hải-Bằng Lưu Quế Đường làm tiên-phong.

Vì thế mà mỗi khi giáp trận rồi số người Nhật bị tổn thương rất ít.

Các yếu-nhân nước Mãn-châu sau khi lập cuộc hội-nghị ở Bắc-đái-hà, quyết trước thành-lập cơ-quan tổ-chức lâm-thời ở phía Loan-hà, cử Lý Tế-Xuân làm trưởng-quan, thống hạt năm huyện Du, Phủ, Thiên, Lư, Xương. Người Nhật định sau khi thành-lập cơ-quan tổ-chức ấy, dùng làm căn-cứ quấy rối miền Hoa-bắc, hết sức mua chuộc bọn Hán-gian và bọn quan-liêu quân-phiệt thất ý; thực-hành cái kế dùng người Tàu đánh nước Tàu, để đạt cái mục-đích dựng nên một nước Mãn-châu thứ hai.

Toàn quyền đại-sứ Nhật là Võ-đăng cùng Hoàng-Mộc điện bàn kế-hoạch việc quân, trừ do Cổ-bắc-khẩu tiến đánh Mật-vân, áp-bách Bắc-bình, về mặt Loan-châu cũng đang dự-bị tiến đánh. Mục-đích không những chỉ ở Bắc-bình và Thiên-tân mà cốt định lấy cả miền Hoa-bắc.

Nay nhắc lại từ sau khi thành Thừa-đức thất-hãm, quân Tàu liền lui về biên-cảnh hai tỉnh Sát-cáp-nhĩ và Nhiệt-hà cùng quân Nhật chống đánh. Quân Nhật liền tiến đánh các cửa ải Trường-thành, vì quân Vạn Phúc-Lân không đánh mà lui, nên quân Nhật liền đem đại-bộ chiếm Lãnh-khẩu.

Quân đội của Nhật và Mãn-châu lại hội-họp kéo lên lấy Tần-hoàng-đảo. Hiện một vùng ở phía Nam Vạn-lý trường-thành rộng có mấy trăm cây số vuông cũng đã lọt vào tay quân Nhật. Thế là quân Nhật đã vượt qua Vạn-lý trường-thành mà tràn vào nội-địa nước Tàu, Thiên-tân và Bắc bình có khác nào như trứng để đầu đẳng. Song, mới đây thình-lình người Nhật lại rút binh đi. Thấy Nhật rút binh như vậy, người ta đồn vì hai lẽ này, mà chưa biết lẽ nào phải.

1° — Một là vì trên Bắc-Mãn xem ra tình-hình giao-thiệp ở giữa Nhật Nga càng ngày cang khó, không khỏi đánh nhau, nên chi Nhật đành bỏ mặt trận dưới này mà lên Bắc-Mãn để dự-bị đánh Nga.

2° — Báo Anh đăng tin nói Chánh-phủ Tàu cậy các nước Âu-Mĩ điều-đình giùm cho Nhật rút binh đi, để rồi Tàu cùng Nhật mở cuộc giảng-hòa và Tàu sẽ nhận Mãn-châu-quốc độc-lập v. v.

Song bộ Ngoại-giao Tàu cải-chính rằng tin ấy là tin đồn bậy.

Vì quân Nhật chợt rút lui như thế, nên về khoảng trung-tuần tháng này, quân Tàu cũng có thắng được quân Nhật mấy trận. Như là quân cứu-quốc Nhiệt-hà là bộ-hạ Hoàng Thủ-Trung đánh lấy lại được Long-hoa,

Vi-trường; quân Ông Chiếu-Viên thì lấy lại được Lưu-long, và chiếm được Yên-hà-doanh; quân Thương Chấn, Hà Trụ-Quốc thì thu-phục được Hải-dương-trấn; Tôn Điện-Anh lấy lại được Phong-ninh; quân Nhật có trận bị hại về địa-lôi-phục, có trận bị giết về đội đại-đao, chết hại cũng nhiều. Nhưng đến hạ tuần tháng này thì quân Tàu lại đại-bại khắp các nơi. Quân Nhật đã vượt qua Vạn-lý trường-thành mà chiếm một cái đồn trong nội-địa. Hải-cảng Tần-hoàng và Bắc-đái-hà cũng đều lọt vào tay quân Nhật cả rồi.

Bộ tham-mưu Nhật-bản tuyên-bố rằng ngày 29 Avril quân Nhật lại chiếm lại tất cả các nơi về khu tam-giác trên bờ sông Loan-luân của quân Nhật đã bỏ mấy bữa trước đây, đã đuổi hết quân Trung-hoa ở miền ấy.

Kế-hoạch tác-chiến của quân Nhật, một lần đánh úp Loan-đông, một lần mưu lấy tỉnh Sát-cáp-nhĩ. Hiện nay Loan-đông đã mất, biên-cảnh tỉnh Sát-cáp-nhĩ ngày càng nghiêm-trọng. Quân Tàu đóng ở Sát-cáp-nhĩ có các bộ quân Tôn Điện-Anh, Phùng Chiếm-Hải, Triệu Thừa-Thụ, ước bốn vạn người, việc phòng giữ rất là bền-vững. Nhưng nghe đâu ở miền Sát-cáp-nhĩ kỵ-binh Nhật-bản, và Mãn-châu đã vượt qua Dả-luân và đã tiến vào miền đông đất Sát-cáp-nhĩ, hiện đương tiến đến Cổ-nguyên.

Xem thế thì việc chiến-tranh ở miền Hoa-bắc càng ngày càng lan rộng ra, chửa biết bao giờ kết-liễu được.

---

## Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 30 tháng 4 năm 1933)

Lễ trao chức Giám-đốc tư-pháp Đông-dương và chức Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội.— *Sáng mồng 1 tháng 4 này, tòa Thượng-thẩm Hà-nội làm lễ phát-thệ trọng-thể để trao cho quan Chưởng-lý* GAISELIN *lên thực-thụ chức Giám-đốc tư-pháp Đông-dương, và trao cho quan phó Chưởng-lý* LE BEL *lên thực-thụ chức Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội. Quan Chánh-án* MORCHÉ *làm chủ-tọa. Đến dự có quan Toàn-quyền* PASQUIER, *quan Thống-sứ* PAGÈS, *quan Thống-soái, các quan thủ-hiến các công-sở Đông-dương cùng các quan-chức thân-hào Tây Nam ở Hà-nội và các tỉnh đông lắm. Làm lễ trao chức và phát-thệ xong thì các quan giải tán hồi 10 giờ.*

Mấy cái hải-đảo nữa của xứ Đông-dương. *Đầu tháng 4 này, chính-phủ cử một phái-bộ khởi-hành từ Sài-gòn bằng hai chiếc tuần-dương-hạm để chính-thức nhận mấy chiếc hải-đảo ở gần đảo* Prathy *và ở phía đông thành-phố Sài-gòn cách chừng 200 hải-lý, từ trước vẫn là thuộc-địa của Pháp, nhưng chưa rảnh mà trông-nom, nay xét ra địa-thế rất quan-trọng đến việc hàng-hải, nên mới nhìn-nhận đến.*

Lễ Thanh-minh ở Huế.— *Mồng 4, (mồng 10 tháng ba ta) là ngày lễ Thanh minh, vua Bảo-đại ngự-giá đến làm lễ tỉnh-tảo tại Ứng-lăng (châu Ê), còn các tôn-lăng thì đã cử các quan tôn-tước đi làm lễ tỉnh-tảo.*

Khánh thành con đường Sơn-la — Lai-châu.—*Sáng thứ ba mồng 4 tháng 4 năm 1933, quan Toàn-quyền* PASQUIER, *quan Thống-sứ* PAGÈS *và các quan khách ở Hà nội đi một đoàn 10 chiếc ô-tô lên khánh-thành con đường mới làm xong từ Sơn-la tới Lai-châu. Con đường này khởi-nghị làm từ năm 1923, khởi-công làm từ năm 1928, đến nay mới xong, từ Sơn-la đến Lai-châu là 190 cây số.*

*(Kể từ Hà-nội lên Lai-châu là 500 cây số.) Làm đường này chỉ tiêu tới 20 vạn đồng bạc. Quan Toàn-quyền đặt tên con đường này là đường* Saint Pouloff, *để kỷ-niệm tên quan Công-sứ Sơn-la có công đốc-thúc làm con đường này được chóng xong.*

Mấy cuộc kinh-lý của quan Thống-sứ Bắc-kỳ. — *Ngày 12 tháng 4, quan Thông-sứ* PAGÈS *đi kinh-lý ở Nam-mâu (thuộc tỉnh Quảng-yên).*

*Ngày 13, Ngài lại đi kinh-lý miền tỉnh Nam-định, Ngài đi thăm bãi biển và con đê Mễ-lâm, Ngài đặt tên con đê Mễ-lâm là đê* Chapoulart *để kỷ-niệm tên quan Công-sứ tỉnh này có công mẫn-cán đắp con đê này để dân Mễ-lâm lại khai-khẩn thêm được 2 700 mẫu tây nữa, lợi cho 14.000 người dân ở đấy. Ngài lại đi khánh-thành mấy cái cầu Tân-liêu và Cát-hà nữa. Hoặn Ngài đến thăm nhà thương và trại lính khố xanh Ngài có đến thị-lễ khánh-thành một cái nhà « xéc » (câu-lạc bộ) mới của người Nam ta mới lập ra.*

*Ngày 20, quan Thống-sứ ngài đi kinh-lý tỉnh Hòa-bình, thăm mấy nơi ở tỉnh-lỵ rồi vào thăm đại-lý Vụ-bản.*

*Ngày 29, Ngài đi kinh-lý tỉnh Ninh-bình, đi thăm các công-sở và xứ Phát-diệm*

*Ngày 30, Ngài đi kinh-lý tỉnh Lạng-sơn, chủ lễ khánh-thành đồn khố xanh mới sửa lại ở Than-mơi, có đi thăm khắp các nơi trong đồn này.*

Cuộc hội-thương về đê-chính. — *Hồi 9 giờ sáng ngày 18, các quan Công-sứ các tỉnh và các quan có chân hội-đồng Cố-vấn đều đến họp tại phòng hội-đồng phủ Thống-sứ để bàn về đê-chính ở Bắc-kỳ. Hội-đồng này có quan Thống-sứ chủ-tọa.*

Lễ thánh-thọ ở Huế — *Ngày 21 (âm-lịch 27 tháng 3), trong Đại-nội có làm lễ sinh-nhật đức bà Xương-minh Thái-hoàng thái-hậu. Nghi-chú đại-lược như sau này :*

*Sáng ngày ấy, trước khi làm lễ, tại Kỳ-đài đốt 7 tiếng ống-lệnh, Hoàng-thượng cùng văn võ bá-quan đều đến cung Diên-thọ chúc-mừng đức bà Xương-minh. Hoàng-thượng chúc xong, đến các công-chúa, mệnh-phụ... Làm lễ xong, tại kỳ-đài lại đốt ba tiếng ống-lệnh. Buổi trưa có ban yến cho đình-thần. Nhà duyệt-thị hát xướng hai hôm.*

Khánh-thành vườn hoa Bary và bia kỷ-niệm Bary ở Thái-bình. — *Ngày chủ-nhật 23 tháng 4, ở Thái-bình làm lễ khánh-thành vườn hoa* Bary *và bia* Bary *để kỷ niệm công-đức quan nguyên-công-sứ* BARY, *hiện nay làm Đồng-lý phủ Thống-sứ. Quan* BARY *cùng phu-nhân ở Hà-nội xuống làm chủ-tọa, quan công-sứ* COLAS *và quan Tổng-đốc Vi Văn-Định nghênh-tiếp.*

Quan Toàn-quyền đi Đáp-cầu. — *Sáng ngày 25, quan Toàn-quyền* PASQUIER *sang Đáp cầu xem cái kho mới lập nên để chứa thuốc súng và khí-giới của các đạo quân Bắc-kỳ.*

Chức Đồng-lý phủ Thống-sứ. — *Quan* BARY *Đồng-lý phủ Thống-sứ Bắc-kỳ vì đau mắt phải về Pháp nghỉ. Quan* LOTZER *Công-sứ tỉnh Vĩnh-yên thay làm Đồng-lý phủ Thống-sứ.*

Quan Toàn-quyền vào Huế. — *Ngày 28, quan* PASQUIER *Toàn-quyền Đông-dương cùng quan* MARTY *Chánh-ti chính-trị phủ Toàn-quyền đã đi chuyến xe lửa tốc-hành vào Huế để xếp-đặt những việc ở Triều-đình Huế.*

Nhà thương Phủ-doãn không dời đi Cống-vọng. — *Năm trước có dự bàn*

*dời nhà thương Bảo-hộ ở Phủ-doãn xuống Cống-vọng. Nay có hội-đồng họp lại phủ Thống-sứ đã quyết-định khu nhà thương Phủ-doãn cứ để y-nguyên như cũ, chứ không dời xuống Cống-vọng nữa.*

Nguyên-soái Trung-Bắc-kỳ. – *Quan Nguyên-soái* PHILIPPOT *coi đạo binh thuộc-địa ở xứ* Sénégal, *nay được cử sang coi đạo binh Trung-Bắc-kỳ thay quan Nguyên-soái* THIERRY.

Vấn-đề đê-chính ở Bắc-kỳ. – *Quan* POULLET OSIER *Giám-đốc các việc Chính-trị và Hành-chính tại Bắc-kỳ, nay cử sung việc trông-nom về hành-chính các đê-điều, việc thu-thập và kiểm-đốc mọi vấn-đề thuộc về đê-điều theo như các thể-lệ đã dự-định trong nghị-định ngày 25 tháng 3 năm 1927.*

*Giúp việc quan Giám-đốc có hội-đồng Cố-vấn lập thành Hội-đồng thường-trực về đường hành-chính trông nom các đê-điều cũng là những vật thiết-lập để giữ thủy-lạo.*

Vấn đề tiền trinh mới. – *Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã thông tư rằng hội-đồng bàn việc đúc tiền trinh mới, đã định đúc một trăm triệu đồng trinh, « Bảo-đại thông-bảo 保大通寶 » khuôn rộng 18 ly tây, dày bảy phần mười (7/10) của ly, cứ 6 đồng trinh ngang giá một xu và 600 đồng trinh ngang giá bằng một đồng bạc. Bắt đầu từ tháng 6 năm nay, mỗi tháng sẽ phát hành mười triệu đồng trinh, các sở công tư và suốt nhân dân xứ Bắc-kỳ đều thông dụng thứ tiền ấy.*

Đoàn máy bay Đông-dương đi kinh-lý. — *Ngày 25, một đoàn máy bay 21 chiếc khởi-hành từ Hà-nội bay vào Nam-kỳ. Ngày 27, đoàn máy bay Hà-nội và đoàn máy bay Biên-hòa bay từ Biên-hòa sang* Pnom-Penh *là kinh-thành Cao-miên, có quan* DE CHICOURT *Công-sứ* Kamdal *và quan* DOUCET *đại-diện quan Khâm-sứ Cao-miên, cùng Cao-miên quốc-vương nghênh-tiếp. Quốc-vương có gắn đệ-tứ-hạng Cao-miên bội-tinh vào lá cờ hiệu của đoàn máy bay. Buổi chiều đoàn máy bay lại bay về Biên-hòa. Ngày 29 đoàn máy bay bay tới Huế, có đức Bảo-đại, quan Toàn-quyền* PASQUIER, *quan Khâm-sứ* THIBAUDEAU *cùng đông các quan chức Tây Nam ra xem. Đức Bảo đại có gắn long-bội-tinh vào lá cờ của đoàn máy bay. Buổi trưa đoàn máy bay lại từ Huế bay ra Hà-nội.*

Thí-sinh bằng Sơ-học Pháp-Việt từ nay phải nộp tiền lệ-phí. — *Mới đây Hội-đồng Bảo-hộ đã định từ nay các học trò thi bằng Sơ-học Pháp Việt (C. E. P. F. I.) phải nộp tiền lệ-phí là 0 $ 50.*

*Lại định tăng tiền lệ-phí các kỳ thi khác nữa:*

*Thi bằng Cao-đẳng tiểu-học Pháp Việt (D. E. P. S. F. I.) trước nộp 2$00 nay phải nộp 3$00.*

*Thi bằng tiểu-học (B. E.) và bằng Cao-đẳng tiểu-học Pháp (B. E. P. S.) trước nộp 2$00, nay phải nộp 2$50.*

*Thi bằng Cao-đẳng (B. S.) trước nộp 4$00, nay phải nộp 5$00.*

Ông Phan Văn-Trường tạ-thế. — *Ông Phan Văn Trường, luật-khoa bác-sĩ, luật-sư ở Sài-gòn, mới rồi tạ thế tại nhà bào-huynh ông là ông Phan Cao-Lũy ở phố Gambetta Hà-nội. Hồi 8 giờ sáng chủ nhật 23 Avril, làm lễ cất đám khởi hành từ nhà số 25 đường Gambetta, đưa về làng Sét.*

*Tang-gia không có giấy cáo-phó mà các bà con quen biết ông Trường cùng là những người hâm-mộ cái đức-tính ông, đi đưa đông lắm, một phần lớn không quản đường xa cũng theo xe linh-cữu đi về đến tận làng Sét.*

*Khi hạ-huyệt, không có bài ai-điếu gì cả.*

*Ông Trường, quán làng Đông-ngạc, tỉnh Hà-đông vốn xuất thân làm thông-ngôn phủ Thống-sứ. Hồi ông làm thông-ngôn đã nổi tiếng là người học rộng. Chính ông thảo lá đơn đầu-tiên xin tăng lương cho các viên chức buổi ban đầu, được nhiều người phục tài lắm. Sau ông được làm trợ-giáo trường Thuốc Hà-nội. Năm 1907 khi ở Bồn-thủy Hà-nội dựng ra trường Cao-đẳng thứ nhất, ông đã có tiếng là có biệt-tài.*

*Năm 1909 ông được cử sang Pháp làm trợ-giáo trường dạy tiếng Đông-phương. Ông theo học luật, sau thi đỗ luật-khoa tiến-sĩ, bài luận-thuyết của ông về kỳ thi tiến-sĩ nhan đề là « Trung-quốc chi cựu hình luật »* (Le droit pénal à travers l'ancienne législation chinoise) *được hội-đồng chấm thi rất ngợi khen. Ông Trường đã từng làm luật-sư ở* Paris. *Hồi Âu-chiến ông bị bắt giam mấy tháng tại đề-lao* Cherche Midi *cùng với ông Phan Chu-Trinh, sau xét ra vô-can được tha. Âu-chiến xong, ông lên* Mayence *làm luật-sư được ít lâu rồi trở về Đông-dương, mở phòng luật-sư ở Sài-gòn.*

*Cái đời ông Trường thực là gian-truân. Ông không hề có lo nghĩ đến việc tiền tài, thê-tử, thực có thể gọi là một người hi-sinh với cái chủ-nghĩa mà ông vẫn theo đuổi. Năm nay ông hưởng thọ 58 tuổi.*

*Các bậc cố-lão, bấy lâu đã lác-đác thần-tinh, đoái cảnh non sông, ra chiều vắng vẻ; nay ông lại vội lánh xa cõi tục, chạnh niềm nước cũ, nhớ đức người xưa, ai là chẳng ngậm-ngùi than tiếc!*

*Bản-chí xin có lời viếng ông và chia buồn cùng tang-gia.*

**Việc buôn bán bên ngoài của Đông-dương trong ba tháng đầu năm 1933.** — *Theo báo Trung bắc đăng việc buôn bán bên ngoài của Đông dương trong ba tháng đầu năm 1933 như sau này:*

Nhập-cảng

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Nam-kỳ* | *55.571 tấn,* | *giá* | *152.975.000 quan* |
| *Bắc-kỳ* | *28.078* | — | *77.904.000* — |
| *Trung-kỳ* | *3.981* | — | *10.140.000* — |
| *Cao-miên* | *1.772* | — | *8.848.000* — |
| *Ai-lao* | *442* | — | *748.000* — |

*Tổng-cộng:*
*89.844 tấn, giá 250.615.000 quan.*

Xuất-cảng

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Nam-kỳ* | *421.038 tấn,* | *giá* | *208.431.000 quan* |
| *Bắc-kỳ* | *426.760* | — | *42.206.000* — |
| *Trung-kỳ* | *2.728* | — | *2.593.000* — |
| *Cao-miên* | *1.446* | — | *2.217.000* — |
| *Ai-lao* | *79* | — | *217.000* — |

*Tổng-cộng:*
*852.051 tấn, giá 255.664.000 quan.*

*Số nhập-cảng năm nay như vậy so với ba tháng đầu năm ngoái kém về trọng-lượng 1.763 tấn và về tiền 1.875.000 quan.*

*Số xuất cảng thặng hơn về trọng-lượng 64.657 tấn và về tiền thì kém 43.516.000 quan; tỏ rõ sự sụt vật-giá vậy.*

*Tuy thế, việc buôn bán vẫn được khá hơn, sự xuất-cảng còn thặng hơn 5.049 000 quan.*

*Sự nhập-cảng về vật gì thì cũng kém đi. Sự kém ấy là 4.460 tấn giá 11.603.000 quan về hàng-hóa Pháp, và 403 tấn giá 4 924.000 quan về hàng hóa thuộc địa Pháp.*

*Sự nhập-cảng hàng-hóa của ngoại-quốc thặng lên 3.100 tấn giá 14.702.000 quan, ấy là về việc mua dầu hỏa và dầu xăng của Hoa-kỳ (— 3.144 tấn) và của* Indes Néerlandaises *(— 1.992 tấn); và lại kém đi về việc mua thực-phẩm của*

*Hồng-kong (— 4.728 tấn giá 11.966.000 quan).*

*Về gạo thì đã xuất-cảng 3.785.018 tạ thặng hơn trước 550.444 tạ hay là 14, 5°/o mà tiền thì lại kém đi 35 triệu quan, vì giá hạ mất 30°/o.*

*Những vật sản xuất-cảng tăng lên hơn hết là:*

*Ngô (— 63.985 tạ), nghĩa là 25,6°/o*
*Chè (— 443 tạ), — 25°/o*
*Hồ-tiêu (— 1.390 tạ), — 22°/o*
*Cao-xu (— 3.299 tạ), — 8,2°/o*
*Than đá (— 378.337 tạ), — 10,7°/o*
*mà giá tiền thì hạ đi 7.407.000 quan.*

*Những vật sản xuất-cảng hạ đi hơn hết là:*

*Cá khô, muối, hay ướp khói (— 3.637 tạ)*
*Cà-phê (— 689 tạ)*
*Sơn (— 905 tạ).*

---

## Giới-thiệu sách mới

Ấu-học Pháp-tự tân-thư. — *Đặng Đình-Hướng giáo-viên trường Yên-phụ Hà-nội soạn. Sách này dùng chữ quốc-ngữ dạy đọc vần tây chữ tây và dịch nghĩa. Người biết quốc-ngữ dùng sách này học một mình đọc được chữ tây. Có 26 hình vẽ In chữ lớn, học trò dễ đọc. Khổ sách 22×15 phân tây, 28 trang, in tại nhà in Mạc Đình-Tích, giá 0 $ 12, bán tại nhà người làm sách và các hiệu sách Tây Nam Hà-nội.*

---


### Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

*Mới xuất-bản:*

*Tuồng Lôi-xích.* giá 4 hào.

*Xuất-bản từ trước:*

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp: 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp.
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan.
    (In lần thứ hai). 5 hào.
11. — La Poésie annamite. 4 hào.
12. — Tục-ngữ ca-dao. 4 hào.

*Sắp xuất-bản:*

13. — Tuồng Hồng-lạc.

# QUỐC-NGỮ ĐÍNH-NGOA (1)

IV

**Vậy** Vậy bùn nhầm, làm chi vậy, vậy mà...
**Vẫy** Vùng-vẫy.

**37e**

**De** Cây gỗ de.
**Ve** Cái ve, (rót rượu), cái ve, (đồ thợ mộc), ve gái, vuốt-ve, vo-ve, con ve-ve.
**Dè** Dè-dặt, cách ăn nói cẩn-thận).
**Giè** Giè giữ, không giè đâu...
**Vè** Cầm vè, vè lấy nhau, chuyện vè
**Vé** Bỏ vé.
**Dẻ** Cây dẻ.
**Giẻ** Tấm giẻ rách.
**Vẻ** Vỏ-vẻ, vẻ-vang.
**Giẽ** Đất giẽ xuống (là nín xuống).
**Vẽ** Vẽ-vời, bày vẽ, tô vẽ.
**Giềm** Giềm chê, giềm pha.
**Dém** Dặt dém.
**Vẹm** Cái vẹm (cái vỏ của con vẹm là con loài ốc).
**Ven** Ven bờ, von-ven.
**Vèn** Vòn-vèn (cách gần đúng in).
**Vén** Vén quần, vun vén.
**Vẹn** Trọn vẹn, nguyên vẹn.
**Vẽn** Vẽn vang.
**Deo** Deo lại một chút (nhỏ lại).
**Gieo** Gieo giống xuống đất.
**Veo** Trong veo, cheo veo, tiếng kêu veo vóc.
**Gièo** Lửa gièo.
**Véo** Chắt véo, điệu hát véo von.
**Vẹo** Cong vẹo đi.
**Dẻo** Dẻo dai.
**Vẻo** Vắt va vắt vẻo, chim chèo vẻo.
**Giép** Giầy giép.
**Dẹp** Lúa dẹp, con mắt dẹp, dọn dẹp.
**Vét** Vơ vét, vét bùn lên, con vét (loài sâu bọ)
**Vẹt** Con vẹt (tức con keo).

**38e**

**Dê** Con dê, trâu dê.
**Dề** Dầm dề.
**Giề** Giề miệng ra, giề môi ra.
**Về** Đi về, từ rày về sau.
**Vế** Trái vế, (tức cổ vả ,vai vế, chia làm hai vế.
**Vệ** Binh vệ, cơ vệ, phòng vệ, hộ vệ, vệ sinh.
**Dề** Khinh dề, dề ngươi.
**Dễ** Khó dễ, dễ dàng.
**Dếch** Dếch chân lên.
**Vếch** Vếch mặt lên, vếch mày lên.
**Dên** Dên lúa, dên sảy, dên dóc.
**Giền** Cây rau giền.
**Vện** Con chó vện.
**Vênh** Vênh vang, vênh váo, vênh mặt lên.
**Vếnh** Vếnh vảng (lời nói không thiết thực).
**Dệnh** Dệnh lên (như là đỡ lên).
**Dệt** Dệt lụa. thêu dệt.
**Vết** Dấu vết.
**Vêu** Chêu vêu (cách vồ trán).
**Vều** Vều môi ra, trề vều.

**39e**

**Di** Man di, di địch, thiên di, di trú, di dịch, lưỡng di chi tử.
**Vi** Chu vi, phạm vi, hành vi (sự làm),vi-hành (đi lén như người thường dân),vi-lệnh, cái vi con cá.
**Dì** (Chị em mẹ), dì giượng.
**Vì** Vì nể, yêu vì, bởi vì.

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 180.

| | |
|---|---|
| **Vi** | Cái vi (đựng thuốc điếu), vi dụ, vi khiến, vi sánh, chuyện vi. |
| **Vị** | Tì vị, thiên vị, ý vị, vô vị, chức vị, vị thứ, vị đồ ăn. |
| **Dĩ** | Sở dĩ, dĩ trí... (cho đến nỗi), bất đắc dĩ. |
| **Vỉ** | Cái vỉ (đựng tiền để đếm). |
| **Vĩ** | Hùng vĩ (mạnh mẽ), vĩ-nhân (người giỏi). |
| **Vía** | Hơi vía, bóng vía, hồn vía. |
| **Dĩa** | Cái dĩa đựng đồ ăn. |
| **Diệc** | Con chim diệc. |
| **Việc** | Công việc, làm việc |
| **Diêm** | Bao diêm, diêm-thuế (là thuế muối), vua Diêm-vương. |
| **Viêm** | Viêm nhiệt (nóng nực), viêm thiên (tiết nóng). |
| **Diềm** | Bức diềm treo. |
| **Diễm** | Diễm-dạ (nết-na), diễm-lệ (xinh đẹp). |
| **Diên** | Diên-trì, khiên-diên. |
| **Viên** | Quan viên, điền-viên, đoàn-viên (trọn-vẹn), viên hoạt (lanh lợi), một viên đạn, viên cho tròn. |
| **Viền** | Đường viền (nơi cài áo). |
| **Diện** | (là mặt), diện mạo, nhan diện, đối diện, phương diện, diện-tích. |
| **Viện** | Cung viện, cơ-mật-viện, cứu-viện (cứu vớt), viện-lệ, viện dẫn, viện binh. |
| **Diễn** | Diễn thuyết, diễn đàn (đàn diễn thuyết), diễn trường (trường hát bội), diễn nghĩa. |
| **Viễn** | Huyền viễn, viễn cách, viễn phương. |
| **Giêng** | Tháng giêng. |
| **Diềng** | Láng diềng. |
| **Giếng** | Cái giếng để uống nước. |
| **Viếng** | Thăm viếng. |
| **Diếp** | Bữa diếp (trước bữa qua), cây cải diếp. |
| **Diệp** | (là lá), hoa diệp (hoa và lá), vàng diệp. |
| **Giết** | Chém giết. |
| **Viết** | Viết chữ. |
| **Việt** | Nam Việt, Pháp-Việt, việt đẳng (nhảy quá bậc), việt khống. |
| **Diêu** | Tôn diêu (dòng dõi), tiêu diêu (xênh xang). |
| **Diều** | Dập diều, con chim diều, cái diều (của loài chim). |
| **Diệu** | Thần diệu, xảo diệu. |
| **Vịm** | Cái vịm (đựng đồ ăn). |
| **Vin** | Vin vói. |
| **Gìn** | Gìn giữ. |
| **Vìn** | Vìn mà trèo lên. |
| **Vịn** | Vịn vai. |
| **Dinh** | Dinh lũy, dinh dư, dinh dật. |
| **Vinh** | Vinh hoa, vinh hiển, vinh hạnh. |
| **Vịnh** | Cái vịnh bể, ngâm vịnh. |
| **Dĩnh** | Dĩnh ngộ, thông dĩnh. |
| **Vĩnh** | Vĩnh viễn (lâu dài). |
| **Dít** | Đấu vít, tì vít, vấn vít. |
| **Vịt** | Gà vịt, cái vịt (đựng dầu), cái vịt đựng cá. |
| **Dìu** | Dắt dìu, dìu dặt. |
| **Do** | Căn do, tự do, do dự (cách không quyết đoán), cái do đơm chim. |
| **40e** | |
| **Gio** | Gio ra phía ngoài, gio miệng ra, gio vô gio ra, mun gio (mun tro). |
| **Vo** | Vo tròn lại, vo ve. |
| **Dò** | Dò xét, dò la, dò thám. |
| **Giò** | Cái giò gà. |
| **Vò** | Cái vò (đựng rượu), con vò vò, xôi vò, vày vò. |

**Dó** Cây dó (làm ra giấy), giấy dó.

**Gió** Mưa gió.

**Vó** Vó ngựa (là chân con ngựa), khẩn vó.

**Vọ** Con chim vọ, con vọ vọ (loài có vỏ ở dưới nước).

**Giỏ** Cái giỏ (để đựng đồ như lá giâu).

**Vỏ** Cái vỏ ngoài, lột vỏ.

**Võ** Văn võ, võ-vàng, một mình vò võ.

**Doãn** Du doãn (bằng lòng), bình doãn (công bình), lệnh doãn (quan huyện).

**Doanh** Kinh doanh (tức là kinh dinh), doanh nghiệp (làm ăn).

**Gióc** Gióc tóc lại, gióc miệng lên mà nói.

**Vóc** Mình vóc, vóc giạc, gấm vóc, veo vóc.

**Dọc** Phía dọc, dọc ngang.

**Vọc** Vọc vạch, vọc tay vào (hồng ngâm cho chuột vọc).

**Doi** Doi đất, cồn doi.

**Voi** Con voi.

**Vói** Vin vói.

**Giọi** Soi giọi, ánh sáng giọi ra.

**Vọi** Trông chồng vòi vọi.

**Dõi** Dòng-dõi, theo dõi, đi dõi theo sau.

**Giỏi** Học giỏi.

**Dòm** Dòm ngó, đòm dõi.

**Vòm** Cái vòm (như cái chòi).

**Vọm** Cong vom vọm.

**Gion** Tiếng cười gion.

**Von** Móng tay von, cao chon von, von ven, giọng hát véo von.

**Giòn** Giòn-giã (cách ăn nói lanh bặt), giòn bở (hay gãy).

**Vòn** Vòn-vèn (ý nói gần đủ).

**Vọn** Dọn dịp.

**Dong** Dong túng, dong thứ (tức dung tha).

**Giong** Bộ chân giong, (đặt dưới ghế ngựa).

**Vong** Vong ân, vong gia, vong-linh, vong-hồn.

**Vòng** Dòng họ, dòng dõi, đạo dòng, dòng nước chảy.

**Giòng** Giòng-giã (cách dự-định trong ý).

**Vòng** Vòng tròn, vòng quanh, vòng đeo cổ, lộn vòng.

**Gióng** Đôi gióng (để gánh nước), gióng phương hướng.

**Vóng** Cao vong vóng.

**Giọng** Giọng nói, giọng hát.

**Dõng** Tráng dõng (mạnh bạo), võ dõng.

**Giõng** Lõng giõng (dáng người cao).

**Vỏng** Trông vong vỏng, vỏng cần câu, nước chảy vỏng ra.

**Võng** Võng lõng.

**Dọp** Dọp dẹp (phía trong không chắc).

**Vót** Chót vót, ngón tay vót, vót sợi mây.

**41°**

**Vô** Vô ra, vô ích, vô-ý, vô-vị, vô-lễ, hư vô.

**Giô** Sóng giô lên.

**Vô** Vô trán, cái dùi vô.

**Vố** Người roi, voi vố.

**Giồ** Giồ ky, ống giồ, giồ nước miếng.

**Vỗ** Vỗ vai, vỗ tay, vỗ về (yên ủi.)

**Dôi** Dôi ra một đoạn, dôi dai.

**Vôi** Cái tường vôi.

**Dồi** Dối lên dồi xuống (theo ngọn sóng), dồi dào.

**Giồi** Cái giồi lợn.

**Dối** Dối trá, nói dối.

**Giội** Sóng giội lên.

**Vội** Vội vàng, vội quá, cây lá vội.

**Giồi** Cây giồi.

**Dồn** Dồn lên (ở phía trên).

**Vốn** Vốn liếng, vốn lời, vốn là...

**Dông** Dông dài, dông tố.

**Vông** Đi vông (đi dài), cây vông.

**Vồng** Vồng khoai, đắp từng vồng.

**Giống** Nòi giống, giống nhau, giống như...

**Dộng** Dộng vào cho nhiều.

**Dốt** Dốt nát, ngu dốt.

**Dột** Dại dột, nhà bị dột.

**42e**

**Dơ** Dơ tay lên, dơ bẩn.

**Vơ** Vu vơ, vơ quào, vơ quét, vơ vét, vơ vẩn.

**Giờ** Giờ khắc, bây giờ, bấy giờ (như nói hồi đó).

**Vờ** Cắm vờ (ở giữa sông hay giữa đồng), vủ vờ.

**Vớ** Vớ quàng, tay vớ nhầm, cái vớ (là cái tất).

**Vợ** Vợ chồng.

**Dở** Dở nhà dậy, dở sách ra.

**Giở** Văn-chương giở lắm, con người ương giở.

**Vở** Sách vở, vở tan, vở việc ra.

**Dợc** Dợc nắp lên (như là lợc nhà lên).

**Dơi** Con dơi dơi.

**Vơi** Đầy vơi, chơi vơi.

**Dời** Dời đi (chỗ khác) dời chân, dời rộng.

**Giời** Giời đất, mặt giời.

**Vời** Giữa vời (giữa biển), chỉ vua vời.

**Giới** Khí-giới, giới-hạn (tức giải hạn), thế-giới, nam-giới, nữ-giới, học giới, nông-giới, chánh-giới, giới-thiệu (là đem chuyện người này tỏ với người kia), sáng giấp-giới.

**Với** Với nhau, chới với (cách lội nước gần chết đuối).

**Giởm** Nói giởm (nói phỉnh lừa cho người ta được mừng).

**Giởn** Chơi giởn, giởn khớt.

**Vớt** Cứu vớt.

**Vợt** Cái vợt (để bắt cá).

**43e**

**Du** Du dãng, du di, du lịch, du ngoạn, du-dương (đem sự tốt người khác mà nói khắp nơi).

**Vu** Nói vu, vu vạ, phao vu, vu oan, vu vơ.

**Dủ** Cái dủ (tức cái ô), dủ mà...

**Vủ** Vủ tai, vủ vủ (cách gió thổi).

**Vú** Hai cái vú của đàn bà, người vú (cho con trẻ bú).

**Dụ** Dụ-chỉ, chỉ-dụ, hòa-dụ, ví dụ như...

**Vụ** Thời-vụ (việc đời), nghĩa-vụ (việc phải), cái vụ (đồ trẻ chơi), một năm hai vụ.

**Dũ** Dư dũ (thưa thãi).

**Vũ** Vân-vũ (mây mưa), ca vũ (hát múa), vũ-trụ (là bờ cõi), miếu vũ, vũ đài, vũ trượng hoang viên (múa gậy vườn hoang).

**Dua** A dua.

**Vua** Ông vua (Hoàng-đế).

**Giũa** Cái dao giũa (của thợ cưa), cạo giũa.

**Vùa** Vùa cầm.

**Dục** Dục-nguyện (lòng muốn), nhân-dục, dâm-dục, giáo-dục, đức dục, trí-dục, thể-dục.

**Giục** Xui giục, giục-giã.

**Dui** Gió dã dui, dui lòng (không hăng-hái nữa).

**Vui** Vui mừng, vui buồn.

**Dùi** Năng dùi.

**Vùi** Vùi đất lại, vùi vập.

**Dụi** Dụi lên (là lôi lên chỗ cao).

**Vun** Vun vén, vun xới, đầy vun.

**Vùn** Vùn trồng.

**Vụn** Đồ nát thành vụn.

**Dung** Dung-túng, thung-dung, dung-quân (vua hèn), dung-nhân (người tầm thường).

**Vung** Vung-vãng, vung té ra, cái vung (đậy nồi).

**Dùng** Dùng người làm việc, dùng-dằng (không quyết).

**Vùng** Chạy vùng dậy, một vùng cây cỏ.

**Dúng** Dúng-dẳng (không quyết).

**Dụng** (là dùng), Dụng-nhân, dụng-mưu, dụng-tâm, dụng-lực.

**Vũng** Một vũng nước, vũng-về, ăn làm vũng.

**Duỗi** Duỗi chân ra (cho thẳng).

**Duộm** Thợ duộm, duộm áo.

**Vuông** Vuông tròn.

**Duồng** Đi duồng theo.

**Duy** Duy-trì, duy-tân, chỉ duy...

**Dụy** Dụy-nặc (dạ với ừ).

**Duyên** Duyên phận, duyên nợ, duyên-cố, tình-duyên, nhân-duyên.

**Duyệt** Lịch-duyệt, duyệt-phục, kiểm-duyệt, duyệt-giả.

44e

**Dư** Dư-tình, dư-luận, dư thừa, dư-dật, dư-hạ (buổi thong-thả).

**Dự** Dự tiệc, can-dự, không dự chi đến.

**Dữ** Hung-dữ, độc-dữ, dữ-tợn, làm chi dữ quá.

**Dưa** Quả dưa.

**Dừa** Quả dừa, cái sọ dừa.

**Vừa** Vừa đủ, vừa đúng, vừa khi.

**Dựa** Dựa kề, nương dựa.

**Vựa** Vựa tan, cái thúng vựa.

**Giữa** Chính giữa, khúc giữa.

**Vực** Bênh vực, cái vực sâu.

**Dược** Dược-phẩm (đồ làm thuốc), dõng-dược (nhẩy-nhót), bông thược-dược.

**Vược** Con cá vược.

**Dưới** Trên dưới

**Vươn** Vươn mình (cho dài ra), vươn vai.

**Vườn** Vườn ruộng, vườn mình (cho cao lên).

**Vượn** Con vượn (như con khỉ).

**Dương** Khí âm khí dương, thái-dương (mặt trời), dương-lịch, biểu-dương (khen ngợi chuyện người nào tốt), hiển dương (làm cho rạng danh cha mẹ).

**Vương** Đế-vương, vấn-vương, vương-mang.

**Dường** Dường ruộng, dường nào? dường như...

**Giường** Cái giường nằm.

**Vướng** Sợi chỉ vướng.

**Giượng** Ông giượng (tức ông trượng) cô giượng.

**Vượng** Thịnh-vượng.

**Dưỡng** (là nuôi), Dưỡng-khí, (khí nuôi người), dưỡng-dục.

**Vượt** Vượt qua, băng vời vượt bể.

## TIẾNG SAI XỨ HUẾ (VỀ TIẾNG VÔ-ÂM)

# V.— Gi. Nh.

45°

**Gia** Gia thêm, gia giảm, gia quyến, gia-nghiêm (cha tôi), gia-từ (mẹ tôi), gia-huynh (anh tôi), gia-trưởng.

**Nha** Nha-bài (bài ngà), nha xỉ (răng và nanh), trảo-nha (nanh vút), nha-môn.

**Già** Già cả, già-giặn, già non.

**Nhà** Nhà cửa.

**Giá** Danh-giá, phẩm-giá, giá-trị, giá sắc, giá-thú, giá-họa (xô tai họa dồ cho người khác), cái giá (gác đồ), giá phỏng mà...

**Nhá** Nhai nhá, bá-nhá, anh ôi! tôi đi nhá!

**Giạ** Chiếc giạ.

**Giả** Giả-dối, giả-trá, giả-mạo, giả gạo, độc-giả, tác-giả, duyệt giả.

**Nhả** Nhả ra khỏi miệng.

**Giã** Giã ơn, giặc-giã, giã độc ra, giã cho lạt bớt đi.

**Nhã** Trang nhã, tao-nhã, nho-nhã, phong-nhã.

**Giác** Cảm-giác, tri-giác, giác-quan (cái phần việc tri-giác trong thân-thể), bát-giác, đồng bạc giác, giác-khẩu.

**Nhác** Nhác nhớn, nhác làm việc, nhớn-nhác.

**Giạc** Vóc giạc, giạc chừng, giạc hai ra.

**Nhạc** Âm-nhạc, ca-nhạc, sơn-nhạc (núi non), nhạc-phụ.

**Giai** Giai-nhân (người đàn bà tốt), giai-tế (rể tốt), giai-ngẫu (đôi lứa tốt), giai-tác (bài văn hay).

**Nhai** Nhai xương, sinh-nhai (làm ăn), nói lai-nhai, nhân dục vô nhai.

**Giái** Khuyên giái (tức khuyên giải), huấn giái (tức huấn-giới).

**Nhái** Ếch nhái, nhái giọng nói.

**Giãi** Phơi giãi, giãi nắng, giãi dầu.

**Giải** Treo giải, giải-nguyên, giải-ngạch, phân giải, giải-quyết, giải thoát, giải phiền.

**Giam** Cầm giam, giam cứu.

**Nham** Cái nham (là một vị đồ ăn lấy da trâu da bò làm ra), nham hiểm.

**Nhàm** Làm nhàm, nói nhàm miệng.

**Giám** Giám định, quốc tử giám, giám sinh.

**Nhám** (là không trơn), Con cá nhám.

**Giảm** Giảm bớt, giảm phần.

**Nhảm** Ăn nói nhiều chuyện quá nhảm, lảm nhảm.

**Gian** Gian tế, gian tham, gian dâm, thời gian (cuộc gian-nan trong đời), khoảng buổi gian-nan, gian-truân.

**Nhan** Nhan sắc, nhan diện, hồng nhan, nhiều nhan-nhản.

**Giàn** Cái giàn hoa, giàn bầu, giàn bí.

**Nhàn** Yên nhàn, nhàn hạ, phòng nhàn (ngăn ngừa), bức thư nhàn.

**Gián** Gián cách, gián đoạn, can gián.

**Nhạn** Chim nhạn, đưa thư nhạn.

**Giản** Giản-dị, giản-tiện, giản-ước, đơn giản, lưu giản (để bài thư lại khi ra đi).

**Nhản** Cản nhản (cách lòi mặt gian dối ra), nhiều nhan-nhản.

**Nhãn** (là con mắt) Nhãn-lực, nhãn-quang, nhãn-giới, cái nhãn-kính.

**Giang** Giang sơn, giang hà, giang giải (đông gông mà giải), giang nắng, một cây giang.

**Nhang** Nhang khói (tức là hương khói), nhang đẳng (tức hương-đẳng, nghĩa là làng mạc).

**Giàng** Cái giàng (để mà bắn).

**Nhàng** Nhộn nhàng

**Giáng** Cách giáng, giáng-hạ, giáng-trần (xuống trần-thế), cây hương-giáng.

**Nháng** Chớp nháng, nháng sáng ra.

**Nhạng** Bạng nhạng (là thứ váng mỏng bọc ngoài thịt).

**Giảng** Giảng giải, giảng thuyết, giảng nghĩa.

**Nhãng** Nhãng công việc, nhãng ra một lúc.

**Gianh** Con sông Gianh.

**Nhanh** (tức là lanh) chạy nhanh.

**Giành** Tranh giành, cây giành (cây sử-quân-tử).

**Nhành** Nhành cây (tức cành cây .

**Giảnh** Giỏng-giảnh (là cách làm bộ).

**Nhảnh** Nhỏng nhảnh (cách làm bộ cho ra xinh tốt).

**Giao** Giao-ước, giao-ngôn, giao-kết, giao-thông, giao-thiệp, giao-hòa, giao-chiến, giao dã (ngoài nội), xứ Giao-chỉ, đất Giao-châu, con giao-long (loài rồng).

**Nhao** Lao-nhao, nhao-nhác.

**Giào** Cao lớn giờn giào.

**Nhào** Té nhào, chúc nhào, xô nhào đi, kiện nhào đi.

**Giáo** Giáo-dục, giáo mác, giáo là (cách sửa-soạn trước).

**Nháo** Nhếu nháo (cách không được bền chặt).

**Nhạo** Nhạo cợt, nhạo báng, cười nhạo, nhộn-nhạo.

**Giảo** Gian-giảo, giảo-trá, giảo-tử (chết thắt cổ).

**Nhão** Cơm cháo nhão-nhoét.

**Giáp** Giáp-giới, giáp-công (hai bên đánh lại), giáp mặt, năm giáp-tí, giáp-ất, giáp-lịch.

**Nháp** Bản nháp (tức là bản thảo).

**Nhạp** Lạp-nhạp (không được tinh-tường).

**Nhát** Nhát gan, nhút-nhát, nhát cho người ta sợ.

**Nhau** Nhau lại (không được thẳng), bau-nhau, thương nhau, cùng nhau, cái nhau (khi đàn bà đẻ thì có nó ra).

**Giàu** Giàu sang.

**Nhàu** Nhàu-nhò (không được thẳng), bàu nhàu.

**Giạu** Cái giạu hoa.

**Nhay** Nhay vào miệng, đâm nhay vào.

**Giày** Giày giép, giày bừa, giày đạp.

**Nháy** Nhấp-nháy, nháy mắt, bấm nháy.

**Nhạy** Nhạy-nhàng, lanh nhạy.

**Nhảy** Nhảy nhót.

**46e**

**Nhắc** Đi nhắc (bởi chân què), nhúc-nhắc, nhắc lên (cho cao), nhắc chuyện xưa lại.

**Giặc** Giặc ngụy, giặc-giã.

**Giăm** Cái giăm giăm (là một cái mụn tre hay gỗ rất nhỏ).

**Nhăm** Đá mọc nhăm-nhăm, bị dấu nhăm-nhăm, lăm-nhăm.

**Nhầm** Nhầm nghĩa-lý, nhầm lẽ, bắn trúng nhầm.

**Giầm** Giầm lại (cho khỏi hở ra), cây giầm.

**Nhậm** Nhậm mắt, nhậm nhía, nhậm cho trúng.

**Giậm** Nói giậm vào, xen giậm, giậm pha.

**Nhậm** Nhậm mắt, (vì đau), nhậm nhọt.

**Nhăn** Nhăn da (không thẳng), nhăn nanh ra, nhăn mặt lại, nhăn-nhó không tươi.

**Giần** Giần xuống đất, giần vật, đánh giần.

**Nhần** Cần-nhần (cách la mắng luôn miệng).

**Nhần** Nhần-nhe, nhần với bạn.

**Giăng** Giăng tay ra, mặt giăng (tức mặt trăng).

**Nhăng** Nhăng-nhíu, nhăng dây ra, bắt nhăng ra (cho thẳng), nhăng-nhẳng (cách người cao và nhỏ).

**Giằng** Giằng buộc, giằng nhau

**Nhằng** Nhùng-nhằng, bắt nhằng ra (cho dài).

**Nhặng** Lặng-nhặng, căng nhặng (cách nói dài), công việc nhặng.

**Nhằng** Nhằng nhiu, (cách ốm yếu).

**Nhắp** Lưỡi câu nhắp trên mặt nước.

**Giắt** Giắt vào (trong kẹt), giắt vào lưng.

**Nhắt** Lắt-nhắt (cách làm mỗi khi một chút, không liên-tiếp nhau).

**Giặt** Giặt áo, tắm giặt.

**Nhặt** Nghiêm-nhặt, nhặt thưa, nhặt nhọng.

47e

**Giấc** Giấc mộng, giấc hoàng-lương (cũng là giấc mộng), giấc tỉnh, giấc say, đương giấc ngủ.

**Giâm** Cái xương giâm.

**Nhâm** Bóng nhâm, âm-nhâm, phép nhâm độn.

**Nhầm** (cũng là lầm) nhầm lỗi, sai-nhầm.

**Giấm** Giấm thanh, chanh giấm.

**Nhấm** Nhấm đồ ăn, nhấm rượu.

**Nhậm** (tức là chữ nhiệm), trách-nhậm, đảm-nhậm, trọng-nhậm, đáo-nhậm.

**Giẫm** Giẫm chân, giẫm đạp, giẫm xuống đất.

**Nhân** Nhân-dân, nhân-đức, nhân-từ, nhân-quả, nhân-duyên, tạo-nhân, nhân-nghị (nghĩa thông-gia).

**Giần** Giần cho nhục xương đi, cái giần (để giần gạo).

**Nhần** Cần-nhần (cách cười không hợp lễ).

**Nhấn** Tay nhấn dây đàn.

**Giận** Giận hờn.

**Nhận** Công-nhận, nhận lời, nhận thư, nhận đồ gửi tới, nhận vào trong lỗ, nhận xuống nước.

**Nhẫn** Nhẫn-tâm (nợ lòng), bất-nhẫn, cái nhẫn (đeo tay).

**Giấp** Sáng giấp-giới.

**Nhấp** Nhấp mắt lại, nhấp nhá (cách ăn uống luôn miệng).

**Giập** Đập giập ra (cho nhỏ cho mỏng).

**Nhập** (là vào) nhập hội, nhập giáo, nhập chung vào, xuất-nhập, nhập-cảng.

**Nhất** (là một), Nhất-định, nhất-thiết.

**Nhật** (là ngày), bất-nhật (chưa biết ngày nào), nhật-trình.

**Giâu** Cây giâu (cho tằm ăn), cuộc bể giâu.

**Nhâu** Bâu-nhâu (không được thẳng), nhâu mặt lại.

**Giầu** Bà giầu (người làm mai, mụ trùm đĩ), giầu cau.

**Nhầu** Con chó cắn nhầu người nào.

**Nhậu** (Tiếng một đôi xứ về tỉnh Bình-thuận, Khánh-hòa gọi như là ăn).

**Nhảy** Bảy-nhảy, lảy-nhảy, cù-nhảy.

**Giấy** Tờ giấy.

**Nhẩy** Đẩy nhẩy.

**48e**

**Nhe** Lúa nhe, nhắn nhe.

**Giè** Giè giữ không giè đâu...

**Nhè** Khóc bè-nhè.

**Nhé** (Tiếng dặn), anh đem cho tôi nhé !

**Nhẹ** Nặng-nhẹ, nhẹ-nhàng.

**Giẻ** Tấm giẻ rách.

**Giẽ** Đất giẽ xuống, (là nin xuống)

**Nhẽ** (Cũng là lẽ), nhẽ thường, không có nhẽ.

**Gièm** Gièm chê, gièm pha.

**Nhem** Lem-nhem, (không được rõ-ràng) nhem nhuốc.

**Nhèm** Lèm-nhèm, (chưa được tinh-thông).

**Nhẹm** Thu giấu không nhem.

**Nhen** Nhỏ-nhen, nhen lửa cho dỏ.

**Nhẽn** Ken-nhẽn, (cách lòi mặt gian-dối), ben nhẽn.

**Gieo** Gieo giống xuống đất, gieo lại (là trun nhỏ lại).

**Nheo** Nheo lại một con mắt.

**Gièo** Lửa gièo.

**Nhéo** Cắn nhéo (cách kiến cắn).

**Nhẹo** Chọc nhẹo.

**Giép** Giày giép.

**Nhép** Lép-nhép, (cách miệng nhai hay miệng nói), miệng nói nhóp-nhép.

**Nhét** Nhét lỗ lại cho kín, con cá nhét.

**49e**

**Nhẽ** Khóc bẽ nhẽ miệng.

**Giẽ** Giẽ miệng ra, giẽ môi ra.

**Nhếch** Nhếch miệng lên.

**Giền** Cây rau giền.

**Nhện** Con nhện (hay văng tơ).

**Nhếp** Bếp-nhếp (cách vật gì trít dính với nhau).

**Nhều** Nhều cợt, nhều nước miếng ra.

**50e**

**Nhi** Nam-nhi, (con trai), nữ-nhi, (con gái), gia-nhi (con trai tôi).

**Gì** Làm gì vậy ?

**Nhì** Hạng nhì, thứ nhì, nhất nhì.

**Nhí** Cái nhí, (một đầu cây nhiều).

**Nhị** Nhất nhị.

**Nhỉ** Làm chi thế nhỉ...

**Nhĩ** Nhĩ mục (tai mắt).

**Nhía** Nhắm nhía.

**Nhích** Nhúc-nhích.

**Nhiễm** Nhiễm bệnh, cảm-nhiễm, tập-nhiễm.

**Nhiệm** Trách-nhiệm, đảm-nhiệm, chủ-nhiệm, trọng-nhiệm.

**Nhiếp** Quyền nhiếp, nhiếp vị, (lên ngôi tạm).

**Giêng** Tháng giêng.

**Giếng** Cái giếng uống nước.

**Giết** Chém giết.

**Nhiết** Nhiết mắng.

**Nhiệt** (Là nóng), hàn-nhiệt, náo-nhiệt, nhiệt thiên, (tiết nóng), nhiệt-đới, nhiệt-thành, (lòng thành sốt-sắng).

**Nhiêu** (Là béo), phì nhiêu, nhiêu thân, nhiêu ấm, bao nhiêu, bấy nhiêu.

**Nhiều** Nhiều ít.

**Nhiễu** Phiền nhiễu, sách nhiễu, hà nhiễu, vóc nhiễu.

51°

| | |
|---|---|
| **Gio** | Gio ra phía ngoài, gio miệng ra, gio vô gio ra, mun gio, (mun tro). |
| **Nho** | Đạo-nho, chữ nho, nhà nho, nho nhã, rượu nho. |
| **Giò** | Cái giò gà, giò lỗ miệng ra. |
| **Gió** | Mưa gió. |
| **Nhọ** | Mặt nhọ (mặt lọ). |
| **Giỏ** | Cái giỏ (đựng đồ như lá giâu v. v.) |
| **Nhỏ** | Lớn nhỏ, nhỏ nhen. |
| **Nhóa** | Nhóa nhem (cách không minh-bạch). |
| **Nhọa** | Hăm nhọa, nhọa nạt. |
| **Nhoàm** | Râu bám nhoàm. |
| **Nhoáng** | Nhoáng qua một chút, loáng-nhoáng (không được rõ). |
| **Gióc** | Gióc tóc lại, gióc lòng ăn học, gióc miệng lên mà nói. |
| **Nhóc** | Nhóc đầu lên, nhóc đờm lên, nhóc-nhách miệng. |
| **Nhọc** | Mệt-nhọc. |
| **Nhòe** | Bè-nhòe (cách vấy và không được gọn gàng). |
| **Nhoèm** | Bèm nhoèm (không được sạch sẽ). |
| **Nhoét** | Lỗ miệng bét nhoét. |
| **Nhoi** | Nhoi cổ lên. |
| **Giọi** | Soi giọi, ánh sáng giọi vào. |
| **Giỏi** | Học giỏi. |
| **Nhom** | Ốm nhom. |
| **Nhóm** | Nhóm họp, nhóm hội. |
| **Nhỏm** | Nhỏm dậy, lỏm nhỏm. |
| **Giòn** | Giòn giã (cách ăn nói lanh bặt), giòn bở (hay gẫy). |
| **Nhòn** | Công việc đã nhòn (là đã gần hết). |
| **Nhón** | Đứng nhón dậy, nhón nhén. |
| **Nhọn** | Mũi dao nhọn. |
| **Giong** | Bộ chân giong (đặt dưới ghế ngựa). |
| **Nhong** | Cao nhong-nhỏng. Nhạc ngựa kêu nhong nhong. |
| **Giòng** | Giòng giả (cách dự-định trong ý). |
| **Gióng** | Đôi gióng (đề gánh nước), gióng phương-hướng. |
| **Nhóng** | Lóng nhóng (cách trông đợi). |
| **Giọng** | Giọng nói, giọng hát. |
| **Giỏng** | Lỏng-giỏng (dáng người cao). |
| **Nhỏng** | Nhỏng-nhảnh (cách làm bộ). |
| **Nhớp** | Miệng nhớp-nhép (hay nói) |
| **Nhót** | Nhót lại (là thu nhỏ lại). |

52°

| | |
|---|---|
| **Nhô** | Sóng nhô, nhô lên, nhấp-nhô |
| **Nhồ** | Con chó sủa nhồ ra. |
| **Giồ** | Ky giồ, ống giồ, giồ nước miếng. |
| **Nhồ** | Nhồ lên (cho khỏi đất). |
| **Giốc** | Mái nhà giốc. |
| **Giồi** | Cái giồi lợn. |
| **Nhồi** | Nhồi lại (cho mịn-màng), nhồi nhả. |
| **Nhối** | Đau nhức-nhối. |
| **Giội** | Sóng giội lên. |
| **Giồi** | Cây giồi. |
| **Nhồm** | Ngồi nhồm dậy, lồm nhồm (cách ngồi nằm không yên). |
| **Nhôn** | Cao nhôn. |
| **Nhộn** | Nhộn nhạo, nhộn nhàng. |
| **Nhông** | (Tiếng tục gọi chồng bằng nhông). |
| **Giống** | Nòi giống, giống nhau, giống như... |
| **Nhộng** | Con nhộng (con tằm hóa ra). |
| **Nhốp** | Lốp nhốp (cách sâu bò), nhi nhốp. |

**Nhốt** Nhốt lại (vào trong buồng).

**Nhột** Ngứa nhột trong mình.

**53°**

**Nhơ** Nhởn nhơ.

**Giờ** Giờ khắc, bây giờ, bấy giờ, (hồi đó).

**Nhờ** Nhờ cậy, nương nhờ.

**Nhớ** Nhớ thương.

**Giở** Văn chương giở ẩm, con người ương giở.

**Nhở** Nhở việc ra (tức là lỡ việc ra).

**Nhơi** Con bò nhơi cỏ.

**Giời** Giời đất, mặt giời.

**Nhời** Con nhời (có ánh sáng).

**Giới** Giới hạn (tức giải hạn), thế-giới, nam-giới, nữ giới, học giới, chánh-giới, nông giới, giới-thiệu (là dem chuyện hay người này tỏ với người kia), sáng giấp giới.

**Nhởi** Chơi nhởi.

**Nhởm** Lỗ miệng muốn nhởm, (là muốn ẩu ra)

**Nhớm** Ngồi nhớm dậy.

**Giởm** Nói giởm (nói phỉnh lừa cho người ta được mừng).

**Nhởm** Nói nhởm, (để nói nhạo người ta).

**Nhớn** Nhớn-nhác, to nhớn, (tiếng Bắc-kỳ gọi nhớn cũng như lớn).

**Nhợn** Đầy nhợn lên.

**Giởn** Chơi giởn, giởn khớt

**Nhởn** Nhởn nhơ, quả long nhởn.

**Nhớp** Dơ nhớp, nhớp-nhúa.

**Nhớt** Nước nhớt, đồ nhớt ra.

**54°**

**Nhu** (Là mềm), nhu-nhược, nhu nhuyến, nhu ác, (độc ác ngầm-ngầm).

**Nhù** Lù nhù, (cách non yếu như đàn bà).

**Nhủ** Nhủ bảo.

**Nhũ** Nhũ-phụ (mụ vú).

**Nhúa** Nhớp nhúa.

**Giũa** Cái dao giũa (của thợ cưa), cạo giũa.

**Nhuần** Thang nhuần, nhuần nhã.

**Nhuận** Thang nhuận, nhuận sức, (là trau giồi lại).

**Nhúc** Nhúc đông, nhúc nhắc, nhúc nhích, con sâu bò lúc-nhúc.

**Giục** Xúc giục, hối giục, giục giã.

**Nhục** Cốt nhục, (xương với thịt), sỉ nhục, (thẹn hổ), nhẫn nhục.

**Nhuệ** Tinh nhuệ (sắc xảo).

**Giui** Cái giui nhọn, (để đóng sách vở).

**Nhui** Nhui vào (cho sâu).

**Nhùi** Bồ nhùi xuống.

**Nhủi** Đám nhủi vào, cái nhủi, (dùng bắt cá).

**Nhúm** Nhúm lửa, (cho khỏi tắt), một nhúm lúa.

**Giun** Con giun, (loài trùng ở dưới đất).

**Nhun** Nhun mình, nói nhun, (là nói khiêm).

**Nhún** Nhún nhẩy.

**Nhung** Lộc-nhung, áo nhung, nhung nhăng.

**Nhúng** Nhúng tay vào nước.

**Nhũng** Nhũng lại, (ông quan tham lam), nhũng lại, (không được thẳng), phiền nhũng, công nhũng, việc quan nhiều), tham nhũng, nhũng tệ.

**Nhuốc** Xấu nhuốc, dơ nhuốc.

**Nhút** Nhút nhát.

**Nhụt** Nhụt chí, (không phấn trấn lên được).

**Nhụy** Cái nhụy hoa.

**Nhuyến** Nhu nhuyến (mềm mại), đồ tế-nhuyến.

**Nhuyễn** Nhồi bột cho nhuyễn.

**55e**

**Như** Hình như, giống như... như thế, như vậy.

**Nhừ** Đau nhừ, nấu cho nhừ.

**Nhử** Nhử cho con trùng ra.

**Nhựa** Nhựa cây, nhựa thông, dây nhựa.

**Giữa** Chính giữa, phía giữa.

**Nhức** Nhức đầu, nhức nhối.

**Nhưng** Nhưng từ, nhân nhưng, thế nhưng mà..

**Những** Chỉ những, những vật gì đó.

**Nhược** Nhu nhược, liệt nhược, nhược bằng ..

**Nhương** Nhương trừ, nhương tai.

**Giường** Cái giường nằm.

**Nhường** Kính nhường.

**Giượng** Ông giượng (tức ông trượng), cô giượng.

**Nhượng** Khiêm nhượng, lễ nhượng.

**Nhứt** (Tiếng Trung-kỳ gọi chữ nhất « là một » bằng chữ « nhứt »).

## TIẾNG SAI XỨ NAM-KỲ VÀ PHÍA NAM XỨ TRUNG-KỲ (VỀ TIẾNG VÔ-ÂM VÀ PHÁT-ÂM)

# VI. — Ha. A.

**56e**

**Ha** Ha ha (tiếng trẻ con khóc).

**A** A-dua, a-nịnh, châu A-phi-lỵ-gia.

**Hà** Giang-hà (sông và rào), hà-hải, hằng-hà sa-số.

**Há** Há phải, há có lẽ.

**Á** Á khanh, (chức quan khanh thứ hai), á-nguyên (cử-nhân thứ hai), châu Á-tế-á.

**Hả** Hả miệng, hả hơi, cười ha-hả.

**Ả** (Nhà quê gọi như tiếng chị).

**Hác** Câu hác (ngòi rãnh), hếch hác (cách lấc láo).

**Ác** Thiện ác, tội ác, ốc ác, ác nghiệt, con chim ác.

**Hạc** Khô hạc, con chim hạc.

**Hách** Hùng hách (hăm nhọa) hiền-hách, hách dịch (oai thế rực rỡ).

**Ách** Tai ách, ách vận, cái ách (deo cổ bò).

**Hạch** Thi hạch, khảo hạch, hạch truật, hạch-sách, mụt hạch, bệnh dịch hạch.

**Ạch** Thở ành ạch.

**Hai** Hai ba.

**Ai** Ai căng (thương xót), ai bi (là thảm thương), con ai đó? ai-tử (con mồ côi mẹ).

**Hài** Hài cốt, hài đồng (là thơ trẻ), hài hòa (là hòa-thuận).

**Hái** Gặt hái, hái bông.

**Ái** Ái-tình, nhân ái, tình ái, luyến ái, lệnh-ái (gọi con gái người ta).

**Hải** Hà hải.

**Ải** Ải quan, quan ải, ải tử (chết thắt cổ), ải hiệp (chật hẹp), đèo ải, đồn ải.

**Hãi** Hãi còn, hãi còn bé.

*(Còn nữa)*